**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Giảng Kinh Vô Lượng Lần Thứ XI**

**Quyển 45/60**

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Mục Lục

[Tập 441 2](#_Toc420943407)

[Tập 442 21](#_Toc420943408)

[Tập 443 41](#_Toc420943409)

[Tập 444 61](#_Toc420943410)

[Tập 445 81](#_Toc420943411)

[Tập 446 101](#_Toc420943412)

[Tập 447 121](#_Toc420943413)

[Tập 448 140](#_Toc420943414)

[Tập 449 162](#_Toc420943415)

[Tập 450 186](#_Toc420943416)

#

# Tập 441

Chuyển ngữ: Minh Tuệ
Biên tập: Liên Hải
Thời gian: 07.06.2011
Địa điểm: Tịnh Tông Cương Sơn – Nhật Bản

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi.

Mời quý vị xem *“Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”* trang 554, hàng thứ nhất, bắt đầu đọc từ câu thứ hai.

“*Lôi chấn, dụ giả*”, đây là thí dụ. “*Gia Tường Sớ* viết”: Tiếng sấm có thể làm cho động vật hữu tình sợ hãi. Vật ở đây là vạn vật, tình là tình thức. “*Ví như thuyết pháp làm lay động thức vô minh*”, lấy ý đó để làm thí dụ. Lại “*Tịnh Ảnh Sớ* viết: “Nổi lên tiếng sấm pháp lớn, dùng pháp vô ngại trí giáo hoá chúng sanh vậy.

“*Đường Dịch*” viết: Nổi tiếng sấm pháp lớn để khai ngộ tất cả. Điều nói trong kinh luận, Niệm Lão làm một tổng kết, tổng hợp những chú giải trên, “*Nói Phật Di đà thuyết pháp âm thanh như Phạn Thiên Vương, diễn thuyết pháp yếu, như tiếng sấm lớn, khai ngộ chúng sanh, đây là Phật Bổn sư tán thán Phật Di đà”.*

 Đây là những lời tán thán của Phật Thích Ca Mâu Ni đối với Phật A Di Đà. Phật A Di Đà giảng kinh thuyết pháp âm thanh vi diệu, nội dung phong phú, đích thực có thể giúp đỡ chúng sanh nghe pháp khai ngộ, khế nhập tự tánh. Có lợi ích công đức lớn như thế, cho nên Thế tôn tán thán Ngài.

 Chư Phật Như Lai tuyên thuyết pháp yếu, chưa từng ngơi nghỉ. Chân tướng sự thật này nếu như chúng ta có thể thể hội được, chứng đắc quả vị rốt ráo. Trong “*Kinh Hoa Nghiêm*” nói: Như Lai Diệu Giác, Ngài đã viên mãn khế nhập Đại bát Niết bàn. Cảnh giới Đại bát Niết bàn chính là Thường tịch quang tịnh độ mà Tịnh tông nói. Thường Tịch Quang ở đâu? Không nơi nào không có, không lúc nào không có, nó không có hình tướng, không có hình tướng chính là không có hiện tượng vật chất. Vì không có tướng nên nó không có hiện tượng tinh thần, nó cũng không có hiện tượng tự nhiên. Vì vậy, tuy không nơi nào không có, không lúc nào không có, nhưng sáu căn của ta không thể cảm nhận được, cái mà sáu căn có thể tiếp xúc được chắc chắn có hình tướng, không có hình tướng chắc chắn sẽ không cảm nhận được. Vì thế vấn đề này, trong kinh Đại thừa, Phật thường nói “*chỉ chứng mới biết*”. Quí vị chưa chứng đắc thì quí vị không biết, chứng đắc rồi quí vị sẽ rõ ràng ngay.

Thường Tịch Quang Tịnh Độ, khi đại sư lục tổ Huệ Năng khai ngộ đã nói năm câu, trong đó câu thứ ba chính là Thường tịch quang tịnh độ. Ngài nói: *Đâu ngờ tự tánh, vốn đã đầy đủ*. Tuy nó không có hình tướng nhưng quí vị không thể nói nó không có. Vì sao vậy? Vì nó có thể hiện hiện tượng, có thể hiện hình tướng thì không thể nói là không; hiện hình tướng nhưng không thể nói nó có. Hình tướng nó hiện ra đều không phải thật.

Trong “*Kinh Kim Cang*” có một ví dụ rất hay: “*Như mộng huyễn, bọt nước*”, đây là hiện tượng được hiện ra, không những chỉ lục đạo là thế, mà thập pháp giới là thế, chính là cõi Thật báo trang nghiêm của chư Phật Như lai cũng không ngoại lệ. Cho nên, nói tóm lại một câu: “*Phàm có hình tướng đều là hư vọng*”. Chỉ cần là thứ có hình tướng thì đều không phải thật, đều là hư vọng. Thứ chân thật thì không có hình tướng, không có hình cũng không có tướng, đó mới là thật. Nó sống động, không phải chết. Sống động ra sao? Nó cảm ứng đạo giao với chúng sanh, chúng sanh có cảm thì họ liền hiện tướng. Vậy khi nào chúng sanh không cảm? Có thể nói cảm của chúng sanh không bao giờ gián đoạn. Quí vị nghĩ có bao nhiêu chúng sanh? Tôi không khởi niệm thì người khác khởi niệm, người khác không khởi niệm thì quí vị khởi niệm, khắp pháp giới hư không giới có bao nhiêu chúng sanh đang khởi tâm động niệm! Nhiều người cảm như vậy, Diệu giác Như lai tất cả đều có ứng, không bỏ sót một niệm nào. Như thế chúng ta liền biết được, chư Phật Như Lai ứng cảm của chúng sanh chưa lúc nào gián, bởi vì cảm của chúng sanh chưa bao giờ dứt, Phật ứng không gián đoạn. Cho nên trong cõi Thường Tịch Quang vẫn mãi xuất hiện hiện tượng “*mộng huyễn, bọt nước*”, nó sẽ không gián đoạn, nó là một thứ tương tự tướng tương tục. Giống như chúng ta mở màn hình ti vi, trên màn hình ti vi những hình ảnh xuất hiện trên màn hình ti vi, liên tục không gián đoạn, la cùng một đạo lý như vậy. Tự tánh pháp vốn như vậy, pháp này vốn hình dánh là như vậy. Quí vị phải nhận thức rõ việc này.

Trong tất cả các hiện tượng, chỉ cần quí vị không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, thì không có chuyện gì cả, nó không chướng ngại quí vị chút nào cả. Tướng không trở ngại tánh, tánh cũng không trở ngại tướng, tánh tướng vô ngại, điều này vi diệu!

Tánh tướng không rời nhau, tánh tướng nhất như, gọi là như như. Bồ Tát tuy đã minh tâm kiến tánh, họ vẫn còn tập khí vô minh, tập khí không dễ đoạn được, cho nên họ còn phải cảm Phật thuyết pháp cho họ. Phương pháp Phật thường sử dụng với các vị Bồ tát là phóng quang. Nếu lợi căn, vừa tiếp xúc với ánh sáng, nghiệp chướng của họ liền tiêu trừ, họ liền giác ngộ, đó là lợi căn. Nếu ba căn thượng, trung, hạ không ổn, Ngài liền cảnh giác họ, nhưng cách cảnh cáo này không giúp họ khai ngộ, nên Phật Phải thuyết pháp, thuyết pháp là giúp đỡ những người thượng, trung, hạ căn; phóng quang là chuyên dùng cho những người thượng thượng căn.

Kinh là những lời Phật dạy, chú là những lời của đại đức tổ sư. Cách giảng của Phật và Tổ sư Đại đức đối với những câu kinh văn này, đều được trích dẫn ở đây. Tổng hợp cách nói ở trên, thì âm thanh thuyết pháp của Phật A Di Đà giống như tiếng Phạn Thiên Vương, giống đại Phạn Thiên Vương, diễn nói pháp yếu.

Thế nào là pháp yếu? Tức là giúp đỡ những Bồ tát đến cầu pháp, họ nghe được, thấy được, tiếp xúc được, lập tức họ có thể khai ngộ ngay, pháp như thế gọi là pháp yếu. Vì thế pháp yếu không phải chỉ một loại nào, pháp yếu là nhiều phương diện. Khế cơ khế lí thì gọi là pháp yếu, khế lí không khế cơ, không phải là pháp yếu; chỉ khế cơ mà không khế lí, cũng không phải là pháp yếu, nhất thiết phải khế lí khế cơ, khế hợp thời cơ lúc đó, không phải quá khứ, không phải vị lai, mà ngay lúc đó. Thính chúng hiện tiền, nói theo cách ngắn gọn nhất, họ nghe hiểu, nghe rõ ràng, họ giác ngộ rồi, thực sự y giáo phụng hành.

Vì thế Bồ tát nghe pháp mà khai ngộ gọi là tam tuệ, khác với Tiểu thừa, Tiểu thừa gọi là tam học, tam học giới, định, tuệ. Tam học giới định tuệ có thể chia thành những thứ lớp. Học giới trước, sau đó đắc định, cuối cùng khai ngộ, đó là tam học giới, định, tuệ. Bồ tát Đại thừa không như vậy, Bồ tát Đại thừa thì văn, tư, tu một niệm hoàn thành.

Văn là nghe pháp, nghe Phật giảng kinh thuyết pháp, gọi là văn. Vừa nghe liền hiểu ngay, rõ ràng gọi là tư. Không phải sau khi nghe rồi phải suy nghĩ, nghĩ là suy nghĩ lung tung, càng nghĩ càng sai, không nên nghĩ. Cho nên hiểu rõ gọi là tư, dùng tư đại biểu, họ đã hiểu rõ rồi, vừa tiếp xúc liền hiểu được. Tu là gì? Nghĩa là phiền não, vọng niệm của họ không còn nữa, đó gọi là tu. Vì vậy văn, tư, tu hoàn thành cùng một lúc. Trong văn có tư, tu; trong tư có văn, tu, trong tu có văn, tư. Nó là một mà ba, ba mà một, nó không thể phân chia được, đó gọi là Tam tuệ.

Đích thực có người tu học hiểu sai về Tam tuệ. Trước đây, rất lâu rồi, tôi tham dự buổi giảng chuyên về Phật học của pháp sư Đạo An, lão pháp sư mời tôi đảm nhiệm tổng chủ giảng trong khoá đó, bởi vậy thời gian tôi lên lớp khá nhiều, những lúc đông đúc nhất, học trò của chúng tôi gần tám trăm người, qui mô tương đối khả quan. Ở Đài Loan từ Đài Trung đến Đài Bắc trở lên, những học sinh của các trường đại học tham gia rất nhiều. Một hôm có một học sinh đến nói chuyện với tôi, nữ sinh, cô ấy nói: Thưa pháp sư, từ ngày mai con không muốn lên lớp nữa. Tôi nói vì sao vậy? cô ấy nói, cô ấy hiểu tam tuệ của Bồ Tát, “*Con đã nghe giảng kinh hơn hai năm rồi*”, con đã rõ rồi. Cô ấy hiểu sai về ý nghĩa của tam tuệ. Nghe hai năm, tất cả đều là văn, nhất định phải trở về để tư, nên cô ấy không đến nữa, cô ấy về nhà để suy tư, sau khi tư xong cô mới từ từ tu. Đại khái là như vậy, tôi đã nhìn thấy rõ ràng rồi. Tôi bèn hỏi cô ấy: Vậy giờ học hôm nay con có muốn nghe không? Cô ta trả lời: muốn nghe, giờ học hôm nay con muốn nghe. Giờ học hôm đó tôi chuyên giảng về văn tư tu. Tất cả đề hiểu sai hết! Đó là Bồ tát, cô ấy không phải Bồ tát. Bồ Tát văn tư tu là trong một niệm viên mãn thành tựu, không có giai đoạn. Cô nghe được hai năm, tôi nói hai năm đó cô nghe kinh, về nhà lại mất hai năm nữa, suy nghĩ lung tung. Sau khi suy nghĩ lung tung rồi, cô lại tu tập mù mờ, không phải quí vị đã chà đạp phương pháp tu hành của Bồ tát sao? Đây là Bồ tát gì đâu! Ngay cả pháp Tiểu thừa cũng không bằng.

Khi tan học, tôi lại hỏi cô ấy, tôi nói ngày mai có đến nữa không? Cô trả lời có, cô ta đã hiểu rõ rồi. Cho nên ý nghĩa của danh từ thuật ngữ, quả thật là sai một li đi một dặm, nhất định không thể làm sai. Vì vậy, Pháp yếu không phải là một pháp nhất định, dùng phương pháp nào giúp quí vị giác ngộ ngay, khế nhập, đó gọi là Pháp yếu.

“*Như tiếng sấm lớn*”, đây là hình dung pháp yếu có oai lực lớn như vậy, tại sao? Quí vị đang mê hoặc điên đảo, khi nghe tiếng sấm lớn làm quí vị tỉnh lại, quí vị giác ngộ, đại triệt đại ngộ, như thế gọi là tiếng sấm. Hình dung oai lực của lời thuyết pháp khế cơ, giúp chúng sanh nhập ngay vào tri kiến Phật, “*khai ngộ tất cả*”, thông đạt tất cả các pháp. Vấn đề này, đây là Phật mới có thể làm được, không phải Phật thì không làm được, Bồ tát bình thường không làm được. Pháp thân Bồ tát chính là Phật, Pháp thân đại sĩ địa vị bốn mươi mốt có thể làm được. Đây là lời Phật Thích Ca Mâu Ni tán thán Phật A Di Đà.

Đoạn tiếp theo, “*Bát âm sướng diệu thanh*”, đây cũng là lời tán thán, “*cũng lại như vậy*”, cũng là hai câu đầu trong bài kệ tụng tán, “*Phật ngữ Phạn lôi chấn, bát âm sướng diệu thanh*”, đây là hai câu Thế tôn tán thán. Tiếp theo là lời của Phật Di đà tự nói. “*Bát âm*” là khen ngợi tám thứ âm thanh mà Như lai có được. Tám thứ âm thanh này vốn đầy đủ trong tự tánh, vốn đã có rồi, sau khi mê mất tự tánh thì tám thứ âm thanh này đều không còn, việc vắng mặt này không phải là mất thật sự, giáo lí Đại thừa gọi là mê mất, bởi vì quí vị mê mất tự tánh, nên âm thanh đó cũng ẩn, nó không phát huy tác dụng, lúc nào giác ngộ rồi nó lại có mặt. Bởi thế vấn đề cốt yếu trong Phật pháp là cầu giác ngộ, khi đã giác ngộ rồi thì trí tuệ của ta có mặt, năng lực của ta có mặt, tám thứ âm thanh là năng lực, thuộc về đức năng, tướng tốt cũng hiện ra.

Cầu Phật, học Phật là học những gì? Không thể mù mờ được, nói gọn một câu, khôi phục bản năng của chúng ta. Những gì giáo lí Đại thừa nói hoàn toàn không ngoài những thứ này, trong kinh Phật thường dạy: ***“****Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm”,* chỉ cần quí vị thấy tâm, kiến tánh thì vạn sự vạn pháp quí vị hoàn toàn thông đạt rõ ràng, quí vị không còn chút chướng ngại nào, đây tuyệt đối không phải là thần thoại. Chướng ngại lớn nhất của người học Phật ngày nay là hoài nghi, là không tin tưởng. Điều trong kinh Phật nói, bản thân chúng ta vốn có đủ, nhưng ta không tin. Quí vị không tin tưởng thì làm sao quí vị chịu học? Quí vị làm sao chứng đắc? Tu học Phật Pháp điều kiện cơ bản là niềm tin, vì vậy “*Niềm tin là mẹ của các công đức*”. Tin không phải tin người khác, mà là tin chính mình, tin mình vốn là Phật, tin tự tánh của mình vốn có đức tướng trí tuệ giống như đức Như lai, không thua kém gì cả, chư Phật Như lai có gì thì quí vị có cái đó, Phật A Di Đà có cái gì thì quí vị có cái đó, quí vị không kém các ngài thứ gì cả, điều đầu tiên là phải tin như thế. Tôi mê mờ thì những thứ tôi có không thể hiện tiền, Phật đã giác ngộ nên những thứ ngài có đều hiện tiền rồi, chúng ta phải thỉnh giáo với ngài, Ngài làm sao khai ngộ, mong ngài giúp chúng ta khai ngộ, giúp chúng ta cũng có thể chứng được đức tướng trí tuệ viên mãn trong tự tánh, chỉ như thế thôi, đó gọi là học Phật.

Phần trước chúng ta đã biết, ở thế giới Cực lạc Phật A Di Đà đã thọ kí cho Bồ tát trong mười phương. Thọ kí chính là ấn chứng, tức chứng minh cho các vị Bồ tát, rằng nhất định ông sẽ làm được. Những người phàm phu chúng ta, Phật cũng có thể thọ kí cho chúng ta, ấn chứng cho chúng ta không, phàm phu không có năng lực đó, điều này là người học Phật đồng học không thể không biết. Cảnh giới tu học của chúng ta, mời một người đến ấn chứng, Tổ sư đại đức ngày xưa có thể ấn chứng cho quí vị. Vì sao vậy? Vì các bậc ấy đã chứng đắc rồi. Đại sư Huệ Năng thỉnh Tổ Hoằng Nhẫn ấn chứng cho Ngài, điều đó đúng.

Ngày nay đích thực ở trong nước cũng như nước ngoài có không ít người, họ bảo là họ đã chứng một quả vị nào đấy, ai ấn chứng cho họ? Họ bảo pháp sư Tịnh Không ấn chứng cho họ, đúng là nói năng bậy bạ! Bản thân tôi chưa khai ngộ, ngay sơ quả cũng chưa chứng đắc, tôi có tư cách gì để ấn chứng cho người ta? Tất cả là giả dối, không phải thật. Đầu óc nên thông minh lên một chút, đừng để người khác lừa. Ngày nay những chuyện lừa bịp đầy rẫy, nhiều lắm.

Ngày trước khi tôi ở Hồng Công, ông Diệp Tiểu Văn, cục trưởng cục Tôn giáo, rất thân với tôi. Vào một buổi sáng, khi đang dùng điểm tâm, ông ta nói với tôi: Trong nước có rất nhiều người lợi dụng tên tuổi pháp sư, huyênh hoang lừa bịp, những chuyện này thầy không biết. Tôi thực sự không biết! Họ điều tra rất rõ ràng. Ông ta cho biết chính phủ của ông sẽ xử lí. Tôi nói như thế tốt quá, cảm tạ quí vị. Chuyện này, nếu xét về khía cạnh nhân quả thì thật là không tốt. Lợi dụng tên tuổi của tôi để lừa bịp thiện nam tín nữ, tội này rất nặng. Tôi không bảo họ làm, họ tự tiện làm, lấy danh nghĩa của tôi để lừa đảo, quả báo trong tương lai đều ở địa ngục, rất không tốt! Sao lại đi làm những chuyện ngu ngốc như vậy? Vì tín đồ mê hoặc điên đảo, không nghiên cứu kinh điển, cho nên quí vị mới bị mắc lừa, quí vị bị người khác lừa. Nếu quí vị thông hiểu rõ ràng về kinh giáo, quí vị vừa nghe người ta nói, liền biết đó là thật hay giả, sẽ không bị lừa, không bị mắc lừa được. Cho nên giả danh, hư danh của tôi, lúc bị người khác mang đi tạo tội, tôi cũng có một phần lỗi. Tôi không có tội, chỉ có lỗi, họ mang tội, tôi có lỗi. Đây có phải là điều tốt với tôi? Không phải vậy, đây là hại tôi. Đây không phải tôn kính tôi, mà lấy tôi làm chiêu bài để lừa người khác.

Học Phật là học trí tuệ, học thông minh, làm sao càng học lại càng dốt, càng học càng ngu si! Suốt ngày bị lừa, thường xuyên bị mắc lừa, đây là một sai lầm nghiêm trọng. Trong thời kì Mạt pháp, chúng ta tự mình tu học, tự mình phải nghĩ xem chính xác hay không, nên tìm người ấn chứng cho, có thể, cần như vậy. Tìm ai? Tìm kinh điển, kinh điển ấn chứng cho chúng ta. Điều này tôi đã nói bao nhiêu năm nay rồi. Kinh luận ấn tri kiến của chúng ta, cách nhìn, cách nghĩ của chúng ta có sai lầm không. Mở kinh luận ra xem, thấy tương ưng với những điều kinh luận viết, đó là chính xác; không tương ưng với những gì trong kinh luận nói, vậy là sai lầm. Dùng cách này để ấn chứng. Dùng giới luật để ấn chứng hành vi chúng ta; lời nói của chúng ta; cử chỉ, hành động của chúng ta, giới luật làm ấn chứng. Cho nên tam tạng kinh điển chính là thứ ấn chứng cho chúng ta. Giúp chúng ta học tập, đồng thời ấn chứng cho chúng ta. Nếu như lời nói, việc làm tương ứng với giới luật, thì đó là chánh ngữ, chánh hạnh. Suy nghĩ, kiến giải của ta tương ứng với kinh luận, thì quí vị đã chánh tri, chánh kiến, Phật tri, Phật kiến, như thế là đúng, chứ đừng tìm người. Người, đúng là chân nhân không lộ tướng, lộ tướng thì không phải chân nhân, chân nhân có thể gặp nhưng không thể cầu. Nếu họ tự đến nói: Tôi là Phật gì đó tái lai, là Bồ Tát gì đó tái lai, thì đó toàn lừa bịp, không có chuyện đó đâu! Họ nói xong bèn đi ngay đó mới thật, không phải giả, vì sao? Vì họ không lừa người, thân phận nói ra rồi, họ liền đi, vãng sinh rồi, quí vị có tìm cũng không tìm được họ nữa, đó mới là thật. Nói xong còn ở lại, đó là lừa người, không phải thật.

Có người hỏi tôi: nói có một số người nói, người nào đó là Bồ tát gì đó tái lai, Phật gì đó tái lai, nhìn họ tu hành cũng được, thực sự họ là người tu hành tốt, cách giải thích này rất đơn giản, kinh luận đã nói hết rồi. Trong “Kinh Hoa Nghiêm”, đức Phật thường nói: “*Tất cả chúng sanh vốn là Phậ*t”. Họ nói ngươi là Phật tái lai cũng không sai, quí vị vốn là Phật. Đại sư Thiên Thai nói “lục tức Phật” tức là sáu loại Phật: thứ nhất là “*Lí tức Phật*”, tức là vị Phật chúng ta vừa nói, nói về lí thì tất cả chúng sanh vốn là Phật, điều này đích thực là thật, không phải giả. Nhưng hiện tại quí vị đang mê, mê rồi quí vị trở thành phàm phu. Phàm phu là gì? Thêm hai chữ đằng trước nữa, hồ đồ Phật. Tất cả chúng ta đều là Phật hồ đồ, cũng là Phật nhưng mê hoặc điên đảo, ở đây tạo nghiệp thọ báo, đây là Hồ đồ Phật.

Phật thứ hai, đại sư Trí Giả gọi là “*Danh tự Phật*”, hữu danh vô thực, chỉ trong danh tự, Danh tự Phật. Quí vị thọ giới Bồ tát, quí vị là danh tự Bồ tát, hữu danh vô thực. Người như thế rất nhiều, ở đâu cũng thấy.

Phật thứ ba có tên “*Quán hạnh Phật*”, là người tu hành thật sự, tuy họ chưa đoạn hết tập khí phiền não, nhưng họ chân tu, thật sự nương theo giáo pháp tu hành, họ học Thập thiện nghiệp đạo, học Tam quy ngũ giới, học lục Ba la mật, họ thật tu, đây gọi là Quán hạnh. Có công phu quán hạnh, nếu tu pháp môn Tịnh độ thì họ có thể vãng sinh vào cõi Phàm thánh đồng cư, quán hạnh tức. Nâng cao quán hạnh, nâng lên một bước chính là tương tự, tuy không phải thật nhưng rất giống, đó chính là họ tu tập rất tốt. Vì sao không phải là thật? Vì họ vẫn còn dùng vọng tâm, cũng tức là họ còn dùng A lại ya, dùng tám thức năm mươi mốt tâm sở. Họ đã đạt đến địa vị nào rồi? Đã đạt đến Bồ tát, Phật trong mười pháp giới. Họ chưa chuyển thức thành trí, cho nên gọi “*tương tự tức Phật*”, rất giống. Tuy dùng là vọng tâm nhưng hoàn toàn y theo kinh, luật, luận để tu hành, tu rất giống, nên gọi “*tương tự tức Phật*”. Lên một bậc nữa gọi là “*Phân chứng tức Phật*”, đó là thật. Họ không dùng A lại ya nữa. Chúng thường nói chuyển phàm thành thánh, cũng chính là chuyển A lại ya thành Tứ trí Bồ đề. Đó là người nào? “*Kinh Hoa Nghiêm*” là bậc Viên giáo sơ trú trở lên. Đây là Pháp thân đại sĩ. Gọi “phân chứng” là vì họ chưa chứng đắc viên mãn, viên mãn chỉ có địa vị Diệu giác. Phân chứng là từ Sơ trú đến Đẳng giác, bốn mươi mốt vị thứ, bốn mươi mốt vị thứ đó đều gọi là “phân chứng Phật”. Viên mãn gọi là Diệu giác Phật, “*Cứu cánh Phật”.*

Đại sư Thiên Thai đã giới thiệu cho chúng ta sáu loại Phật, mỗi người chúng ta đều là hai trong đó, nói một cách phổ biến là một loại, tức là “lý tức Phật”. Trên lý mà nói, tất cả chúng sanh vốn là Phật. Điều này không sai tí nào, không nói sai, cũng không phải là lời nói dối. Nhưng từ sau khi mê rồi, tu tập trở lại phải trải qua từng giai đoạn. Vì thế, nếu không phải chân tu, không phải chân hành, chân tu, chính là “Danh tự tức Phật”, gọi là hữu danh vô thực.

Cổ đức thường nói: “Danh tự trung nhân”. Tức là nói tôi tu hành không có công phu, không tu được tốt. Tôi vẫn đang ở địa vị nào? Địa vị danh tự, hữu danh vô thực. Địa vị danh tự vẫn còn làm việc luân hồi trong lục đạo. Nói cách khác, vẫn chưa thoát khỏi tam đồ khổ báo, đến Quán hạnh mới có thể nói sẽ không đọa lạc ác đạo, họ không gặp Tịnh độ, không tu Tịnh độ, họ không ra khỏi luân hồi lục đạo, phần nhiều trở lại nhân gian hay cõi trời, hai cõi trời người đó, bởi họ chân tu. Những lời giáo huấn của Tổ sư đại đức chúng ta phải ghi nhớ, không thể bị lừa, không thể bị người khác lừa gạt. Đặc biệt trong thời đại ngày nay, thời đại này là thời đại lừa bịp, có ai chưa từng gạt người khác? Tự hỏi mình xem đã lừa gạt ai chưa?

Thập thiện nghiệp đạo điều nào cũng chưa làm được. Không sát sinh, khi ghét bỏ liền giết. Tuy không giết nhưng trong suy nghĩ đã có ý niệm đó. Giống như ruồi, muỗi, thì khỏi cần phải nói, nó mới chích quí vị một cái, liền đập một cái chết luôn. Đó là sát sinh. Trộm cắp có không? Chỉ nghĩ lợi dụng người khác một chút chính là trộm cắp. Báo thuế, nghĩ xem kẽ hở của pháp luật có thể báo ít một chút được không, đó là trộm cắp, trộm thuế nhà nước. Phải cắt đứt ý niệm lợi dụng này, thì tâm trộm cắp mới đoạn được. Lúc vẫn còn chút ý niệm này, thì tâm trộm cắp vẫn chưa hết. Vì thế quí vị phải cẩn thận suy nghĩ, Thập thiện nghiệp đạo mỗi điều đều không dễ làm, mỗi điều đều phạm, ttam qui ngũ giới cũng không còn nữa, toàn là danh tự, hữu danh vô thực. Bởi vì Thập thiện nghiệp đạo là nền tảng để làm người, Thập thiện nghiệp đạo tất cả đều phạm, thì điều kiện làm người cũng chưa đủ, làm sao có thể học Phật? Điều kiện để học Phật là làm người cho tốt. Cho nên điều đầu tiên của Tịnh nghiệp tam phước là điều kiện cơ bản để học Phật. Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu thập thiện nghiệp, có điều kiện này mới có thể thọ tam qui, thọ tam qui ngũ giới, “*đầy đủ tất cả các giới, không phạm oai nghi”*.

Thập thiện nghiệp là nền tảng, bởi thế tự mình đối với bản thân phải rõ ràng, phải thấu đáo, học Phật không thể xa rời kinh điển. Phật là giáo dục, đạo tràng là trường học, có lý gì đến trường mà không lên lớp, làm gì có ngôi trường như thế! Nhất định phải biết, Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, 49 năm giảng kinh dạy học, chưa một ngày ngơi nghỉ, chưa một ngày nghỉ dạy, vì ngài dạy học! Không có pháp hội, trong kinh nói pháp hội là mở lớp dạy học, là hoạt động này, đến học tập Phật Pháp, gọi là pháp hội. Ngày nay toàn biến chất rồi. Nếu chúng ta thực sự học Phật, ngày trước tôi là người nỗ lực thực hiện một lời dạy của thầy giáo. Thầy nói với tôi: Triết học Phật giáo nằm ở trong kinh điển, không phải trong chùa chiền, bảo tôi tìm kinh điển, họct tập từ trong kinh điển. Lời chỉ dạy này vô cùng quan trọng, giống như học ở trường vậy, quí vị không thể xa rời sách giáo khoa, nếu quí vị xa rời sách vở thì quí vị học cái gì? Chư Phật Như lai sở tu, sở chứng, truyền lại, tất cả đều trong kinh điển, xa rời kinh điển chính là xa rời Phật pháp, mà bỏ rơi Phật pháp thì cùng lắm là học tập chữ nghĩa, hữu danh vô thực, đó không phải chân thực. Cho nên lợi ích đích thực của Phật pháp nhất định phải thực hành. Hai chữ “pháp yếu” vô cùng quan trọng, trong thời đại ngày nay của chúng ta, pháp yếu của chư Phật Như lai là gì? Là “*Kinh Vô Lượng Thọ*”, chính là pháp môn niệm Phật, vì sao vậy? pháp môn này nếu quí vị có được, quí vị thực sự tu học, quí vị sẽ thành tựu, quí vị thành tựu viên mãn ngay trong đời này. Quí vị tu pháp môn khác không chắc chắn lắm, không thể bảo đảm. Pháp môn này có thể bảo đảm quí vị sẽ thành tựu ngay trong kiếp này.

Tám thứ âm thanh mà Như lai có được, vốn sẵn có nơi tự tánh. Trong “*Kinh Phạn Ma Dụ*” có nói: tám âm là: thứ nhất, tiếng hay nhất, tiếng nó ai diệu, âm thanh này nghe hay, giống như âm nhạc vậy. “Ai” trong Trung Quốc cổ đại gọi là Nhã nhạc, phần nhiều là lời ca được xướng trong tế điển. Thứ hai, âm thanh dễ hiểu, ngôn từ dễ hiểu, không phải quá thâm sâu, quí vị nghe đều có thể nghe hiểu được, nếu nghe không hiểu, thì không thể sản sinh hiệu quả giáo hoá chúng sanh, nhất định phải giúp chúng sanh hiện tiền nghe hiểu được. Điều này chúng ta phải biết.

 Giảng kinh, giảng cho ai nghe? Giảng cho đại chúng hiện tại nghe, đại chúng hiện tại trình độ như thế nào? Quí vị giảng sâu quá họ nghe không hiểu, nghe không hiểu không phải đã phí công rồi sao? Thời đại chúng tôi, lúc mới xuất gia làm một chú tiểu, có một vị pháp sư lớp trước, có một vị pháp sư giảng “*Kinh Lăng Nghiêm*”, ngài y theo chú giải cũ để giảng, rất nhiều thính chúng nghe không hiểu, tuy rất cung kính lão hoà thượng, cung kính lễ bái cúng dường, lão hoà thượng coi họ là thượng khách, đó là những người giàu có, quí nhân thành đạt, lão hoà thượng tiếp đón họ. Những người đó thưa: Bạch hoà thượng, kinh điển ngài giảng thật là hay, đáng nhưng tiếc thay bọn con không hiểu được. Lão hoà thượng rất đắc ý, kinh tôi giảng nếu quí vị đều nghe hiểu, vậy có còn giá trị không? Quí vị xem cách đối đáp rất thú vị, nghe rất thú vị. Kinh giảng mà nghe không cũng giống như không giảng rồi, nghe hiểu được gọi là khế cơ, họ nghe không hiểu, lí quí vị không giảng sai, nhưng quí vị không khế cơ. Khế lí không khế cơ, đó chính là hiện nay chúng ta nói lời vô ích; khế cơ không khế lí, đó gọi là lời ma quỷ, lời của yêu ma quỉ quái, không phải lời của Phật. Điều tôi giảng, quí vị rất dễ hiểu. Hiện nay người vừa nghe liền hiểu rõ. Một người nói lời quỷ quái, một người nói lời vô ích, không phải lãng phí thời gian sao?

 Về lí không nói sai, lời lẽ mọi người đều có thể nghe hiểu, như thế mới hiệu quả, mới có thể nói là đại chúng được lợi ích. Vì vậy, lời lẽ hiểu được, ngôn từ dễ hiểu quan trọng.

Thứ ba, thanh âm điều hoà, lớn nhỏ vừa đủ, người nghe dung hoà, tự nhiên hiểu được lý trung đạo, câu này thật không dễ. Thực sự chỉ người minh tâm kiến tánh, những người đại tu hành mới có công phu này, người bình thường không làm được. Âm điệu hoà nhã, âm lượng vừa phải, khiến người nghe có thể cảm nhận được cái gọi là “ý tại ngôn ngoại”, người nói nếu như có công phu, người nghe cũng có trình độ, chưa có trình độ này thì người nghe, vẫn là thành kính như đại sư Ấn Quang đã nói. người tâm tình hời hợt, Phật đến giảng cũng vô ích. Người không có tâm cung kính thì sẽ hoài nghi Thánh giáo, vậy thì vô cùng khó khăn. Bản thân họ có chướng ngại nghiêm trọng.

Thứ tư, âm thanh nhu nhuyến, tiếng nghe nhẹ nhàng, người nghe hoan hỉ, bỏ ý ương ngạnh, tự nhiên lề lối. Vấn đề này, người thế gian chúng ta có thể làm được. Hợp với âm thanh nhu hoà đã nói ở trên, trong “Hoàn Nguyên Quán” hướng dẫn chúng ta xử sự, tiếp vật, đối đãi mọi người phải nhu hòa chất trực. Chất trực chính có chúng ta khi xử sự, đối người, tiếp vật phải dùng chân tâm, thái độ cần nhu hoà. chúng ta thường nói bình dị dễ gần, đối đãi người bình đẳng. Bản thân thực sự có thể khiêm cung, có thể tôn trọng người khác, cư xử bình dị với mọi người, đây là thái độ cơ bản của việc đối nhân xử thế, Bồ tát đều có đủ điều này.

Thứ năm, “không ngộ thanh”, ngộ là sai lầm, tức là sai, lời lẽ không có sai sót, người nghe ai nấy được chánh kiến, lìa được 95 loại sai lầm của ngoại đạo. 95 loại sai lầm của ngoại đạo, sau này chúng ta sẽ nói đến. “Kinh Hoa Nghiêm” và “Kinh Bát Nhã” nói 96 thứ ngoại đạo, còn một loại kia từ đâu mà có? Loại đó trong Phật Giáo gọi là A la hán. Quí vị xem, trong giáo lí Đại thừa coi A la hán là ngoại đạo, là ngoại đạo thứ 96, vì sao vậy? Đó là Phật pháp nhưng là Phật Pháp Tiểu thừa. Nếu chấp trước Tiểu thừa, không còn phấn đấu nữa liền gọi là ngoại đạo. Lúc Tiểu thừa tốt nghiệp, nhất định phải hồi tiểu hướng đại, phải vào Đại Thừa, vậy là đúng rồi. Nhưng Tiểu thừa là đã hài lòng rồi, vậy là sai rồi.

Thứ sáu, không nói tiếng người nữ, tiếng nói mạnh mẽ, người nghe kính phục, người nghe được tôn kính quí vị, phục quí vị ,“ngoại đạo qui thuận”, ma vương ngoại đạo nghe quí vị thuyết pháp, đều mong muốn đến quy y, đều tình nguyện học tập quí vị. “thuận” có nghĩa là học tập theo quí vị.

Thứ bảy, âm thanh tôn tuệ, tiếng nói nghiêm túc, uy nghiêm, có sự nghiêm túc, “thế nhân tôn trọng”, tức là người trong thế gian đặc biệt tôn trọng quí vị, “âm thanh của người có trí tuệ, người nghe tôn trọng”, người có trí tuệ, lời nói của họ làm cho người nghe đều tôn trọng, đều hoan hỉ. Vì sao vậy? Những gì người trí nói ra đều là chánh luận, không phải là thừa, không có tri kiến sai lầm, khiến người nghe được, quí vị xem, “*trí giải khai lãng*”, nghe được hoan hỉ. Người khai ngộ tất nhiên không vấn đề gì, những người chưa khai ngộ phải làm sao? Đọc nhiều kinh sách là được, quí vị thường đọc, đọc nhiều rồi ấn tượng càng sâu sắc, tri kiến sai lầm của có thể liền ít lại; chánh tri, chánh kiến nhiều thêm. Đây chính là chúng sanh trong pháp giới Tứ thánh. Tuy họ vẫn còn dùng bát thức 51 tâm sở, dùng vọng tâm, nhưng ngày ngày họ không rời kinh giáo, mỗi ngày đều đang học tập, nên học tập rất giống, Thiên Thai đại sư gọi họ là tương tự tức Phật, họ rất giống Phật, không phải Phật. Không phải Phật là sao? Phật dùng chân tâm, họ dùng vọng tâm, họ không dùng chân tâm, nhưng trong vọng tâm toàn là Phật pháp.

Tuy là vọng tâm nhưng dường như là thật, thế nên Tứ thánh pháp giới gọi là tương tự tức Phật. Bốn cấp bậc: Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật. Ở thế giới Cực lạc phương Tây là cõi Phương tiện hữu dư, đây là lời trí tuệ được tôn trọng.

Thứ tám, tiếng sâu xa, tiếng họ sâu xa, giống như tiếng sấm, người nghe đều chứng được nghĩa lí sâu xa. Điều này cũng chỉ Phật mới có, người bình thường không có, âm thanh của họ chấn động lòng người, có thể phá tan phiền não, có thể khiến người khai mở trí tuệ. Đây là điều trong “*Kinh Phạm Ma Dụ*” nói.

Tiếp theo, “Lại tám âm thanh, sư Gia Tường nói: Thứ nhất là “vang”, thứ hai, “thấu triệt”, vang là âm thanh vang dội. Thứ hai là triệt, triệt là thuộc về rõ ràng, thông thường chúng ta nói thanh triệt, nghĩa là thanh tịnh rõ ràng. Thứ tư là mềm mại, thứ năm là ai, thứ sáu là lượng, thứ bảy là hoà, thứ tám là nhã, đây là lời của sư Gia Tường.

“Sướng là nói, nói rõ”, như kinh “A Di Đà”nói, kì âm diễn sướng, ngũ căn, ngũ lực..., đây là những lời trong “Kinh A Di Đà” Phật Thích Ca Mâu Ni tán thán Phật A Di Đà. Kì âm diễn sướng, những giáo nghĩa cơ bản của thế giới Cực lạc, ngũ căn ngũ lực, thất bồ đề phần, bát thánh đạo, đây là những điều thường nói ở cõi Phàm thánh đồng cư.

“*Âm thanh vi diệu là âm thanh diệu pháp, Di đà đầy đủ bát âm để diễn thuyết diệu pháp, nên nói bát âm sướng diệu thanh*”. Câu này tán thán sự viên mãn của âm thanh thuyết pháp của Phật A Di Đà. Đây là lời tán thán của đức Thế tôn.

Tiếp theo là lời Phật A Di Đà tự nói, “*Bồ tát trong mười phương đến, ta đều biết nguyện của* *họ*”. Ta ở đây là Phật A Di Đà, “đoạn này từ câu thứ hai, cho đến phần cuối của đoạn này “*tất thành như thị sát*”, “*đều là lời Thích tôn bổn sư chuyển thuật những lời diễn xướng pháp âm của Phật A Di Đà.”*

Lời của Phật A Di Đà nói*. Chánh sĩ tức Bồ tát, như mười sáu vị Bồ tát đã được nhắc đến trong kinh này*”. Mở đầu của kinh này, Bồ tát xuất gia chỉ có ba vị, tiếp theo lại có “*các vị Hiền Hộ, có mười sáu vị*”, mười sáu vị này là Bồ tát tại gia, hơn nữa đều là Bồ tát Đẳng giác tại gia. Địa vị của họ bình đẳng với Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Âm, Thế Chí Bồ Tát. Không phải người tại gia thì không thể thành tựu, người tại gia có thể thành tựu.

Ngày xưa, đức Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện ở đời, cũng là hai Đức Phật đồng thời xuất hiện, mọi người chỉ biết đến Thích Ca Mâu Ni Phật, ngài thị hiện xuất gia, còn một vị Phật tại gia là cư sĩ Duy Ma. Cư sĩ Duy Ma là một vị Phật thị hiện thân phận tại gia. Quí vị xem các đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật như Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất, những vị này nghe Duy Ma giảng kinh, gặp cư sĩ Duy ma đều đảnh lễ ba lạy, nhiễu quanh ba vòng, điều này hoàn toàn giống với lễ tiết khi gặp Thích Ca Mâu Ni Phật. Vì thế vấn đề này chúng ta phải hiểu thấu đáo, không thể vừa xuất gia đã cống cao ngã mạn, liền cho rằng ta giỏi dang lắm, người tại gia phải lạy ta, sai lầm. Phật môn là đạo dạy học, người thầy là lớn nhất, ai đứng trên bục giảng kinh là thầy giáo, dù là một nữ cư sĩ tại gia đứng trên bục giảng kinh, chúng ta là Tỳ kheo xuất gia, liệu nên đảnh lễ cô ấy không? Nên, cô ấy thay Phật thuyết pháp, không thể nói cô ta là người tại gia, lại là phụ nữ, cô ta không lên bục nói chuyện thì còn được, khi đã lên bục để nói chuyện thì không được, nhất định phải kính lễ. Bởi thế người lên bục nói chuyện cũng nên lịch sự, e ngại những gì? Ngại không dám nhận, vì vậy nên thỉnh một tượng Phật nhỏ để trước bục giảng kinh của mình, quí vị lạy là lạy Phật, đây là một kiểu phương tiện thiện xảo, đây cũng là điều đúng. Bậc đại đức thực sự, chứng quả vị rồi thì không nói làm gì, quí vị thật sự không thể sánh bằng, vì thế Phật pháp là pháp thực sự bình đẳng, quan trọng nhất là đức hạnh, tu chứng, còn những thứ khác là thứ yếu.

“*Chánh sĩ*”, từ thường gọi Bồ tát. “Ngô giả”, “*ngô tất tri bỉ nguyện*”, “*ngô*” là từ Phật A Di Đà tự xưng, “*Ý nói mười phương Bồ tát đến đây*”, đến thế giới Cực lạc, đến thăm Phật A di đà, “*đều có đủ đại nguyện thù thắng, tôi đều hiểu cả*”. Phật A Di Đà đều hiểu hết, tất cả những suy nghĩ nhỏ nhất của quí vị Phật đều rõ ràng, chi tiết nhỏ nhiệm đến mức nào? Từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp, quí vị đã làm những gì, những tư liệu của quí vị, Phật A Di Đà đều thấy rõ hết, quí hóa là lần phản tỉnh này. Vì thế Phật A Di Đà vô cùng hoan nghênh, hoan nghênh quí vị đến.

 “*Nguyện đó là muốn cầu trang nghiêm Tịnh độ, thọ kí sẽ thành Phật*”, đến thế giới Cực lạc, các vị Bồ tát đến lạy Phật A di đà, vì sao phải như thế? Lí do nằm trong mười chữ: “chí cầu nghiêm Tịnh độ, thọ kí đương tác Phật”. Họ đến để làm Phật, không vì lí do nào khác. Giống như trong “Đàn Kinh” ghi chép, khi đại sư Huệ Năng đến lạy Ngũ tổ, Ngũ tổ hỏi Ngài: Ông đến đây làm gì, Ông muốn điều gì? Đại sư rất tự nhiên: “Con muốn đến làm Phật”. Có lẽ cả đời Ngũ tổ chưa bao giờ gặp ai như người này. Thông thường một người đến chùa họ cầu những gì? Cầu thăng quan phát tài, đều cầu tiếng tăm lợi dưỡng, người này đến chùa lại cầu làm Phật. Lần đầu tiên gặp mặt, lần đầu tiên nói chuyện khẩu khí đã lợi hại.

Những vị Bồ tát đến thế giới cực lạc để làm gì? là cầu làm Phật, cầu A Di Đà Phật giúp họ thành Phật, cầu Phật quốc độ của họ trong tương lai cũng trang nghiêm thanh tịnh như cõi nước Phật A di đà. Những người này là cầu như thế, A Di Đà Phật biết rõ hết.

“*Những Bồ tát này phát những đại nguyện như thế, nên Phật Di đà khen ngợi họ*”, Phật A Di Đà khen ngợi họ, rất quí hóa. Phật A Di Đà không nói họ quá cuồng vọng, quá tự đại, không nói vậy. Vì sao vậy? họ chân tâm, họ thực sự có năng lực này, họ có những điều kiện để đến thăm Phật A di đà, họ không phải là những người bình thường, người bình thường không gặp được. “*Chúng sanh khởi tâm, động niệm, Như lai thấy hết biết hết*”, câu nói này chúng ta nên nhớ kỹ trong lòng. Bất luận quí vị đang ở nơi nào, ẩn mật không ai nhìn thấy, nhưng quí vị khởi tâm, động niệm là Phật đã biết, không giấu được ai. Ý niệm đáng xấu hổ không thể khởi được, hành vi đáng xấu hổ không thể có. Người không học Phật không biết được, người có học Phật khi đọc đến đây họ liền hiểu rõ. Với những câu này, chúng ta thực sự hiểu rõ, rõ ràng, vẫn là nhờ các nhà khoa học, nhà khoa học biết được. Nhà khoa học nói với chúng ta, tất cả những hiện tượng, bao gồm hiện tượng vật chất, đều luôn luôn dao động, dao động này không ngừng nghỉ. Mỗi năng lượng của sự dao động đều biến khắp pháp giới. chúng ta nói tốc độ, không có tốc độ nào có thể dao động nhanh hơn dao động của A lại da. Chúng ta vừa khởi niệm là đệ lục thức dao động, Lục thức, Thất thức, Bát thức ý thức này dao động. Những hiện tượng vật chất của chúng ta như da, móng tay, những thứ này đều có hiện tượng dao động. Tốc độ của dao động này như Bồ tát Di lặc đã nói, một lần búng ngón tay có ba mươi hai ức trăm nghìn niệm, nghĩa là ba mươi hai ức trăm nghìn lần. Mỗi lần như thế đều biến khắp pháp giới, lập tức biến khắp pháp giới. Đây là những phát hiện của các nhà khoa học, hoàn toàn tương đồng với những gì trong kinh Phật nói. Từ ba nghìn năm trước Phật đã nói, những gì các nhà khoa học phát hiện bất quá chỉ mới ba mươi năm nay, lúc đó hiện tượng vật chất mới được làm rõ ràng, thấu đáo, vật chất là gì? Phát hiện này vô cùng quan trọng, nhờ những phát hiện này mà chúng ta mới thực sự hiểu được câu Phật thường nói trong kinh, “*Tất cả pháp đều được sinh ra từ tâm tưởng*”.

Ngày trước, chúng ta cũng biết những chữ này, đều đọc được, nhưng không hề biết ý nghĩa thật sự của nó. Khoa học vừa phát hiện, đem ra đối chiếu, lúc đó chúng ta mới hiểu ra. Quí vị xem, họ mới phát hiện ra, nhưng ba nghìn năm trước Phật đã nói rồi, nói rõ ràng đến vậy. Cho nên tâm địa con người phải quang minh chính đại, không thể có mảy may hắc ám, không ai không biết được.

Trong những lần giảng kinh, tôi cũng từng nói với tất cả mọi người, thân thể của chúng ta, khi khởi tâm, động niệm, bao gồm những hiện tượng vật chất toàn thân, giống như một máy phát điện, những sóng điện chúng ta phát đi bốn phương tám hướng, khắp cả pháp giới hư không giới.

Trong “Hoàn Nguyên Quán” nói đến ba thứ châu biến, thứ nhất là “châu biến pháp giới”, khi tin tức này được truyền đi, từng niệm niệm tin tức được phát đi khắp cả pháp giới, “*sinh ra nhiều vô tận*”, sinh vô số những ý niệm này, nó làm thay đổi môi trường xung quanh, môi trường có ba thứ hiện tượng, đó là hiện tượng tự nhiên, hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, tất cả đều bị ảnh hưởng. Cơ thể của chúng ta đồng thời cũng là cỗ máy thu, khắp pháp giới hư không giới, họ phát ra những tín hiệu thì chúng ta đều thu được. Tất cả đều thu được, nhưng đáng tiếc, hiện tại cỗ máy chúng ta bị sự cố, không phải không thu được, vì có sự cố nên không có cảm ứng, không thể cảm nhận được. Sự cố thế nào? Đó là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, khi buông bỏ được vọng tưởng, phân biệt chấp trước thì hết chướng ngại, cỗ máy này rất nhanh nhạy giống như chư Phật Như lai vậy, không hiếm lạ chút nào cả. Phật A Di Đà biết, mỗi người chúng ta đều biết, chỉ cần quí vị buông bỏ tất cả những chướng ngại thì quí vị đều có thể biết được.

Tiếp theo nói, hiện tại, “*hiện chư chánh sĩ*”, hiện là hiện tại, rất nhiều Bồ tát như vậy từ mười phương đến. Chánh sĩ tức Bồ tát, gọi là chánh sĩ, cũng gọi là khai sĩ, cũng gọi là đại sĩ, như Quan Âm đại sĩ, tất cả đều là xưng hô Pháp thân Bồ Tát minh tâm kiến tánh. “Sĩ”, ở Trung Quốc chỉ những người có đạo đức, có học vấn, có địa vị, gọi những người này là “sĩ”. Ngày nay nói là phần tử tri thức, nhưng phần tử tri thức không bao quát hết ý nghĩa chữ sĩ, chỉ có thể bao gồm tri thức phong phú của họ. Thực tế trong chữ sĩ này, bao gồm có trí tuệ, đức năng, tướng hảo, mới có thể gọi họ là sĩ.

“Nguyện như Di đà’, chúng ta nên học theo, kì thực những vị này cùng với A Xà vương tử trước đây chúng ta đã nói đến, đoàn thể nhỏ của họ gồm 500 người, lúc Thế tôn giảng kinh, họ vào nghe kinh, sau khi nghe xong họ rất hoan hỉ, trong lòng phát nguyện, tương lai chúng tôi thành Phật, sẽ giống Phật A di đà vậy. Những người này khởi tâm động niệm thì Phật Thích Ca Mâu Ni biết, lúc đó liền thọ kí cho họ, tương lai các vị nhất định có thể mãn nguyện. Khi thấy Phật A Di Đà sẽ giống như Ngài vậy, thấy được thế giới Cực lạc, nơi tôi cư trú trong tương lai sẽ giống thế giới Cực lạc vậy. Đây chính là “*nguyện như Di đà, thành tựu Đại giác*”, giác ngộ viên mãn rốt ráo.

“*Nhiếp thủ Phật độ*”, muốn giống Phật A Di Đà vậy, Phật độ đó không cần thiết kế, không cần thợ thuyền đến xây dựng, tất cả đều tự nhiên thành tựu.

Thế giới chúng ta đây, trời Hoá lạc tự nhiên thành tựu, trời Tha hoá tự tại tự nhiên thành tựu, lên trên, mười tám tầng trời Tứ thiền đều tự nhiên thành tựu. Trong lục đạo cũng có những hiện tượng tự nhiên thành tựu, không cần thi công. Thiên nhân ở cõi trời thứ năm, thiên nhân ở cõi trời thứ sáu, làm sao sánh được với thế giới Cực lạc? Vì thế, thế giới Cực lạc, vạn sự vạn vật đều tự nhiên thành tựu, chúng ta có thể tin tưởng được. Cái gì thành tựu? Ý niệm, tự nhiên thành tựu, ý niệm đó chính là 48 lời nguyện, công đức của Ngài là năm kiếp tu hành, nguyên nhân này tự nhiên thành tựu. Chúng ta hiểu rõ rồi, chúng ta phải dụng công phu nơi việc tu nhân. Mỗi nguyện trong 48 lời nguyện của Phật A Di Đà đều vì chúng sanh, không có nguyện nào vì bản thân, chắc chắn không có tự tư tự lợi. Khởi tâm động niệm đều vì khắp pháp giới hư không giới, tất cả lục đạo chúng sanh trong Phật quốc độ mà lo nghĩ. Lục đạo chúng sanh đáng thương, mê lầm sâu quá, mê lầm lâu quá, tuy vốn đã là Phật, hiện nay họ đang chịu khổ, vì thế thu nhiếp cõi Phật giống như Phật A Di Đà vậy, là dùng để tiếp dẫn chúng sanh.

Trước tiên quí vị muốn giúp những chúng này thoát khổ được vui, quí vị phải an trí họ một nơi an ổn, có thế giới Cực lạc có thể an trí họ. Nơi Thế giới Cực Lạc có thể học tập, A Di Đà Phật tại Thế giới Cực Lạc ngày ngày giảng kinh thuyết pháp, chưa từng gián đoạn, vì thế họ thành tựu rất nhanh.

Người ở thế giới Cực lạc khác với thân thể chúng ta ở đây, chúng ta là thân thể máu thịt, mỗi ngày phải ăn uống để nuôi nó; thân ở thế giới Cực lạc là thân pháp tánh, không cần ăn uống, thành phần dinh dưỡng là đức năng trong tự tánh, tự tánh vốn có năng lượng công đức, những thứ này lấy mãi không vơi, dùng mãi không cạn, vì vậy không cần ăn uống, cũng không cần ngủ nghỉ. Chúng ta nói 24 tiếng, người ta học tập 24 tiếng không ngừng. Ở đây lúc chúng ta phải ăn uống, ngủ nghỉ, quí vị xem hết nữa thời gian rồi, đều bị lãng phí. Ưu điểm của thế giới Cực lạc có rất nhiều.

“*Phật tức tri chi*”, Phật A Di Dà hoàn toàn biết được, “*vì thế nói pháp vô thượng tương ưng để hoàn thiện nguyện này*”. Hai từ “vô thượng” và “tương ưng” rất quan trọng, nghĩa là pháp mà họ muốn, pháp mà họ cần thiết, liền nói cho họ pháp này, vậy mới mãn nguyện cho họ.

Thuyết pháp dưới đây, trong đoạn này, Niệm Lão đã chia thuyết pháp thành ba đoạn. Xem đoạn thứ nhất trước, có một bài kệ:

Giác liễu nhất thiết pháp,

Như mộng như tiếng vang,

Mãn túc các diệu nguyện,

Tất thành quốc độ này.

Trong bài kệ này rất sâu sắc, nghĩa lý sâu rộng vô bờ. “*Giác ngộ tất cả pháp*”, giác là chứng ngộ, đại triệt đại ngộ; liễu là liễu tri; nhất thiết pháp là tổng tất cả các pháp của vạn hữu, khắp pháp giới hư không giới quá khứ, hiện tại, vị lai, không thiếu pháp nào, đây là tất cả pháp.

“Luận Đại Trí Độ” viết: Tất cả pháp, lược nói có ba loại, thứ nhất là pháp hữu vi, pháp hữu vi là pháp có sinh có diệt, nên gọi là pháp hữu vi. Nhập môn Tướng tông, bắt đầu từ “*Bách pháp minh môn*”, đây là Pháp tướng tông của Đại thừa. “Bách Pháp Minh Môn”, giống như “*Tam Tự Kinh*” của thế gian vậy, các em nhỏ đến lớp trước tiên phải học nó. Bách pháp bắt đầu từ đâu? Từ tất cả pháp, Bồ tát Di lặc, đây là một chuyên gia về duy thức trong nhà Phật, chuyên nghiên cứu duy thức, Ngài đã sáng tác bộ đại luận “*Du Già Sư Địa Luận*”, đưa tất cả pháp qui nạp thành 660 pháp. Bồ tát Thiên Thân thấy 660 pháp nhiều quá, không tiện cho người mới học, nên đã đem 660 pháp qui nạp lại lần nữa thành 100 pháp. Vì vậy, nếu mở rộng thì trăm pháp trở thành 660 pháp, 660 pháp triển khai chính là tất cả pháp. Trong trăm pháp, 100 pháp này, 94 loại đầu đều gọi là pháp hữu vi, nghĩa là có sinh có diệt, sáu loại còn lại gọi là pháp vô vi. Trong sáu loại pháp vô vi, năm loại trước là tương tự vô vi, không phải thật, nhưng nó không phải là pháp hữu vi, nên liệt nó vào vô vi, thực sự pháp vô vi chỉ có một, đó là pháp cuối cùng, chân như vô vi. Chân như là tự tánh, chân như chính là Thường tịch quang, đó mới thật là pháp vô vi, vì thế thứ hai gọi là vô vi.

Thứ ba là “pháp không thể nói”, pháp không thể nói này, là pháp Chư Phật Như Lai chứng đắc được, Đại Bồ tát cũng có chứng đắc, nhưng là chứng đắc mơ hồ chưa rõ ràng. Họ nhập vào cảnh giới này nhưng không rõ ràng quá, cùng với sự nhạt dần của tập khí vô minh, họ càng ngày càng rõ ràng. Giống như Bồ tát thập trú, mới chứng đắc, Bồ tát thập hạnh còn rõ ràng hơn Bồ tát thập trú, Thập hồi hướng lại rõ ràng hơn Thập hạnh, Bồ tát Thập địa rõ ràng hơn Tam hiền, đến Đẳng giác thì dường như hoàn toàn rõ ràng rồi, đến gần với Diệu giác. Địa vị Diệu giác thì rõ ràng tất cả, thực sự quay về tự tánh. Vì thế trong cảnh giới của họ không còn thấy Thật báo độ nữa. Cuối cùng là thuần chân, đó là Thường tịch quang.

“*Như mộng huyễn hưởng*”, biết rõ tất cả pháp như tiếng vang, mộng huyễn, đây là một cách ví von. “các pháp đều hư vọng không thật, như mộng, như huyễn hoá, như tiếng vang.

Phía dưới trong ngoặc đơn “tiếng vang trong nhà trống”. Cách ví dụ của người xưa rất khéo, cổ nhân gọi đó là tiếng vang trong hang trống, hang núi, nếu hét một tiếng dài trong hang núi thì nó sẽ vọng lại, đó là “tiếng vang trong hang núi”. Cả ba thí dụ này đều tỷ dụ nó không thật có, mà Phật trong thí dụ này dùng mộng để nói nhiều nhất, như mộng.

Cuộc đời như mộng, luân hồi lục đạo như mộng, thập pháp giới như mộng, nghĩa là Thật báo trang nghiêm độ của chư Phật Như lai cũng như mộng, chỉ có một thứ chân thật đó là Thường tịch quang. Trong Thường tịch quang không có một thứ gì cả, cho nên chỉ thuần ánh sáng, cũng gọi nó là Đại quang minh tạng. Đại quang minh tạng chính là Thường tịch quang. Không có gì cả nhưng cái gì cũng có thể hiện, vì thế nó không phải là chết, nó đang sống động, cái gì cũng có thể hiện, vạn sự vạn vật được hiện ra, nó có năng lực duyên đến sở hiện, nhưng không thể duyên đến năng hiện, vì vậy khoa học, triết học ngày nay, nó có thể duyên đến sở hiện, nhưng không duyên đến được năng hiện. Năng hiện chính là tự thể, chính là tự tánh, làm sao mới có thể chứng được năng hiện? Bắt buộc phải buông bỏ tất cả những vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Một khi đã buông bỏ là thấy ngay, liền kiến tánh rồi. Phàm phu thấy tánh có khó không? Không khó, quyết tâm buông bỏ sẽ thấy ngay trong hiện tại, lúc nào buông bỏ thì lúc đó thấy được. Cho nên nếu quí vị hỏi lúc nào tôi mới có thể thành Phật? Đừng hỏi người khác mà nên hỏi chính mình, lúc nào bản thân chịu buông bỏ thì lúc đó sẽ thành Phật. Đây là điều chân thật, không phải nói suông. Hỏi người khác, người ta bảo quí vị buông bỏ ngay mà quí vị không chịu buông, vậy thì có ích gì! Chuyện này phải hỏi chính mình.

Như mộng, dưới đây chỉ là những câu phụ thêm, “*huyễn hoá*”, đây cũng là giả, giống như ảo thuật, đây là một thủ đoạn huyễn hóa. Hiện nay huyễn hóa khoa học kỹ thuật nhiều quá, cũng rất phức tạp, đều không phải thật.

 “*Như tiếng vang*”, có sự không có lí, nhưng thực sự cũng không phải thật, chỉ là trong khoảnh khắc nó có vẻ như có, sau khi qua rồi lại không còn dấu vết.

 “Đại Trí Độ Luận” viết: Như mộng là như trong mộng, không có thật, cho nó thật có. Mộng là giả, ở trong mộng, nếu quí vị không tỉnh dậy thì quí vị vẫn cho đó là thật, sau khi tỉnh dậy, mới biết là giả. Vì thế, “*tỉnh rồi biết không, tự cười một mình*”, mơ một giấc mơ, mỗi người chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mơ, nên Phật dùng thí dụ này vô cùng thân thiết, thực sự cuộc đời là giấc mộng. Năm xưa khi Thế Tôn còn tại thế, giảng kinh thuyết pháp, đề mục lớn nhất đó là Bát nhã. “*Đại Tạng Kinh*” được dịch ra tiếng Trung, bộ kinh dài nhất chính là “*Đại Bát Nhã Kinh*”, gồm 600 cuốn, Phật Thích Ca Mâu Ni giảng, thời gian giảng Bát nhã đề mục lớn này là 22 năm. Trong suốt cuộc đời Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh 49 năm, thời gian 22 năm là giảng Bát Nhã. Chúng ta liền biết, đây là trọng điểm trong cuộc đời dạy học của đức Thế Tôn, chủ yếu là giảng Bát nhã cho chúng ta.

Bát nhã là trí tuệ, trí tuệ chân thật, vậy nên học phật là học những gì? Học phật là học khai mở trí tuệ, từ đâu mà có trí tuệ? Trí tuệ vốn có trong tự tánh của chúng ta. 600 cuốn “kinh Bát nhã” nói những gì? Nếu nỗ lực đọc từ đầu đến cuối một lượt, một bản dày 24 quyển như thế này, nếu thực sự nỗ lực thì phải mất thời gian gần một năm mới đọc hết bộ kinh đó. Nội dung nói gì? Tôi tổng kết trong 12 chữ, tất cả pháp không thật có, rốt ráo không, bất khả đắc. Thế tôn giảng điều này giảng 22 năm. Trí tuệ chân thực đối với tất cả pháp thế gian xuất thế gian không còn chấp trước, quí vị có thể không buông bỏ sao? Quí vị không buông bỏ thì tự mình chịu thiệt, thiệt gì? Không buông bỏ là tự tạo nghiệp chướng, nói đơn giản nhất để mọi người hiểu, đã tạo nghiệp thì phải thọ báo quí vị phải luân hồi, nếu quí vị buông bỏ triệt để, quí vị sẽ không còn tạo nghiệp, không tạo nghiệp thì quí vị vượt thoát luân hồi, không còn luân hồi nữa.

Bởi vậy thế gian này, cái gì là chân, cái gì là giả, trước hết chúng ta phải rõ ràng. Chúng cần thứ chân thật và bỏ thứ giả dối, “*phàm có hình tướng, đều là hư vọng*”, có thể thọ dụng tướng nhưng đừng chấp trước, đừng phân biệt, đừng khởi tâm động niệm với nó, quí vị sai lầm rồi. Khởi tâm động niệm là quí vị đã mê lầm, phân biệt, chấp trước là quí vị đã tạo nghiệp, quí vị phải chịu quả báo. Quả báo đó cũng chỉ là bọt nước, mộng huyễn, chịu một cách oan uổng. Giống như gặp ác mộng vậy, kêu khổ trong mơ, tỉnh dậy mồ hôi đầm đìa. Sợ cho tỉnh luôn, là giả, không có chút nào thật. Bởi thế giáo huấn của nhà Phật, thực sự tu hành, không có gì khác ngoài buông bỏ, buông bỏ chính là!

Chư Phật, Bồ tát, Thanh văn, Duyên giác, đây là tên gọi của học vị, cũng không phải thật. Buông bỏ tất cả là quí vị thành Phật, đây là học vị cao nhất. Không thể buông bỏ tất cả, còn lưu luyến một chút đó là Bồ tát, Bồ tát là người chưa hoàn toàn buông xả. A la hán chỉ buông bỏ được một ít. Luân hồi không còn nữa, luân hồi lục đạo không còn nữa. Phàm phu là chấp chặt nhất, không chịu buông bỏ, đó là tạo nghiệp tam đồ, tạo nghiệp địa ngục. Phật nói những lời chân thật với chúng ta, không phải là giả dối.

 “Lại nói: *Tất cả chư hành như huyễn, lừa dối con trẻ, thuộc nhân duyên, không tự tại, không bền vững*”. Khi thuyết pháp độ sanh, chư Phật Như lai có một thí dụ như thế này, thí dụ này do Phật nói, giống như thứ gì? Như “*lá vàng dỗ trẻ*”, đứa trẻ đang khóc, kêu la, quấy phá, Phật thuyết pháp chính là gì? Nhặt một chiếc lá vàng trên đất, khi mùa thu đến, những chiếc lá rơi xuống có màu vàng, nói với đứa trẻ: Này cháu, nó là vàng đấy, quí lắm, mang đi đổi kẹo ăn, đừng khóc nữa, nó liền nín khóc, như thế gọi là “*lá vàng dỗ trẻ*”. Thích Ca Mâu Ni Phật bốn mươi chín năm thuyếp pháp là gì? Lá vàng dỗ trẻ, quí vị được Phật pháp rồi, hiệu quả thật có, quả nhiên hết khóc, không phải đã thành công rồi sao?

Quí vị liền hiểu được thế nào là tính chất của Phật pháp, Phật pháp cũng là giả, làm gì có Phật pháp! Vì quí vị mê, giúp quí vị phá mê khai ngộ, đó gọi là Phật pháp. Quí vị giác ngộ rồi, giác ngộ thì pháp không còn nữa. Giống như khi quí vị đang ốm, mang thuốc cho quí vị uống, lành bệnh rồi, không cần thuốc nữa. Khỏi bệnh rồi mà vẫn uống thuốc, không phải quí vị uống cho bệnh trở lại sao?

Đây chính là điều Phật nói trong “Kinh Bát Nhã”: “*pháp còn nên bỏ, hà huống phi pháp”*, nói cho quí vị biết Phật pháp không phải là thật, dùng thuyền để sang sông, thuyền là công cụ; Phật pháp là một công cụ giúp quí vị qua sông, cập bến rồi, thì vứt bỏ nó đi, chứ không thể vác mãi trên lưng, phải nên hiểu rõ vấn đề này. Qua được sông mà vẫn cõng Phật pháp trên lưng là không được rồi, quí vị vẫn tiếp tục đoạ lạc. Quí vị xem tâm địa này trong sạch biết bao, ngay Phật pháp còn không có, vì thế đạo tràng đích thực là gì? Đạo tràng tuyệt vời nhất, vô cùng thù thắng trang nghiêm, là đạo tràng của Phật Thích Ca Mâu Ni, đạo tràng của Phật Thích Ca Mâu Ni ở đâu? Ở đồng hoang, dưới rừng cây, hôm nay ở đây, ngày mai chỗ kia. Ngài sống đời du mục, không cố định nơi ở, muốn đến đâu thì đến đó, ngủ dưới gốc cây, ăn ngày một bữa. Đây chính là đạo tràng đích thực. Dựng nên một ngôi chùa, đó là giả, đắp một vài pho tượng, cũng giả, đó đều là “lá vàng dỗ trẻ”. Quí vị phải hiểu rõ đạo lý này. Đạo tràng trang nghiêm đó để đón tiếp những ai? Đón tiếp những người sơ học, thực sự nhập vào cảnh giới rồi thì không cần nữa. Khi thực sự nhập vào cảnh giới thì họ đi vào hang động, lập một am tranh nhỏ trên đỉnh núi, thực sự như thế.

Quí vị xem ngày xưa ở Trung Quốc, danh sơn bảo sát, người thực sự tu hành đều không trú trong chùa chiền, xung quanh chùa, đi bộ khoảng nửa giờ trở lên có am tranh nhỏ, một hai vị ở đó, đó thực sự là đạo tràng, thực sự tu hành. Chùa chiền là gì? đó là nơi dừng chân của tín đồ, không phải là chỗ để tu tập, đó là nơi tiếp dẫn mọi người, nơi để giảng kinh thuyết pháp. Giảng kinh thì phải có người nghe, là nơi giảng kinh thuyết pháp, giảng kinh xong, họ quay về am thất, không còn ở đó nữa, cuộc sống của người tu càng đơn giản càng hay!

Ở đây nói tất cả pháp thuộc nhân duyên, nhân duyên đến thì pháp có mặt, hết duyên thì pháp không còn, vì thế nó không phải thật, tất cả pháp đều do duyên sinh. Con người duyên sinh pháp, động vật nhân duyên sinh pháp, cỏ cây hoa lá nhờ duyên sinh pháp, núi sông đất đai cho đến tinh cầu trong thái không, không có thứ gì không phải nhờ duyên sinh pháp. “Luận Trung Quán” nói rất hay: “nhân duyên sinh ra pháp, ta nói đó là không”. Ta ở đây là Phật Thích Ca Mâu Ni nói, đây gọi là không, không phải là không có gì cả, không nói lên điều gì? Nó không có bản thể chực chất, không có tự thể, mà chỉ là duyên tụ, duyên tan mà thôi. Duyên cũng không phải thật, duyên cũng do duyên sinh, quí vị nhìn thấu rồi, quí vị hiểu rõ nó, liền biết được nó. Sau khi hiểu được rõ ràng rồi thì có tác dụng gì? Quí vị không còn chấp trước nó nữa, quí vị không phân biệt nó nữa, nó không trở ngại việc của quí vị, quí vị cũng không làm trở ngại việc của nó, có thể cùng nhau sống chung, quí vị mới đắc đại tự tại trong tất cả pháp!

Tìm lại được bản ngã chân chính, rằng thân này không phải là tôi, bản ngã đích thực là linh tánh, người đời gọi là linh hồn, linh hồn là trong trạng thái mê mờ, khi đã giác ngộ là linh tánh, khi mê gọi là linh hồn, linh hồn không thể vượt ra khỏi lục đạo, khi giác ngộ nó sẽ vượt thoát lục đạo, đó mới chính là cái tôi đích thực.

Thế giới Cực Lạc là tự tánh biến hiện, A Di Đà Phật công đức bổn nguyện hiện tiền, thể của nó là tự tánh, tướng của nó là 48 lời nguyện, là sự biến hiện của công đức năm kiếp tu hành, đó là tướng. Tướng không lìa thể, thể là thứ mà mọi người đều có, tướng thì chỉ Phật A Di Đà mới có, nhưng thể thì tất cả chúng ta ai cũng có, vì vậy chúng ta có phần, chúng ta cũng có một phần trong công việc của Phật A Di Đà. Đây là điều kiện để được vãng sinh, bản thân chúng ta có phần, nhất định vãng sinh, đừng nên hoài nghi.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

# Tập 442

Chuyển ngữ: Minh Tuệ

Biên tập: Liên Hải

Thời gian: 07.06.2011

Địa điểm: Cương Sơn Tịnh Tông Học Hội – Nhật Bản

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi.

Mời quý vị xem *“Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”* trang 555, hàng thứ tư từ dưới lên, bắt đầu đọc từ đó.

Xem từ đoạn “hựu viết” trở đi.

 “Lại nói: Nếu trong hang sâu núi hẹp, nếu trong khe nước sâu, nếu trong ngôi nhà trống, tiếng nói, tiếng đánh, từ tiếng nghe tiếng, đó gọi là tiếng vang”, đây chính là “tiếng vang trong núi” mà chúng ta đã nói ở phần trước. Trong núi sâu hang hẹp, sẽ xuất hiện hiện tượng này, trong khe nước sâu cũng có, một căn phòng trống cũng có tiếng vang, tiếng hét cũng có, tiếng đánh nhau cũng có tiếng vang, từ tiếng mà có tiếng, gọi là tiếng vang, tiếng vang tức là âm thanh vọng lại.

“*Người vô trí cho rằng có tiếng ”﷽﷽﷽﷽﷽﷽﷽﷽﷽﷽﷽﷽, oang thì chsung người*”, đấy là người vô trí, họ cho rằng có người bên đó đang nói chuyện, hoặc tiếng la lớn trong đó. “*Người trí tâm niệm, tiếng đó không phải do người tạo ra, nhưng do tiếp xúc âm thanh nên có tiếng vang”*. Người có trí tuệ biết đó là tiếng vọng, tiếng vọng không phải do người làm, mà chỉ là âm thanh, nó gặp vật cản nên nó dội trở lại vì thế gọi là tiếng vọng, đây là tiếng vang. “*Tiếng vang vốn không, nó có thể đánh lừa lỗ tai”,* đó là giả, không phải thật. Nhưng nếu quí vị là người vô trí, thì tai của quí vị sẽ bị nó lừa, quí vị nghe tiếng vang này rồi cho rằng thật có âm thanh.

 “*Cho đến* *Bồ tát coi các pháp như tiếng vang*”, trong Phật pháp, Bồ tát, Thanh văn, Duyên giác là bậc có trí tuệ, họ biết tiếng vang không phải sự thật, không có ai tác động trong đó cả, không phải sự thật. Từ đây Bồ tát có thể thể hội được, tất cả pháp của thế gian và xuất thế giống như tiếng vọng lại trong hang núi, như mộng huyễn, như bọt nước, không có cái gì là thật. Điều này phải là người thực sự trí tuệ mới có thể thể hội được, mới có thể rõ ràng. Tiếng vang trong núi lừa dối những người ngu si. Thế gian chúng ta ngày nay rất nhiều hiện tượng cũng lừa dối chúng sinh ngu si trong lục đạo, họ không biết được những hiện tượng đó không khác gì mộng huyễn, bọt nước. Sự việc này chỉ có Bồ tát mới biết được.

Vì vậy Bồ tát ứng hóa thân nơi thế gian được tự tại. Với tất cả các pháp, họ không tính toán, không chấp trước, không giữ, không bỏ. Lấy hay bỏ đều sai, không bỏ không lấy, đó là thật tướng của các pháp.

“*Hội Sớ”* viết: Như mộng là thấy trong mộng, tuy có tất cả sự việc, rốt ráo bất khả đắc, chư pháp cũng như vậy. Thập pháp giới, y báo chánh báo trang nghiêm đều như mộng. “*Như huyễn, thấy được như huyễn, tuy hóa hiện như thật, nhưng bản thể của nó vốn vắng lặng, chư pháp cũng như thế. Như tiếng vang, như tiếng vọng trong hang núi, tuy được phát ra từ âm thanh, nhưng tự tánh của nó không có, các pháp cũng như vậy*”.

 Nói tóm lại tức là mộng huyễn, bọt nước, còn thêm tiếng vang nữa, tất cả đều là hình dung tất cả pháp đều không thật, tướng có thể không, sự có lý không, cho nên tất cả huyễn tướng này có thể thọ dụng, vì sao vậy? Lí sự vô ngại, sự sự vô ngại, không nên chấp trước, chấp trước là sai, đi ngược lại với thật tướng. Trong cảnh giới này không thể khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm là quí vị đã mê rồi; phân biệt là quí vị sai rồi, chấp trước là quí vị đã tạo nghiệp rồi. Chư Phật Bồ Tát ứng cảm với tất cả chúng sinh nên hiện thân thuyết pháp ở thế gian, tuy cùng với chúng sanh bình thường ở thế gian hòa quang đồng trần, sinh hoạt cùng nhau, trên thực tế họ và chúng sanh khác nhau, chúng sinh có tình chấp, các ngài không có, các ngài có trí tuệ, các ngài biết tất cả pháp là giả, không thật, không có phân biệt, không có chấp trước nên tự tại. Vì thế họ có thọ dụng, họ không có phiền não.

Các ngài hiện thân thuyết pháp, họ không tạo nghiệp, vì sao không tạo nghiệp? Các ngài đã thực sự nhập vào cảnh giới này, tức là không hiện mà hiện, hiện mà không hiện, đó là hiện thân, còn thuyết pháp? Thuyết mà không thuyết, không thuyết mà thuyết, các ngài đã nhập vào cảnh giới như thế, chỉ có người thượng thượng căn mới tiếp xúc được, nhìn thấy được, mới nghe được. Dường như họ đạt đến cảnh giới như Bồ tát vậy, không thấy mà thấy, thấy mà không thấy, không nghe mà nghe, nghe mà không nghe, họ đã chứng được rồi, thực sự buông bỏ, triệt để buông bỏ, đây là người thượng thượng căn.

Cảnh giới mà thượng trung hạ căn ngộ nhập nông sâu mỗi mỗi sai khác, chỉ cần có chỗ ngộ là được.

 “Hạ cử thắng nguyện, kí tất đắc độ”, kí là thọ kí, những vị Bồ tát này chắc chắn sẽ có cõi nước thanh tịnh như Phật Di đà vậy. “Thanh Tịnh Sớ” đã nói ý này thành một bài kệ:

“cử trí bỉ nguyện, kí tất đắc độ, giác liễu nhất thiết, như mộng huyễn đẳng, thị cử trí dã, mãn túc chư nguyện, thị cử nguyện dã, thành như thị sát, kí đắc độ dã.”

*“Phát trí nguyện đó, thọ ký cõi nước, giác ngộ tất cả, như mộng như huyễn, là nêu trí này, đầy đủ các nguyện, nên nêu các nguyện, thành như cõi nước, thọ kí thành tựu.*” Đây là lời trong “*Tịnh Ảnh Sớ*”. Sau đây là Hoàng Niệm Lão giải thích cho chúng ta. Chúng ta xem “ý của sớ” dưới đây, trước đây đã nói đại ý. “*Hiểu rõ tất cả, giống như mộng huyễn, đó là người trí tuệ*”. Đây không phải là tri thức, tri thức cho rằng tất cả đều có thật, không biết đó là giả, trong tri thức khởi tâm động niệm vẫn còn nắm giữ, vẫn còn chấp trước. Nói cách khác, người tri thức, đây không phải là người trí tuệ, đây là người bình thường chúng ta ngày nay, họ đối với vạn sự vạn pháp trong vũ trụ, họ muốn khống chế, họ muốn chiếm hữu, họ có tham vọng mãnh liệt. Hiện nay nói là tranh danh đoạt lợi. Họ đối lập với sự, pháp, người bên ngoài, tận dụng tất cả ý niệm để tranh giành, người nào cũng chiếm đoạt, hiện tượng đấu tranh liền xuất hiện, phát sinh liền xung đột. Bồ tát ở cùng nhau, vĩnh viễn sẽ không phát sinh xung đột, vì sao vậy? Quí ngài biết toàn là giả, mộng huyễn, bọt nước, không thể nắm bắt, bởi thể tâm Bồ tát là tâm định, định sinh tuệ.

Tâm phàm phu là tâm động, cạnh tranh như thế nào, đạt được như thế nào, tâm họ là động, động sinh phiền não, những thứ được sinh ra trong đó là tham, sân, si, mạn, là tự tư tự lợi. Đó chính là điều trong “Kinh Địa Tạng” đã nói: chúng sanh trong Diêm phù đề khởi tâm động niệm, không có gì là không tội, không có gì là không phải nghiệp. Quí vị tạo tội nghiệp tất nhiên sẽ chịu quả báo, quả báo thực sự là tự làm tự chịu. Quả báo cũng là mộng huyễn, bọt nước; tạo nghiệp cũng là mộng huyễn, bọt nước. Sự việc này chỉ có Phật, Bồ tát mới rõ ràng, mới thấu đáo, vì thế trong tất cả các cảnh giới đều buông bỏ hết, tức không khởi tâm, không động niệm. Khởi tâm động niệm không còn nữa, làm gì có phân biệt, chấp trước! Buông bỏ như thế, không những lục đạo không có nữa, mà Thập pháp giới cũng buông xuống rồi. Lục đạo, Thập pháp giới buông xuống rồi, họ vẫn còn ở trong Lục đạo, Thập pháp giới, họ có trở ngại sự việc không? Không trở ngại. Họ ở trong đó để làm gì? Chỉ có một việc, đó là giúp đỡ chúng sinh giác ngộ, chúng sinh đang mê, họ không biết, đây gọi là sự nghiệp của Bồ tát, sự nghiệp của Bồ tát là giác ngộ chúng sinh, chỉ mỗi việc đó thôi. Bởi vì chúng sinh ở đó đang tạo nghiệp, thọ báo, điều này oan uổng. Giống như một người đang gặp ác mộng, trong mộng rất đau khổ, không oan uổng sao? Tỉnh dậy thì không còn nữa. Đây là giáo dục Phật giáo, không thể không biết. Phật giáo là gì? Người học Phật trước tiên phải hiểu rõ việc này, thấu đáo việc này. Phật giáo chính là thức tỉnh chúng ta ra khỏi mộng mà thôi. Chúng ta đang gặp ác mộng, Lục đạo là cơn ác mộng, pháp giới Tứ thánh là giấc mơ đẹp, bất luận là mộng đẹp hay ác mộng, tất cả đều là giả, quí vị không được gì trong đó, phải thức tỉnh trở lại, tỉnh táo lại rồi chính là pháp thân Bồ Tát, chính là Phật. Có thức tỉnh được không? Tất nhiên có thể tỉnh táo, tỉnh táo này này là bản thân quí vị muốn giác ngộ, vì mê là chính bản thân quí vị mê, ngộ vẫn là chính quí vị tự ngộ.

Chư Phật, Bồ tát thị hiện tại thế gian, đối với chúng ta mà nói chính là làm tăng thượng duyên mà thôi. Có bốn loại duyên: Thân nhân duyên, Sở duyên duyên, Vô gián duyên, và Tăng thượng duyên. Ba duyên đầu phải là chính mình, Phật, Bồ tát làm tăng thượng duyên cho chúng ta.

Hiện thân thuyết pháp, nói rõ ràng, nói thấu đáo chân tướng sự thực, tự thân các ngài cũng làm gương buông bỏ cho chúng ta học theo. Tại đây chúng ta đã thấy được, nghe được, tiếp xúc được, giác ngộ được, là sự việc như vậy. Trí tuệ, trí tuệ chân thực, lợi ích chân thực là bản thân mình đạt được, không liên quan gì đến chư Phật, Bồ tát. Khi Phật còn tại thế, trong Tam bảo, Phật Bảo đứng đầu, Phật bảo lớn nhất, Vì sao vậy? Cách dạy học này là do Phật sáng lập, giáo dục Phật giáo là do Phật Thích Ca Mâu Ni sáng lập. Phật không còn tại thế nữa, Phật đã diệt độ, Pháp lớn nhất. Chúng ta cung kính ngôi Tam bảo, đặc biệt là đối với pháp bảo, Phật diệt độ rồi, chúng ta cúng tượng đắp, tượng điêu khắc, đó là kỉ niệm Ngài. Tượng Phật đó không thể phù hộ cho quí vị được, quí vị đừng có mê tín, nên nói Bồ tát bằng đất qua sông bản thân còn khó bảo đảm, quí vị làm sao nương tựa vào tượng được? Thời kỳ mạt pháp chúng ta qui y phải làm sao, qui y với ai? Qui y pháp. Điều này phải hiểu.

Pháp là gì? pháp những kinh giáo đức Phật dạy khi còn tại thế, học trò của Ngài, các đệ tử của Ngài chỉnh lí lại, dùng chữ viết ghi chép lại, lưu truyền cho đời sau. Những kinh điển ngày nay chúng ta có được gọi là pháp. Tất cả những lí luận, phương pháp, cách tu trì, cảnh giới, quả vị quí vị chứng được, tất cả đều có trong kinh điển. Nếu quí vị không chăm chỉ tu học kinh điển, đó không phải là học Phật. Học Phật phải bắt đầu từ việc học kinh, chỉ cần thâm nhập kinh điển, quí vị chắc chắn sẽ muốn thôi cũng không được. Tôi có thể một ngày không ăn cơm cũng được, không ngủ cũng được, nhưng không đọc kinh thì không được, vì sao? Không đọc kinh là sinh phiền não, đọc kinh an vui! Đó chính là châu báu, khi quí vị đã nếm được mùi vị của nó, gọi là pháp vị. Lúc này quí vị đến nghe kinh, không đọc nổi một đoạn kinh, không nghe hết một bài kinh, nguyên nhân là gì? Chưa nếm được pháp vị. Giống như ta ăn thức ăn, cho trôi tuột xuống họng, nuốt xuống mùi vị gì cũng không biết, nếu như thưởng thức được mùi vị của nó, thì quí vị có muốn thôi cũng không được. Vì vậy Phật pháp có sức nhiếp thọ rất lớn, đọc rồi thì sao? Vẫn còn muốn đọc, đọc qua một lượt lại muốn đọc lượt nữa, văn học thế gian, cho dù hay đến đâu, khiến cho quí vị đọc đến mười lần là quá lắm rồi, sau mười lần đó thì sao? Không muốn đọc nữa, không còn thú vị nữa. Điển tịch của cổ Thánh tiên hiền hương vị sâu đậm, giống như Tứ thư, Ngũ kinh của Trung quốc, quí vị có thể đọc trên nghìn lần mà vẫn thấy hay, sau nghìn lần rồi thì không muốn đọc nữa. Nhưng kinh Phật thì đọc cả vạn lần vẫn không ngừng được, Vì sao vậy? Vì mỗi lần đọc lại phát hiện ra những ý mới, điều này trong học thuật thế gian không có được, cũng chính là từng câu từng chữ của nó nghĩa lí sâu rộng không có ngằn mé. Sách vở thế gian có giới hạn, có chừng mực, một khi đã đạt đến đỉnh cao nhất thì quí vị không còn cách nào để vươn lên thêm nữa. Chỉ có sức nhiếp thọ của Phật pháp là vĩnh viễn không có điểm dừng. Đây là sự thật. Một bộ kinh đọc mười năm, quí vị nghĩ họ đọc được bao nhiêu lần? Cứ cho một ngày đọc một lần, tôi tin nhất định một ngày không chỉ đọc một lần, lúc đầu là đọc một lần, khi đã thấm được mùi vị của nó thì không chỉ một lần, có thể một ngày quí vị đọc mười lần. Với bộ “Kinh Vô Lượng Thọ”, một ngày đọc mười lần không khó, sau khi đã thuộc, một lần chỉ mất 40 phút, nhưng mỗi lần ta cảm nhận ý vị mỗi khác, ý vị mỗi ngày một khác, mỗi tháng ta cảm nhận ý vị mỗi khác, càng đọc càng có trí tuệ, càng đọc tâm càng thanh tịnh, càng đọc càng thấy hoan hỉ. Quí vị được lợi ích rồi, sau đó quí vị mới hiểu được những lợi ích thật sự trong kinh điển, trong pháp thế gian này nhất định không tìm được.

Tôi đọc kinh sách này đã đọc 60 năm rồi, những lời tôi nói với quí vị là vô cùng kiên định, tại sao? Tôi đã trải qua sự học tập này. Mỗi ngày tôi không làm việc gì hết cũng được, nhưng không thể không đọc kinh. Tôi đọc kinh không theo một nghi thức gì, mà giống như đọc những sách bình thường vậy, đây là điều ngày trước thầy tôi đã dạy: Phật pháp, Phật pháp thực sự, trọng nội dung chứ không trọng hình thức. Hình thức là gì? “*Phàm có hình tướng, đều là hư dối*”, phải trọng thực chất. Thực chất chính là gì? giúp quí vị khai mở trí tuệ, giúp quí vị đoạn phiền não, đoạn phiền não, mở trí tuệ đó là điều có thật chứ không phải là giả, vì vậy người học Phật phải biết học.

Phật còn tại thế thì qui y ai? Qui y Phật, Phật, Pháp, Tăng Tam bảo. Khi Phật đã diệt độ, trong Tam bảo, ta qui y Pháp, vì pháp đem lại lợi ích đích thực cho ta. Phật là đối tượng để chúng ta báo ân. Chúng ta cúng dường tượng Phật, hoặc cúng dường một bài vị của Phật, Bồ tát, đây là điều đơn giản nhất, đó là ý nghĩa của báo ân, nó có ý nghĩa thức tỉnh chúng ta mọi lúc. Điều quan trọng nhất là chúng ta phải tiếp nhận được những lời giáo huấn của Phật Đà, những lời giáo huấn của Phật đều có trong kinh điển. Nếu như thực sự khế nhập kinh điển của Phật, bất cứ một thứ học thuật nào của thế gian như triết học, khoa học, quí vị không nhất thiết phải học, quí vị vừa nghe liền hiểu, vừa tiếp xúc liền biết, vì sao vậy? Cảnh giới của kinh Phật cao hơn nó, những báo cáo nghiên cứu của họ vừa thấy vừa nghe liền hiểu được. Cũng biết trình độ nghiên cứu của họ đến giai đoạn nào.

Phật pháp bao hàm tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, tất cả pháp không rời Phật pháp. Trong “Kinh Hoa Nghiêm” nói: “*Một là tất cả, tất cả là một*”, viên dung tự tại, biết rõ tất cả, đây là thật. Tất cả thứ nào cũng là giả tướng mà thôi, cũng giống như mộng huyễn, bọt nước, quí vị nhìn thấu rồi, đó là trí tuệ.

“*Đầy đủ các diệu nguyện, là đại nguyện*”, mộng huyễn, bọt nước, vậy cần giữ những giới luật của Phật, những oai nghi này có cần tu không? Cần. Vì sao cần? Để dẫn dắt chúng sinh, dẫn dụ cho chúng sinh khởi lòng tin đối với Phật pháp, khơi gợi nguyện vọng tu học nơi họ, chỉ vì điều này, không vì điều gì khác, cho nên phải làm gương cho chúng sinh, giống như A Di Đà Phật, ngài phát 48 lời nguyện, là Ngài làm gương cho chúng ta thấy. Chúng ta cảm thấy rất hay, việc tốt. Ngài phát nguyện, chúng ta phải phát nguyện theo Ngài.Ngài phát ra sao, chúng ta học theo Ngài. Mỗi vị Bồ tát đều phát nguyện, mỗi đức Phật khi đang tu tập đều phát nguyện, đều là khích lệ chúng ta, gợi mở cho chúng ta, làm cho chúng ta có gương tốt để học tập. Đây chính là đức thứ hai trong bốn đức mà “Hoàn Nguyên Quán” đã nói, “*uy nghi có phép tắc*”, nhất cử nhất động đều làm theo những qui cũ trong kinh Phật đã dạy. Làm theo tất cả những giới luật, lời dạy trong kinh Phật đã nói, đó là phổ độ chúng sinh. Nếu quí vị không làm được, chúng sanh sẽ không tin theo, chỉ nói không làm cũng vô dụng! Không thể thu phục nhân tâm, không những không thể nhiếp phục mà còn phản tác dụng. Người ta sẽ nói gì? nói quí vị là giả, lừa bịp người khác. Không những không cứu được chúng sinh, trái lại đưa chúng sinh vào địa ngục, vì sao vậy? Họ huỷ báng Tam bảo, họ huỷ báng Tam bảo, quí vị liền có tội, vì vậy tứ đức là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất trong tứ đại hạnh môn.

Thứ nhất, “*tuỳ duyên diệu dụng*”, quí vị xem, biết tất cả pháp như huyễn như mộng, đó là tuỳ duyên. Diệu dụng là gì? Diệu dụng là không chấp trước, biết nó là giả, không phải thật, giống như biểu diễn trên sân khấu vậy, họ biểu diễn rất giống, biết đó là giả, không phải thật. Nhưng phải diễn cho thật giống, diễn cho khán giả xem, chứ không phải để bản thân họ xem, không liên quan gì đến bản thân họ, diễn cho khán giả xem. Khán giả của chúng ta là ai? Là chúng sanh trong Lục đạo và Thập pháp giới, họ là khán giả. Người học Phật nhất định phải diễn ra Thập thiện nghiệp đạo, diễn ra Lục hoà kính. Vào cửa Phật rồi, phải biểu diễn ra Tam qui y, biểu diễn ra được Ngũ giới, đó là điều kiện tối thiểu. Những việc này làm được rồi, phải hướng thượng bước lên Đại Thừa. Đại thừa thì phải diễn ra được Lục ba la mật, tốt nhất là có thể biểu diễn ra mười nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền. Vậy là quí vị phải cầu vãng sanh thì phẩm vị của quí vị liền cao lên. Trong Kinh này nói quí vị sẽ được thượng bối vãng sanh. Nếu thực hiện được Phổ Hiền thập nguyện thì sẽ được thượng bối vãng sanh, có thể thực hiện được Lục độ, Lục hoà thì sẽ được trung bối vãng sanh; Thập thiện nghiệp đạo, Tam qui Ngũ giới, làm được sẽ được hạ bối vãng sanh, sinh vào cõi Phàm thánh đồng cư; trung bối sinh vào cõi Phương tiện hữu dư; thượng bối sinh vào cõi Thật báo trang nghiêm, việc là do người làm. Có thể làm được không? Người thực sự chịu buông bỏ thì làm được. Tại sao không làm được? không buông bỏ được, nguyên nhân là ở đây. Quả nhiên buông bỏ được, làm gì có chuyện không làm được? Điểm này quí vị đồng học phải nhớ kĩ, thực sự có thể làm được, hơn nữa không khó. Khó là do bản thân mê lầm điên đảo, cho rằng thân này là thật, cho rằng bản thân hưởng thụ đó là thật, không ngờ tất cả đều là giả.

 Hưởng thụ là gì? Tạo nghiệp, gọi một cách mĩ miều là hưởng thụ, trên thực tế là tạo nghiệp. Khoái ăn, khẩu nghiệp, không một thứ gì là không phải nghiệp, quí vị thử nghĩ xem, vì sao Phật Thích Ca Mâu Ni đã làm gương cho chúng ta về sự xả bỏ sạch sẽ, vì sao Ngài chọn cách làm đó? Ngài làm cho ai? Làm cho chúng ta.

Năm xưa những học trò theo học với đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bất luận là tại gia hay xuất gia, những đệ tử xuất gia giống như Phật, đều ba y một bát, ngày ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây một đêm, hoàn toàn giống Phật. Người tại gia đồng tu, chỉ cần tu tập trong tăng đoàn của Phật, họ tu tập một thời gian ngắn, không phải trường kỳ xuất gia, họ ở một tháng, cách sinh hoạt của họ trong một tháng đó hoàn toàn giống với Phật Thích Ca Mâu Ni, ở hai tháng thì hai tháng giống. Không xả bỏ thì không biết được. Sau khi xả bỏ rồi mới hiểu sự thoải mái của xả bỏ, sự tự tại sau khi xả bỏ, quí vị mới thực sự hiểu thể hội được niềm vui mĩ mãn trong cuộc sống của Phật, Bồ tát. Những người này có trí tuệ chứ không phải dại dột, không phải nói là có phước mà không biết hưởng, thứ thanh phước đó không phải người bình thường có thể hiểu được, người bình thường không thể hội được thứ thanh phước đó, nó thanh lương tự tại, trí tuệ sung mãn. Sự phát tâm của những đồng học đáng được khen ngợi, giống như Bồ tát đến thế giới Cực lạc để thăm Phật A Di Đà, Phật A Di Đà khích lệ họ, khen ngợi họ, giúp họ vươn cao hơn nữa, nhưng nhất định phải thật sự phát tâm.

Tôi nghe nói những người đồng học ở đây muốn được truyền giới Qui y, là một việc tốt. Truyền giới Qui y trên hình thức không quan trọng, có nghi thức rất đơn giản. Đây là năm xưa Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế cũng dùng nghi thức đơn giản này. Một người cũng được, nhiều người cũng được, quan trọng nhất là nói thật rõ ràng, thấu đáo về phép Tam qui. Thế nào là Qui, thế nào là Y, ý nghĩa của Qui y là gì? Qui là quay đầu, Y là nương tựa, quí vị đã thực sự quay đầu chưa? Từ mê lầm điên đảo quay đầu, nương vào tự tánh giác ngộ, đây chính là Qui y Phật; nương vào tự tánh đúng đắn, đây chính là Qui y pháp; khi Phật không tại thế thì Pháp là trung tâm. Xa rời Pháp, Phật không còn nữa, đi tìm Phật ở đâu? Phật ở trong kinh điển, từ xưa đến nay các tổ sư đại đức đã dạy chúng ta: Nơi nào có kinh điển, chỗ đó có Như lai, điều này rất đúng, các ngài không nói nơi nào tượng Phật, hình tượng Phật, Bồ tát xuất hiện, nơi đó có Phật Bồ Tát, không nói như vậy. Chỉ nói nơi có kinh điển chính là nơi có Phật, Bồ tát. Đó là lời dạy của Phật, Bồ tát. Cần phải lấy nó làm chính, làm trung tâm.

Người xuất gia là thầy của chúng ta, họ đã buông bỏ tất cả rồi, chuyên tâm học tập kinh điển, có vấn đề gì trong kinh điển chúng ta có thể thỉnh giáo nơi họ, Phật pháp được thừa truyền nhờ người xuất gia. Không có người truyền thừa, thì Phật pháp sẽ bị tiêu diệt. Cư sĩ tại gia có nhân duyên này thì cũng nên phát tâm truyền bá. Thừa truyền Tịnh Tông trong thời cận đại cống hiến của người tại gia vượt qua cả người xuất gia.

Quí vị xem bản Hội Tập của “*Kinh Vô Lượng Thọ*”, đều do cư sĩ tại gia đảm đương, không phải người xuất gia. Những người đóng góp cho “*Kinh Vô Lượng Thọ*”, tổ sư đại đức Trung quốc không bằng người Nhật Bản, người Nhật Bản chú giải “*Kinh Vô Lượng Thọ*”, những chú giải ngày trước đã có đến hơn hai mươi loại, rất phong phú. Truyền thừa từ hai nghìn năm nay của Trung Quốc chỉ có hai loại, thua rất xa Nhật Bản, nguyên nhân do đâu? Tôi nghĩ có lẽ họ chịu sự ảnh hưởng của đại sư Thiện Đạo. Thời kì đầu nhà Đường, người xuất gia Nhật Bản lưu học tại Trung quốc rất đông, hai vị thầy được họ tôn trọng nhất đó là đại sư Thiện Đạo và đại sư Trí Giả. Đại sư Trí Giả thuộc tông Pháp hoa, Thiên thai. Cho nên Tông Thiên thai Nhật Bản rất thịnh hành. Suy là thời cận đại mới suy. Ngày xưa Tịnh tông của Nhật Bản vượt xa Trung Quốc. Vì vậy Nhật Bản ngày xưa, những chú giải của các vị đại đức nên tìm ra từ trong “Đại Tạng” in thành chuyên tập “*Vô Lượng Thọ Linh Chú Sớ Chuyên Tập*”. Ngày nay Trung Quốc trong chú giải “*Kinh Vô Lượng Thọ”* thêm bản chú giải của Hoàng Niệm Tổ này nữa là ba bản.

Ở Trung Quốc chủ yếu là bản dịch quá nhiều. Ngày xưa kĩ thuật in ấn chưa phát triển, số lượng rất ít, số lượng lưu thông ít, muốn tìm các loại bản dịch khác nhau không phải là chuyện dễ. Vương Long Thư đời nhà Tống, trong năm bản nguyên dịch, ông chỉ tìm được bốn bản. Quí vị xem, với thân phận của ông, với địa vị của ông, với học thức của ông, ngay cả bản dịch đời Đường ông vẫn chưa tìm được. Đời Đường là hội thứ năm trong hội “*Đại Bảo Tích*”, chính là hội “*Vô Lượng Thọ*”, bản này ông ta vẫn chưa tìm được. Vì thế hội tập lần thứ nhất chỉ có bốn bản. Lần thứ hai vào khoảng năm Hàm Phong, cư sĩ Nguỵ Mặc Thâm mới làm hội tập lần thứ hai, lần hội tập này mới có đủ cả năm bản nguyên dịch.

Cư sĩ Hạ Lão, đầu tiên dùng bản của Nguỵ Nguyên, trong Ngụy Nguyên có một vài chỗ sai sót, ông lấy nó làm bổ sung, hiệu đính bổ sung, đến cuối cùng thấy không vừa ý nên mới hội tập mới. Chính là bản chúng ta đang dùng ngày nay. Ông đã mất mười năm để thực hiện công việc này, có thể nói bản này là bản đầy đủ nhất, là bộ Kinh đứng đầu trong Tịnh Tông. Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, giới thiệu Phật A Di Đà. Bộ kinh này giảng tỉ mỉ nhất. Quí vị thực sự đọc nó, quí vị sẽ không thể không sinh tín tâm đối với thế giới Cực Lạc, quí vị không thể không muốn đến đó, sẽ giúp quí vị sanh khởi tâm nguyện mạnh mẽ cầu sinh Tịnh độ, đó là thành công rồi. Những người truyền pháp, người chú giải kinh này, mục tiêu của họ đã đạt rồi.

“*Không những phát khởi những diệu nguyện, lại có khả năng tu tập, nhiếp thủ, đầy đủ các nguyện, đủ chứng sở nguyện chân thành*”, nguyện này không phải giả, sau khi phát nguyện, họ chân tu thì giống như Phật A Di Đà vậy, Phật đã phát bốn mươi tám lời nguyện, dùng thời gian năm kiếp để tu hành, tức phát nguyện xong liền thực hiện, phát nguyện xong không thể không giữ lời, vậy là sai rồi, như thế là có tội. Nhiếp thủ này là cầu học, học rộng nghe nhiều, như bộ chú giải này chính là học rộng nghe nhiều. Hoàng Niệm Lão đã dẫn chứng những chú giải, chú sớ “*Kinh Vô Lượng Thọ*” từ xưa đến nay trong nước ngoài nước, cộng thêm Đức Phật một đời đã dẫn chứng, đã giảng đến Thế giới Cực Lạc trong các kinh luận, tổng cộng gồm hơn 190 bản, học rộng nghe nhiều này, vô cùng vô cùng khó, thật quí hóa.

 Hôm nay chúng ta được học tập không thể không cảm ơn Ông, những việc này được Ông thực hiện vào những năm cuối đời, sau cuộc đại cách mạng văn hoá. Nguyên có một số tài liệu, nhưng trong cuộc đại cách mạng văn hoá đều bị tiêu huỷ hết. Phát tâm viết chú giải này, trên tay ông có được nhiều tài liệu tham khảo như vậy, tôi đến tham quan nhà ông nhìn thấy cũng rất kinh ngạc, tôi nói những đầu sách này ông kiếm đâu ra được? Thật phát tâm thì được Phật, Bồ tát quan tâm, thật khó khăn lắm, có thể thu thập được nhiều bản như vậy. Thu thập rồi ông thật đọc, thực sự tra cứu, thu thập tài liệu viết thành bộ chú giải này. Thật là không thể nghĩ bàn!

“Lấy hai thứ đó làm nhân, nên được thọ kí: Tất thành cõi nước như vậy”, Di Đà thành tựu rồi, nói cho những Bồ tát đến thăm nghe, nói theo ngôn ngữ ngày nay, Phật A Di Đà đã lấy Thế giới Cực Lạc do bản thân tu thành, dùng tâm nguyện đó, phương pháp tu hành, kinh nghiệm, thành tựu để chia sẻ với mọi người, khích lệ những vị Bồ tát này, mỗi người đều nên phát tâm kiến tạo thế giới Cực lạc, nhờ vậy sẽ thành cõi nước như thế. “*Cõi nước thành tựu là kết quả của trí và nguyện*”. Trí là trí tuệ vốn có trong tự tánh, trí tuệ vốn đã đầy đủ, vậy nên cần nguyện. Nguyện là từ trong tâm đại bi của Phật A Di Đà hiển lộ ra. Kết quả của việc thành tựu có bi có trí đó là thế giới Cực lạc.

*Lại “Hội Sớ” viết: “Tuy trải qua nhiều đời kiếp cũng giống như một niệm*”, trải qua trần kiếp chỉ như một niệm, trần kiếp là nói về độ dài của thời gian. Thời gian tu tập của Phật A Di Đà cũng không dài đến như vậy, năm kiếp. Cho dù trần kiếp cũng như một niệm, Vì sao vậy? Sau khi buông xả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì thời gian, không gian không còn nữa. Không gian không còn, tức cự li không còn; thời gian không còn thì không còn trước sau, vô lượng kiếp đồng với một niệm, một niệm có thể bằng vô lượng kiếp. Đây là cảnh giới của pháp thân Bồ tát.

“*Tuy trong sinh tử, giống như viên quán*”, viên là vườn, sinh tử là luân hồi Lục đạo, tuy đang ở trong luân hồi lục đạo, ở đây họ biểu diễn xả thân thọ thân, Bồ tát ở đó giáo hoá chúng sanh, biểu diễn trên sân khấu. Thực ra luân hồi lục đạo cũng giống biểu diễn trên sân khấu vậy. Viên quán là diễn thay, dạo chơi.

“*Toại*”, có nghĩa là thành tựu, đạt đến, “*Đầy đủ diệu nguyện, xây dựng diệu độ*”, đây là Phật A Di Đà đem việc kiến lập thế giới Cực lạc như thế nào, đã giúp đỡ ra sao, đó là chúng sanh chịu khổ chịu nạn trong Lục đạo, giúp họ giác ngộ, giúp họ thành Phật, đây là những bản báo cáo.

 Nên nói từ trí mãn nguyện, từ nguyện kiến độ, “*vì* *dùng trí tuệ, nên coi sinh tử như dạo chơi*”, không có sinh tử, sinh tử là giả, không phải thật, “*nhiều kiếp như nhất niệm*”, “*từ đó liễu đạt thành tựu, nên diệu nguyện đầy đủ*”. Hai bản sớ có một vài sai khác, “*nhưng thuyết của Tịnh Ảnh có vẻ gần hơn*”. “*Tịnh Ảnh*” là bản chú giải đầu tiên về “*Vô Lượng Thọ*” của Trung Quốc, đại sư Huệ Viễn đời Tuỳ sáng tác. Tên vị đại sư này giống sơ tổ Huệ Viễn ở Lô sơn, hai cái tên hoàn toàn tương đồng, vì thế người đời sau phân biệt bằng cách xưng ngài là Tiểu Huệ Viễn. Ngài là người đời nhà Tuỳ, trước nhà đường là nhà Tuỳ. Lão Tuệ Viễn của chúng ta là sơ tổ, Ngài sống đời nhà Tấn, thời đại Đông Tấn, rất sớm. Ngài có Nghĩa Sớ của “*Kinh Vô Lượng Thọ*”, là chú giải, gọi là “*Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ*”. Bản này rất được lưu hành ở Trung Quốc. “*Gia Tường Sớ*” không được lưu hành rộng rãi bằng bản này. Bản này Ngài viết rất hay. Truyền đến Nhật Bản dường như toàn là “*Tịnh Ảnh Sớ*”. Trong hơn hai mươi bản ở Nhật Bản, có thể chỉ dùng bản của Ngài. Cách giảng, cách nhìn của mỗi không giống nhau, đều đáng để tham khảo. Những điển tịch này đều có trong “*Vạn Tục Tạng*”. “*Vạn Tục Tạng*” thu thập rất đầy đủ.

“*Biết rõ các pháp đều không, vẫn nguyện giữ Tịnh độ”,* vẫn xây dựng thế giới Cực lạc. “Không hữu bất nhị” này “*không rơi vào nhị biên*”, điều này chúng ta phải học tập, không thể học A La Hán, A La Hán biết các pháp đều không, nên họ nhập Niết bàn, nhập vào Không đạo rồi, có việc gì họ cũng không làm nữa, đây là thiên chân. Vì thế Niết bàn của A La Hán gọi là thiên chân Niết bàn. Họ làm cũng không sai, nhưng chỉ tự lợi, không thể lợi tha, không giúp đỡ người khác nữa, gọi là người tự giác. Bồ tát không như thế, biết chư pháp là không, vẫn muốn kiến lập Tịnh độ, vẫn muốn cứu độ chúng sinh. Tuy kiến lập Tịnh độ, giúp đỡ chúng sanh, nhưng họ không mảy may nhiễm trước, tức là không chấp vào hai bên có không, đây gọi là: “*diệu nhập* *trung đạo, là tôn chỉ của Tịnh Tông”.*

Phật A Di Đà nếu giống A la hán vậy, Ngài sẽ không kiến tạo thế giới Cực lạc rồi, Ngài cũng không cần phát 48 lời nguyện. Phát nguyện, chân tu lại không chấp trước, đây gọi là cao minh. Phát nguyện, chân tu nhưng lại chấp trước, thì trở thành phàm phu rồi, đó là người thế gian làm việc thiện. Kì diệu như thế nào? Kì diệu ở chỗ họ không chấp trước, làm mà không làm, không làm mà làm, quí vị nói Ngài không làm, Ngài thật làm; quí vị nói Ngài thật làm, trong tâm của Ngài không chút dấu vết, trong tâm không có việc đó, thì công việc mới viên mãn, đó gọi là Bồ tát.

“*Như “Kinh Duy Ma” nói: Tuy biết các cõi Phật và chúng sinh đều* *không, nhưng thường tu Tịnh độ, giáo hoá quần sanh*”, đây là những lời trong “*Kinh Duy Ma*”. “*Đây đều là viên tông sự lí vô ngại, cảnh giới không thể nghĩ bàn*”.

Tiếp theo là hai bài kệ, “*cùng huyền chỉ này*”, huyền là huyền diệu, thực sự không chỉ thể hội mà còn thực hiện rồi, “*tất cả pháp không có gì, tướng do tâm sinh, do tâm sinh mà không chấp tướng”*, tánh tướng vô ngại, mới có thể thực sự đạt đến tự lợi, lợi tha. Tự lợi là bản thân viên mãn chứng đắc tự tánh, không bị bất cứ thứ gì quấy nhiễu, đồng thời lại có thể giúp đỡ chúng sinh quay về tự tánh, đấy mới là thực sự viên mãn.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới, “*Biết cõi nước như hình bóng, hằng phát tâm hoằng thệ, đạo Bồ tát rốt ráo, đầy đủ gốc công đức, tu các hạnh Bồ đề, thọ kí sẽ thành Phật”*. Đây là sáu câu kinh văn. Độ, chỉ thế giới Cực lạc, thế giới Cực lạc cũng chỉ là hình bóng, mộng huyễn, bọt nước, vì sao vậy? Trong tự tánh không có bất kì hiện tượng nào, bốn cõi thế giới Cực lạc, cõi Thường tịch quang không có hình ảnh, đó là thật. Cõi Thật báo trang nghiêm có hình ảnh, cõi Phương tiện, cõi Đồng cư thì không cần phải nói rồi, có làm trở ngại Phật A Di Đà không? Không chút chướng ngại nào. Phật A di đà kiến lập thế giới Cực lạc, nhưng trên thực tế, ba cõi Tịnh độ trước: cõi Thật báo, cõi Phương tiện, cõi Đồng cư, hoàn toàn đều vì tiếp dẫn chúng sinh. Mỗi ngày giảng kinh thuyết pháp, Ngài có vất vả không? Phàm phu chúng ta nói, Phật rất vất vả, từ sáng đến tối đều được nghỉ ngơi. Kỳ thật chúng ta nghĩ sai rồi, Ngài như thế nào? Ngài làm mà không làm, không làm mà làm. Tuy hiện thân dạy học, giảng kinh, thuyết pháp, có vẻ như cả ngày bận rộn không phải cũng vui lắm sao, kỳ thực Ngài không có việc gì cả, không không như vậy. Ngài không chấp tướng, Ngài không khởi tâm, động niệm, không phân biệt, chấp trước, vì thế nói không làm mà làm, làm mà không làm, chuyện Ngài làm với không làm là một, không phải hai. Phàm phu chúng ta không được, làm rồi là làm rồi, không làm là không làm. Nhưng Ngài có thể làm với không làm là một, sự kì diệu đó chúng ta không thể tưởng tượng được, điều này không thể nghĩ bàn.

Nói cách khác, bất luận khi Ngài hiện phương pháp nào, mãi mãi sẽ không mệt nhọc, vì sao vậy? Vì Ngài không làm, thực sự không làm. Dạy học từ sáng đến tối mà không nói câu nào, thì Ngài sao mà mệt! Vì sao không nói câu nào? Ngài không khởi tâm, không động niệm thì làm sao thuyết pháp? Khởi tâm, động niệm mới thuyết pháp, không khởi tâm, động niệm làm sao mà thuyết pháp? Vì thế hiện thân của Phật, giống như ba mươi hai ứng thân của Bồ tát Quán Thế Âm, nên hiện thân nào để được độ thì hiện thân đó. Hiện thân, thuyết pháp, biểu diễn; biểu diễn là trì giới, tu tập, biễu diễn; tất cả đều không khởi tâm, động niệm. Vì thế sự việc này chúng ta cũng phải suy ngẫm rất lâu. Dần dần sẽ thể hội được, bởi vì trong kinh Phật có một thí dụ, Xá lợi phát là một vị trí tuệ đệ nhất trong các đệ tử Phật , Ngài được rất nhiều người tán thán, Xá Lợi Phất giảng kinh rất hay, Ngài thường thay Phật thuyết pháp, có người đến thỉnh giáo Phật Thích Ca Mâu Ni: trí tuệ của ngài Xá Lợi Phất lớn như vậy, từ đâu mà có? Phật chỉ những chiếc chuông trống trong Tinh xá, chỉ chiếc trống rồi bảo với mọi người: Các ngươi đã thấy chiếc trống chưa? Thưa từng thấy, trong ruột trống có gì không? Dạ biết, là trống không. Bụng của Xá lợi phất cũng rỗng không, không có gì cả, đánh mạnh thì tiếng lớn, đánh nhỏ thì tiếng nhỏ, không đánh thì không có tiếng. Tiếng kêu đó chính là thuyết pháp, pháp được nói ra như thế nào? Pháp là chúng sinh có cảm, cảm là đánh, Phật, Bồ tát là ứng. Họ không khởi tâm, động niệm. Không phải nói quí vị gõ một cái, tôi nghĩ âm thanh của tôi phải lớn hơn một chút, không phải vậy, không nghĩ đến.

Cho nên là tự tánh, đáp lại một cách tự nhiên gọi là cảm ứng. Hiện thân đó là một kiểu cảm ứng; thuyết pháp cũng là cảm ứng, vì thế Ngài không cảm thấy mệt. Chúng ta ngày nay không phải vậy, người ta hỏi tôi, tôi phải nghĩ xem nên trả lời thế nào. Chừng đó cũng đã rất mệt, đó là quí vị thực sự có nói. Phật, Bồ tát nói, Phật Thích Ca Mâu Ni 49 năm thuyết pháp nhiều như vậy, thực ra Ngài chưa nói một câu nào, một chữ cũng chưa nói, vì sao vậy? Toàn là phản ứng của tự tánh, là cảm của chúng sanh chúng ta, là khởi tâm, động niệm của chúng sinh lúc bấy giờ, đó là cảm, Phật tự nhiên mà ứng. Cho nên phải hiểu rõ vấn đề này. Sau khi hiểu đạo lý này rồi, Phật hiện thân vô lượng, thuyết vô lượng vô biên pháp, đều thanh tịnh bất động, nó viên mãn tương ưng với năm câu nói của đại sư Huệ Năng: “*Tự tánh thanh tịnh, không sinh không diệt, vốn đã đầy đủ, vốn không lay động, có thể sinh vạn pháp*”. Có thể sinh vạn pháp là ứng, bốn câu đầu là năng ứng, cảm là chúng sinh, chúng sinh có cảm, là năng ứng, có thể sinh vạn pháp là sở ứng. Có thể sinh vạn pháp tức là có thể hiện thân, có thể thuyết pháp, đó là đức năng trí tuệ vốn đầy đủ trong tự tánh, trong kinh Phật gọi là đức tướng, tức là đức năng và tướng hảo. Trong tự tánh đã có những thứ này, cho nên họ năng ứng. Chúng sinh cũng có, nhưng sau khi mê mờ, cũng là những thứ này phát huy tác dụng, năng cảm. Sau khi chư Phật, Bồ tát đại triệt đại ngộ, là năng ứng. Năng cảm là chúng sinh, họ rất vất vả, rất có gian khổ, nhưng năng ứng là chư Phật, Bồ tát, các ngài không hề mệt mỏi, họ hoàn toàn khác chúng ta, đây là nguyên lí cảm ứng đạo giao. Nên chúng ta nhìn thấy trong kinh mô tả cảnh y báo chánh báo trang nghiêm ở thế giới Cực lạc, lúc đó mới thể hội được Phật A Di Đà từ bi đến nhường nào, tình thương của Phật A Di Đà là thật, không phải giả, không có bất cứ điều kiện nào, nên gọi là “*Đồng thể đại bi, vô duyên đại từ*”, vô duyên là không cần điều kiện.

“*Biết cõi nước như hình bóng, mãi phát nguyện hoằng thệ”*. Độ là là y báo cõi nước, hiểu được thứ này là “*đương thể tức không, liễu bất khả đắc*”*,* nhưng vẫn phải phát nguyện. Hoằng thệ nguyện này giống như 48 lời nguyện của Phật A Di Đà. 48 lời nguyện là thệ nguyện viên mãn. Giúp chúng sinh trong Lục đạo chứng được vô thượng Bồ đề ngay trong đời này.

 “*Đạo Bồ đề rốt ráo, đầy đủ gốc công đức*”, đạo Bồ đề đến rốt ráo viên mãn, đó là thành Phật rồi, đầy đủ các công đức này là nói tu đức, tánh tu không hai, tu đức và công đức của tự tánh hợp thành nhất thể.

 “*Tu hạnh Bồ đề thù thắng*”, thắng là thù thắng, thứ Bồ đề không gì sánh bằng. “*Thọ kí sẽ thành Phật*”, đây là làm mãn nguyện những Bồ tát đến thế giới Cực lạc, họ đã đến nơi này muốn cầu thành tựu một thế giới Tịnh độ, thứ hai chính là bản thân thành Phật. Những thứ này là niềm khích lệ rất lớn cho chúng ta. Chúng ta nhìn thấy liền xúc động, cũng muốn nơi bản thân chúng ta cư trú là Thế giới Cực Lạc. Chúng ta cũng muốn bản thân thành tựu giống Phật A Di Đà vậy, không có Ngài, ta không thể nghĩ ra được. Ngài vừa biểu diễn khiến cho chúng ta nghĩ ra được. Những thứ này hiện nay chúng ta phải làm, phải bắt đầu từ đâu? Học hội Tịnh Tông Cương Sơn có thể dẫn đầu, chỉ cần một vài người thật làm, Phật A Di Đà, thập phương chư Phật Như Lai, không ai không gia trì quí vị, chắc chắn quí vị sẽ thành công. Quí vị phát tâm, Phật, Bồ tát sẽ cảm ứng; Phật, Bồ tát sẽ đến giúp đỡ quí vị, quí vị sẽ biến Cương Sơn thành thế giới Cực lạc, không những cứu đất nước Nhật Bản mà còn cứu cả thế giới, vậy phải làm như thế nào? Trước hết phải buông bỏ tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham, sân, si, mạn. Vì sao vậy? Cho giống một vị Bồ tát! Nếu quí vị không buông bỏ thì không có cảm ứng, những thứ này chướng ngại cảm ứng, sau khi trừ bỏ những thứ này, cảm ứng của quí vị Phật A di đà mới thông suốt, vô ngại. Lúc có những thứ này, thì nó không thông được. Bên này quí vị mong nhưng bên kia không ứng, không ứng không phải vì ngài không ứng mà bản thân quí vị có sự chướng ngại. Vì thế làm việc gì đều phải bắt đầu từ bản thân.

Quí vị nên biết, năm xưa Phật Thích Ca mâu ni sáng giáo, không phải một mình Ngài bắt đầu thực hành sao, tự Ngài giác ngộ rồi, thực sự buông bỏ, buông bỏ liền khai ngộ. Đến vườn Nai tìm năm người bạn, năm người bạn này đều là bà con quyến thuộc với Ngài. Lúc bấy giờ Phật Thích Ca Mâu Ni đã rời bỏ gia đình, phụ thân của Ngài, phụ vương đã phái năm người này đi theo để săn sóc ngài, sau này đều theo Ngài tu tập thành năm vị Tỳ kheo. Bản thân thành tựu rồi đi đến vườn Nai độ năm vị Tỳ kheo, Phật pháp bắt đầu hưng thịnh như vậy. Tôi tin, nếu có người thật làm, chỉ cần tìm năm người đồng chí tại Cương Sơn này, thực sự có thể làm được. Bắt đầu như thế nào? Bắt đầu từ “*Đệ tử qui*”, chỉ cần thực hiện “*Đệ tử qui”*, vì sao? Nhân duyên đã tốt rồi, bắt đầu kết nhân duyên, thực hiện từ “*Đệ tử qui”, “Cảm ứng thiên”, “Thập thiện nghiệp*”, gốc rễ đã ổn định, sau đó chuyên hoằng Tịnh độ, chuyên tu Tịnh độ, sau mười năm vùng Cương Sơn chính là thế giới Cực lạc thu nhỏ, không tìm đâu xa, hoàn toàn y cứ bộ kinh này, đem bộ kinh này thực hiện tại vùng Cương, không phải thế giới Cực lạc xuất hiện rồi sao? Công đức này rất lớn! Chỉ cần mọi người phát tâm, thì thiên tai ở Nhật Bản sẽ được hoá giải, không cần quí vị phải tu, chỉ cần chân tâm vừa phát thì cảm ứng sẽ không thể nghĩ bàn, thiên tai liền được hoá giải. Nhưng phải làm thực tâm, không thực tâm là không ổn, giả thì không thể cảm ứng được, thật mới có cảm ứng.

Bản thân chúng ta rất mỏng manh, tập khí phiền não rất nặng, không ngại, chỉ cần vừa phát tâm, Phật lực liền gia trì, phiền não của quí vị liền tan biến, trí tuệ của quí vị liền có mặt, phải quên mình vì người mới được. Vẫn còn mảy may tâm danh lợi thì hỏng hết, trong đề hồ không thể có thuốc độc, đề hồ là loại nước uống tốt nhất. Trong một ly nước uống chỉ cần bỏ vào một giọt thuốc độc, toàn ly nước này sẽ trở thành thuốc độc. Vì thế việc phát tâm của quí vị phải thuần tịnh, thuần thiện, dứt khoát không thể có mảy may tự tư, tự lợi. Tự tư, tự lợi chính là thuốc độc, tâm danh lợi lại là chất độc mạnh hơn, nó có thể lấy đi mạng sống, thế nên mỗi niệm đều vì chúng sinh, không vì bản thân, như chư Phật, Bồ tát, giống Phật A Di Đà. Mỗi niệm Phật A Di Đà đều không vì bản thân, mỗi niệm đều vì chúng sinh.

Phần tiếp theo của chú giải, “*như hình bóng*”, cõi nước như hình bóng, “*Như bóng của vật, tuy được sinh ra từ vật thực, nhưng không có thực tánh*”, hình bóng là gì? Khi ta đứng dưới ánh mặt trời thì có cái bóng, cái bóng từ đâu mà có? Từ thân ta, nhưng bóng là giả, cái bóng không có thực thể, đây là thí dụ nói Phật A di đà, phần trước chúng ta đã nói, trí tuệ, hoằng nguyện là thực thể, Thế Giới Tây Phương Cực Lạc là sự thành tựu của trí tuệ và nguyện lực của Phật Di đà, vì vậy thế giới Cực lạc chỉ như cái bóng. Hiểu rõ vấn đề rồi thì lòng tin của ta mới xây dựng được. Chúng ta muốn ở Cương Sơn làm việc này, Phật Di Đà làm sao không biết được? Làm sao không ủng hộ quí vị? Có lý gì lại như vậy! Quí vị cần gì phải đi cầu cạnh? Không nên cầu thứ gì cả, ngay Phật cũng không cầu, quí vị chỉ cần làm cho tốt, chắc chắn quí vị sẽ được gia trì, chỉ cần quí vị đừng có mảy may tâm tự tư, tự lợi nào, cứ ngay đây mà làm. Chánh pháp Phật cửu trụ ở thế gian này, nhất định phải có những tấm gương tốt, ngày nay mọi người vì sao không tin Phật giáo? Bởi không có một đạo tràng đúng nghĩa. Nơi này có thể làm được, người dân nơi đây thuần phác, không có những dục vọng lớn quá, đều rất chân thật, an cư lạc nghiệp. Tâm tính của họ rất hiền lành, rất chất phác, nên dễ dàng thực hiện nơi địa phương này. Quí vị không thể thực hiện nơi đô thị, vì sao vậy? Mọi người đều đang tranh lợi, nơi này mọi người không tranh, nên dễ làm. Nếu nơi này người người đều đang cạnh tranh, vậy thì không làm được rồi. Phật A Di Đà có đến cũng không làm được. Ở đây con người chân thật, biết bổn phận, nên dễ làm. Họ không có ý niệm cạnh tranh.

Ngày trước tôi có đến hai lần, lúc bấy giờ cư sĩ Triệu vẫn còn, Ông đã nói cho tôi về tình hình ở đây. Ông đã sống ở đây khá lâu. Ông kinh doanh ở nơi này, mở một tiệm buôn nhỏ, Ông ta nói với tôi: Họ đi du lịch một vài tuần, ra ngoài du lịch, tiệm nhỏ đóng cửa nhưng không cần khoá, đẩy nhẹ là có thể vào. Thật giống như câu: Ra ngoài không đóng cửa, không nhặt của rơi trên đường. Họ có thói quen tốt đẹp như thế. Lúc bấy giờ nghe vậy, tôi đã ngẩn người, trên thế giới này còn có nơi tuyệt vời như vậy, vì thế khi nghe được điều tôi rất vui. Ông ta còn nói: thị trấn nhỏ này, nơi địa phương này, 400 năm rồi chưa có thiên tai.

 Nhật bản thiên tai rất nhiều, nhưng vùng này không có thiên tai. Đó là vì sao? Nơi này người dân rất tốt. “*Tướng do tâm sinh, cảnh tuỳ tâm hiện*”, cư dân nơi này tâm của họ hiền lương thuần phác, cho nên nó sẽ không có thiên tai. Nếu cư dân ở đây phát tâm lớn, muốn mô phỏng thế giới Cực lạc, tâm quí vị liên thông với tâm Phật A Di Đà, nguyện cũng liên thông. Thủ tướng tiền nhiệm, ngài Cưu Sơn, lần này mời tôi đến giảng kinh, mục đích là mong có thể hoá giải thiên tai cho nước Nhật. Quí vị hiểu kinh này rồi, không nhất thiết phải nghe toàn bộ, nghe một lần hai lần, nghe hiểu là giỏi rồi. Thật làm, thật phát nguyện, thì thiên tai ở Nhật bản thực sự có thể hoá giải, tôi tin như thế. Quí vị phải thật làm, nỗ lực phát tâm học “*Kinh Vô Lượng Thọ*”.

Đến hôm nay, “*Kinh Vô Lượng Thọ*” đã giảng lần thứ bốn trăm, có lẽ ngày mai sẽ giảng đến lần thứ bốn trăm bốn mươi bốn, ba lần bốn, là tám trăm tám mươi tám tiếng đồng hồ. Toàn bộ đĩa đều để lại nơi đây, chúng tôi sẽ gửi đến đây. Mỗi ngày quí vị nên nghe, mỗi ngày đều học, chăm chỉ niệm Phật, trong kinh dạy chúng ta thực hành thế nào, rồi chúng ta cứ nỗ lực trung thực làm theo thế ấy. Vấn đề quan trọng là ba cái gốc phải thực hiện cho được. Cắm rễ tốt, bắt đầu từ chính mình, rồi một người hai người làm, liền ảnh hưởng đến cả vùng này. Khu vực này rất dễ ảnh hưởng, nền tảng vững chắc.

Phải học Phật A Di Đà, mỗi niệm đều vì chúng sinh khổ nạn, không vì bản thân. Ngày nay thế giới rối loạn, loạn ở đâu? Loạn ở chỗ tự tư, tự lợi, nói thì hay nhưng làm lại hoàn toàn ngược lại lời nói, nên mới có những thiên tai này. Nếu như lời nói chúng ta đi đôi với việc làm, thì không thể có thiên tai xảy ra. Như vậy chúng tôi đến đây giảng kinh này mới không hoài công. Hiện nay khoa học kĩ thuật phát triển, chúng ta tranh thủ vệ tinh, tranh thủ Internet, mỗi buổi giảng toàn thế giới đều có thể thu được. Mấy hôm nay, có một người đồng tu ở Mỹ đã gọi điện thoại cho tôi biết là họ đã nghe được rồi, rất rõ ràng; ở Trung Quốc đại lục cũng thu được, Singapore cũng thu được rồi, đều xem được. Vì vậy chúng ta đã đối diện với rất nhiều quí vị đồng tu. Các nơi trên toàn thế giới đang nghe. Mọi người nổ lực cứu giúp trái đất, kiếp này chúng ta đến nơi đây, lần đến trái đất này không vô ích, đã làm được một việc lớn lao.

Kinh “Kim Cang” nói: “*Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn, bọt nước*”. Bài kệ nói, bài kệ trong Kinh chúng ta đang học nói:

“*Biết rõ cõi Phật,cũng như hình bóng,*

 *trí tuệ như thế, mới thật sâu sắc*”.

Bài kệ nàu ý nghĩa giống với bài kệ trong kinh Kim Cương đã nói. “*Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn, bọt nước*”. Hiểu rõ ràng rồi, thông suốt rồi, mới triệt để buông xuống. Không còn cạnh tranh, không còn đối đầu, không còn khởi tâm động niệm lợi mình hại người nữa. Thà hại mình lợi người, chứ không được lợi mình hại người. Lợi người hại mình là Bồ tát, thể hiện quí vị đã thực sự buông bỏ; hại người lợi mình có nghĩa là quí vị vẫn tạo nghiệp luân hồi, quí vị chưa ra khỏi luân hồi lục đạo. Vì thế phải thay đổi quan niệm, sửa đổi những tật xấu.

“*Bồ tát như thế, hiễu rõ cõi Phật cũng không*”, đó là họ rõ ràng thấu suốt, nhưng vẫn hằng phát tâm hoằng thệ. Hoằng thệ, là thệ nguyện sâu rộng, lại từ nguyện khởi hạnh. Những vị Bồ tát này hiểu rõ vạn pháp đều không, không thể nắm bắt, nhưng vẫn phát nguyện, vẫn muốn kiến lập thế giới Cực lạc, vẫn muốn tiếp dẫn tất cả chúng sinh. Không phải vì nói chúng sinh và cõi nước đều không phải chân thật, mà các Ngài không làm nữa, không phải vậy, họ thật làm.

Vì thế đây là điều xứng đáng để chúng ta học tập, sự việc này làm thực sự có ý nghĩa, có giá trị. Ngoài ra điều này ra, trên thế gian này quí vị không thể tìm ra sự việc có ý nghĩa, có giá trị, tìm không ra nữa, không có, toàn là giả thôi. Người thế gian thành tựu có lớn bao nhiêu cũng chỉ là tràng không, không những phát nguyện mà còn thật làm, “*lại từ nguyện khởi hạnh”,* đó là thật làm, “*nên gọi là đạo Bồ tát rốt ráo”*, là đạo Bồ tát rốt ráo viên mãn. “*Cứu cánh*”, phần dưới giải thích là cùng cực, quyết định đi đến chỗ cuối cùng, niềm tin như vậy, nghị lực như vậy, quyết tâm như vậy. Bồ tát đạo là gì? Đó là đại hạnh Bồ Tát viên mãn tự lợi, lợi tha rồi thành quả Phật, tức lục độ, gọi là Bồ tát đạo.

Cho nên Bồ tát ở thế giới Cực lạc ở phương Tây, việc họ làm là gì? Có thể nói là Lục Ba La Mật rốt ráo viên mãn, mười đại nguyện, hạnh môn này là mười nguyện của Bồ tát Phổ Hiền. Những cư dân của thế giới Cực lạc bao gồm tứ độ, tam bối, cửu phẩm, không ai không phát tâm như thế. Bốn mươi tám lời nguyện của Phật A Di Đà chính là Lục Ba la mật viên mãn, mười nguyện Phổ Hiền viên mãn, hoàn toàn xuất hiện trong thế giới Cực lạc ở Phương Tây, đây gọi là Bồ tát hạnh, sự nghiệp của Bồ tát.

“*Những Bồ tát như vậy*”, đây là những Bồ tát từ thế giới mười phương đến thế giới Cực lạc, “*đầy đủ trí và nguyện, giỏi cả hành và giải nên đều đầy đủ gốc của các công đức*”. Đầy đủ các gốc công đức, câu này dưới đây có một chú giải, “*chỉ nguồn gốc của tất cả công đức*”. Cội gốc công đức từ đâu mà có? Từ đại trí, đại nguyện, đại hạnh, đại giải, từ đó mà có, họ thật làm.

“*Kinh Thắng Man Bảo Quật*” nói: Đây là lời giải thích thế nào là công đức, đức tức là được, ngày xưa hai chữ này được dùng chung, nghĩa là quí vị thực sự có được, được gì? “*Được công tu hành*”. Cho nên ở đây luôn tiện nhắc nhở quí vị, thật sự đạt được công tu tập gọi là công đức, thông thường đem tiền để làm việc tốt không phải là công đức. Đem tiền để làm việc tốt đó là phước đức, không phải công đức.

Chúng ta nhớ lại ngày trước, khi tổ sư Đạt Ma vừa đến Trung Quốc gặp Lương Võ Đế, Lương Võ Đế là một đại người hộ pháp của nhà Phật. Nghe nói có một cao tăng Ấn Độ đến Trung Quốc thì vô cùng hoan nghênh. Mời Ngài gặp mặt, khi gặp nhau, ông rất đắc ý, nói với tổ sư Đạt Ma rằng ông ta một đời làm những việc hộ trì Phật Pháp, đã xây được hơn bốn trăm tám mươi toà đạo tràng cho Phật Pháp, tức là tự viện, dùng sức lực của quốc gia để thực hiện. Chỉ cần có người xuất gia là vua vui mừng, ông hộ pháp, ông cúng dường mười mấy vạn người, thật là đại hộ pháp số một của Phật giáo. Vua thỉnh giáo nới tổ sư Đạt Ma: “công đức của tôi có lớn không?” Trong lòng vua nghĩ tổ sư Đạt Ma nhất định sẽ khen ngợi ông ta, không ngờ rằng Tổ sư Đạt Ma nói với ông ta: “Không có công đức gì”. Nghe câu trả lời, vua nổi giận, đuổi tổ sư Đạt Ma về, tiễn khách, không nói nữa, tiễn khách. Tổ sư Đạt Ma đến chùa Thiếu Lâm diện bích, diện bích chín năm mới chờ được một vị như Huệ Khả, thật tuyệt vời, có người để truyền pháp được rồi.

Chuyện này nói lên điều gì? Công đức và phước đức là hai việc khác nhau. Lương Võ Đế tu được đó là phước đức, nếu ông ta hỏi chúng ta phước đức nhiều hay ít? Vậy thì rất lớn rất lớn, ông tu được là đại phước báo. Công đức thì sao? Không có công đức. Công đức là bản thân thực sự tu tập, ví dụ quí vị trì giới, trì giới thực sự có công phu sẽ đắc định, định đó chính là công đức. Tu định có công đức liền khai ngộ, khai ngộ là công đức tu định. Điều này không liên quan với việc quí vị đem tiền làm việc tốt, làm những việc tốt gì, sự nghiệp từ thiện gì cũng không liên quan! Đạo lý này quí vị nhất định phải hiểu. Rất nhiều người không phân biệt được công đức và phước đức. Nhưng trong công đức chắc chắn có phước đức, trong phước đức không có công đức, chúng ta phải hiểu rõ ràng, hiểu thấu đáo vấn đề này.

Thực sự trì giới, như học “*Đệ tử qui”, “Cảm ứng thiên”, “Thập thiện nghiệp*”, quí vị có công, tâm quí vị thanh tịnh, trí tuệ tăng trưởng, giúp quí vị phá mê khai ngộ, đoạn nghi sinh tín, đó là công đức. Nếu quí vị không chân tu thì lấy đâu ra công đức! Nhưng điều đáng lo nhất của công đức là nóng nảy. Trong kinh Phật thường nói: “Lửa cháy rừng công đức”. Quí vị xem, tu được thật nhiều công đức, công đức là giới, định, tuệ, chỉ cần nổi nóng là xong. Tu công đức cả một đời, khi lâm chung lại sân si nổi lên, thế là mất hết. Bởi thế Tổ sư Đại đức dạy chúng ta: Khi lâm chung, phải chăm sóc, để cho họ đi một cách nhẹ nhàng, bình an, đừng để họ bực tức, đừng đụng chạm vào họ. Chiếc giường họ đang nằm, giường cũng không nên đụng vào, cũng nên đứng cách xa một tí, không nên đụng đến họ, tại sao vậy? Đụng vào sợ họ sẽ đau đớn, họ liền sinh tâm oán hận, như thế sẽ rắc rối. Lúc lâm chung nếu nổi lên nóng giận, vừa không hài lòng, liền đọa vào địa ngục. Vấn đề thông thường này không thể không biết. Khi lâm chung phải ra đi một cách an lành. Khi đã tắt thở, trong kinh Phật dạy, phải tám giờ sau mới đụng đến họ, lúc đó mới thay quần áo, tắm rửa cho họ, có thể đụng đến họ. Trong vòng tám tiếng, không được đụng vào họ, muốn an toàn hơn thì phải sau mười hai tiếng. Lúc đó thần thức họ mới thực sự rời đi, rất nhiều người không nắm vững vấn đề này.

Ngày nay lúc bệnh đều ở bệnh viện, bệnh viện thấy bệnh nhân nguy cấp liền cấp cứu, như thế là hỏng, khi cấp cứu giống như đang ở địa ngục vậy, người đau đớn, họ rất hận quí vị, vì thế người ngày nay không thể chết. Khi chết ở bệnh viện, rất có thể họ đọa vào địa ngục, như thế làm sao được! Bởi thế, sự việc này, người không học Phật không biết được. Người có học Phật hiểu rõ. Khi mất nên đến ở đâu? Tốt nhất là đạo tràng nhà Phật, vì sao vậy? Mọi người đều hiểu, biết cách chăm sóc quí vị. Khi gần mất, người thân trong gia đình nên cách li họ ra, vì sao vậy? Sợ họ có thân tình, đến lúc đó chịu không được lại khóc la ầm ĩ, như thế sẽ ảnh hưởng đến việc vãng sanh của người này. Họ lại động lòng, quyến luyến không đành lòng, cuối cùng niệm Phật một đời uổng công rồi.

Những thường thức này bà con quyến thuộc ngày thường phải thường nói đến, để cho mọi người đều biết. Lúc lâm chung mới có thể bình tĩnh mà đi được, không nên làm chướng ngại. Đó thật là báo ân. Người thân quyến luyến, lại ồn ào khóc lóc, đó là hại họ, đưa họ vào ác đạo, toàn là sai hết.

Bổn là nguồn gốc; nguồn gốc là Phật tánh vốn có đủ của chúng sanh. Đây là nói rõ thêm về nguồn gốc. Nguồn gốc của công đức là chân tâm của chúng ta, tự tánh của chúng ta.

“*Kinh Viên Giác*” nói: nguồn gốc thanh tịnh là đại viên cảnh. Tức là nguồn gốc thanh tịnh như một tấm gương lớn, vì thế Tướng Tông gọi là A lại ya, chuyển A lại ya thành đại viên cảnh trí. Khi mê thì đại viên cảnh trí là A lại da, giác ngộ rồi trở thành Đại viên cảnh trí. Vì thế bản thể của A lại ya đích thực là nguồn gốc, chỉ vì mê mà không giác, đây là Phật tánh vốn có của chúng sanh*.* “*Viên Giác Lược Sớ Tự*” nói rằng: *“Là nguồn gốc của chúng sinh nên gọi là tâm địa, lại bổn là bổn cực, lí thể của pháp tánh, là căn bản cội gốc của pháp nên gọi là bổn cực*”, ở đây nói vô cùng hay, lí thể của pháp tánh, danh từ của triết học hiện tại gọi là bản thể. Triết học nói là bản thể, chính là căn bản của tất cả các pháp trong vũ trụ. Tất cả các pháp này từ đâu mà có, cũng phải có một cái gốc chứ, có nguồn gốc không? Danh từ để gọi nguồn gốc đó là bản thể, nhưng có nhiều cách gọi đối với bản thể, nhưng không thể làm người ta hài lòng. Cho nên rốt cuộc bản thể là gì, đến nay vẫn là một dấu hỏi. Nhưng trong kinh Đại Thừa nói rất rõ ràng, chính là chân tâm,chính là bản tánh, vì sao vậy? Vì có thể sinh ra vạn pháp. Tất cả pháp, ngay cả hư không, pháp giới hư không tất cả pháp đều từ đó mà sinh, đều từ đó mà hiện, có thể sinh, có thể hiện. Nhưng bản thân của nguồn gốc thì không có gì cả, trong giáo lí Tịnh độ gọi nó là Thường tịch quang. Vì thế trong tứ độ thì Thường tịch quang độ là bản thể, chính là bản nguyên. Nó không có gì cả nhưng nó có thể sinh vạn pháp. Vì sao nó có thể sinh vạn pháp, vạn pháp được sinh lúc nào? Trong kinh điển Đại thừa nói rất rõ ràng, nói rất thấu đáo, nhưng người thực sự nghe hiểu được lại không nhiều.

Cách nói này đã được nhà khoa học ngày nay chứng thực rồi, đó là một việc tốt!

“Kinh Hoa Nghiêm”, quốc sư Hiền Thủ đã viết một bài luận văn có tên “*Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán*”, bản luận này gồm sáu đoạn, ba đoạn trước nói về khởi nguyên vũ trụ, thảo luận một vấn đề quan trọng nhất của triết học, đó là vũ trụ từ đâu mà có? Đoạn thứ nhất nói về bản thể, “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”, bản thể của vũ trụ vạn pháp, nó có thể sinh, có thể hiện. Phần thứ hai nói rõ về sự xuất hiện của toàn vũ trụ, sự xuất hiện của bản thân, tôi từ đâu mà đến? Tôi và vũ trụ đồng thời xuất hiện, không trước không sau, sinh ra cùng lúc. Con người không phải loài vượn tiến hoá, nếu là vượn tiến hoá thì tại sao bây giờ chúng nó không thành người? Không phải như thế. Đạo lý này rất sâu sắc, nhưng “*Hoàn nguyên quán*” đã nói rất chi tiết, rất rõ ràng, đó là nhất niệm bất giác, vì sao nó được sinh ra? Vì trong tự tánh của nó vốn đã đầy đủ, tất cả vạn pháp vốn tự đầy đủ, nó không khiếm khuyết gì cả. Khi không sinh, nó giống như màn hình ti vi, khi không bắt được sóng thì không thấy gì cả, khi bật máy lên, những hình ảnh trong kênh sóng đều xuất hiện, xuất hiện cùng lúc. Không thể nói cái này trước, cái kia sau, không phải, xuất hiện cùng lúc, đó gọi là nhất thời đốn hiện, đều trong một niệm. Thời gian của một niệm rất ngắn, Bồ tát Di Lặc cho biết: “*Một búng ngón tay có ba mươi hai ức trăm nghìn niệm”.* Ngày nay chúng ta nói thời gian đều dùng giây để làm đơn vị, khoa học dùng đơn vị là giây, một giây chúng ta có thể búng tay được bao nhiêu lần? Một giây tôi có thể búng được bốn lần, tôi tin có người sẽ búng được nhiều hơn. Nếu một giây búng được năm lần thì có được một nghìn sáu trăm triệu, một giây có một nghìn sáu trăm triệu lần sinh diệt, chúng ta không thể biết được, vũ trụ từ đó mà sinh, vũ trụ xuất hiện từ đó.

Khi nó vừa xuất hiện là cõi Thật báo, vì sao vậy? Khi nó vừa động thì hiện tượng xuất hiện, lúc nó chưa phân biệt, không có chấp trước. Nhưng rất nhanh, tốc độ cực nhanh, nó liền khởi lên phân biệt, khi khởi phân biệt thì pháp giới Tứ thánh xuất hiện, cũng rất nhanh nó liền khởi lên chấp trước, có chấp trước rồi thì lục đạo xuất hiện, cho nên cả vũ trụ này hình thành chỉ trong chưa đầy một giây. Vũ trụ đã xuất hiện.

 Ngày nay nhà hiện đại lượng tử học mới phát hiện vấn đề này. Vì thế chúng ta có lí do để tin; hai, ba mươi năm sau Phật giáo không phải là tôn giáo, mà Phật giáo là một thứ khoa học cao cấp, triết học cao cấp trên cõi đời này. Vấn đề này chính là vấn đề đang được triết học và khoa học theo đuổi mấy trăm năm nay, nhưng không thể giải quyết.

Ngày nay khoa học đã có những bước tiến bộ, Phật giáo gọi đây là biên duyên của khai ngộ, bởi vì nó đã tìm ra A lại ya, đây là một vấn đề rất khó. A lại ya xuất hiện khi một niệm mê lầm, ba tướng nhỏ của A lại ya được các nhà khoa học ngày nay nói rất cụ thể, tướng nghiệp của A lại ya, danh từ khoa học gọi là năng lượng. Chuyển tướng của A lại ya gọi nó là tin tức. Tướng cảnh giới của A lại ya gọi là vật chất. Vì vậy năng lượng, vật chất, tin tức chính là nghiệp tướng, chuyển tướng, cảnh giới tướng của A lại ya. Đối với Phật Pháp đây là một tín hiệu vô cùng tốt. Nhà khoa học đã chứng minh, mọi người không thể bàn cãi nữa, đã tin tưởng rồi. Vậy thì trong kinh Phật giảng không đúng sao? Không sai chữ nào cả, mỗi chữ mỗi câu đều chân thật, một thứ tốt như vậy, có thể giúp chúng ta giải quyết tất cả mọi vấn đề. Ngày nay người ta lại xem nó là mê tín, không chịu học tập. Tôi cho rằng chúng ta chịu thiên tai, quá oan uổng, quá đáng tiếc. Cho nên hi vọng những vị đồng tu thực sự hiểu rõ ràng, thật sự nỗ lực làm gương, để mọi người nhìn vào cho rõ ràng, đặc biệt là khiến những nhà khoa học nhận thức rõ ràng, làm cho khoa học từ vật lý quay trở về với tâm lý, vấn đề mới có thể giải quyết được. Vì sao vậy? Vật chất, cở sở của vật chất là tâm niệm, đó là gì? là vấn đề tâm lí. Tâm lí có thể thay đổi vật lí, nhưng vật lí không thể thay đổi tâm lí, đây lại là một tầng nghĩa sâu hơn. Vì vậy phương hướng sai rồi thì hậu quá sẽ khó lường.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**HẾT TẬP 442**

# Tập 443

Chuyển ngữ: Minh Tuệ
Biên tập:Liên Hải
Thời gian: 08.06.2011
Địa điểm: Tịnh Tông Cương Sơn, Nhật Bản

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống.

Mời quý vị xem “*Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*”, trang 557, bắt đầu xem từ hàng thứ 7, xem từ “*Kinh Viên Giác*” vân, “Kinh Viên Giác” nói: *Bổn nguyên thanh tịnh đại viên cảnh*, nghĩa là bổn nguyên thanh tịnh như tấm gương lớn. Trong tác phẩm “*Viên Giác Lược Sớ Tự*”, Bùi Hưu viết: “*Là nguồn cội của chúng sinh nên gọi là tâm địa, lại bổn là bổn cực, lí thể của pháp tánh, là nơi tận cùng căn bản của pháp nên gọi là bản cực”.* Đây là những gì Niệm Lão dẫn chứng “*Kinh Viên Giác*”, là một đoạn trong chú giải. “*Bản nguyên thanh tịnh đại viên cảnh*”, đây là kinh văn, là một câu kinh văn, ý nói là bản nguyên thanh tịnh, bản nguyên là tự tánh, tự tánh là thanh tịnh. Đại sư Huệ Năng năm xưa lúc kiến tánh, nêu ra một câu báo cáo: “*Đâu ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh*”, thực sự kiến tánh.

Tự tánh là chân tâm, là tâm thanh tịnh, vốn không nhiễm mảy may bụi trần. Hiện tại chúng ta có bị nhiễm ô không? Không có. Dù có tạo tội ngũ nghịch, thập ác, đoạ vào địa ngục Vô gián thì chân tâm vẫn không nhiễm ô, vì thế nó gọi là chân.

Nhiễm ô là gì? Ô nhiễm là vọng tâm, không phải chân tâm, vọng tâm được gọi là A lại ya. A lại ya ô nhiễm còn chân tâm thì không, nhưng chúng sinh trong thập pháp giới quên mất chân tâm, có chân tâm nhưng bị mê mất vì thế nó không phát huy tác dụng. Cái khởi tác dụng là vọng tâm, đây gọi là phàm phu. Nếu chân tâm phát huy tác dụng đó gọi là Bồ Tát, vấn đề này chúng ta phải nhận thức rõ ràng. Chân tâm khởi tác dụng là Bồ Tát, A La Hán, Bích Chi Phật. Trong Kinh giáo gọi đây là Quyền giáo Bồ Tát. Thậm chí Phật trong thập pháp giới đều còn dùng vọng tâm, không phải chân tâm. Làm việc bằng chân tâm, thì không thấy thập pháp giới nữa, tức không có nữa, như mộng huyễn, bọt nước. Vì thế thực sự dùng chân tâm, khi nào làm việc bằng chân tâm thì bản thân quí vị biết được, khi đã vượt khỏi thập pháp giới thì biết mình đang dùng chân tâm, nhưng ở pháp giới tứ thánh vọng tâm được dùng đúng đắn, hoàn toàn phụng hành lời dạy của chư Phật, Bồ Tát, không vi phạm. Đây là cách dùng đúng đắn ở pháp giới Tứ thánh. Vì vậy cảnh giới đó cũng rất thanh tịnh, chúng ta gọi nó là Tịnh độ.

Tịnh độ là danh xưng đối lập với Lục đạo. Lục đạo ô nhiễm, không thanh tịnh; pháp giới Tứ thánh thanh tịnh không ô nhiễm. Nhưng cả hai đều dùng vọng tâm, dùng 51 tâm sở của bát thức. Những người lục đạo phàm phu chúng ta không nghe lời, nghe rồi không chịu làm, gọi là trước vâng lời nhưng sau không làm. Vẻ bên ngoài, giả bộ giống như một người đệ tử Phật, bên trong vẫn khởi tâm, động niệm, hoàn toàn trái ngược với lời dạy của Phật, vẫn còn tự tư, tự lợi, theo danh văn, lợi dưỡng, vẫn cứ tham, sân, si, mạn, nghi, chưa chuyển đổi trở lại, đây là Lục đạo chúng sinh. Tuy đã học Phật nhưng cứ tạo nghiệp, vẫn chịu quả báo, không ra khỏi Lục đạo. Thực sự muốn vượt khỏi Lục đạo, Phật Di Đà từ bi. Phật biết rằng cắt đứt phiền não rất khó, cho nên Tịnh Tông không cần cắt phiền não, không đoạn phiền não nhưng phải khống chế phiền não, là có thể vãng sinh. Khống chế được chính là đè phiền não xuống. Đè nó xuống, tuy có nhưng không phát huy tác dụng, thuật ngữ Kinh điển gọi là “bất hiện hành”, chúng ta gọi là không phát huy tác dụng, là có thể vãng sinh. Nếu lúc nào phiền não cũng hiện hành thì niệm Phật cũng không vãng sinh, điều này phải hiểu rõ. Làm sao để hàng phục? Khi phiền não vừa khởi liền đổi thành A Di Đà Phật, đây gọi là đè xuống. Niệm đầu là phiền não, nhưng niệm thứ hai là A Di Đà Phật, đây là cách đè nén nó xuống, đây gọi là biết niệm Phật, đây gọi là công phu niệm Phật đắc lực. Khi gặp thuận cảnh, liền sinh tâm hoan hỉ, sanh tâm tham ái. Đây là phiền não khởi hiện hành, đó là tạo nghiệp. Hoan hỉ sẽ tạo nghiệp gì? Nghiệp trời, người. Nghịch cảnh trong tâm không vui, lúc bực bội lại nổi nóng. Đổi thành một câu A Di Đà Phật liền đè xuống. Bực bội tạo ra nghiệp gì? Tạo nghiệp địa ngục. Khởi niệm tham là tạo nghiệp quỉ đói, là loài quỉ.

Ngu si, là không có khả năng phân biệt đúng sai, thiện ác. Thực ra thì nhiều lắm, bao gồm cả chúng ta ở trong đó. Đây là ngu si, ngu si là loài súc sinh. Cho nên phải cẩn thận với tham, sân, si, vì nó là nhân tố dẫn đầu của ba ác đạo, quí vị xem đáng sợ biết bao! Ý niệm này vừa khởi, niệm thứ hai là câu A Di Đà Phật, vì thế cổ đức đã dạy: “*Không sợ niệm khởi mà chỉ sợ giác chậm*”. Giác chậm là sao? Quí vị tiếp tục tạo ác nghiệp, niệm ác liên tục nhau, điều này rất nguy hại, đấy là tạo nghiệp. Niệm ác vừa nổi lên, không liên tục, lập tức ngừng nó lại, dùng danh hiệu Phật thuận tiện hơn gì hết. Thực sự, trong tám vạn bốn nghìn pháp môn thì niệm Phật là pháp môn thuận tiện nhất, hơn nữa là pháp môn phương tiện thù thắng nhất, vậy không niệm Phật sao được? Bởi vậy, bản thân bình tĩnh suy ngẫm, nếu ta không niệm Phật, thì ý niệm của chúng ta từng niệm nối tiếp từng niệm? Quán sát những niệm này, thì rốt cục niệm thiện nhiều hơn hay niệm ác nhiều hơn? Quí vị nên nhớ kỹ niệm thiện thì ở nơi tam thiện đạo, niệm ác thì ở trong tam ác đạo. Tự tư, tự lợi, lợi mình hại người, thì chắc chắn đó đều là niệm ác, toàn ở trong ác đạo. Bản thân ta không có, mỗi tâm mỗi niệm đều vì nhân dân phục vụ. Đó là niệm thiện, tam thiện đạo, chưa ra khỏi luân hồi Lục đạo, điều này không thể không biết.

Phật dạy chúng ta tu tịnh nghiệp, niệm Phật là tịnh nghiệp, tịnh nghiệp đầu tiên trong tịnh nghiệp. Phật A Di Đà Tam thiện đạo không có nữa, không tương ưng với tam thiện đạo, cũng không tương ưng với tam ác đạo, nó tương ưng với chỗ nào? Tương ưng với thế giới Cực lạc, tương ưng với Phật A Di Đà, quí vị xem thù thắng biết bao. Cho nên, nhớ Phật niệm Phật, hiện tại, tương lai nhất định thấy Phật.

Bồ Tát trong mười phương cõi nước của tất cả chư Phật ba đời; Nhị thừa, trời, người, có ai là không muốn thấy Phật A Di Đà? Không thấy được, người niệm Phật có thể thấy được, chỉ cần quí vị thật niệm, thực sự khống chế được phiền não. Niệm Phật mà không chế ngự được phiền não thì chỉ kết thiện duyên, trồng thiện căn với Tịnh Tông, đời này không thể thành tựu, việc thành tựu chỉ có trong kiếp sau, đời sau. Nếu quí vị hỏi kiếp nào mới thành tựu? Kiếp nào danh hiệu Phật có thể khống chế phiền não, kiếp đó sẽ thành tựu. Hiện tại quí vị khống chế được, thì hiện tại quí vị thành tựu. Hiện tại không thể khống chế được thì kiếp sau, đời sau, vậy thì phải chịu vô lượng vô biên khổ nạn.

Kiếp này nhân duyên thù thắng gặp được Tịnh Tông, gặp được nhân duyên tốt đẹp như thế, thì nên kiên trì buông bỏ tình chấp, dùng câu danh hiệu Phật để chế ngự ý niệm, việc vãng sinh của quí vị có thể thành tựu, công phu học tập của quí vị mới có hiệu lực. Trong quá trình học tập, điều quan trọng nhất đó là kinh giáo. Phật, Bồ Tát không trú thế nữa, kinh điển vẫn còn ở thế gian. Kinh giáo chính là trí tuệ, thần thông, đạo lực của Phật, Bồ Tát lưu lại trên thế gian này. Học tập kinh giáo chính là cách thân cận Phật, Bồ Tát đúng đắn, lời của cổ đức không sai tí nào. Nơi kinh giáo tồn tại tức là nơi có Phật. Câu này được nói trong kinh Phật, Phật ở đâu? Nơi nào có kinh điển thì nơi đó có Phật. Quí vị mở kinh quyển ra là quí vị có thể tiếp xúc với Phật. Nếu như chúng ta không chăm chỉ học kinh điển, chỉ học những nghi thức, nghi thức là những thứ bên ngoài, cái đó không có tác dụng gì. Bản thân không không được lợi ích, ngược lại còn sản sanh tác dụng phụ, tác dụng phụ thế nào? Làm cho xã hội đại chúng nhìn thấy chúng ta mê tín. Xã hội đại chúng phê phán Phật giáo là do chúng ta gây nên. Chúng ta trở thành những tội đồ của Phật giáo. Người phê phán có tội hay không? Người phê bình tội ít, tội lỗi của chúng ta mới nặng, bởi vì chúng ta gây ra nên họ mới phê phán. Nếu chúng ta làm đúng, họ sẽ tán thán, chúng ta làm không đúng, họ phê phán, chính tội lỗi này đáng phải đọa vào địa ngục vô gián. Chúng ta mới hiểu được sự nghiêm trọng vấn đề. Quí vị xem trong kinh điển Đại Thừa, kinh điển Đại, Tiểu thừa đều vậy, có vị Phật nào không giảng kinh, thuyết pháp? Có vị Bồ Tát nào không giảng kinh thuyết pháp? Tất cả đều không mệt nhọc hay nghỉ ngơi, giảng kinh thuyết pháp có nghỉ ngơi, đó là A la hán, Bích Chi Phật. Họ và Bồ Tát không giống nhau. Tâm Bồ Tát là bình đẳng, A La Hán, Bích Chi Phật có tâm thanh tịnh, không có tâm bình đẳng. Thuyết pháp cho mọi người phải là lúc thích thú. Khi họ thích quí vị thì họ sẽ nói cho quí vị, không thích quí vị họ không nói cho quí vị. Vậy là có sự phân biệt.

Bồ Tát không phân biệt, quí vị thỉnh họ nói là ngài nói, quí vị không thỉnh họ nói, họ vẫn nói. Bồ Tát làm người bạn không mời của chúng sanh. Quí vị không mời họ, họ sẽ tự đến, lúc nào họ đến? Họ có thể quan sát, họ biết quí vị đời đời kiếp kiếp, biết khi nào duyên quí vị chín muồi họ sẽ đến. Duyên nghĩa là gì? Quí vị có thể nghe hiểu, quí vị nghe xong sẽ hoan hỉ, sẽ không phản ứng, như thế gọi là có duyên. Như thế mới cảm động được chư Phật Bồ đến. Nếu quí vị bài xích, quí vị cự tuyệt, không chịu y giáo phụng hành, Phật, Bồ Tát không đến. Họ chắc chắn sẽ không giúp quí vị tạo nghiệp. Bồ Tát chỉ giúp quí vị tích luỹ công đức. Vấn đề này chúng ta phải nên biết, phải nên học tập.

“*Bổn* *nguyên thanh tịnh giống như tấm gương sáng vậy*”. Đây là lời của Thế Tôn nói trong “Kinh Viên Giác”: “*Bổn nguyên chính là tự tánh, cũng chính là pháp tánh*”. Tổ tiên người Trung Quốc có câu: “*Bổn* *tánh vốn thiện*”, cùng một ý nghĩa này. Vốn thiện đó chính là thanh tịnh như tấm gương sáng, đó là thiện, thiện hảo, thiện mĩ.

Trong “*Viên Giác Lược Sớ Tự”* có câu: “*Là bổn nguyên của chúng sanh*”, đây là nói pháp tánh, hoặc là tự tánh. Chân tâm là bản nguyên của chúng sanh, từ đó mà có chúng sanh, chúng sanh được sinh ra từ đó, vì thế mà gọi tâm địa. Địa là thí dụ, đại địa có thể sinh vạn pháp, cây cỏ hoa lá, ngũ cốc lương thực, đều từ đất mà sanh trưởng. Ví dụ chân tâm chúng ta có thể sinh, có thể hiện. Vạn sự vạn vật trong vũ trụ là do tâm địa sinh ra, hiện ra.

“*Lại nữa, bổn gọi là bổn cực*”, bổn cực nghĩa là gì? Là lí thể của pháp tánh, là cùng tận căn bản của pháp nên gọi là bổn cực. Chúng ta truy cứu vũ trụ vạn pháp từ đâu mà sanh ra? Sinh ra từ nguyên lý nào? Quí vị truy cứu đến cùng, sẽ phát hiện ra, nguyên lý hiểu rõ rồi, sự tướng cũng được sáng tỏ, đó gọi là cùng cực. Ngạn ngữ của Trung Quốc gọi là truy cứu tận gốc, hiểu rõ đến tận cùng.

Hiện tượng vật chất, xưa nay trong ngoài nước biết bao người đang tìm hiểu đến cùng. Vật chất rốt cuộc là gì? tinh thần rốt cuộc là gì? Gần đây, nhà khoa học nhà vật lý học người Đức Max Planck, đã nghiên cứu ra nguồn gốc hiện tượng vật chất. Ông đã có kết luận, chúng ta đã đọc được, đọc được kết quả nghiên cứu của ông. Ông ta nói: “trên thế giới căn bản không có cái thứ gọi là vật chất, vật chất là gì*?* Vật chất chỉ là một thứ ảo tưởng được sinh ra do ý niệm tích luỹ”. Vì thế cơ sở của vật chất là ý niệm. Tin tức này đã gây chấn động, vì trước nay chưa ai biết được. Nếu như tin tức này là chân thật, thì những thiên tai trên trái đất này chúng ta đã có cách thay đổi nó. Thiên tai trên trái đất là hiện tượng vật chất, mà cơ sở của vật chất là tâm niệm, ngày nay chúng ta nếu nắm vững được tâm niệm thì hiện tượng vật chất liền thay đổi được. Những lời của ông ta thật hay giả? Từ ba nghìn năm trước, trong kinh điển, Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói như vậy rồi. Ba nghìn năm sau Max Planck cũng chỉ nói như thế, đã dùng phương pháp khoa học để chứng minh nó, chứng minh những kinh điển Đại Thừa chúng ta thường tụng, tụng như thế nào? Tụng nhưng không hiểu. Tụng những gì? “*Tất cả đều từ tâm tưởng sinh*”, điều này kinh điển thường nói thế.

“Kinh Hoa Nghiêm” nói, tất cả những hiện tượng vật chất: “*Do tâm hiện ra, biến hiện theo thức*”, chúng ta không biết đã đọc bao nhiêu lần, quí vị không hiểu lại dường như hiểu, quí vị nói họ hiểu nhưng thật ra họ không hiểu, vì sao vậy? Nếu thật sự hiểu rồi, thì vấn đề của bản thân đã được giải quyết. Thân tôi có một số bệnh, tật xấu, tôi liền có năng lực thay đổi nó, tôi dùng ý niệm để thay đổi nó, không cần khám chữa bệnh. Tình trạng sức khoẻ của chúng ta, dung mạo của chúng ta, đều có thể dùng ý niệm để thay đổi, không cần đi thẩm mĩ viện, vì sao vậy? Tướng do tâm sinh. Ý nghĩ hay thì tướng mạo sẽ đẹp; ý tưởng lành mạnh thì sức khoẻ dồi dào; ý niệm tốt thì môi trường xung quanh chúng ta đều tốt đẹp; ý niệm lành mạnh thì sông núi đất đai tuyệt đối sẽ không có tai họa, nó lành mạnh, những câu này rất quan trọng!

Ba nghìn năm trước Phật đã nói, trải qua các thời đại mọi người đều biết, nhưng ai cũng hoài nghi, đều không dám hoàn toàn tin tưởng. Quí vị không thể nói họ không tin, họ tin, họ có thể nói nữa. Quí vị bảo họ tin, nhưng họ hoàn toàn không thực hiện. Họ mắc bệnh, vẫn đi tìm thầy thuốc, vần đi tìm thuốc, như thế là không tin. Thực tin thì họ có thể thay đổi, họ thực sự sửa đổi. Khi không sửa đổi được, vẫn còn phương pháp, phương pháp đó chính là kinh nghiệm của tôi. Ngày ngày đọc kinh, ngày ngày giảng kinh, giảng cho ai nghe? Giảng cho bản thân nghe, bản thân nghe nhiều lần, nghe mấy ngàn lần, mấy vạn lần, giả cũng trở thành thật. Diện mạo của quí vị tự nhiên thay đổi, thể chất tự nhiên thay đổi, môi trường cư trú thực sự không bị thiên tai nữa, quí vị liền phát hiện ra. Huân tập từng tí tứng tí một, huân tập đến cuối cùng liền trở thành thật tin. Khi đã thật tin liền thật làm. Đức dụng của Phật Pháp Đại Thừa liền có mặt. chúng ta ngày nay không thể thấy những thứ trong kinh điển, là vì sao? Bây giờ chúng ta có thể hiểu nhưng không có chút công phu nào.

 Phật A Di Đà phát bốn mươi tám nguyện, trải năm kiếp tu hành mới có kết quả. Chúng ta tu tập một đời một kiếp này, chưa được, thời gian ngắn quá. Ngài tu năm kiếp, thế giới này thành trú hoại không năm lần, thời gian dài như vậy, 48 lời nguyện này mới sản sinh hiệu quả. Ngày nay chúng ta phát nguyện vô ích, Vì sao vậy? Vì không có nền tảng tu học, nên nguyện này là nguyện rỗng, không sản sinh kết quả. Nguyện phải có thực hành thực sự gia trì cho nó, sau nguyện phải có thực hành, nguyện đó mới phát huy tác dụng.

Vì thế A Di Đà Phật ở thế giới Cực lạc, mỗi nguyện đều tự nhiên thành tựu. Thế giới Cực lạc do 48 nguyện tạo thành. Thế giới Cực Lạc y báo chánh báo trang nghiêm đều không ngoài 48 lời nguyện. Vậy chúng ta mới hiểu được nguyện lực không thể nghĩ bàn. Nhưng nguyện và hành, thì hành vô cùng quan trọng. Không hành thì nguyện là giả. Có hành, nguyện mới thật. Hành viên mãn rồi, nguyện liền viên mãn. Cho nên lí thể của pháp tánh chính là chân như bản tánh. “Kinh Viên Giác” gọi nó là bổn cực. Bổn cực được nói trong “Kinh Pháp Hoa”.

Dưới đây dẫn chứng, “*Pháp Hoa Huyền Nghĩa*” viết: “*Pháp thân bổn cực vi diệu sâu xa*”. Đó là thành tựu của công đức, là thành tựu của công đức vốn có của tự tánh, nhưng vì công đức tự tánh vốn có của chúng ta, vì đánh mất tự tánh nên nó không khởi tác dụng, bây giờ phải nhờ tu đức, tu đức nghĩa là tu sửa lại công đức vốn có của tự tánh, là bản thân vốn có, vì mê quá nặng, bây giờ cần phản tỉnh, phải quay về căn bản, tìm lại tất cả những trí tuệ, đức năng, tướng hảo trong tự tánh của mình, như vậy là thành Phật rồi.

“*Từ đó có thể thấy, bổn là bổn tâm của chúng sanh*”, chân tâm của chúng sanh. Bản thân thực sự, trong kinh điển nói là “*bản lai diện mục khi cha mẹ chưa sinh*”, chính là cái đó, thứ này không sinh không diệt, tìm thấy nó, quí vị thành Phật, quí vị đại triệt đại ngộ.

“*Thực tế lí thể*”, thực là chân thực, lí tức đạo lí chúng ta ngày nay, thể nghĩa là có thể sinh, có thể hiện, nó là bản thể. Vạn sự vạn vật trong pháp giới, hư không giới đều sinh ra từ đó. Nó là cội, là gốc, vì thế nên gọi là “*Bản cực pháp thân”*. Nó không có hình tướng, nhưng nó có thể hiện hình tướng. “*Tức thực tuớng chân như*”, “Kinh Bát Nhã” thường dùng bốn chữ “chân như thật tướng” này.

 “*Đầy đủ các gốc công đức, tận cùng nguồn tâm vậy. Pháp thân an trú, nhập thật tướng các pháp vậy*”. Đầy đủ gốc công đức có ba nghĩa, tận cùng nguồn tâm là triệt chứng, nguồn tâm là tự tánh, chứng đắc triệt để, không phải chứng từng phần. Chứng từng phần là Pháp thân Bồ Tát, họ chứng đắc nhưng chưa viên mãn. Như lai Diệu Giác họ chứng đắc viên mãn. Viên mãn gọi là triệt chứng, triệt để chứng đắc.

An trú pháp thân, an ở đây là an toàn, an trú viên mãn nơi tự tánh, thành một thể với tự tánh, nó vốn là nhất thể, bây giờ mới hoàn toàn rõ ràng, hoàn toàn khế nhập, không còn mảy may trở ngại. Ngại là chướng ngại, cách là cách biệt, không còn nữa. Người xưa ví “*hoà hợp như nước với sữa”*, dung hòa vào nhau. Đây chính là tánh đức, tánh đức vốn là như thế, nó dung hòa với tất cả chư Phật Như Lai thành một thể; dung hòa với chúng sinh trong mười pháp giới thành một thể; dung hợp với tất cả hiện tượng thành một thể. Ngày nay trong khoa học nói là hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên đều dung hòa thành một thể của. Nó thực sự là một thể. Đây chính là quả Phật cứu cánh viên mãn. Cảnh giới này được gọi “*Thường Tịch Quang*”. Cảnh giới này tiếng Phạn gọi là “*Đại Bát Niết Bàn*”, cũng gọi là “*Đại Quang Minh Tạng*”. Chúng ta muốn tìm về chính mình, tìm về căn nguyên cuối cùng chính là tìm về đây. Đến được nơi đây chính là viên mãn thành Phật, đến được nơi đây mới biết được tất cả chúng sinh trong khắp pháp giới hư không giới là chính ta, đó là tìm thấy rồi.

Hiện tại chúng ta đang còn có anh, tôi, người ta, thì chưa tìm được. Tuy đọc rất nhiều kinh điển Đại Thừa, dường như có tin tức như vậy, nhưng không thể chứng thực được. Công phu tu tập đến nơi rồi mới biết rằng đó là thật, không phải giả. Kinh Phật không nói dối, quí vị chứng thực rồi thì mới thực sự là nhất thể. Vì vậy tâm từ bi của Phật, Bồ Tát chính là tánh đức, từ bi của tự tánh, vô duyên đại từ, đồng thể đại bi. Quí vị nghĩ đến hai chữ đồng thể. Đồng thể ở đây nói là bổn cực, bổn cực bổn tánh là đồng thể, như thế thì còn gì để nói!

Tự mình đối với chính mình mà còn có ác ý sao? Chúng ta dùng ác ý đối với chúng sanh, chính là dùng ác ý đối với chính mình, vì chúng sinh và bản thân là một. Khi chứng được cảnh giới này rồi thì gọi Pháp thân Bồ Tát, người này không ở trong mười pháp giới nữa. Người niệm Phật họ chắc chắn sẽ trú nơi cõi Thật báo Trang Nghiêm của Phật A Di Đà. Bởi vì người ở cõi Thật Báo Trang đều biết mình và người là nhất thể. Hai cõi nước sau không có cảnh giới này, họ vẫn còn tập khí phân biệt, đến cảnh giới này tập khí mới coi như đoạn hết, chứng được bản cực.

An trú pháp thân tức là chứng đắc pháp thân, nhập vào thực tướng các pháp, biết được tất cả các pháp chính là bản thân, đó gọi là chân tướng, thật tướng là chân tướng.

“*Bồ đề giả*”, dưới đây giải thích hai chữ Bồ đề, “*An Lạc Tập*” viết: Bồ đề là tên Phật đạo vô thượng. Bồ đề là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung Quốc có nghĩa là Phật đạo. Phật có nghĩa là Bồ đề, Phật có nghĩa là giác, Bồ đề là giác. Vô thượng Phật đạo, trong “Kinh Hoa Nghiêm” nói: Diệu giác Như Lai mới là Phật đạo vô thượng, được gọi là đại Bồ đề. Người học Phật, trong kinh điển có một danh từ gọi là A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Câu này có thể dịch, hoàn toàn có thể dịch, nhưng nó không được dịch, mà vẫn dùng dịch âm tiếng Phạn. Điều này trong thể lệ phiên dịch thời xưa gọi đó là “tôn trọng nên không dịch”. Người học Phật cầu những gì? Chỉ cầu điều này, là cầu mong A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, không phải cầu thăng quan phát tài, chỉ cầu điều này thôi. Câu này nếu dịch ra nghĩa là “vô thượng chánh đẳng chánh giác”. “A” dịch là “vô”, “nậu đa la” dịch ra tiếng Trung Quốc có nghĩa là “thượng”, “tam” là “chánh”, “miệu” là “đẳng”, “chánh đẳng”, cuối cùng là “tam bồ đề”, “tam” là “chánh”, “bồ đề” là “giác”, dịch cả câu là “Vô thượng chánh đẳng chánh giác”. Người học Phật chỉ mong điều này. Quí vị còn mong cầu gì khác thì quí vị đã sai. Mong cầu thứ khác là những thứ gì? Đó là những thứ trong Lục đạo. Trong Lục đạo không có A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, trong Tứ thánh pháp giới có tam bồ đề, tức là có Chánh giác, nhưng không có Chánh đẳng chánh giác. Vì thế chúng ta có thể nói, Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật trong Tứ thánh pháp giới đều là Chánh giác, chứ không phải là Chánh đẳng chánh giác. Chánh đẳng chánh giác phải phá vô minh, chứng pháp thân, chứng pháp thân mới được gọi là Chánh đẳng chánh giác. Ai là người Chánh đẳng chánh giác? Đó là bốn mươi mốt đại sĩ pháp thân trong “Kinh Hoa Nghiêm” đều gọi là Chánh đẳng chánh giác.

Vô thượng? Vô thượng là Diệu giác, chỉ có một chỗ. Diệu giác là thực sự thành Phật, Phật cứu cánh viên mãn. Còn Chánh đẳng chánh giác? Đó là phân chứng tức Phật. Chánh giác nằm trong Tứ thánh pháp giới, đó gọi là tương tự tức Phật, vẫn chưa thật sự, tương tự, giống Phật, không phải chân Phật, là Phật trong mười pháp giới. Đại sư Trí Giả tông Thiên Thai nói cho chúng ta vậy. Cho nên học Phật là để làm Phật, phải thành Phật. Thành Phật là thành như thế nào? Thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Chúng phải cầu điều này, đây chính là tông chỉ, mục tiêu tu học trong Phật pháp. Ở đây có ba giai đoạn, từ dưới nói lên trên. Thứ nhất là Chánh giác, tiếp theo là Chánh đẳng chánh giác, thứ ba là Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Giai đoạn thứ nhất là A La Hán và Bích chi Phật, quyền giáo Bồ Tát. Giai đoạn thứ hai là bốn mươi mốt vị pháp thân đại sĩ. Giai đoạn thứ ba Phật quả Diệu giác cứu cánh. Đây là ba học vị, người chứng được chánh giác, trong giáo lý Đại Thừa gọi họ là A La Hán. A La Hán là học vị thứ nhất, học vị thấp nhất, thành chánh giác. Học vị thứ hai, từ Viên giáo Sơ trú đến Đẳng giác, trong này có 41 cấp bậc. Họ chứng được là Chánh đẳng chánh giác, Bồ Tát. Vì thế nên Bồ Tát là học vị thứ hai. Cuối cùng, đây là học vị cao nhất, Vô thượng chánh đẳng chánh giác, danh xưng của học vị đó gọi là Phật Đà.

Chúng ta học Phật nỗ lực dần dần sẽ đi lên, đầu tiên chứng được là Chánh giác, thêm một bậc nữa là Chánh đẳng chánh giác, cuối cùng chứng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì thế, Phật đà, Bồ Tát, A La Hán là danh xưng ba học vị trong Phật giáo học. Danh xưng này bình đẳng, ai cũng có thể lấy được. Vì sao ai ai cũng có thể lấy được? Phật dạy: “*Tất cả chúng sinh vốn là Phật*”. Nói cách khác, Phật khẳng định, chúng ta ai ai cũng vốn là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chỉ vì một niệm bất giác, mê lầm, mê mất bản tánh, khi mê rồi thì càng mê càng sâu, mê đến nông nỗi này. Hình dạng hôm nay thật đáng thương, hoàn toàn không một chút trí tuệ, thứ ta có là gì? Phiền não, tập khí. Khởi tâm động niệm ai là người chủ nhân, ai là chủ chốt? Phiền não làm chủ, tập khí làm chủ. Bản thân không phải là người nữa! Quí vị xem quí vị đáng thương biết bao.

Người là gì? Người là Phật. Phật, Bồ Tát từ bi giúp đỡ chúng ta khôi phục lại, khôi phục điều này gấp không được. Về lí thì trong một niệm, Phật với chúng sinh chỉ khác nhau trong một niệm, nói trên lý là vậy. Một niệm giác, chúng sinh liền thành Phật. Một niệm mê, Phật biến thành chúng sinh, chỉ trong một niệm. Nhưng một niệm này chúng ta không phản tỉnh được. Vì không phản tỉnh được nên Phật dạy chúng ta phải từ từ, buông bỏ từng tí một. Trải thời gian dài, từ từ quí vị sẽ buông bỏ được.

Hiện tại chúng ta học Phật, tu học theo Tịnh tông, có thể ngày trong đời này vãng sanh gặp Phật A Di Đà, chắc chắn không phải chúng ta mới bắt đầu tu học trong kiếp này, điều này không thể được. Trong quá khứ chúng ta đã từng tu hành rất nhiều đời, đời đời kiếp kiếp tu hành, tích luỹ thiện căn phước đức, nên đời này lại gặp được. Gặp rồi, tiếp tục tu tập mới có tâm tinh tấn mạnh mẽ, thật tin, thực sự phát nguyện, không hoài nghi đối với thế giới Tây phương Cực lạc. Thực sự phát nguyện, thực tâm muốn đi, ngay trong kiếp này quả nhiên đi được rồi. Cội gốc thiện căn trong đời trước kiếp trước sâu dày, không có cội gốc đó thì không được. Cội gốc kém một chút, đời này nếu gặp được duyên, cũng được! Đây chính là điều đại sư Thiện Đạo nói: “Do gặp duyên không giống nhau”. Cội gốc kém một chút, gặp được duyên lành, gặp bạn hiền, gặp được đạo tràng tu học tốt, bạn đồng tu đồng học tốt dẫn dắt đi lên. Chuyện này cũng có nhưng không chắc chắn, chưa chắc quí vị đã gặp được, hoặc gặp được chưa chắc quí vị đã chịu làm, gặp người siêng tu thì duyên đó đã chín muồi, nhất định kiếp này sẽ được vãng sinh.

Còn một thứ chưa chắc chắn nữa, khi sinh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc rồi, quí vị được thượng thượng phẩm vãng sanh, hay hạ hạ phẩm vãng sanh, cũng do gặp duyên khác nhau, chắc chắn vãng sanh là định số. Quí vị sinh ở đẳng cấp nào là điều không chắc. Điều này là đại sư Thiện Đạo nói cho chúng ta. Chúng ta nghe xong rất hài lòng, nhất định đến thế giới Cực lạc. Thế giới Cực lạc là trường học, quí vị học từ lớp một từ từ học lên, hay là chen ngang vào? Đó là duyên phận, có người rất giỏi dang, chen ngang lại chen thẳng vào thượng thượng phẩm, vào lớp tiến sĩ luôn, vậy là thành Phật rất nhanh. Có người vào lớp một tiểu học từ từ học lên thôi, nhưng cuối cùng nhất định thành Phật. Chỉ là thành Phật sớm muộn không giống nhau mà thôi. Có người rất nhanh, có người rất chậm. Cho nên với bất kì người nào, chúng ta không được sinh lòng khinh mạn, không được coi thường người ta. Vì sao vậy? Nói không chừng họ chen vào đến thế giới Cực lạc. Lớp của họ cao hơn chúng ta, chúng ta không bằng họ. Quí vị chớ thấy họ hiện tại ngu ngơ, chúng ta cảm thấy mình rất thông minh, khi chúng ta vãng sanh, chỉ được vào lớp một học dần lên. Người ta không thông minh lại ngốc nghếch, họ vào lớp lại vào thẳng lớp tiến sĩ, đừng thấy mặt mà bắt hình dong, nước biển không thể đo lường, phải sanh tâm cung kính với tất cả chúng sinh. Điều này vô cùng có lý. Đối với bất kì chúng sanh nào, dù làm thiện hay làm ác, mình cũng phải cung kính.

Bồ Tát Phổ Hiền đã dạy chúng ta “*Lễ kính chư Phật*”, không thể không cung kính, không thể không cúng dường. Cúng dường là tu phước, người ít cúng dường phước báo ít, không phải là người đại phước báo. Phổ cúng dường sẽ được đại phước báo. Phổ cúng dường là gì? Có bao nhiêu cúng bấy nhiêu, không giữ lại, đem ra cúng dường hết. Sau đó mọi thứ sẽ trở lại hết, càng lâu càng nhiều, càng nhiều lại càng phải cúng dường. Càng ngày càng nhiều là sao? Đây là Phật Bồ Tát gia trì. Quí vị có tâm lớn, quí vị có nguyện lớn, chư Phật, Bồ Tát thành tựu cho quí vị, gia trì quí vị. Nếu tâm địa quí vị hẹp hòi, chỉ lo cho bản thân không quan tâm đến người khác, không tậm tâm tận lực giúp đỡ người khác, cúng dường đồ vật cho người, chọn thứ xấu hơn để cúng dường người khác, thứ tốt hơn để lại, đó là tâm lượng hẹp hòi, người này phước báo không lớn. Ngoài ra có một hạng người tâm lượng rộng hơn quí vị, phước báo của họ cũng hơn quí vị, những thứ tốt đẹp đem cúng dường cho người, những thứ không tốt dành lại bản thân dùng, người này phước báo lớn.

Vì thế quí vị phải nhớ một câu nói của Phật “lợi tha là thực sự lợi mình, lợi mình là thực sự hại mình”. Phật đối với chân tướng sự thật hiểu rõ triệt để. Chúng ta không biết, chúng ta luôn cho rằng mình thua thiệt, mắc lừa! Nhưng người xưa đã có câu: “Chịu thiệt là phước, bị lừa là trí tuệ”. Quí vị có thể tin được không? Người có trí tuệ họ tình nguyện bị lừa. Người không có trí tuệ, bị lừa thì oán hận, khởi tâm oán hận, tâm oán hận khởi lên thì đi đến đâu? Đến thẳng địa ngục, vì thế tâm hoan hỷ của họ không sanh khởi được, nên cần trí tuệ. Người có trí tuệ luôn luôn hoan hỉ, bị lừa cũng hoan hỉ, thua thiệt cũng hoan hỉ, vì sao vậy? Say này phước vô cùng, phước báo về sau lớn lắm. Tham chút lợi trước mắt, phước báo của bản thân dễ dàng hưởng hết, sau khi hưởng hết thì không còn gì. Bởi vì những gì quí vị có được đều không dùng phương thức chánh đáng, toàn dùng thủ đoạn bất thiện để đạt được. Nhưng những thứ có được vẫn là phước báo. Quí vị không có phước, dùng thủ đoạn bất thiện cũng không đạt được.

 Quí vị làm ăn trộm, ăn cướp, mà quí vị không phước báo, thì chưa cướp được đã bị cảnh sát tóm đi rồi, vì quí vị không có phước. Quí vị có phước, những thứ cướp được, trộm được, quí vị còn có thể hưởng thụ, Vì sao vậy? Vì quí vị vẫn còn phước báo của mình. Nhưng phước báo của quí vị đã bớt đi một phần lớn mà quí vị không hay. Ví dụ quí vị vốn có được một ức phước báo, quí vị đi ăn trộm, ăn cướp của người ta, chỉ cướp độ vài triệu, quí vị đã thấy nhiều lắm rồi, và quí vị đã đánh mất mấy ức phước báo, thiệt thòi rất nhiều. Khi đã hiểu vấn đề rồi thì quí vị không còn tâm trộm cắp nữa, đoạn luôn ý niệm lợi dụng người khác, đó chính là cội gốc phước đức của quí vị. Dùng thủ đoạn không đúng để chiếm đoạt của người khác, sẽ làm giảm phước báo của quí vị. Rất nhiều người không biết, ngày ngày làm những việc ngu ngốc này, ngày ngày đều mất phước, còn cho rằng bản thân phước báo rất lớn. Khi đã hưởng hết phước báo thì đóng cửa phá sản, ngay cả ngân hàng cũng phá sản, do hưởng hết phước báo rồi. Những chuyện này luôn bày ra trước mặt chúng ta, chỉ cần quí vị để tâm quan sát một chút quí vị đều có thể nhận ra, đều ngay trước mắt, không giả dối tí nào. Vì vậy người xưa có một câu nói rất hay: “Rộng rãi thì phước nhiều, hẹp hòi thì ít phước”.

Phước báu không ai có thể so sánh được với Phật, vì sao? Vì tâm lượng của Phật lớn, tâm bao thái hư, lượng khắp sa giới, cho nên phước báo của Phật vô cùng vô tận. Mỗi người chúng ta đều có phước báo như Phật, khi mê lầm phước báo đó hoàn toàn không thấy nữa, không phải là không có mà là mê mất, mê mờ phá rồi thì nó hiện tiền. Cho nên tất cả những vật phẩm vật chất chúng ta cần trong cuộc sống, có cần thiết phải chiếm hữu không? Không cần thiết. Quí vị muốn chiếm hữu, chiếm hữu không được, nó không thuộc về quí vị, quí vị làm sao mà chiếm hữu? Dùng phương pháp chiếm hữu để có được, thực sự có được rồi vẫn là số quí vị đã có vậy. Quí vị xem có oan uổng không?

Ở đây có một cuốn sách, tôi nghĩ rất nhiều người đã xem qua, “*Khải tản quân đoàn đông chinh Trung Quốc chi mê*”, quyển sách này ghi chép lại cuộc nói chuyện giữa người và ma. Caesar là một quân vương của đế quốc La mã. Ông ta sống cách chúng ta hai nghìn một trăm năm, hai nghìn một trăm năm trước, ông ta đã đưa một đội quân hơn một trăm ngàn binh sĩ định chinh phục Trung Quốc. Tướng quân thống lãnh quân đoàn này là con trai thứ ba của ông này, thái tử thứ ba. Quân đoàn này bị đánh úp toàn bộ tại Trung Quốc, đều chết trong Trung Quốc, những linh hồn này đến bây giờ vẫn còn, vẫn rất mạnh mẽ, có linh hồn dựa vào thân một phụ nữ nông dân, kể lại câu chuyện này, rồi viết thành quyển sách như vậy. Quân đoàn này rất đáng thương, hiện tại là cô hồn dã quỷ lang thang khắp nơi. Họ gặp một vị Bồ Tát, vị Bồ Tát này chúng tôi nghĩ chắc là háo thân của Quan Thế Âm Bồ Tát. Họ gọi Ngài là Bồ Tát Lợi Tân. Bồ Tát nói với họ: Trung Quốc không phải của quí vị, quí vị đến đây làm gì? Ý nghĩa câu nói rất sâu sắc, dùng vũ lực chinh phục để có được đất đai, nhân dân. Là của quí vị, quí vị sẽ thống lãnh được một thời gian. Không phải của quí vị, quân đội quí vị hùng cường như thế, tất cả đều bỏ mạng ở đây, không phải quí vị. Nếu là của quí vị thì không cần dùng vũ lực để chinh phục cũng thống trị được, tại sao vậy? Số mạng các quí vị đã có, quí vị có đức hạnh đó, có phước báo đó, đã có số phận đó. Trong số phận có thì sớm muộn gì cũng có, số mạng đã không chớ miễn cưỡng tìm. Con người lại cứ làm những việc dại đột đó, đoạ vào địa ngục chịu khổ, chịu nạn, vô cùng đáng thương. Những người áp vong kể câu chuyện này ra. Bây giờ đều qui y Tam Bảo, đều học Phật rồi, họ mong xây dựng cho họ một ngôi miếu để họ có nơi cư trú, không phải làm cô hồn dã quỷ nữa, hi vọng có một đạo tràng để mọi người cùng nhau niệm Phật, cùng tu cầu sinh Tịnh độ.

Cư sĩ Tề Tố Bình, ở Cam Túc, chính là nơi mà họ đã chết, cuối cùng hết cách này tự sát tập thể, tức toàn quân bị đánh úp, nguyên soái tướng quân của họ cũng chết tại đó, ở nơi đó xây một ngôi miếu, có lẽ sắp hoàn thành rồi. Tề lão cư sĩ nói với tôi, khoảng tháng bảy năm nay ngôi miếu nay được xây xong. Họ có một đạo tràng để an cư niệm Phật. Điều này nói lên điều gì? Người không chết, chỉ thân xác chết thôi, linh hồn hai nghìn một trăm năm nay vẫn rất mạnh mẽ. Những người này từng đến gặp tôi, cũng là mượn thân, khi tôi đang ở Hồng kông, đến nhờ tôi giúp đỡ. Lần đầu đến tìm tôi nhờ giúp đỡ, tôi đang ở nước ngoài, họ không thể ra nước ngoài, ma cũng có giới hạn. Họ ra nước ngoài cũng cần giấy thông hành, không có giấy thông hành họ không thể đi được, vì thế bây giờ không thể quay trở về La Mã. Thiên thần giữ biên giới không để cho họ đi. Tôi đang ở nước ngoài, tôi làm sao giúp đỡ họ? Tôi liền nghĩ đến cư sĩ Tề Tố Bình, tôi nói tin tức này với bà ấy, bà ấy đến hỏi thăm, đến Cam Túc hỏi thăm, gặp được người phụ nữ bị áp vong đó. Quả nhiên người bị áp vong, kể chi tiết tình hình xin bà giúp đỡ, đây là chuyện thật, không giả dối chút nào.

Tác giả cuốn sách này là một vị trưởng phòng ở phòng mặt trận thống nhất ở địa phương này. Ông hoàn toàn không tin chuyện này, đây là chuyện nhảm, nhưng sau năm, sáu lần tiếp xúc, liền cảm thấy đây là chuyện thật, không phải giả, tuyệt đối không phải là câu chuyện do người bị vong nhập soạn ra, không thể vậy. Ông ta cũng tốn rất nhiều công sức, tìm rất nhiều người để đối chứng. Ví dụ như lời bà ta nói là tiếng của người La Mã cổ, không ai nghe hiểu được. Ông tìm đến trường ngoại ngữ nhờ các học giả chuyên gia đến đó để phỏng vấn, chứng minh cô này nói thật, không phải lừa dối.

Cho nên nhân quả ba đời, quí vị không thể không tin. Nếu quí vị không tin, thì sau này hối hận cũng không kịp. Những tin tức này mang đến cho chúng ta một thông điệp, con người nhất định phải thành thật, phải chân thành, phải biết được vận mệnh. Vận mệnh có, sẽ có, không cần cưỡng cầu, đến lúc tự nhiên quí vị liền có. Vận mệnh không có, trăm phương ngàn kế cầu mong, cầu không được. Vậy là quí vị tạo rất nhiều nghiệp bất thiện một cách oan uổng. Con người nhất định phải giữ phép tắc. Nếu muốn phát tài, trong Kinh Phật dã dạy cho chúng ta nhiều phương pháp tốt, thế nào mới phát tài? Bố thí của cải sẽ phát tài, bố thí tiền của là nhân, được giàu sang phú quí là quả, tài được phát như vậy, đó là chân tài! Cho nên bố thí, quả báo là càng bố thí càng nhiều của cải. Cuối cùng Đức Phật dạy chúng ta đừng tích chứa của cải, đừng cất giữ những thứ đó, càng nhiều càng bố thí, càng bố thí càng có nhiều, càng nhiều càng bố thí, luôn luôn bố thí, đừng nên cất giữ. Vậy thì của cải của quí vị không bao giờ cạn. Quí vị mới có thể giúp đỡ được rất nhiều chúng sanh nghèo khổ. Quí vị hiểu được đạo lí này.

Thông minh trí tuệ là nhờ bố thí pháp, khoẻ mạnh sống lâu là nhờ bố thí vô uý. Vô uý là tuyệt đối không làm tổn hại chúng sinh, vì thế không ăn thịt chúng sinh là bố thí vô uý. Quí vị không làm thương tổn chúng thì quả báo của quí vị là sức khoẻ sống lâu. Ba thứ quả báo mọi người ai cũng mong ước, nhưng họ không chịu tu nhân, như thế là sai rồi.

Quí vị thấy trong kinh điển, mỗi vị Phật, mỗi vị Bồ Tát, thậm chí Thanh văn, Duyên giác, tất cả những việc làm của họ đều là ba thứ bố thí này. Phật A Di Đà, xây dựng thế giới Cực lạc là bố thí của cải, thế giới Cực lạc dùng để làm gì? Tiếp dẫn chúng sinh trong tam đồ, Lục đạo đến thế giới Cực lạc để cầu học tập, đó là bố thí của cải. Ngày ngày giảng kinh thuyết pháp cho mọi người đó là bố thí pháp. Trong cả hai thứ kể trên đều có bố thí vô uý, vì vậy phước báo của Phật A Di Đà mới lớn như thế. Tất cả chư Phật đều không thể so sánh với Ngài. Ngài vui với điều này không chán, hoan hỷ làm, càng làm càng vui, càng làm thế giới càng trang nghiêm. Mỗi ngày người đến nơi đó học tập không biết bao nhiêu mà kể! Những điều này cũng tạo thành tấm gương tốt cho chúng ta thấy. Chúng ta phải phát tâm học tập theo Ngài.

 Bố thí phải bắt đầu từ gần đến xa, trước tiên đối với người nhà rộng rãi khảng khái, không có tâm ích kỉ, không có của riêng mình. Chăm sóc người nhà trước, sau đó đến bà con láng giềng, dần dần rộng ra mọi người xung quanh. Quan tâm đến bà con bè bạn, tiếp tục quan tâm đến tất cả chúng sinh khổ nạn. Cách làm của quí vị, không những được Tam bảo gia trì mà Long thiên thiện thần ủng hộ, quỉ quái yêu ma cũng nể phục quí vị. Họ không bao giờ quấy nhiễu quí vị, vì sao? Quí vị là người tốt. Yêu ma quí quái thường tìm đến những người nào? Người bề ngoài tốt nhưng tâm địa không tốt, họ sẽ tìm đến quí vị, đến quấy nhiễu, lí do vì sao? Quí vị vờ vịt, quí vị không thực tâm. Nếu quí vị sống thực, họ sẽ phục quí vị. Chứng minh lời dạy trong Phật Pháp: “mỗi người là người tốt, mỗi việc là việc tốt”, yêu ma quí quái cũng là người tốt, quí vị tử tế với họ, họ sẽ tử tế với quí vị, quí vị giả dối với họ, họ sẽ trả thù quí vị.

Vì thế Bồ đề là đại giác, thực sự giác ngộ, Bồ đề là tên gọi của Vô thượng Phật đạo.

“*Tu thắng Bồ đề hạnh*”, tu tập hạnh thù thắng vô thượng Phật đạo, là câu tiếp của câu trên, “*tức từ căn bản trí đến sai biệt trí; từ đại trí của Văn Thù mà khởi đại hạnh của Phổ Hiền, mà đức của Bồ Tát Phổ Hiền đoan chánh quy hướng thế giới Cực lạc vậy*.” Những câu này kết luận vô cùng hay.

Tu hạnh thù thắng của Phật đạo, Phật đạo thù thắng thực tiễn nơi thập độ của Bồ Tát. Trong “*Kinh Hoa Nghiêm*” nói Thập độ. Thông thường Đại Thừa nói Lục Độ. Mọi người đều biết Lục Độ, đó là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Mỗi ngày Bồ Tát đều thực hiện những công việc này. “Kinh Hoa Nghiêm” dùng mười đại diện viên mãn. Vì thế từ Bát nhã độ khai phương tiện, nguyện, lực, trí, liền thành mười độ. “Bát nhã” là căn bản trí, “phương tiện” là thiện xảo phương tiện, “nguyện” là phát nguyện, giống như bốn mươi tám lời nguyện của Phật A Di Đà. Dùng nguyện thúc đẩy lúc đó mới sinh ra lực, “lực”, như ngày nay chúng ta gọi năng lực, nó có năng lực. Cuối cùng là trí, “trí” ở đây là tri thức. Sử dụng phương pháp này để bố thí trí tuệ chân thực cho chúng sinh, để cho tất cả chúng sanh đều nhận được lợi ích ngay bây giờ.

 “Kinh Hoa Nghiêm” giảng rất chi tiết về Thập ba la mật, Thập nguyện của Bồ Tát Phổ hiền. Bồ Tát dùng những phương pháp này thực sự lợi lạc cho hữu tình, giúp đỡ tất cả chúng sinh lìa khổ được vui.

Nhà Phật thường nói, “pháp luân chưa chuyển, trước chuyển thực luân”, thế giới Cực lạc cũng là ý nghĩa này. Chưa nghe Phật A Di Đà giảng kinh thuyết pháp, được hưởng thụ cuộc sống vật chất ở thế giới Cực lạc trước, cần hiểu được mong muốn của chúng sanh, hiểu được mong cầu của chúng sinh, ăn mặc đủ mới biết vinh nhục, phải đảm bảo cuộc sống vật chất, mới nói đến chuyện học tập, họ mới yên tâm học hành. Cuộc sống chưa vững vàng, quí vị bảo họ đến học, họ không làm được, vì tâm họ đã yên đâu. Vì thế chúng ta phải làm sao giúp đỡ họ ổn định cuộc sống vật chất, trước phải bố thí tiền của sau đó mới bố thí giáo pháp, cuối cùng là bố thí vô uý. Ba loại bố thí này phải thực hiện thứ tự có trước sau. Tài sản là sức lực của mọi người, người xuất gia làm gì có tài sản? Do thập phương cúng dường, thập phương cúng dường chỉ cần bản thân mình không sử dụng, đem phân phát lại cho thập phương là bố thí. Giống như tài sản của thập phương tập trung lại đây, ta có nhiệm vụ phân chia như thế nào cho hợp lí, thích đáng để mọi người đều được tốt. Trong thế giới ngày nay, trừ một số cách bố thí thông thường, nếu thực sự muốn chánh pháp được dài lâu thì phải có những đóng góp cụ thể, đó là xây dựng đạo tràng.

Năm 1982, lần đầu đến Mĩ, tại San Francisco tôi gặp một số người bạn cũ, ngày trước chúng tôi cùng là học trò của thầy Lí, họ di dân đến Mỹ, sống tại chung cư dành cho người già, chung cư người già San Francisco, chung cư này trong thành phố. Chung cư này là lầu lớn, có khoảng hơn hai mươi tầng, mỗi căn hộ khá rộng, mỗi căn hộ bình thường hai đôi vợ chồng già có thể ở được, một phòng ngủ, một phòng khách, một nhà bếp, nhà kho, một balcon, khoảng mười lăm bộ Đài loan, mười lăm bộ rộng chừng nào? Một bộ bằng 36 thước, 36 thước Anh, thước vuông, mười bộ là 360 thước vuông phải không? Mười lăm bộ là hơn 400 thước vuông, hơn 400 thước vuông Anh, cho nên cũng không nhỏ, chỗ ở rất thoải mái. Trong mỗi tòa lầu hơn 400 căn hộ, qui mô tương đối lớn, có công trình công cộng, có hội trường lớn, giống như giảng đường vậy. Chúng tôi giảng Kinh chính tại nơi đó, mở khóa giảng nơi hội trường đó. Tôi giảng ở đó một tuần lễ, tôi liền hiểu ra, tôi nói đạo tràng Phật giáo trong tương lai nên như nơi này vậy, vì sao vậy? Họ đã về hưu rồi, tuổi về hưu khoảng 55 tuổi trở lên, họ không làm việc nữa, đúng là lúc để nghe Kinh, niệm Phật, nghe pháp. Trong xã hội ngày nay, đạo tràng nên tổ chức như thế. Vì vậy tôi đã nghĩ đến những làng Di Đà, cách nghĩ về làng Di Đà bắt đầu từ đó. Người trẻ đang bận rộn học hành, mải mê công việc, làm gì có thời gian để nghe Kinh? Không có thời gian. Chỉ đến sau khi nghỉ hưu, họ đã buông xuống tất cả, vậy mới dễ tu hành. Nếu họ không tu tập thì cảm thấy nhạt nhẽo, cuộc đời không còn ý nghĩa gì, lúc này họ nghe Kinh, học tập theo giáo dục của Thánh hiền thì khác, làm cho cuộc sống có ý nghĩa hơn, sanh cơ mới có thể phát sanh được. Vì thế tổ chức viện dưỡng lão là việc tốt, viện dưỡng lão chính là đạo tràng, trong đó có giảng đường, có niệm Phật đường, có trung tâm giải trí. Những thứ đó là gì? Công trình công cộng, nếu có được một thư viện nữa thì càng tốt. Trong giảng đường ngày ngày giảng kinh, có thể chiếu phim, mở đĩa, để cho trong hai mươi bốn giờ giảng kinh không bị gián đoạn, hai mươi bốn tiếng đồng hồ niệm Phật không gián đoạn. Trong một khu vực nhỏ đó,bất luận ở đâu đều có thể nhìn thấy, nghe được giảng kinh, nghe được niệm Phật. Trong một phạm vi nhỏ chính là thế giới Cực lạc, thế giới Cực lạc thu nhỏ. Đấy chính là đạo tràng của thế kỉ 21, thế kỉ 21 không phải là tự viện, am đường, mà là hình thức của làng Di Đà, hình thức chung cư cho những người già.

Làng nghỉ hưu cho người già của Australia, vì đất nước Australia rộng lớn, đất đai nhiều mà, đất đai không đắt, nên môi trường sinh sống của họ giống như công viên vậy, vô cùng tốt đẹp, bên trong rộng rãi, cây xanh hoa cỏ nhiều, bố trí nhiều dòng nước, cây cầu nhỏ, thực sự là môi trường lí tưởng cho cuộc sống của người già. Nhưng lại thiếu thốn sự hưởng thụ tinh thần, hưởng thụ tinh thần nhiều thứ thì những thứ của Trung Quốc. Nếu không phát triển theo chiều hướng này, thì trong tương lai những môn nghệ thuật dân gian của Trung Quốc dần dần sẽ bị mai một, rất đáng tiếc. Vì thế nên bồi dưỡng những nhân tài nghệ thuật dân gian. Họ sẽ đến những nơi nào để biểu diễn? Chuyên môn đến chung cư người già, thôn Di Đà biểu diễn. Nếu quốc gia này có được vài nghìn thôn Di Đà, thì họ không phải bận rộn mà vui lắm sao, được đi biểu diễn khắp nơi. Đây là giáo dục tôn giáo, giáo dục luân lí, đạo đức, nhân quả, ở trong đây sắp xếp như vậy vô cùng lý tưởng. Việc này phải có người có phước báo lớn phát tâm xây dựng, bắt đầu từ những hạng mục nhỏ rồi từ đó nhân rộng ra, mười năm, hai mươi năm sau sẽ trở thành những đạo tràng khá qui mô, có tầm ảnh hưởng. Nhất định phải dần dần phát triển làm cho gốc rễ kiên cố mới làm cho tốt được, không thoáng chốc đã làm lớn được rồi. Phát triển nhanh chóng tệ nạn rất nhiều, không làm tốt được, “*dục tốc tắc bất đạt*”. Không có phước báo lớn như vậy, phước báo dần dần từ nhỏ bồi dưỡng lên càng bồi dưỡng càng lớn. Đó mới là phương pháp, là nguyên lí thành công. Đây đều thuộc về tu hạnh Bồ đề thù thắng ở đoạn này nói, tu tập hạnh thù thắng Vô thượng Phật đạo.

 “*Từ đại trí của Bồ Tát Văn Thù khởi đại hạnh Bồ Tát Phổ Hiền. Từ đức của Bồ Tát Phổ Hiền, mười đại nguyện vương dẫn chúng sinh về Cực lạc*”. Mục tiêu cuối cùng nhất định phải nơi thế giới Cực lạc, vậy mới đúng. Ở thế giới này, chúng ta có tạo sự nghiệp lớn bao nhiêu, nên biết chỉ là trạm đón tiếp của Thế giới Cực Lạc. Tương lai đều đưa đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Vậy mới có ý nghĩa. Vì vậy kinh không thể không đọc, kinh không thể không giảng, đọc rồi phải đi giảng nói, giảng cho ai? Giảng cho một người cũng được, giảng cho hai người cũng được, không câu nệ hình thức, ngày ngày không gián đoạn. Giảng mười năm như thế sẽ thành công, quí vị trở thành đại pháp sư. Đại pháp sư có nhất thiết phải đăng đàn thuyết pháp không? Không cần thiết, quan trọng nhất là gì? Là một phòng quay phim và mạng Internet, ở nơi nhỏ nhỏ này giảng, cả thế giới sẽ thu xem được, vậy là được rồi! Kiểu này thuận tiện quá, thính chúng nhiều ít gì cũng mấy trăm ngàn người, thông thường khoảng vài triệu người, thậm chí đến mấy chục triệu thính chúng. Đầu tiên luyện tập, luyện mười năm sẽ thành công.

“*Thọ kí, từ Phật nhận lời ký trong tương lai sẽ thành Phật”*, thọ kí nghĩa là Thế Tôn dự báo trước với quí vị, nhìn thấy quí vị hiện tại công phu tu hành thành tựu, liền có thể dự báo quí vị tương lai thời gian nào sẽ thành Phật, thành Phật ở thế giới nào, Phật hiệu gọi là gì, Phật đều sẽ nói cho quí vị, dự báo tất cả những thành tựu trong tương lai cho quí vị. Hiện tại quí vị đang tu nhân, sau này sẽ có kết quả, kết quả bản thân không biết, Phật biết được.

“*Nhân đủ trí tuệ, thệ nguyện cùng với các diệu hạnh đã nói ở trên*”, Phật sẽ thọ kí cho quí vị. Không có trí tuệ quí vị sẽ không có năng lực để thực hiện, không có thệ nguyện quí vị sẽ không có phương hướng, không có mục tiêu, quí vị rất khó có thành tựu. Nếu một người, trong cuộc đời họ có phương hướng nhất định, có mục tiêu nhất định, sớm muộn gì họ sẽ thành tựu. Con người trong đời không thể không có phương hướng, không thể không có mục tiêu, điều này rất quan trọng! Có phước báo lớn, ta nên cùng hưởng báo đó với tất cả chúng sinh, như thế phước báo đó mới càng lớn, lớn đến vô cùng vô tận. Phước báo của Phật A Di Đà là lớn nhất, Ngài đem phước báo của Ngài cho tất cả chúng sanh khắp pháp giới hư không giới cùng hưởng. Vì thế phước báo đó thù thắng không gì sánh được. Đầy đủ ba kiều kiện này, có trí tuệ, có phương hướng, có mục tiêu, lại thật làm, các diệu hạnh này chính là thật làm, “*nên chắc chắn được Phật thọ kí mà quả Phật viên mãn, nên gọi là thọ kí sẽ thành Phật*”. Chư Phật Như lai thọ kí cho quí vị, tương lai chắc chắn quí vị sẽ thành Phật.

“*Tịnh Ảnh Sớ*” viết: “Nêu trí và hạnh đó, thọ kí sẽ thành Phật”. Trong trí, hạnh này có nguyện, vì nguyên văn một câu có bốn chữ, nói trí, nói hạnh, có nguyện trong đó. Đây chính là thọ kí sẽ thành Phật.

“*Trong* *câu kệ Di Đà này, hai câu đầu là trí và nguyện, ba câu giữa là thắng hạnh do tu tập, câu cuối là thọ kí thành Phật, đó là diệu quả sở cảm mà có”*. Đây là bài kệ thứ hai trong Kinh.

Phần trước chúng ta đã học, “*Bồ Tát đạo cứu cánh, đầy đủ gốc công đức, tu thắng hạnh Bồ đề, thọ kí sẽ thành Phật*”.

Dưới đây là bài kệ cuối cùng, “*Thông đạt các pháp tánh, tất cả không, vô ngã*”.

“*Hội Sớ*” viết: Tất cả hữu tình và phi tình. “Phi tình” chúng ta thường nói “vô tình”. Hữu tình ngày nay chúng ta gọi là động vật. Vô tình là thực vật và khoáng vật, ngày nay khoa học dùng cách chia như vậy, còn Phật pháp thì chia hữu tình và phi tình. Ngày nay khoa học gọi là động vật, thực vật, khoáng vật.

 “*Tịnh uế phàm thánh”*, tịnh uế tức nói y báo, môi trường trong sạch. Môi trường ô nhiễm là uế độ. Thế giới Cực lạc ở phương Tây là Tịnh độ, trái đất chúng ta đang sống là uế độ.

Chắc các vị cũng biết, hiện nay quả đất đã ô nhiễm rất nghiêm trọng, vì thế nên mới chịu nhiều thiên tai như vậy, nếu quả đất thanh tịnh thì không thể phát sanh những thiên tai này.

Phàm thánh là chánh báo, quên mất tự tánh là phàm phu; giác ngộ tự tánh là Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát là Thánh, chúng sinh Lục đạo là phàm. “*Tên gọi các pháp*”, bất luận là y báo hay chánh báo, tất cả kết hợp lại gọi là chư pháp.

Kế tiếp là phần giải thích về tánh, tánh là gì? “Tánh” có nghĩa không thay đổi, nghĩa bất biến, mãi mãi không thay đổi, mãi mãi không biến đổi thì gọi là tánh.

“*Lí của nó là thể vậy*”, lí là đạo lí, nguyên lí. Thể có nghĩa là năng y, là năng sinh, là năng hiện. Chư pháp là tất cả pháp. Phần trước chúng ta đã nói y báo, chánh báo, tịnh độ, uế độ, phàm phu, thánh nhân, đây là chư pháp. “*Chư pháp vốn đủ thể tánh, không bao giờ thay đổi*”, người minh tâm kiến tánh có thể thấy được.

Chứng mình cho chúng ta có đại sư Huệ Năng, tại Trung Quốc, thời đại nhà Đường. Khi minh tâm kiến tánh, Ngài đã trình một bài kệ, tức là nói Ngài đã thấy những gì? Ngài thấy được tự tánh. Hình dáng của tự tánh ra sao? Tự tánh chính là lí thể được nói ở đây. Tự tánh chư pháp chính là lí thể của chư pháp, lý thể hình dáng như thế nào? Câu đầu tiên ngài nói là thanh tịnh, “*đâu ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh*”. Câu nói này nếu nói theo cách nói ngày nay của chúng ta, là không ngờ tự tánh vốn là thanh tịnh, là câu nói như vậy. Câu thứ hai, “*Không ngờ tự tánh vốn, không sinh không diệt*”. Không sinh không diệt là Đại bát niết bàn được nói đến trong giáo lí Đại Thừa. Bát niết bàn là tiếng Phạn, tiếng Ấn độ cổ, có nghĩa là không sinh không diệt, nó là vĩnh hằng, khi dịch sang tiếng Trung Quốc nó có nghĩa là tánh. Tánh nghĩa là không thay đổi, bất biến, vĩnh hằng. Câu thứ ba Ngài nói về tự tánh, “*vốn đã đầy đủ*”, tuy tự tánh không phải là bất cứ thứ gì, dường như thứ gì cũng không có, nhưng nó có thể sinh vạn pháp, có thể hiện vạn pháp.

Trong tự tánh đầy đủ trí tuệ, đức năng, tướng hảo, nhưng khi không đủ duyên nó không hiện. Nó có mặt bất cứ ở đâu, có mặt bất cứ lúc nào, quí vị không cách nào tiếp xúc được với nó. Đây là điều trong những kết luận thông thường, chúng ta hay nói, vì nó không phải là hiện tượng vật chất, nên những giác quan như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân chúng ta không thể tiếp xúc được. Thứ mà mắt, tai, mũi, lưỡi, thân tiếp xúc được là hiện tượng vật chất. Nó không phải là hiện tượng tinh thần, nên thức thứ sáu chúng ta không nghĩ đến được. Nếu nó thuộc hiện tượng tinh thần thì thức thứ sáu chúng ta duyên đến được. Nó cũng phải là hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tự nhiên thì A lại ya có thể duyên được. Vì nó không phải là hiện tượng tự nhiên nên A lại ya không duyên được. Hiện tượng tinh thần thì thức thứ sáu, thứ bảy có thể duyên được. Tuy tồn tại nhưng chúng ta không duyên được, không hay biết có thứ như vậy, nhưng nó là bản thể. Tất cả mọi hiện tượng, tất cả vạn sự vạn vật được sinh ra từ đó, từ đó mà biến ra, từ đó mà hiện ra. Những hiện tượng đó thiên biến vạn hoá. Thiên biến vạn hoá là tác dụng của thức, tức là phân biệt, chấp trước khởi tác dụng. Không phân biệt, chấp trước thì nó không biến hoá. Có phân biệt, chấp trước nó liền thiên biến vạn hoá.

Phật cách đây ba nghìn năm, những thứ ngày nay chúng ta cho là hiện tượng tự nhiên Ngài đã nói ra hết, và bây giờ khoa học hiện đại đã chứng minh đó là thật chứ không phải giả. Vì vậy thể tánh vốn có của các pháp không bao giờ thay đổi, “*cho đến thực tế của nó là lí thể* ”. Đây chính là thứ mà trong triết học gọi là bản thể. Bản thể của vũ trụ vạn hữu.

 “*Nhân duyên hợp thành, giả danh chư pháp*”, chư pháp là những hiện tượng chúng ta nói ở đây, những hiện tượng này từ đâu mà có? Do nhân duyên hoà hợp mà có. Cho nên Phật nói tất cả pháp gọi là duyên sinh, không gọi nó là nhân sinh. Trên thực tế phải có nhân, duyên, quả. Tại sao Phật chỉ nói duyên mà không nói nhân? Vì nhân là bình đẳng, nhân là thứ vốn có. Đại sư Huệ Năng nói về tự tánh: vốn tự đầy đủ đó là nhân, nhân là vốn có, nhưng nhân mà không có duyên thì nó không khởi tác dụng. Nhân nếu như đủ duyên, ba thứ hiện tượng lập tức khởi lên, hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên liền sinh khởi. Cho nên duyên, không nói nhân mà nói duyên, vấn đề là ở chỗ đó.

Duyên sinh, cho nên giả danh các pháp, bởi khi duyên tụ thì có, khi duyên tụ hợp là có, hiện tượng có. Khi duyên tan thì không còn nữa, hình dáng không tồn tại nữa. Cho nên Phật dạy: “ tất cả pháp rốt cục là không”, chính là từ điểm này mà nói.

“*Phàm có hình tướng, tất cả đều hư dối*”, không phải chờ đến khi duyên tan quí vị mới biết nó không còn, bây giờ đã không tồn tại, chỉ vì duyên tụ nên có mà thôi, làm gì có thật? Giống như một căn phòng, quí vị thấy căn phòng có không? Không có. Nếu quí vị biết nhìn thì căn phòng này là gì? Quí vị thấy bao nhiêu gạch, bao nhiêu ngói, bao nhiêu gỗ, bao nhiêu công trình, quí vị chỉ thấy chừng đó, gộp tất cả lại thì nó có, tháo rời tất cả ra thì nó hết. Vốn nó không có, bây giờ có dựng lên vẫn là không có, đó là quí vị thật biết nhìn. Quí vị nhìn thấy thực tướng các pháp. Phàm phu không biết nhìn, toàn nhìn giả tướng các pháp, chưa thấy được thật tướng. Thực tướng, từ trong cái có quí vị thấy được cái không có, chẳng qua đó là duyên tụ, duyên tán mà thôi. Cuốn kinh chúng ta nhìn thấy là có, kỳ thực người biết nhìn họ sẽ thấy những gì? Trong đó chỉ hơn trăm trang giấy mà thôi, tập hợp lại ở đây nên nói có, khi xé thì nó trở thành không, không lẽ phải chờ đên lúc xé mới biết nó không có sao? Không đợi xé ra ta vẫn biết nó không có, nó chỉ là những trang giấy chồng lên nhau ở đây, không phải thật.

Vì thế, những kiến trúc sư khi nhìn căn phòng, không giống với chúng ta, họ thấy trong đó có bao nhiêu tấn sắt thép, bao nhiêu tấn vật liệu, lúc bày ra trên đất, họ tính toán những thứ đó cho quí vị. Cần bao nhiêu ngày công họ đã tính sẵn, dựa theo bản vẽ để tính toán. Quí vị liền cho đó là có, giả có, không phải thật có. Thật là gì? Thật là vĩnh hằng bất biến. Hư không này là vĩnh hằng bất biến, có cũng không trở ngại nó, không cũng không trở ngại nó, đó là thật, không phải giả. Vì vậy hư không thuộc pháp vô vi, không phải pháp hữu vi.

Dưới đây phần viết trong ngoặc nói rất hay, “*nhân duyên hoà hợp nên hiện các pháp, thực đều hư vọng, chỉ là giả danh mà thôi*”. Hiện tại chúng ta đang được thân người, cơ thể là do nhân duyên hoà hợp, thân thể chúng ta thực sự có không? Nếu thật có thì phải vĩnh hằng bất biến, trẻ mãi không già, không suy, không chết, đó mới là thật. Sẽ có sinh, lão, bệnh, tử là giả, không phải thật.

Phật dạy chúng ta những thứ không phải thật đều buông bỏ hết, thứ thật thì phải nắm bắt nó, đừng để những thứ giả tướng bên ngoài đánh lừa.

“*Tự tánh tịch diệt, không thể nắm bắt nên gọi là không, vô ngã”*, đây chính là trí tuệ chân thực trong giáo lí Đại Thừa, nói cho chúng ta biết thực sự là vô ngã, sau vô ngã mới nói đến chân ngã cho quí vị. Có chân ngã, đây là giả ngã. Chân ngã là gì? Không phải nhân duyên tụ hội, không liên quan đến duyên là thật, những thứ liên quan đến duyên đều giả hết.

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**HẾT TẬP 443**

# Tập 444

Chuyển ngữ: Minh Tuệ
Biên tập: Liên Hải
Thời gian: 08.06.2011
Địa điểm: Cương Sơn Tịnh Tông Học Hội – Nhật Bản

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi.

Mời quý vị xem *“Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”* trang 558, hàng thứ sáu, bắt đầu đọc từ câu thứ nhất.

“*Nhân duyên hợp thành, giả danh chư pháp*”, bên dưới có một chú thích nhỏ. “*Nhân duyên hoà hợp, mà hiện các pháp, thật đều hư vọng, chỉ là giả danh mà thôi. Tự tánh tịch diệt, không thể nắm được, nên gọi là không, vô ngã*”. Lần trước chúng ta đã học đoạn này. Ở đây nói rõ, “*thông đạt tánh các pháp, tất cả đều không, vô ngã*”, bởi vì tất cả pháp đều do nhân duyên hợp thành.

Trong “*Kinh Kim Cang*” nói: “nhất hợp tướng”, nhất hợp tướng rất khó hiểu, ngày nay được khoa học chứng thực rồi, thực sự là nhất hợp tướng, cũng chính là nói tất cả hiện tượng vật chất, bất luận là động vật, thực vật hay khoáng vật. Dùng danh từ Phật pháp để nói, đó đều là những thứ cực nhỏ tổ hợp lại mà thành. Danh từ khoa học hiện nay gọi là lượng tử, tiểu quang tử, cũng có nơi gọi là vi trung tử, là những thứ này tổ chức mà thành. Đây là đơn vị nhỏ nhất của vật chất, không có thứ nào nhỏ hơn nữa, toàn là nó tổ thành. Vì thế nhân duyên hoà hợp, đây chính là hợp thành, mà hiện các pháp. Tất cả các pháp trong vũ trụ, hiện nay chúng ta chia tất nó thành ba loại: động vật, thực vật và khoáng vật. Giáo lý Đại thừa chia nó thành hai loại, một loại là khí thế gian, một loại là hữu tình thế gian, đây đều thuộc về “nhất hợp tướng”. Duyên tụ thì nó hiện tướng, duyên tan thì tướng không còn nữa. Nên “thực đều hư vọng”.

 Nói thật với quí vị, đó toàn là hư vọng. Trong “*Kinh Bát Nhã*” nói: “*Tất cả pháp đều không có, rốt cục không, không nắm được*”. Đây là chân tướng sự thực.

Trong Kinh Đại thừa thường nói: “*Đương thể tức không, liễu bất khả đắc*”, nhưng là giả danh mà thôi. Đây là nói về tướng, tiếp theo nói về tánh.

“*Tự tánh tịch diệt, thể bất khả đắc*”, tánh có, tánh là tướng tịch diệt; tịch là thanh tịnh, tịch tĩnh; diệt là diệt phiền não, diệt tập khí. Trong “Kinh Hoa Nghiêm” nói: vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều không tồn tại nữa thì gọi là diệt. Diệt là diệt tướng vọng của nó. Tướng hiện ra là vọng tướng, diệt vọng tướng của nó, chứ không phải diệt tánh. Tánh là thứ bất sinh bất diệt; tự tánh là bất sinh bất diệt. Thể của tự tánh không thể nắm bắt. Nó thật có, nhưng tại sao không nắm được? Vì nó không phải là hiện tượng, cho nên chúng ta không có cách gì để suy lường nó. Nó không phải là hiện tượng vật chất. Tiền ngũ căn của chúng ta không thể tiếp xúc được với nó. Nó không phải là hiện tượng tinh thần, nên thức thứ sáu, thức thứ bảy cũng không thể tưởng tượng ra nó, không thể tưởng tượng được. Nó không phải là hiện tượng tự nhiên nên a lại ya cũng không duyên đến được. Thông thường chúng ta nói, tám thức 51 tâm sở đều không duyên đến được, nó vẫn tồn tại, nó tồn tại mọi lúc, tồn tại mọi nơi. Trong kinh Phật nói với chúng ta, vấn đề này “chỉ chứng mới biết”. Chứng ngộ bằng cách nào? Buông xả nó liền hiện tiền, quí vị liền chứng được. Buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước liền chứng được. Vậy chúng ta biết được khoa học, triết học vĩnh viễn không thấy được nó. Vì sao vậy? Khoa học, triết học đều chưa buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cho nên không thể suy lường được. Nó là căn nguyên của vạn pháp, nó là bản thể của vạn pháp, nó có thể hiện, có thể sinh, a lại ya năng biến, tức là bát thức năng biến. Tự thể của nó thật có, nhưng không thể nắm bắt, nên gọi là không, vô ngã.

“Ngã, có hai loại”, tức là hai loại ngã, “Một là nhân ngã”, cả hai loại này đều là không, đều là không, vô ngã. “Phàm phu bất liễu”, bất liễu là không hiểu rõ, “năm uẩn hoà hợp giả hiện mà có nghĩa của ngã”, thân hiện tại của chúng ta đây, thân này là thân năm uẩn. Năm uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc là hiện tượng vật chất. Thọ, tưởng, hành, thức là hiện tượng tinh thần. Thọ là cảm thọ, chịu khổ, chịu vui. Không khổ không vui thì gọi là vô kí thọ, đó cũng là thọ. Tưởng là tư tưởng, hành là niệm niệm liên tục, sẽ không gián đoạn, không bị cắt đứt, hành là tướng liên tục. Thức tức là a lại ya, trong a lại ya có thể hàm chứa chủng tử của tất cả các pháp. Chủng tử không phải hiện tượng, không phải ba loại hiện tượng mà chúng ta đã học, nhưng đích thực có một thứ như vậy, chúng ta nói là ấn tượng. Chúng ta từ sáng đến tối, mắt thấy tai nghe đều đều lưu lại dấu ấn. Dấu ấn đó được lưu giữ lại trong a lại ya, a lại ya giống như kho tư liệu vậy. Đời đời kiếp kiếp vô lượng kiếp đến nay, những thứ do sáu căn, sáu thức tạo đều được lưu giữ trong a lại ya. A lại ya là một nhà kho lớn. Điều này trong kinh nói rất hay. Bởi vì trong kho tư liệu này, nó không phải hình tướng, không phải vật chất, nếu là vật chất thì e rằng nó có nhỏ hơn nữa, thì khắp cả pháp giới hư không giới cũng không dung nạp được. Quí vị liền biết A lại ya không thể nghĩ bàn, do nó không phải là hiện tượng vật chất. Nó có thể hiện, vì thân chúng ta là thân năm uẩn, sắc thọ tưởng hành thức.

“*Tâm Kinh*”, mọi người đều đọc rất thuộc. Mở đầu “Tâm Kinh”: “Quán tự tại Bồ tát” tức là Quán Thế Âm Bồ Tát, “*hành thâm Bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không*”, nhân ngã là không. Quán Thế Âm Bồ Tát quán thấy năm uẩn đều không, phần trước chúng ta đã thể hội, luôn cho rằng thân người này là của bản thân chúng ta, bây giờ chúng ta đã hiểu, không phải thế.

Năm uẩn là gì? Năm uẩn là thứ nhỏ nhất trong cực vi Phật nói đến, chính là ngày nay nhà lượng tử học nói là “tiểu quang tử”, đây là cơ sở của vật chất, tất cả vật chất đều do nó kết hợp mà thành, giống như phần trước chúng ta nói “nhất hợp tướng” vậy, duyên tụ duyên tán. Một tiểu quang tử như thế trong đó có sắc thọ tưởng hành thức. Bồ tát Di lặc đã cho chúng ta biết, thứ này là từ ý niệm mà thành. Phật hỏi Bồ tát Di lặc “tâm có niệm khởi”. Phàm phu chúng ta vừa khởi ý niệm thì tâm có niệm khởi. Phật hỏi, trong một niệm đó có bao nhiêu niệm, bao nhiêu tướng, bao nhiêu thức? Phật hỏi rất chi tiết, chúng ta không thể hỏi được như thế. Trong đó có bao nhiêu niệm? Có bao nhiêu tướng? Có bao nhiêu thức? Tướng là sắc tướng; thức là thọ tưởng hành thức, chúng ta liền biết.

Thì ra năm uẩn là tiểu quang tử. Bồ tát Di lặc trả lời là một cái gảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm nghìn niệm. Chúng ta khởi lên một niệm, thời gian là một cái gảy ngón tay, trong đó có bao nhiêu niệm nhỏ? Ba mươi hai ức trăm nghìn niệm nhỏ, ba mươi hai ức nhân một trăm nghìn ba trăm hai mươi triệu, một cái búng ngón tay có ba trăm hai mươi triệu niệm nhỏ, Bồ tát Di lặc nói “mỗi niệm thành hình”, hình chính là tướng, chính là sắc tướng, hiện tượng vật chất.

“Hình đều có thức”, trong mỗi hình dáng đều có thọ, tưởng, hành, thức. Phật nói năm uẩn tức nói tiểu quang tử, danh từ Phật giáo gọi là nhỏ nhất của cái nhỏ nhất. Cơ sở của tất cả hiện tượng vật chất là năm uẩn, bên trong vật chất nhỏ nhất đều có đủ sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Vì thế vất chất và tinh thần vĩnh viễn không tách rời nhau. Tách rời là sai rồi, tách rời là không còn nữa. Hiện tượng vật chất là do hiện tượng tinh thần biến hiện ra. A lại ya thức trong Tướng Tông đã nói rất rõ ràng, “*Một niệm bất giác mà có vô minh*”. Một niệm này không có nguyên nhân, một niệm này không có bắt đầu, cho nên vô minh được gọi là vô thỉ vô minh. Tại sao không thể nói nó có điểm bắt đầu? Bởi vì nó không phải thật. Nếu nó có bắt đầu, có kết thúc, có đầu có cuối, vậy là thật có sự việc này. Không có sự bắt đầu, có nghĩa nó là giả, hoàn toàn là giả, căn bản không có chân tướng sự thực này, nên Phật đã ví nó như mộng huyễn, bóng nước, nằm mơ có điểm khởi đầu không? Có ai lúc nằm mơ mà có thể tìm ra được sự bắt đầu? Mấy phút, mấy giây, mấy giây trong mấy giây, liệu có tìm ra được không? Tìm không ra, mà quí vị có đi tìm không? Sẽ không đi tìm, vì sao vậy? Nó là giả. Nếu chân thì quí vị đã đi tìm rồi, đó là giả, tìm nó làm gì!

Nhất niệm bất giác là giả, nên gọi là vô thỉ vô minh, điều này không thể giải thích sai được. Vô thỉ không thể nói là rất lâu, từ rất lâu, tìm không được điểm bắt đầu nên gọi là vô thỉ, nghĩ như thế là quí vị toàn nghĩ sai rồi. Quí vị nên hiểu những lời Bồ tát Di lặc đã nói, ý niệm này rất ngắn ngủi, nếu ngày nay chúng ta dùng đơn vị giây để tính, một giây gảy được năm lần, thì trong một giây có bao nhiêu niệm? Một nghìn sáu trăm triệu niệm, một giây có một phần một nghìn sáu trăm triệu, quí vị thử tìm nó ra, quí vị có thể tìm ra được không? Không thể tìm được. Cho nên Phật nói vô thỉ, danh từ này dùng quá hay. Vô thỉ căn bản nó là hư vọng, một niệm bất giác, đây chính là động tướng, đây là nghiệp tướng của a lại da, nghiệp tức là nó chấn động. Một niệm này liền động rồi. Tâm là thanh tịnh, vĩnh viễn bất động. Sự bất giác này liền sản sanh hiện tượng dao động. Hiện tượng này khoa học gọi nó là năng lượng. Năng lượng này là thứ vốn có trong tự tánh. Tướng cảnh giới trong tự tánh và chuyển tướng cũng là thứ vốn có. Khi đại sư Huệ Năng kiến tánh nói: Đâu ngờ tự tánh, vốn tự đầy đủ. Tức là trong tự tánh vốn đã đầy đủ đức năng, trí tuệ, ngày nay gọi nó là năng lượng.

Tin tức, vật chất, đây là nói tướng hảo. Kinh Đại thừa đã nói rất rõ ràng, rõ ràng hơn cả các nhà khoa học. Vì thế hiện tượng vật chất là từ chuyển tướng biến hiện ra, chúng ta thường nói là bốn phần A lại ya, ai đã học qua Tướng tông thì càng dễ hiểu.

Một niệm bất giác là chứng tự chứng phần của A lại ya, một niệm bất giác đó. Tự chứng phần của a lại ya chính là tự tánh, chính là chân như, chính là tự tánh. Kiến phần của a lại ya là hiện tượng tinh thần, mạt na thức, “ngã” liền có mặt. Ngã kiến, ngã kiến là chủ thể của thức thứ sáu, tức là ngã đã xuất hiện, chấp trước có cái ngã, ngã đã xuất hiện. Tiếp sau ngã xuất hiện có ba thứ nữa, đó là ngã ái, ngã si và ngã mạn, đó chính là tham sân si. Ngã ái là tham, ngã si, ngã mạn là sân nhuế, ba thứ phiền não tham sân si xuất hiện đồng thời với ngã, những thứ này gọi là căn bản phiền não, câu sinh phiền não, xuất hiện đồng thời với ngã, chỉ cần có ngã là có tham sân si. Khi bỏ được tham sân si thì ngã không còn, nếu ngã không còn nữa thì tham sân si cũng không còn nữa, vì chúng nó có mặt cùng nhau. Vì có ngã nên cảnh giới tướng mới xuất hiện, chính là tướng phần của a lại ya, tướng phần của a lại ya là hiện tượng vật chất. Hiện tượng vật chất từ đâu mà có? Từ kiến phần biến hiện ra tướng phần. Nghiệp tướng của a lại ya là năng lượng, kiến phần là hiện tượng tinh thần, tướng phần là hiện tượng vật chất, đều được hoàn thành trong một niệm.

Một niệm này phải ghi nhớ, một phần một nghìn sáu trăm triệu trong một giây, được hình thành trong chừng đó thời gian, khi nó hoàn thành thì ba tướng nhỏ của a lại ya xuất hiện. Loại hiện tượng này quí vị không thể nói nó có, quí vị nói nó có thì nó đã không còn nữa. Quí vị không thể nói nó không, quí vị nói nó không thì nó lại liên tục xuất hiện. Nhưng mỗi niệm không giống nhau, mỗi niệm giống như những cảnh trong phim, một hình ảnh, hình ảnh này chớp mắt liền qua đi, hình kế tiếp xuất hiện, niệm thứ hai không phải là niệm đầu, mỗi niệm đều không giống nhau, không có tương đồng. Vì thế tướng này gọi là tương tự tương tục, nó không phải hoàn toàn tương đồng. Nếu hoàn toàn tương đồng chúng ta có thể nói tướng tục tướng, nhưng nó không phải, mỗi niệm không giống nhau.

Tiến sĩ Giang Bổn làm thí nghiệm về nước.Tôi lần đầu gặp ông ấy, ông đã thí nghiệm được mười năm, đến bây giớ chắc được mười lăm, mười sáu năm, mấy mươi ngàn tấm ảnh, ông nói với tôi không tìm ra được hai tấm hoàn toàn giống nhau, ông cảm thấy rất lạ. Tôi nói với ông, căn bản là không thể giống nhau. Ông hỏi: Tại sao? Tôi nói, trong kinh từ xưa Đức Phật đã nói rồi: Niệm trước và niệm sau của quí vị không giống nhau. Quí vị cùng nói tôi yêu bạn như nhau, nhưng niệm yêu trước và niệm yêu sau khác nhau, vì thế trong kết tinh sau thí nghiệm của ông, bức ảnh này chắc chắn khác nhau, không phải hoàn toàn tương đồng. Cho nên kiểu thực nghiệm đó, mỗi người làm thực nghiệm, hình ảnh không giống nhau. Vì sao vậy? Vì ý niệm của quí vị đang dao động, quí vị khởi niệm là cảm, nó liền hồi ứng, cảm không tương đồng thì làm sao hồi ứng có thể tương đồng được? Cảm là nhân, ứng là quả, vì thế nó khác nhau. Ý niệm của chúng ta, mỗi niệm đều không giống nhau, làm sao có thể sản sinh những thứ giống nhau? Mỗi phút giây đều thay đổi, vô thường!

Thân mạng chúng ta không phải một ngày, một năm, mấy mươi năm, không phải. Thân mạng chúng ta, chính như lời của Bồ tát Di lặc nói, mỗi giây có một nghìn sáu trăm triệu lần sinh diệt, làm gì có chuyện thật! Chúng ta đọc đoạn hội thoại giữa Phật và Bồ tát Di lặc, nội dung đó được đề cập trong “Bồ Tát Xử Thai Kinh”, chúng ta lại đọc được những báo cáo của những nhà lượng tử học gần đây, chúng ta mới hốt nhiên đại ngộ, chân tướng hóa ra là vậy, bây giờ mới biết rõ, mới thấu suốt. Thực sự hiểu rõ hiểu thấu suốt rồi, có điều gì tốt? Điều tốt rất lớn, tại sao vậy? Thực sự buông xuống rồi. Nếu không hiểu rõ, thực sự không buông xuống được. Tại sao đến giờ này quí vị vẫn chưa thể buông xuống? Vì quí vị chưa hiểu rõ, thực sự hiểu rõ rồi quí vị sẽ buông xuống được. Quí vị hiểu được gì? Tất cả là giả, không có một thứ gì là thật, hà tất phải tạo nghiệp? Nếu vẫn còn băn khoăn này, thì băn khoăn đó là tạo nghiệp, không tạo nghiệp nữa, triệt để buông xuống rồi.

Trong “*Kinh Bát Nhã*” nói rất rõ ràng: “*tất cả pháp vô sở hữu, rốt ráo không, không thể nắm bắt*”. Chúng ta đọc rồi, đọc rất thuộc cũng biết tụng, cũng nhớ rất rõ ràng, nhưng đó không phải là cảnh giới của chúng ta, là cảnh giới của ai? Cảnh giới của Bồ tát Pháp thân, cảnh giới của những người đã minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, là cảnh giới của họ. Nếu quí vị vào cảnh giới đó, thì quí vị không còn là phàm phu nữa, quí vị không còn trú trong lục đạo, quí vị cũng không còn trú trong mười pháp giới, mà quí vị trú ở đâu? Quí vị trú ở cõi Thật báo trang nghiêm độ, vì thế không thể giống nhau. Cảnh giới không giống nhau thì không thể trú cùng nhau, nếu trú cùng nhau thì chắc chắn cảnh giới phải tương đồng, không thể cách xa nhau. Nhưng nếu sinh về thế giới Cực lạc, vậy thì khác rồi, thế giới Cực lạc tuy chưa chứng đắc, chưa khế nhập cảnh giới này. Bốn mươi tám lời nguyện của Phật A di đà, đó là cảnh giới không thể nghĩ bàn, Ngài gia trì quí vị, thực sự gia trì được. Những người chúng ta đến đó, cũng thực sự có thể thọ dụng được, Phật gia trì chúng ta thực sự được thọ dụng, nên quí vị biểu hiện trí tuệ, thần thông, đạo lực gần giống như Phật. Đến thế giới Cực lạc, thân thể quí vị giống như Phật A di đà, môi trường sinh hoạt của quí vị giống Phật A di đà. Nói cách khác, tuy chưa đoạn hết phiền não, nhưng thân phận nhân thiên đến thế giới Cực lạc, hưởng thụ bình đẳng với bốn mươi mốt vị pháp thân Đại sĩ. Đây gọi là pháp khó tin, quí vị nói cho rất nhiều Bồ tát nghe, họ không tin, làm gì có chuyện đó!

Cho nên Phật nói sự việc này “*chỉ Phật với Phật mới có thể hiểu hết*”, chỉ có chư Phật mới biết, các Ngài hoàn toàn hiểu rõ. “Đẳng Giác Bồ tát như trông trăng qua lưới”, tức là sự hiểu biết đối với sự việc này, họ hiểu được, nhưng hiểu không thấu triệt. Giống như ban đêm ngắm trăng mà bị ngăn cách một tấm lưới, cũng nhìn thấy, nhưng bị ngăn bởi tấm lưới, so với người nhìn thấy hoàn toàn không bị chướng ngại, thì khác nhau rồi. Hiểu rõ được sự việc này rồi, ngã là gì đã hiểu rõ được rồi, ngã thật sự là pháp tánh, là tự tánh, đây là cái ngã chân thực, năm uẩn hòa hợp là giả ngã, điều này phải nhận thức rõ ràng.

Người vọng nhận có tự chủ tự tại, có thể thường làm chủ tể là danh nhân ngã. Chúng ta ngày nay cho rằng thân thể này là ta, đó là nhận thức sai lầm. Cho rằng thân này có thể tự mình làm chủ, có thể tự mình được tự tại, đó là vọng tưởng. Nếu bản thân có thể làm chủ, có ai không muốn trẻ mãi không già? Quí vị phải già, quí vị phải sinh bệnh, vậy là quí vị không làm chủ được. Mỗi ngày phải ăn cơm, đáng ghét biết bao, phiền phức biết bao, nếu không phải ăn thì tốt biết bao? Quí vị không làm được, vậy là quí vị không thể làm chủ được rồi, quí vị không tự tại, quí vị phải chịu ràng buộc mọi thứ.

Chữ ngã được định nghĩa chính là chủ tể, chính là tự tại, cả hai nghĩa này không thể tìm được trên thân này, trên thân này không tìm thấy, trong tâm này cũng không tìm thấy. Tâm này là vọng niệm, tìm không thấy, sau đó quí vị mới thể hội được. Phật nói đây là giả, đây không phải là thật.

“*Nếu có thể liễu đạt, nhưng là năm uẩn giả hợp*”, năm uẩn giả hợp là hiện tướng của A lại ya, hiện nghĩa có ngã, năm uẩn giả hợp, “thật không có tự thể, nên nói nhân vô ngã”, đích thực không có tự thể, là năm uẩn giả hợp mà hiện tướng này, khi ngũ uẩn tách ra thì tướng cũng không còn. Người thông minh thì khi năm uẩn hợp thành, liền biết được nó là giả, nó không phải thật, đây mới gọi là trí tuệ, mới gọi là nhìn thấu.

“*Vậy nên người tu hạnh Tiểu thừa, nhờ đoạn phiền não mà chứng Niết bàn*”. Người Tiểu thừa tu hành phá ngã chấp, người Tiểu thừa phá ngã chấp rồi, cho nên chứng được Niết bàn. Niết bàn này gọi là thiên chân Niết bàn, không phải Đại bát Niết bàn thật sự, gọi là tiểu quả, thành A la hán. Khi chứng đến cảnh giới này, lục đạo luân hồi không còn nữa, không thấy nữa, cho nên luân hồi lục đạo là mộng. Giống như quí vị tỉnh dậy, trong mộng tỉnh ra rồi, lục đạo không thấy nữa. Lục đạo không thấy nữa thì cảnh giới gì sẽ hiện ra? Pháp giới tứ thánh hiện ra, đó là Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật, cảnh giới này sẽ hiện ra, đó là gì? Đó là tịnh độ của Như lai. Thật ra đó cũng là tịnh độ của mình, chúng ta từ uế độ, nhiễm ô vượt ra, đó là đến Tịnh Độ. Tịnh độ này không phải là thật tịnh, vì sao vậy? Nó là cái tịnh tương đối, đối với nhiễm ô gọi nó là tịnh, vì thế nó không phải tịnh thực sự. Nó có phân biệt, hết chấp trước nhưng vẫn còn phân biệt, cũng tức là nói đoạn được kiến tư phiền não nhưng trần sa phiền não vẫn còn. Trần sa phiền não là phân biệt, phân biệt nhiều quá, vô lượng vô biên, nên dùng cát, bụi để so sánh. Ngày nay chúng ta khởi tâm, động niệm, suy nghĩ lung tung cũng chính là trần sa.

 Pháp giới tứ thánh có gì hay? Họ đạt được sự gia trì của Phật, Bồ tát. Gần như tất cả đều là người học Phật, học đều rất giỏi, rất siêng học tập giới, định, tuệ. Họ không còn chấp trước thân thể là ta, họ chấp trước gì? Chấp trước năm uẩn là thật, năm uẩn là pháp, pháp là thật, ngã là giả, nên trở thành ngã chấp không còn nữa, mà họ có pháp chấp. Nếu có pháp chấp thì họ không ra khỏi thập pháp giới. Ngã chấp không ra khỏi được luân hồi lục đạo, thì pháp chấp không ra khỏi được thập pháp giới. Vì thế họ phải phá trừ pháp chấp. Pháp cũng là giả, năm uẩn cũng không có, đều là giả, không phải thật. Ngũ uẩn từ đâu mà có? Từ nhất niệm bất giác mà đến. Nhất niệm bất giác đó hoàn toàn là vọng động, tuyệt đối không phải là chân thật. Cho nên một niệm đó mê rồi, chỉ cần phản tỉnh một niệm giác, pháp chấp liền được đoạn. Pháp chấp đoạn được rồi thì thập pháp giới không còn nữa.

“*Thứ hai, pháp ngã, cố chấp các pháp có thực thể*”, các pháp là nói năm uẩn, năm uẩn là pháp. Cho rằng nó là thực thể, nó có thực dụng, vì sao vậy? Nó có thể hợp thành, tất cả các pháp trong vũ trụ đều do nó hợp thành. Quí vị nói xem có thứ gì không phải là năm uẩn? Ngay cả hư không cũng là năm uẩn. Hư không có hình tướng, mắt thịt chúng ta nhìn không thấy, chớ tin vào con mắt của chúng ta, con mắt chúng ta rất đáng thương. Tác dụng của con mắt, ngày nay nhà khoa học đã biết mức độ nhìn thấy của mắt rất nhỏ, chỉ là sóng quang. Độ nhìn thấy của mắt chỉ là sóng quang, nếu dài hơn sóng quang thì không thể nhìn thấy, ngắn hơn sóng quang cũng không thể nhìn thấy. Thứ dài hơn sóng quang chúng ta vô lượng vô biên, thứ ngắn hơn cũng vô lượng vô biên. Ngày nay dùng thiết bị khoa học để đo lường, giống như tia X quang, tia tử ngoại. Mắt thịt chúng ta đều không thấy được. Sóng quang này rất phức tạp. Nếu nói tất cả các sóng quang đều có thể nhìn thấy, thì cách nhìn vũ trụ của quí vị sẽ đổi khác rồi, chứ không phải như ngày nay vậy. Quí vị chỉ thấy được một chút ít, những thứ khác nhìn không thấy. Lỗ tai cũng vậy, sóng nghe cũng có giới hạn. Sóng dài quá nghe không được, sóng ngắn quá cũng không nghe được. Chúng ta sử dụng máy móc, những thiết bị vô tuyến có thể nghe được sóng âm dài, nghe được sóng âm ngắn, vậy phương diện nghe mới rộng hơn chút ít. Trên thực tế vẫn còn rất hạn chế.

Bản năng chúng ta không có chướng ngại, tầm nhìn không có chướng ngại, mở mắt chúng ta có thể thấy được những gì? Có thể nhìn thấy bờ mé của vũ trụ vô cùng rõ ràng, có thể nhìn thấy lượng tử mà không cần dùng thiết bị khoa học.

Bồ tát Di lặc đã nói, trong một cái búng tay có ba mươi hai ức trăm nghìn niệm, quí vị đều thấy được rất rõ ràng. Bồ tát Di lặc tại sao lại ra? Vì ngài đã nhìn thấy rất rõ, làm sao ngài không nói ra được? Phật đã dạy chúng ta, Bồ tát có 51 cấp bậc, năm cấp bậc cao nhất thì không còn chút chướng ngại nào. Cao nhất bắt đầu tính từ đâu? Từ bát địa, bát địa Bồ tát, bát địa, cửu địa, thập địa, Đẳng giác, Diệu giác, năm vị thứ này thì không còn chướng ngại nào nữa. Họ thấy là khắp pháp giới hư không giới, họ nghe cũng là khắp pháp giới hư không, thần thông quảng đại. Phật dạy chúng ta, đây là bản năng của chúng ta, mỗi cá nhân chúng ta và Phật đều lớn như nhau, tại sao bây giờ lại ra nông nỗi này? Chỉ vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc. Cho nên vọng tưởng của quí vị càng nhiều thì chấp trước càng nhiều. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước càng nghiêm trọng, thì phạm vi năng lực của lục căn quí vị càng nhỏ. Quí vị càng giảm bớt vọng tưởng, phân biết, chấp trước thì năng lượng kia sẽ ngày càng tăng lên, vì nó là bản năng của quí vị.

Trong giáo lí Đại thừa, những vị Bồ Tát cao cấp này, trong kinh nói là tam minh, lục thông. Tam minh, lục thông, là nói về Bồ tát ở địa vị Bát địa trở lên, từ Bát địa trở xuống, thần thông gọi là lục thông, không có tam minh. Tam minh là thiên nhãn, lậu tận, và túc mạng. Túc mạng là biết rõ quá khứ, vị lai không bị chướng ngại. Dự đoán cho tất cả cổ kim trong ngoài. Điều này quí vị nên biết, dự đoán có thể tin tưởng được. Những lời dự ngôn nói ra là định số. Trên thực tế, ngoài định số ra còn có biến số, dự ngôn nói tại thời điểm nào, tại nơi nào sẽ có tai nạn lớn xảy ra, đến lúc đó lại không có, có phải lời dự đoán đã sai? Không phải vậy. Tại thời điểm đó họ nhìn thấy, ở thời điểm đó đích thực như thế, nhưng sao lại có sự thay đổi? Nơi này lòng người đã trở thành thiện, thì tai nạn không xảy ra nữa, đó là biến số. “Tất cả pháp đều do tâm sinh”, ở nơi này vốn mọi thứ rất tốt, nhưng do lòng người trở nên độc ác, tự nhiên mọi chuyện trở nên xấu đi. Sở dĩ biến số là tạm thời phát sinh. Dự ngôn của họ vô cùng chính xác, nếu như hôm nay họ đến dự đoán, thì không có một chút thay đổi nào, đó là những gì xảy ra trong ngày. Hôm nay tôi nói việc của ngày mai, ngày mai có thể sẽ xảy ra những thay đổi. Vì pháp thế gian không có định số, mà thay đổi theo lòng người. Những điều này Phật dạy rất rõ, “*tướng do tâm sinh, cảnh do tâm chuyển*”, môi trường nơi ta đang sống sẽ thay đổi theo tâm chúng ta. Tâm chúng ta thanh tịnh thì cõi nước này thanh tịnh, tâm ô nhiễm thì môi trường sống xung quanh sẽ trở thành uế độ. Tâm địa hiền lành, đó chính là thế giới tốt đẹp, giống thế giới Cực lạc. Tâm địa bất thiện thì tai nạn gì cũng xảy đến. Sự việc này từ ba nghìn năm trước đức Phật đã nói một cách rõ ràng, thấu triệt. Người xưa tin tưởng, vì thế khi có tai nạn xuất hiện, mọi người lập tức đề cao cảnh giác, quay đầu phản tỉnh, sám hối, sửa đổi lỗi lầm, làm hoá giải tai nạn.

Ngày nay con người tin tưởng khoa học, không tin tưởng thánh hiền, lời thánh hiền dạy là tâm học, cái học của tâm tánh. Bây giờ chúng ta mới hiểu ra, tâm niệm là cơ sở của vật chất. Muốn giải quyết vấn đề hiện nay, vẫn phải bắt đầu tìm từ trên tâm niệm mới có thể giải quyết. Bởi vì tâm niệm có thể thay đổi vật chất, vật chất không thể thay đổi tâm niệm, tâm niệm có thể thay đổi vật chất. Cho nên gặp phải thiên tai, ta chỉ cần hồi tâm hướng thiện. Ngày xưa khi gặp thiên tai, hoàng đế phải tắm gội trai giới, phải cầu nguyện, phải làm việc tốt, phải đại xá thiên hạ. Làm những việc tốt này để cầu phước cho nhân dân cả nước, nó thật hiệu quả. Bởi vì hoàng thượng dẫn đầu, mọi người đều phản tỉnh, mọi người đều có tâm sám hối, ngày xưa làm những việc gì làm sai rồi, bây giờ không làm nữa, ý niệm đoan chánh, hành vi sửa đổi rồi, cho dù thiên tai không thể hoàn toàn hoá giải, nhưng cũng giảm nhẹ đáng kể, sẽ không tạo thành những tổn hại nghiêm trọng, thật có ý nghĩa!

Con người ngày nay không tin, nói rằng là mê tín, đến vài mươi năm sau, nhà khoa học đã chứng minh những sự việc này, đó là thật. Ý niệm đích thực đã làm thay đổi vật chất. Lúc đó còn cho là trò cười, quí vị xem người mấy mươi năm trước ngốc nghếch biết bao, không hiểu đạo lý này, tai nạn xảy ra chỉ biết gánh chịu, chịu khổ chịu nạn, không thể hoá giải. Kỳ thực sự việc trong vũ trụ, không có tai nạn nào là không thể hoá giải, tất cả đều có thể, vấn đề chính là quí vị có hiểu biết hay không, quí vị có thấu hiểu hay không. Hiểu được thật tướng các pháp thì quí vị sẽ có cách, không hiểu rõ thật tướng các pháp thì quí vị phải chịu. Đây gọi là mê ngộ không đồng. Giác ngộ thì giải quyết được, mê lầm thì mãi mãi không giải quyết được. Giải quyết theo phương pháp khoa học hậu di chứng không tưởng tượng nổi. Hiện tại chúng ta đang bị khoa học hại, nếm một chút ngọt ngào nhưng phải trả giá không biết bao nhiêu! Bình tĩnh tư duy, được không bằng mất.

Tôi tin rằng thiên tai giáng xuống thế giới này có nghiêm trọng hơn nữa, con người nghiêm túc suy nghĩ xem khoa học có phải là vạn năng không? Khoa học không thể giải quyết, chúng ta phải suy nghĩ xem có phương pháp nào để giải quyết không? Họ sẽ thực tâm mong cầu. Hiện nay con người vẫn chưa tin tưởng, hoàn toàn tin vào khoa học. Cho nên phát hiện của Max Planck vẫn chưa có ảnh hưởng đến toàn xã hội. Thực nghiệm về nước của tiến sĩ Giang Bổn ở Tokyo vừa bắt đầu gợi ý cho chúng ta rất nhiều vấn đề tốt, làm cho chúng ta biết được khoáng vật nó vẫn có giác tri thấy nghe. Sông núi đất đai là khoáng vật, nếu quí vị biết nó thực sự có giác tri thấy nghe, chúng ta dành tâm yêu thương cho nó, nó sẽ vững chắc, chúng ta dùng tâm hoài nghi với nó, nó sẽ lỏng lẽo. nếu nó lỏng lẽo thì trái đất dễ dàng sụt lún, núi cao dễ dàng đổ sụp. Nếu lòng tin kiên định, trái đất này sẽ kiên cố. Trong “Kinh Địa Tạng” nói “Kiên lao địa thần”, nếu nó thực sự vững chắc, kiên cố thì sẽ không xảy ra sự cố. Kiên cố nhờ đâu mà thành tựu? Lòng tin. Ngày nay thế giới này tràn lan những nghi ngờ, vì sao như vậy? Khoa học đề xướng hoài nghi, thứ hoài nghi mang lại là tất cả hiện tượng vật chất đều lỏng lẻo, không kiên cố nữa. Việc này mang lại rắc rối lớn.

Phần tiếp theo, “*nếu hiểu rõ các pháp chỉ do nhân duyên sinh, thật vô tự thể, nên gọi pháp vô ngã. Tiểu thừa chỉ ngộ nhân vô ngã, Bồ tát ngộ cả hai đều vô ngã*”. Ở đây Bồ tát có thể giải quyết được vấn đề, biết rõ nhân và pháp đều từ tự tánh biến hiện ra, tự tánh mê rồi mới có hiện tượng này xuất hiện. Tự tánh giác thì hiện tượng này cũng không. Chư Phật, Bồ tát, ở đây nói Bồ tát pháp thân, ứng hoá trong mười pháp giới, mười pháp giới do nghiệp lực chúng sinh biến hiện ra, các Ngài ở bất cứ đâu trong mười pháp giới đó, bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu, họ không mê, họ luôn sáng suốt. Nghiệp chúng sinh tạo, quả báo hiện tiền, Phật, Bồ tát giáo hóa họ như thế nào? Các ngài sẽ nói rõ ràng, chi tiết về chân tướng sự thực, giúp chúng sinh phá mê khai ngộ. Sau khi khai ngộ không mê nữa, vấn đề liền được giải quyết. Chư Phật Bồ tát giúp đỡ chúng sinh, mục đích là lìa khổ được vui, phương pháp là phá mê khai ngộ. Quí vị phải hiểu được, lìa khổ được vui là quả, khổ từ đâu mà có? Khổ từ mê mà có. Vui từ đâu mà có? Từ ngộ mà ra. Dùng phương pháp gì để chỉ họ phá mê khai ngộ? Đó là phải làm giáo dục, dạy học. Quí vị không dạy học thì làm sao họ khai ngộ? Vì vậy dạy học trở thành thứ quan trọng nhất.

Khi còn tại thế, Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng kinh, dạy học suốt 49 năm, chưa bao nghỉ ngày nào, chưa có. Thích Ca Mâu Ni Phật ngày ngày ngài đều giảng, lấy đó làm niềm vui. Ngày nay chúng ta giảng hai mươi bốn tiếng đồng hồ có đáng gì! Khi Phật còn tại thế, chúng ta nhẩm tính, ít nhất một ngày ngài phải giảng 16 giờ, nếu thêm cả làm gương thì đủ 24 giờ không gián đoạn. Chúng ta làm sao sánh được với Ngài? Ngài dùng thân, lời nói, việc làm để giáo hoá. Quí vị nhìn thấy dáng vẻ của Ngài, liền giác ngộ rồi, nghe được Phật giảng pháp khai ngộ rồi, sau khi ngộ rồi quí vị liền rõ ràng. Vì thế tu hành là tu gì? sửa đổi cho đúng hành vi tư tưởng của bản thân. Quí vị biết sai rồi, nên sửa đổi sai trái gọi là tu hành.

Ngày nay mọi người đã hiểu sai hai chữ tu hành, cho rằng ăn chay là tu hành, tụng kinh là tu hành, lạy Phật là tu hành, sai rồi. Thế là không hiệu quả, không cứu vãn được tai nạn. Cứu tai nạn giống như ông Bladen người Mỹ nói, ông đề xuất ba câu, đối phó với lời tiên tri Maya về tai họa năm 2012, nói với mọi người rằng: nếu người trên toàn thế giới đều có thể nghiêm túc bỏ ác làm lành, chính là Phật Pháp nói đoạn ác tu thiện, từ bỏ tất cả những thứ bất thiện, phát huy rộng rãi những việc thiện, bỏ ác làm lành. Câu thứ hai là cải tà qui chánh, câu thứ ba là tâm niệm đoan chánh. Khởi tâm, động niệm phù hợp với đạo đức, luân lí, nhân quả thì có thể hoá giải được tai họa. Những lời ông ấy nói hoàn toàn giống lời Phật dạy, ông ta không phải là một Phật tử, chưa từng tiếp xúc với Phật giáo, là một nhà khoa học. Chúng ta cho rằng Phật giáo là mê tín, vậy người ta là nhà khoa học nói, quí vị có tin không? Đệ tử nhà Phật thật may mắn, nghe lời Phật dạy, lại nghe được những nhà khoa học hiện đại nói, có thể nói nó làm tăng trưởng lòng tin của chúng ta. Từ ba nghìn năm trước đức Phật đã nói, gần đây nhà khoa học nói. Bladen nói những lời này ở Sydney vào tháng tám năm ngoái. Có mấy nhà khoa học hội thảo ở nơi đó, thảo luận về vấn đề này.

“*Bồ tát thì ngộ cả hai đều vô ngã*”, không những biết nhân vô ngã họ còn biết pháp vô ngã, thực sự buông xả rồi.

“Không, đồng nghĩa với vô ngã”, không và vô ngã có nghĩa tương đồng. Quyển thứ nhất trong “Đại Thừa Nghĩa Chương Nhất” có nói: “*Không và vô ngã, như hai cách gọi nhãn và mục*”. Chúng ta nói ‘nhãn’ nói ‘mục’, ‘mục’ cũng là ‘nhãn’, đều chỉ con mắt. Không có thể ví như nói ‘nhãn’, vô ngã ví như nói ‘mục’, cùng một nghĩa. Không chính là vô ngã, vô ngã chính là không. “Nhãn và mục tuy là hai tên gọi, thật ra là một nghĩa”, ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. “*Không và vô ngã, cũng chỉ như vậy*”.

 Dưới đây nói tiếp: “*Chuyên cầu cõi Phật tịnh độ, ắt thành cõi nước như thế*”, hai câu này là lời kinh.

Hội sớ viết: “*Chuyên cầu có nghĩa thệ nguyện*”, chúng ta phải phát nguyện. Phật A Di Đà đã làm gương cho chúng ta noi theo, Ngài thật làm, thật phát 48 lời nguyện, chuyên cầu Tịnh độ. Sau khi phát nguyện lại thật tu, năm kiếp tu thành, cho nên Thế giới Cực Lạc tự nhiên xuất hiện. Đó là gì? Trí tuệ vốn có trong tự tánh là thể, thể năng hiện, Phật Di Đà 48 nguyện và năm kiếp tu hành là duyên, có nhân có duyên, quả sẽ hiện tiền. Cho nên thế giới Cực lạc là nguyện hạnh của Phật A di đà, là thành tựu của trí tuệ bát nhã vốn có trong tự tánh. Ta hiểu nó đến như thế nào, nó không phải do nhân công xây dựng, không có người thi công, không phải vậy, hoàn toàn là biến hiện ra. Biến hiện như thế, Phật từng nói về luân hồi lục đạo, trời Dục giới trong lục đạo, tầng trời thứ năm trong Dục giới, Dục giới có sáu tầng trời. Tầng trời thứ năm phước báo của họ, đức hạnh của họ, đức hạnh và phước báo đều có thể biến hiện. Tuỳ theo lòng muốn, tất cả là do biến hoá tạo nên, điều này chúng ta nên biết. Tầng trời thứ năm chính là trời Hoá lạc, tất cả những thọ dụng đều do biến hiện mà có. Thế giới Cực lạc sao lại không làm được? Phật A Di Đà cao hơn họ nhiều. Việc tu hành ở cõi trời thứ năm chắc chắn thời gian không lâu như vậy, năm kiếp tu hành là điều không thể.

Trong nhân gian này, chúng ta thường nghe nói, đại phú đại quí trong nhân gian là người làm vua chúa, giàu sang quyền thế, phước báo lớn như vậy, địa vị cao như vậy, phải tu hành bao lâu? Thông thường nói mười đời, đời đời kiếp kiếp, mười đời tu mới được phước báo lớn như vậy, không phải một đời, một đời tu không xong, phải mười đời. Vậy chúng ta thử nghĩ nếu có thể tu đến cõi trời Hoá lạc, trời Tha hoá tự tại, chắc chắn không chỉ mười đời, mười đời không thể đạt được. Chúng ta sẽ nghĩ đến chắc phải một trăm đời, tu hành một trăm đời, quí vị mới có thể tu đến địa vị cao như vậy. Không những phải tu thượng phẩm thiện mà còn phải tu thiền định, tu từ bi hỉ xả, quí vị mới có thể sinh lên cõi trời Hoá lạc, trời Tha hoá tự tại. Phật A Di Đà phải tu bao nhiêu thời gian? Năm kiếp. Thời gian năm kiếp không thể nào tính được. Trong kinh không nói tiểu kiếp, trung kiếp, vậy chắc chắn đó là đại kiếp rồi. Thế nào là đại kiếp? Thế giới thành trụ hoại không một lần là một đại kiếp, một lần thành trụ hoại không là một kiếp, thế giới này thành trụ hoại không đến năm lần, quí vị xem thời gian dài bao nhiêu! Lúc đó 48 nguyện mới tu thành, thành được cái gì? Tự nhiên cảm ứng, tùy theo tâm muốn. Thế giới thành tựu đã hiện tiền rồi.

Nguyện thứ nhất là không có ba đường ác, thực sự không có ba đường ác. Không những không có ba đường ác mà ngay cả A tu la, La sát cũng không có, chỉ có hai đường trời và người, nguyện nguyện ứng hiện, đâu có dễ thế! Thành tựu sau thời gian dài như thế, cho chúng ta từ thí dụ tầng trời thứ năm, tầng trời thứ sáu cõi Dục, nhìn lại để thể hội, quan sát thế giới Cực lạc, liền không hoài nghi nữa. Đích thực, trong kinh đức Thế tôn thường nói một câu: “*tất cả pháp đều từ tâm tưởng sinh*”, tâm tưởng này chính là phải chuyên nhất, chuyên tưởng. Có câu nữa phù hợp với câu của Thế tôn: “*giữ tâm một chỗ, việc gì cũng làm được*”. Tu hành của Phật A Di Đà, mỗi tâm mỗi niệm đều là 48 nguyện, một nguyện thành tựu còn dễ, cùng lúc thành tựu cả 48 nguyện thì rất khó. Chúng ta nghĩ đến năm kiếp có lẽ là như vậy, thời gian ngắn lại, 48 nguyện không thể đồng thời viên mãn, đồng thời thành tựu được. Đây là điều không dễ dàng chút nào, một việc lớn lao, Ngài làm được rồi. Ngài làm vì ai? Vì tất cả chúng ta. Trí tuệ lớn lao như thế, phước báo vĩ đại như thế, thần thông, đạo lực, dùng thứ này để cúng dường mỗi người khi vãng sanh đến thế giới Cực lạc. Di Đà là đại thí chủ, chúng ta vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc là tiếp nhận sự cúng dường. Mười phương thế giới đích thực có Bồ Tát từ bi như vậy đến cúng dường cho quí vị, giúp quí vị lìa khổ được vui, nhưng không thể khiến quí vị được trí tuệ viên mãn, nhưng thế giới Cực lạc thì có. Ở Thế giới Cực Lạc A Di Đà Phật ngày ngày giảng kinh thuyết pháp cho quí vị, giúp quí vị khai mở trí tuệ, đó là cúng dường trí tuệ.

Trên thực tế, trí tuệ là thứ vốn có, nhưng phải có gợi mở quí vị mới giác ngộ, quí vị mới thực sự chứng đắc. Vì thế người ta hỏi tôi: sao Ngài phải đến thế giới Cực lạc? Hiện nay rất nhiều người học Phật học những tông phái khác, họ sẽ hỏi quí vị: vì sao quí vị đến thế giới Cực lạc? Tôi đến thế giới Cực lạc để cầu phước cầu huệ, phước huệ viên mãn, tôi đi để làm việc này, không làm việc gì khác. Bây giờ tôi thật sự đã rõ, thật sự hiểu được, khắp pháp giới hư không giới phước báo lớn nhất là nơi đó. Dễ dàng khai mở trí tuệ nhất cũng là nơi đó. Chúng ta đã xác định phương hướng này, mục tiêu này, mãi mãi không đổi, nhất định sẽ thành công.

“*Hội Sớ*” nói: “*Chuyên cầu, là nghĩa thệ nguyện*”, chúng ta nên chuyên cầu “*như bốn mươi tám nguyện*”, Phật A Di Đà đã phát nguyện làm tấm gương cho chúng ta.

“Như thị sát” là chỉ Cực lạc, khuyên nên mong cầu. Tổ sư Đại đức khuyên quí vị, quí vị nên có hi vọng đối với nó, nên mong cầu được, quí vị sẽ có phước, quí vị sẽ có trí tuệ. Không có trí tuệ, không có phước báo, họ sẽ không muốn đến thế giới Cực lạc. Có trí tuệ, có phước báo, không ai không muốn đi.

“Tịnh Ảnh Sớ” có một bài kệ về điều này: cử bỉ trí nguyện, kí tất đắc độ. “Bỉ” là Phật A di đà, bài kệ này nêu lên trí tuệ và đại nguyện của Phật A Di Đà. Quí vị thực sự muốn đi, Phật sẽ thọ kí cho quí vị, quí vị nhất định có thể đạt được. “Thông đạt pháp tánh tất cả không, vô ngã, đó là cử trí”, đây là trí tuệ.

“*Trước giác ngộ mọi như mộng huyễn*”, phần trước là nguyên văn nói: *giác ngộ tất cả pháp đều như mộng huyễn tiếng vang*. Đó là trí thế đế, là trí tuệ thế gian.

“*Ở đây thông đạt các pháp tánh, tất cả không, vô ngã, đó là trí chân đế*”. Ở đây đã có khác rồi. Trí thế tục có thể hưởng thụ phước báo thế gian. Thế gian này là nhân gian thiên thượng, chính là trong lục đạo. Không thể vượt khỏi lục đạo, không thể siêu việt mười pháp giới. Nhưng khi nói đến pháp tánh thì lại khác. “Thông đạt các pháp tánh, tất cả không, vô ngã”, không những siêu việt lục đạo luân hồi mà còn vượt khỏi mười pháp giới. Đây chính là cảnh giới của Bồ tát pháp thân. Thông thường mà nói Bồ tát pháp thân phần nhiều đều trú ở thế giới Hoa tạng, là báo độ của Phật Tì lô giá na. Họ không biết có thế giới Cực lạc, ngoài ra còn có biết có Thế giới Cực Lạc họ không tin, cho nên đây là pháp khó tin. Pháp khó tin không phải nói cho chúng ta. Chúng tôi nói với quí vị, quí vị tin ngay, không khó! Bồ tát, nói với họ mới khó. Quí vị chưa đoạn được phẩm phiền não, đến thế giới Cực lạc liền làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, nói như thế ai tin? Chúng ta tin rồi, họ không tin. Bởi vì chúng ta mơ hồ, hồ đồ ngờ nghệch nên tin như vậy. Họ có trí tuệ, họ hiểu rất rõ, cho rằng đó là chuyện không thể xảy ra. Nhưng phàm phu chúng ta lại tin như vậy. Khi tin rồi họ thật sự lại vãng sanh, thực sự thành tựu. Vì thế đây là điều không thể nghĩ bàn, đúng là pháp khó tin. Quí vị xem vãng sanh đến thế giới Cực lạc, giống như phàm phu chúng ta, đến thế giới tây phương Cực lạc sẽ đạt phẩm vị nào? Hạ hạ phẩm vãng sanh, điều này Bồ tát có thể tin. Nếu nói thượng phẩm thượng sinh, họ lắc đầu, không thể có, làm gì có chuyện đó! Họ không tin. Thật sự phàm phu chúng ta có người thượng thượng phẩm vãng sanh. Đại sư Thiện Đạo nói rất hay: “*Đều do gặp duyên khác nhau*”, nếu quí vị gặp duyên vô cùng thù thắng, quí vị rất có thể trong đời này được thượng phẩm thượng sinh. Người thượng phẩm thượng sanh đến Thế giới Cực Lạc, họ sẽ trú cõi Thật báo trang nghiêm, họ không phải sanh vào cõi Phàm thánh đồng cư hay cõi Phương tiện.

Phần trước chúng ta đã học tam bối vãng sanh, thượng bối là sinh vào cõi Thật báo, trung bối là sinh vào cõi Phương tiện, hạ bối là sinh vào cõi Đồng cư, đều do gặp duyên khác nhau. Đại sư Thiện Đạo nói rất chính xác! Chư Tổ sư đại đức xưa nay không nói như thế, đó là những người kiến thức thông thường, cho thượng bối là người thế nào? Đó là Bồ tát Tứ địa trở lên, cách nói này Bồ tát thông thường tin được. Tứ địa trở lên niệm Phật vãng sanh sẽ sinh Thượng bối, họ tin như vậy. Quí vị xem phàm phu, chúng ta một phẩm phiền não chưa đoạn, liền được thượng bối vãng sanh, họ giật mình, làm gì có chuyện đó? Nhưng chuyện đó là có thật. Chuyện như thế, những lý lẽ như thế, Phật nói rất hay. Chân tướng sự thật về thế giới tây phương Cực lạc, chỉ có chư Phật, “*chỉ Phật với Phật mới hiểu tận cùng*”, Phật biết, Bồ tát không biết, vì thế gọi là pháp khó tin. Ngày nay chúng ta gặp được rồi, thật hi hữu, hiếm có khó gặp mà chúng ta đã gặp được. Số phận chúng ta may mắn gặp được pháp môn này. Gặp được rồi quí vị nhất định tin tưởng. Quí vị gặp được rồi, thật là có ý nghĩa. Quí vị gặp rồi, nếu không tin tưởng, cho rằng mình là phàm phu, tạo nghiệp đầy mình, làm sao có thể vãng sanh? Mình làm sao có thể thượng phẩm vãng sanh được? Vậy là quí vị nhất định không thể vãng sanh.

Đã có người hỏi tôi, tôi liền nói với họ: ông chắc chắn không thể vãng sanh. Ông ấy nói vì sao? Tôi bảo: vì ông có hoài nghi, ông hoài nghi chính mình. Vấn đề là ở chỗ này, nếu quí vị không nghi ngờ bản thân, quí vị nhất định sẽ thượng phẩm thượng sanh. Cho nên việc này không phải người khác quyết định cho quí vị, là bản thân quí vị quyết định lấy. Phẩm vị cao thấp, nói thật là do quí vị buông bỏ được nhiều ít. Tôi đối với thế gian này, thế giới thân tâm tất cả đều buông hết, không chút bận tâm, tôi niệm Phật vãng sanh chính là thượng bối vãng sanh, vẫn còn một chút vướng bận vậy là quí vị liền đi xuống. Điều này trong giáo lí Đại thừa nói nhiều lắm!

Nói về lí, phàm phu thành Phật chỉ nơi một niệm. Một niệm giác, phàm phu liền thành Phật; một niệm mê, Phật liền trở thành phàm phu, chỉ là giữa mê và ngộ mà thôi.

Giác là gì? Giác là buông xuống. Mê là gì? Mê là không buông được. Cho nên nếu quí vị luôn nghĩ cái này buông không được, cái kia buông không được. Mê rồi! Mê đến độ không biết nguyên nhân. Khi mê, có thể không đến được thế giới Cực lạc, chỉ chờ vào việc quí vị buông bỏ được hay không, buông bỏ trong thời điểm nào? Hằng ngày, trong cuộc sống hằng ngày buông xuống, không nên tính toán. Buông bỏ trong công việc, đối nhân tiếp vật cũng nên buông xả. Buông bỏ những gì? Buông bỏ tự tư tự lợi; buông bỏ danh văn lợi dưỡng; buông bỏ tham ái ngũ dục, lục trần; buông bỏ tham, sân, si, mạn, nghi, là được rồi. Quí vị vãng sanh thì phẩm vị đã được nâng cao rất nhiều. Không thể không buông bỏ!

Đoạn này trong phần chú giải và điều chúng ta nói “*chuyên cầu tịnh độ, là phát nguyện vậy*”, rất quan trọng, rất quan trọng! “Sẽ thành cõi nước này”, đây là Phật thọ kí cho quí vị, quí vị chắc chắn sẽ thành công. “*Do trí và nguyện, thọ kí sẽ thành cõi tịnh độ*”, quí vị chắc chắn vãng sanh.

Tiếp theo, “*Vọng Tây Sớ”* nói: “Nhị trí tức là tục đế và chân đế”, phần trước đã nói qua. Nhị đế, tuy khác, không giống nhau, nhưng tánh không lại giống. “Tuy biết tánh không nhưng nguyện tịnh độ”, hai câu này vô cùng quí giá, vô cùng khó được, chúng ta phải nhớ kĩ. Không nên cho rằng tất cả đều là không, mặc kệ, tôi chẳng mong gì nữa, như thế là sai! Khi trí tuệ quí vị chưa mở, quí vị ghét thủ không, không của quí vị là gì? Cái không đó hoàn toàn do vô minh che lấp tự tánh của quí vị. Quả báo trong tương lai của quí vị là tam đồ. Quí vị đã hiểu sai kinh Phật, hiểu sai ý Phật. Vì thế, nhất định, “biết tánh không” không chấp trước nữa, triệt để buống xuống, “nguyện tịnh độ”. Tôi đến thế giới Tây phương cực lạc, đến gặp Phật A Di Đà, thân cận Phật A Di Đà, học tập với Phật A Di Đà, chứng quả vị rốt ráo. Đây gọi là chánh tri chánh kiến, Phật tri Phật kiến. Trong “Kinh Pháp Hoa” nói: “Khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến”, vậy là đúng rồi.

“Lại nói: Phật pháp không chấp có, không chấp không, có không, cũng có cũng không, đều không chấp trước, chẳng phải có chẳng phải không cũng không chấp trước, cũng không chấp trước cái gọi là chấp trước, vẫn còn chấp trước cái gọi là không chấp trước, vậy là họ còn chấp trước rồi, vẫn là đang chấp trước, không thể chấp trước cái gọi là “không chấp trước”, tâm địa thực sự thanh tịnh, vậy rốt cục chúng ta phải làm như thế nào? Trong tâm quí vị chỉ niệm A Di Đà Phật là được, chỉ chấp trước A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật, tôi không chấp trước một thứ gì nữa. Ngay “không chấp trước” cũng không chấp trước nữa, tôi chỉ chấp trước A Di Đà Phật, quí vị đã thành công rồi, chúc mừng quí vị. Đây mới thực sự là đệ tử Phật Di Đà, không ai là không vãng sanh. Phẩm vị vãng sanh, vừa nói với các vị xong, phải xem quí vị buông bỏ được bao nhiêu, buông bỏ càng nhiều thì phẩm vị của quí vị càng cao, nên buông bỏ không? Rất nên buông bỏ, vì sao? Ở thế giới Cực lạc, nâng cao một phẩm vị không phải là chuyện dễ. Nếu chúng ta đều buông bỏ được hết thì phẩm vị lập tức được nâng lên, vì thế thế giới này cũng tốt, không xấu lắm! Đó là một bước đệm tốt nhất cho việc chúng ta vãng sanh thế giới Cực lạc. Tình chấp nghiêm trọng nhất nhất định phải buông xuống, nó là chướng ngại trong những chướng ngại, chướng ngại nghiêm trọng. Trong kinh nói rất hay: “ái không nặng không sinh Ta bà, niệm không nhất không sinh Tịnh độ”. Vì sao quí vị đến thế gian này? Vì sao mãi không ra được sanh tử luân hồi? Ái tình của quí vị quá nặng, chính là sự rắc rối này! Nếu quí vị dứt bỏ được các ái tình, nhưng ái tình không phải dễ bỏ. Phật pháp cũng không phải thực sự bảo quí vị phải dứt bỏ ái tình, bảo quí vị chuyển biến, chuyển biến thành trí tuệ. Trí tuệ và ái tình chỉ là một việc, lúc mê gọi là ái tình, khi giác ngộ rồi là trí tuệ, nó cùng một thể, hai mặt của một thể. Vì thế tình là mê, trí là ngộ, phá mê khai ngộ, chuyển tình thức của quí vị thành trí tuệ Bát nhã. Đó là gì? Đó là tình yêu thực sự, đó không phải giả. Tình yêu đích thực là gì? Quí vị sẽ giúp họ thành Phật. Khi quí vị đang mê, họ đoạ địa ngục, quí vị sẽ cùng họ xuống địa ngục, đây gọi là mãi đắm sông ái. Vậy sông ái là gì? Sông ái là địa ngục vô gián, không phải là một nơi tốt, lại chạy đến nơi đó, vì người mê đều rất muốn nghe, phải hiểu rõ rồi họ mới lo sợ, mới biết được, sợ mất hồn rồi.

“*Yếu chi, bất trú nhị biên, viễn ly tứ cú, diệu khế trung đạo, bình đẳng nhất tướng*”, không trú nhị biên, nhị biên chính là hai bên “không” và “có”. Nhất thể, nhất như, bất nhị, vạn pháp nhất thể, vạn pháp nhất như. “Tứ cú”, phần trước đã học qua, “li tứ cú, tuyệt bách phi”, tứ cú đều là hí luận. Tức trước đây đã nói là: Có không , cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không. Những thứ này đều buông xuống, trung đạo liền hiện tiền, gọi là diệu khế trung đạo.

 Bình đẳng nhất tướng, “Kinh Kim Cang” nói: Vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả, tu tất cả thiện pháp, liền đắc a nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Điều này “Kinh Kim Cang” thường nói. “Kinh Kim Cang” là bộ kinh người Trung quốc thích đọc nhất. Đối với mức độ nổi tiếng về kinh Phật mà nói, ở Trung quốc, dường như “Kinh Kim Cang” xếp thứ nhất, không ai không biết “Kinh Kim Cang”. Phật, có lẽ Phật A Di Đà là đứng đầu, có rất nhiều người không biết đến Phật Thích Ca Mâu Ni, nhưng không có ai không biết, Phật A Di Đà là đứng đầu. Bồ tát thì có Bồ Tát Quan Thế Âm đứng đầu, đây là gì? Mọi người đều rất thích. “Kinh Kim Cang” gọi là phá bốn tướng, tu tất cả thiện pháp. Chỉ cần tu, không nên chấp trước, không nên phân biệt, tận tâm tận lực để tu, thì công đức sẽ rất lớn. Phước đức có trong công đức, vấn đề này quí vị phải nhớ kĩ. Trong công đức có phước đức, trong phước đức chưa chắc đã có công đức. Vì sao nó là công đức? Vì nó không có bốn tướng: vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả. Vì thế tất cả những gì họ tu được đều là công đức. Khi vừa có tướng liền trở thành phước đức, tức không còn là công đức nữa, từ đó mà biết, tu công đức không dễ dàng. Công đức và tánh đức tương ưng, tu công có đức. Phước đức và tánh đức không tương ưng. Phước đức tương ưng với thế gian, thế đế, nhân quả, không tương ưng với tánh đức. Những điều này chúng ta không thể không biết. Thực sự là lìa tất cả tướng, tu tất cả thiện pháp, nó tương ưng với Vô thượng bồ đề.

 “*Vì Bồ tát trong mười phương*”, lần này đến thế giới Cực lạc, những Bồ tát trong mười phương, họ đã “*thâm đạt pháp không*”. Những vị Bồ Tát này trình độ thấp nhất cũng phá được bốn tướng rồi. Vị trình độ cao chúng ta tin rằng họ phá được bốn kiến rồi. Bốn kiến là gì? Bốn tướng là vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng, đây là phá tứ tướng. Đó là các vị trình độ thấp. Các vị trình độ cao thì: vô nhân kiến, vô ngã kiến, vô chúng sinh kiến, vô thọ giả kiến. Không những tướng không còn nữa , ý niệm này cũng không còn nữa, đây là trình độ cao. Phá bốn tướng là cảnh giới tứ quả của Tiểu thừa. Phá tứ kiến là cảnh giới của Đại Thừa Pháp thân Bồ Tát, cũng chính là nói, khi bốn kiến phá rồi liền siêu việt mười pháp giới, vãng sanh về thế giới tây phương Cực lạc, họ thực sự sinh vào cõi Thật báo trang nghiêm của thế giới Cực lạc. Họ không còn bốn kiến nữa. Bốn kiến không còn nữa thì xuất hiện cái gì? Tâm thanh tịnh xuất hiện, “thanh tịnh, bình đẳng, giác” trong đề kinh chúng ta đang học đây sẽ xuất hiện. Thanh tịnh, bình đẳng, giác là Pháp thân Bồ Tát. Theo “Kinh Hoa Nghiêm” là bậc viên giáo sơ trú trở lên. Theo Biệt giáo là sơ địa trở lên, mới đạt đến cảnh giới này. Phàm phu chúng ta chỉ cần buông bỏ là được! Đại sư Huệ Năng đã làm gương cho chúng ta. Năm đó ngài hai mươi bốn tuổi, nhưng ngài đã chứng địa vị nào trong “Kinh Kim Cang”? Phá bốn kiến, chứ không phải bốn tướng. Bốn kiến phá rồi, một niệm vừa chuyển ngài liền trở thành Pháp thân Bồ tát. Ngài tương đồng với cảnh giới Thích Ca Mâu Ni Phật ngồi dưới cội Bồ đề đêm nhìn sao sáng đại triệt đại ngộ. Thích Ca Mâu Ni Phật thị phạm cho chúng ta thấy cũng phá bốn kiến.

Vì thế những vị Bồ tát đến Thế giới Cực Lạc thăm viếng, họ thâm đạt pháp không. Phá bốn tướng là nhân không, phá bốn kiến là pháp không, “*chuyên cầu tịnh độ*” đây điều vô cùng vô cùng quí giá, tức là xa lìa bốn tướng, tu các thiện pháp. “Nên sẽ thành cõi nước như vậy”, ắt thành cõi nước như vậy, tức là giống thế giới Cực lạc, quí vị sẽ đạt được. Điều này thánh nhân Trung quốc nói là “chỉ ư chí thiện”.

“Lại Hội Sớ” nói: “*Vì thế Bồ tát hiểu rõ ba không, trí không chấp trước, mà dùng đại bi bồi dưỡng tâm, phát nguyện tịnh độ, tuy Phật độ tịnh, mà thường tịch tĩnh. Đó là tức nhất pháp cú, trí tuệ chân thực, pháp thân vô vi”*. Đây là điều trong “Hội sớ” nói. Những vị Bồ tát này đều là Pháp thân Bồ Tát, họ đối với tam không, nhân không, pháp không, không không gọi là ba không. Không cũng là không, đây là thực tướng các pháp, rốt ráo viên mãn. Đây là điều Pháp thân Bồ Tát chứng đắc được. Trong Thiền tông Trung quốc gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phậ. Phật ở đây là phân chứng tức Phật, là Phật thực sự, không phải Phật giả. Họ không còn ở trong mười pháp giới.

Trí vô sở trước, đây là trí tuệ chân thật. Họ đã buông bỏ tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đây chính là vô sở trước. Chúng ta thường nói không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước; mọi lúc mọi nơi họ đều trú trong cảnh giới này. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài. Thông thường chúng ta nói “mong sao được vậy thuận lợi như ý”, dùng vô số phương tiện thiện xảo để giúp chúng sinh giác ngộ, bản thân thực sự không bị dính mắc. Nếu còn chấp tướng, quí vị nên nhớ rõ, đó là giả, không phải thật, thật thì không chấp tướng nữa, giả mới chấp tướng, chấp tướng những gì? Tiếng tăm, lợi dưỡng, họ vẫn giữ những ý nghĩ đó. Dùng Phật để lừa đảo những Phật tử thiện lương. Những người như vậy họ tạo vô lượng vô biên ác nghiệp, quả báo của họ là rơi vào địa ngục vô gián. Chúng ta phải có năng lực phân biệt tà chánh, tỉ mỉ quan sát.

Học Khổng lão phu tử, “nghe lời họ nói, nhìn việc họ làm” cẩn thận quan sát những hành vi của họ, xem họ có thực sự làm được không. Nếu giả dối, chúng ta phải làm sao? Kính nhi viễn chi. Chúng ta cung kính họ, lời họ nói cũng hay lắm, chúng ta có thể học tập. Hành vi của họ chúng ta không học, như thế là đúng rồi.

Đại sư Trí giả cũng đã dạy chúng ta như vậy. Ngài có hai câu rất hay: “Nói được không làm được, thầy của cả nước vậy”, lời ngài nói rất hay. Đọc nhiều kinh sách, huân tập kinh điển Đại thừa thời gian dài, họ đã được âm thầm thay đổi, vì sao vẫn còn làm sai sự việc? Phiền não chưa đoạn sạch, nghiệp lực vẫn còn thường thường xuất hiện, vì thế kiểu người này làm thầy của mọi người. “Nói được lại làm được, bảo bối của quốc gia vậy”, đó là quốc bảo! Làm đến quốc sư đã giỏi lắm rồi, đến quốc bảo thì kiếm đâu ra? tìm không ra. Ngày nay tìm ra được bậc quốc sư đã là khó lắm rồi, nhưng trong mỗi câu ngài nói đều căn cứ theo giáo lí, ngài nói không sai, điểm này rất quan trọng. Nếu ngài dùng ý của ngài để nói, chắc chắn sẽ có sai lầm, ngài không có ý gì, nói cho quí vị biết, Phật không có ý gì, Bồ Tát cũng không có ý gì, A la hán cũng không có ý gì, có ý là sai rồi.

Bộ “Kinh Vô Lượng Thọ” này, quí vị đọc ra quí vị có ý nghĩ, đó là “Kinh Vô Lượng Thọ” của bản thân quí vị, không phải của Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật chắc chắn sẽ không có ý gì. Không có ý là bởi trong đó đã có vô lượng nghĩa. Thế nào là vô lượng nghĩa? Người nhân thấy nhân, người trí thấy trí, mỗi người đọc sẽ có ý riêng của mình, nếu quí vị không tin thì quí vị xem chú giải. “Kinh Vô Lượng Thọ” có đến hơn hai mươi chú giải của các tổ Nhật bản. Quí vị xem mỗi người sẽ có mỗi ý, nhưng ý đó của họ đều chính xác, không có sai lầm. Quí vị nên hiểu điều đó. Tại sao không sai lầm? Vì họ thực sự có công phu tu chứng. Khi họ tu chứng, họ nhìn thấy một mặt, không thấy được toàn diện, giống như người mù sờ voi vậy, tất cả đều là thật, không phải giả. Con voi giống thứ gì? Người mù sờ trúng chân voi, nói voi giống cái cột, quí vị không thể nói họ sai, vì chân voi giống cái cột. Người sờ trúng đuôi, nói voi giống cây chỗi, sờ trúng bụng, nói voi giống bức tường, đều đúng hết, họ không sai, đấy là trí tuệ. Vì vậy chúng ta nghe kinh, chúng ta xem chú giải, phải hiểu được nên có thứ trí tuệ này. Nếu không quí vị sẽ bị nó làm mê. Một nguyên tắc chung chính là, kinh giáo của Phật từ trong tự tánh mà lưu xuất ra. Tự tánh không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, tự nhiên lưu lộ ra, đây gọi là chân kinh.

Chúng ta tiếp thu nó bằng cách nào? Cũng dùng cách tự nhiên, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, ý nghĩa của kinh này quí vị hoàn toàn hiểu ra được. Chúng ta vẫn còn khởi tâm động niệm, chúng ta vẫn còn phân biệt chấp trước, thì những thứ chúng ta đọc được, chỉ là một phần giống như người mù sờ voi. Quí vị không thể nói họ sai, quí vị cũng không thể nói họ đúng. Cho nên buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước quí vị mới đọc được chân kinh, đó là những thứ nguyên bản mà chư Phật Như lai lưu xuất ra từ tự tánh. Kinh Phật khó hiểu chính là khó ở chỗ này vậy. Đây thực sự là điều rất khó! Vì thế Phật nói rất hay: Pháp Phật không ai nói, tuy trí không thể hiểu. Tức là ngày nay không có ai giảng giải, người nào giảng giải? Người có tu có chứng. Ngày nay người có tu có chứng biết đi tìm đâu? tìm không ra.

Tổ sư Đại đức ngày xưa chú giải cũng không phải là việc dễ. Chú giải kinh điển cần điều kiện gì? Phải chứng quả. Chưa chứng quả không dám chú kinh, không giống như ngày nay, hiện nay con người gan thật lớn, người xưa không dám. Người xưa ngay đăng đàn giảng kinh, cũng phải thực sự có công phu tu học mới dám giảng. Lúc chúng tôi mới học, thầy giáo đã nói với chúng tôi những điều này, chúng tôi nghe hiểu, nghe thấu đáo rồi, ai dám phát tâm giảng kinh? Không dám. Nhưng thầy giáo lại ép chúng tôi lên bục giảnh kinh, tôi nói nếu chúng con giảng sai thì làm sao? Ai chịu trách nhiệm? Thầy giáo chịu trách nhiệm, thầy giáo vì sao chịu trách nhiệm? Vì chúng tôi học giảng kinh hoàn toàn lặp lại lời giảng của thầy. Thầy giảng qua một lần, chúng tôi lên bục giảng lại như thầy giáo vậy, không thêm không bớt, không thể thêm vào ý của mình, thêm ý của mình vào thì mình tự chịu trách nhiệm. Tôi hoàn toàn y theo lời thầy giảng, nếu sai thầy chịu trách nhiệm, tôi không cần chịu trách nhiệm, tôi không có trách nhiệm, thầy nói sai. Bắt đầu từ đó, giảng kinh. Sau khi đã giảng được vài bộ, thầy nói với chúng tôi, phải chọn lựa những chú giải của các Tổ sư đại đức, vì thế chúng tôi giảng chú giải, không phải giảng kinh.

Lần này chúng tôi giảng chú giải của Hoàng Niệm Lão, Hoàng Niệm Lão cũng rất thông minh, toàn dẫn chứng những chú giải của những vị khác, nên nếu có giảng sai thì có người khác chịu trách nhiệm, đều giảng chú giải. Đây là con đường mà thầy đã chỉ cho chúng tôi, nếu không chúng tôi không dám phát tâm. Giảng chú giải, lại dịch Văn ngôn ra văn Bạch thoại, dùng những câu chữ thật mộc mạc dễ hiểu để mọi người nghe là hiểu được, không đến nỗi khiến đại chúng hiểu sai, điều này vô cùng quan trọng. Gặp những đoạn khó hoặc cảm thấy chú giải không được thích hợp, nếu gặp những trường hợp này, gặp phải thì chỉ đọc qua là được, không giảng. Đọc thôi thì không sai, nếu sai là người ta sai, không phải mình sai, đọc qua là được rồi. Những vấn đề này quí vị phải xem chú giải của người xưa. Có rất nhiều kinh văn cảm thấy rất quan trọng nhưng tại sao họ không chú? Thầy tôi bảo họ cũng không hiểu, vì thế họ lướt qua là được rồi. Chúng ta phải học những điều này từ các vị tổ sư đại đức, như thế mới tránh được sai lầm.

Nhưng Tịnh tông có một ưu điểm rất lớn, quí vị nhất tâm niệm Phật có Phật A Di Đà gia trì, điều này là thật không phải giả. Khi đăng đàn giảng kinh, đa phần là do Phật lực gia trì. Vì sao vậy? Bản thân chưa từng nghĩ đến, sau khi giảng xong, mọi người đều khen giảng rất hay, nghe ra cũng hay, đây là mình giảng sao? Phật lực gia trì, bản thân không nghĩ ra. Vì thế thực sự có Tam bảo gia trì, thực sự pháp hỉ sung mãn. Nhưng phải chuẩn bị, không thể không chuẩn bị, không chuẩn bị mà chỉ chờ Phật gia trì, như thế là quí vị đầu cơ trục lợi, Phật sẽ không gia trì quí vị. Bản thân vô cùng nỗ lực, lúc lên bục giảng Phật mới gia trì. Có thể những thứ quí vị chuẩn bị không được dùng đến, những điều quí vị lên bục giảng không biết từ đâu mà có nữa. Những trường hợp như vật thường xảy ra, có thể tăng trưởng lòng tin của quí vị, tăng thêm nguyện lực cho quí vị, chuyên cầu tịnh độ, chuyên niệm Di Đà.

Chỗ này, không trú nhị biên, xa rời tứ cú, diệu khế trung đạo, bình đẳng nhất tướng. Trong “Kinh Kim Cang” nói bốn tướng bốn kiến, tướng kiến họ không viết, nói bốn tướng cũng được, nói bốn kiến cũng được. Phải lìa bỏ bốn tướng, tu tất cả thiện pháp. Như thế mới có thể thành tựu quốc độ như vậy.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây. **HẾT TẬP 444**

# Tập 445

Chuyển ngữ: Minh Tuệ
Biên tập: Liên Hải
Thời gian: 09.06.2011
Địa điểm: Cương Sơn Tịnh Tông Học Hội – Nhật Bản

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi.

Mời quý vị xem *“Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”* trang 559, hàng thứ bảy từ dưới lên, bắt đầu đọc từ đó.

Lại, “*Hội Sớ*” viết: “*Sở dĩ tuy Bồ tát tuy hiểu rõ tam không, trí không chấp trước, nhưng đại bi huân tâm, phát nguyện tịnh độ. Tuy cõi Phật tịnh, mà thường tịch tĩnh, đây là nhất pháp cú, trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Mà hai mươi chín loại, tức hai mươi chín loại nhưng nghĩa là nhất pháp cú vậy*”. Chúng ta đọc đến đoạn này. Đoạn văn này giải thích của “*Hội Sớ*”. Bồ tát vô cùng quí giá, đối với thật tướng các pháp họ rõ ràng sáng suốt.

Ba không là nhân không, pháp không, không không, không cũng không. Trong cảnh giới này đáng quí nhất, họ còn có thể dùng đại từ đại bi giúp đỡ tất cả chúng sinh khổ nạn. Trong đoạn văn này viết: “Đại bi huân tâm, phát nguyện tịnh độ”, người đại biểu ở đây chính là Phật A Di Đà. Phật A Di Đà phát 48 lời nguyện, sau khi phát nguyện lại thật làm, thật sự y theo nguyện này để tu tập, trải qua thời gian năm kiếp, 48 lời nguyện mỗi nguyện đều viên mãn, vì vậy tự nhiên thành tựu thế giới Cực lạc. Thế giới Cực lạc là trí tuệ bát nhã của tự tánh. Đây là nhân, Phật A Di Đà phát nguyện tu hành, đó là duyên. Nhân có duyên thì quả đức liền hiện ra. Quả đức chính là y báo chánh báo trang nghiêm của Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Chỗ này nói đến trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Điều này ở trong chú giải Hoàng Niệm Lão trích dẫn nhiều nhất, lặp đi lặp lại đến mười mấy lần. Đây là lời trong cuốn “Vãng Sinh Luận”. Hai mươi chín loại, trước đây chúng ta đã học qua. Thế giới Cực Lạc y báo có mười bảy loại trang nghiêm; chánh báo, Phật có tám loại trang nghiêm, Bồ tát có bốn loại trang nghiêm, tổng cộng có hai mươi chín loại trang nghiêm. Hai mươi chín loại trang nghiêm này đều là nhất pháp cú. Ý nghĩa nhất pháp cú đã bao quát tất cả.

“*Sớ thuyết tinh diệu*”, sớ là “Hội sớ”, Hội sớ nói rất hay, nói rất đặc sắc, nói rất vi diệu, ý ở đây là gì? Nói theo ngôn ngữ ngày nay, tất cả pháp đều từ nhất pháp giới này lưu xuất ra, chính là ý nghĩa này. Trí tuệ chân thực, pháp thân vô vi cũng là ý này. Tất cả pháp đều từ nhất pháp giới mà lưu xuất ra, nhất pháp giới này là tự tánh. Đại sư Huệ Năng nói “đâu ngờ tự tánh, năng sinh vạn pháp”. Vạn pháp nhất như, cuối cùng như thế nào? “Cũng đều quay về nhất pháp giới này”. Chứng đắc quả vị rốt ráo gọi là Diệu giác Như lai. Diệu giác Như lai không trú trong cõi Thật báo, mà quay về nhất pháp giới này. Tức lại trở về tự tánh. Đây là một vòng tuần hoàn lớn. Quí vị xem, lưu xuất từ nhất pháp giới, cuối cùng lại trở về với nhất pháp giới này.

Trong Tịnh độ thì nhất pháp giới gọi nó là Thường tịch quang tịnh độ. Khắp pháp giới hư không giới được lưu xuất từ Thường tịch quang tịnh độ, cuối cùng lại quay về Thường tịch quang. Tất cả pháp thế gian xuất thế gian đều là một hiện tượng như thế. Nghĩa là hiện tượng một vòng tuần hoàn rồi quay về điểm xuất phát. Hiện tượng này ngày nay khoa học cũng thường nói là quay về điểm xuất phát. Ngoài ra có một câu nói khác quay về con số 0. Quí vị xem, tất cả chữ số đều bắt đầu từ số không, 1, 2, 3, 4, cuối cùng vẫn quay về số 0. Đó là chân tướng của thế gian và xuất thế gian. Khi chứng được quả vị Diệu giác thì trở lại. Đẳng giác vẫn chưa, Diệu giác mới trở lại rồi. Trở lại, nhà khoa học cận đại nói là “không thấy nữa”, vũ trụ bỗng nhiên biến mất. Những nhà khoa học nghiên cứu vật lí, khi nghiên cứu vũ trụ vĩ mô, đại vũ trụ này, đã phát hiện 90% đại vũ trụ đã biến mất, ngày tại chỉ còn nhìn thấy 10%. Những gì họ nhìn thấy là cõi Đồng cư, cõi Phương tiện, cõi Thật báo. Vì sao họ nhìn thấy được? Vì có hình tướng. Cõi Thường Tịch Quang nhìn không thấy, nó không có hình tướng, không có cả ba loại hiện tượng, không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, cũng không có hiện tượng tự nhiên, vì vậy họ không thể nhìn thấy và kết luận đã không còn nữa. Nó đã đi đâu rồi? Chúng ta biết rằng nó đã quay về nhất pháp giới này. Cho nên chúng ta tin rằng khoa học và triết học trong tương lai sẽ có một ngày cũng trở về nhất chân pháp giới, trở về với Đại thừa. Đại thừa thực sự có thể giúp đỡ chúng ta giải quyết tất cả mọi vấn đề, chắc chắn không có sai lầm. Tất cả pháp từ nó mà sinh ra, cuối cùng lại quay về tự tánh.

 “*Nhất pháp giới chính là nhất pháp cú*”. Trong “Vãng Sanh Luận” cũng gọi là “Tịnh Độ Luận” có nói “nhất pháp cú” chính là “nhất pháp giới”, nhất pháp giới này không phải là nhất chân pháp giới. Nhất pháp giới này là tự tánh, nhất pháp giới này là thật tướng các pháp, nó có ý nghĩa như vậy.

“Di Đà hiểu dụ thập phương chánh sĩ chi từ thị”. Phật A Di Đà, “hiểu dụ” là “nói với”, từ bi khai thị cho chúng Bồ tát từ mười phương đến thế giới Cực lạc. “Thích tôn chuyển thuật dĩ tất”, những lời Phật Di Đà nói, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói xong.

 “Tiếp theo là Thế Tôn tiếp tục nói với hội chúng ở cõi này”, tức khai thị cho hội chúng chúng ta đang có mặt tại đây.

“Kinh văn, nghe pháp hoan hỉ phụng hành”. Phần trước của câu này, trong “Nguỵ dịch” còn hai câu nữa. “Chư Phật cáo Bồ tát linh cận an dưỡng Phật”, bản hội tập bỏ bớt hai câu này, bởi vì người nghe pháp rồi hoan hỉ phụng hành chính là chỉ Bồ tát trong mười phương. Vì thế hai câu này đã gồm trong “nghe pháp hoan hỉ phụng hành”, bao gồm trong đó rồi. Nhưng nếu có hai câu này, dường như câu văn càng rõ ràng hơn, dễ hiểu hơn. Nghe pháp chính là Bồ tát trong mười phương, họ ở Thế giới Cực Lạc nghe được A Di Đà Phật khai thị, chỉ dạy. Sau khi nghe xong sẽ như thế nào? Hoan hỉ. “Nhạo” ở đây là hoan hỉ, hoàn toàn tiếp thu, y giáo phụng hành. Quí vị xem ba chữ “nhạo, thọ, hành”, chúng ta nghĩ xem, ngày nay chúng ta học Phật, có người mới học, có người học được mấy năm, có người học mấy mươi năm. Mấy mươi năm rồi không tiến bộ vẫn là phàm phu, vì nguyên nhân gì? Pháp thì nghe rồi, ngày ngày đều tụng, mỗi ngày đều nghe, nhưng ba chữ sau không có. “Nhạo” tức là pháp hỉ, chưa đạt được pháp hỉ, Vì sao vậy? Nghe xong lại còn nghiên cứu tại sao Phật nói như thế? Ngài nói những lời này có ý nghĩa gì? Chúng ta vẫn luôn khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, nói khó nghe một chút là vẫn còn phê bình. Vậy làm sao được? như thế chi bằng đừng nghe. Vì sao vậy? Có thái độ như vậy đối với Phật là đại bất kính. Người thật tâm cung kính, họ nghe nhiều lần rồi, thì tâm hoan hỉ phụng hành sẽ xuất hiện hết, vì sao vậy? Vì họ cung kính, họ không phê bình. Vì sao chúng ta không hiểu? Vì nghiệp chướng chúng ta sâu nặng, đừng trách ai cả, vì sao người khác vừa nghe đã hiểu, mà mình nghe không hiểu? Họ có điều gì? Họ có tâm sám hối, tâm cung kính, tâm chân thành, họ dùng những tâm này. Tâm này mới đúng đắn. Dùng lâu ngày, dùng mấy năm, dùng mấy mươi năm, thì nghiệp chướng tiêu trừ, trí tuệ khai mở, pháp hỉ liền xuất hiện.

Nói thật là ngày nay chúng ta không có chút khiêm tốn nào, vậy làm sao được; không có một chút tâm cung kính nào. Hơn nữa, học Phật trên biểu hiện mà nói, học Phật học rất tốt, học rất giỏi. Trên thực tế thì sao? Tạo nghiệp địa ngục. Nghiệp địa ngục là gì? Bất hiếu cha mẹ, bất kính sư trưởng, vị thầy căn bản của chúng ta là Phật Thích Ca Mâu Ni, mỗi ngày đều lạy Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, nhưng chúng ta không tôn trọng Thích Ca Mâu Ni Phật. Đối với Phật còn không tôn trọng, thì đối với thầy giáo hiện tại làm sao tôn trọng được? Đối với sư phụ của mình cũng không tôn trọng. Chúng ta nên hiểu rõ những vấn đề này. Tình trạng này sau khi Phật Thích Ca Mâu Ni viên tịch không bao lâu đã hình thành rồi. Hình thành điều gì? Tông phái. Sự hình thành này là có thể, Phật một đời giảng kinh rất phong phú, rất nhiều, tuyệt đối không phải một người có thể học được. Giống như một trường đại học có rất nhiều khoa. Quí vị không thể học hết được toàn bộ, thời gian của quí vị không đủ. Đại học hiện nay một khoa học bốn năm mới tốt nghiệp, mười khoa là bốn mươi năm, một trăm khoa là bốn trăm năm. Quí vị làm sao mà sống lâu được vậy! Nên việc chia khoa, chia ngành là hợp lí, nhưng bất cứ pháp môn nào đều có thể thành đạo vô thượng, gọi là “pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”. Nhưng tại sao phải chia ra nhiều pháp môn như vậy? Căn tánh mỗi người không giống nhau, sở thích không giống nhau, hứng thú không giống nhau, lại còn thiện căn khác nhau, trình độ khác nhau, nhất định phải lựa chọn pháp môn phù hợp điều kiện của bản thân, thì học mới thuận lợi. Nhất đinh phải tôn trọng những pháp môn ta không học, vì sao vậy? Đều là lời Phật dạy. Nếu như nói pháp môn tôi là số một, pháp môn khác không được, coi thường người khác, như vậy gọi là đại bất kính, đại bất hiếu. Quí vị khinh thường người khác, chính là khinh thường Phật Thích Ca Mâu Ni, pháp môn đó là lời Phật dạy. Nếu quí vị coi thường những vị Bồ tát đang tu học pháp môn đó, thì tội của quí vị càng rất nặng. Vì thế khinh mạn người khác, khinh mạn những pháp môn khác, đều là tạo nghiệp địa ngục. Bản thân tạo nghiệp mà lại không biết. Nếu cùng một pháp môn, trong đó mỗi người đều tâng bốc môn phái mình, không trao đổi với nhau, khen mình chê người, lập tức liền đọa xuống địa ngục a tỳ. Họ không phải tu hành Phật hạnh, họ đang tu hạnh địa ngục; Họ không phải cầu sinh thế giới Cực lạc, họ muốn đến địa ngục a tỳ.

 Chúng ta đứng ngoài thấy rất rõ ràng, sư phụ tôi tốt, sư phụ nào cũng không bằng sư phụ tôi, quan niệm này là gì? Quan niệm này chính quan niệm là cầu sinh địa ngục a tỳ. Quí vị nghĩ xem có phải vậy không? Sư phụ quí vị còn có sư huynh, sư đệ, sư huynh đệ của ông ấy cùng một thầy truyền xuống, quí vị gọi ngài là tổ sư. Những sư huynh sư đệ này, mỗi vị lập một môn phái riêng, mỗi người đều có đệ tử của riêng mình, độc lập với nhau, không thể dung hoà với nhau, tất cả đều là tạo nghiệp địa ngục. Vậy là họ đang tu pháp môn gì? Tu pháp môn địa ngục. Tương lai họ sẽ đi về đâu? Sẽ vào địa ngục Vô gián, không thể không biết.

Người thực sự có tu hành không phải như thế, cho nên khi thấy những người tung hô môn phái mình, bài xích môn phái người khác, đối với họ quí vị nên kính nhi viễn chi.

 Bồ tát Phổ Hiền đã dạy chúng ta, họ vốn là Phật rồi, cho nên chúng ta phải cung kính, kính trọng họ, tại sao lại xa lánh? Vì họ đi vào cửa địa ngục, chúng ta đi về thế giới Cực lạc, chúng ta khác nhau, khoảng cách giữa chúng ta rất xa, cho nên kính nhi viễn chi, ai đi đường nấy, tôi quyết không để quí vị quấy rầy, tôi tôn trọng quí vị, nhưng không dám học theo quí vị, cách học như thế nào? Thiện Tài đồng tử năm mươi ba lần đi tham học, đã nói rõ với chúng ta: pháp môn khác nhau của năm mươi ba vị thiện tri thức, năm mươi ba vị thiện tri thức này thái độ của họ đối với người khác như thế nào? Gặp ai cũng tán thán, đều là bản thân khiêm tốn, khen ngợi người khác. Bản thân khiêm tốn là đức hạnh, khen ngợi người khác là tánh đức, tánh đức tự tánh vốn có, phải biết khen ngợi người khác. Quí vị có phải là người đệ tử Phật chân chánh hay không, cứ nhìn ở đây thì biết. Khen mình chê người, đó không phải là đệ tử Phật, đó là ma, con cháu của ma, họ đến phá hoại Phật pháp, không phải đệ tử Phật. Đệ tử Phật nhất định là bản thân khiêm cung, tán thán người khác, giống như quí vị nhìn thấy qua việc tham bái năm mươi ba lần, mỗi một vị thiện tri thức đều khiêm tốn. Trí tuệ, đức hạnh của tôi còn giới hạn, tôi chỉ có thể tu pháp môn này. Những vị đại thiện tri thức khác, họ đức hạnh cao, trí tuệ sâu rộng. Họ có thể tu tất cả các pháp môn, họ đều khen ngợi. Khen ngợi một cách chân thành, không phải làm mặt, từ đáy lòng thực sự khen ngợi. Không những tán thán đối với pháp môn của Phật, mà đối với tất cả các tông giáo trên toàn thế giới đều tán thán. Nếu quí vị hỏi tại sao phải tán thán tất cả những tôn giáo khác? Hôm nay chúng ta học đến đây, tất cả pháp đều từ pháp giới này mà lưu xuất ra, vậy những tôn giáo kia phải chăng ở trong tất cả pháp? Nó nằm trong tất cả pháp hay ngoài tất cả pháp? Trong tất cả pháp. Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm. Đạo lý này chúng ta nhất định phải hiểu.

Vì vậy, trong giáo lí Đại thừa Phật thường dạy: “tất cả pháp đều là Phật pháp”. “Đâu ngờ tự tánh, năng sanh vạn pháp”. Vạn pháp chính là tất cả pháp.

Thiên chúa giáo, Cơ đốc giáo, Đạo Islam, đó là pháp sanh ngoài tâm sao? Không phải. Toàn là trong nhất pháp cú. Nhất pháp cú là chánh pháp, pháp pháp đều chánh, vậy tại sao quí vị có thể khinh mạn? Làm sao có thể coi thường được? Có lý gì lại như vậy! Phật Pháp tu đến nơi cứu cánh, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, mà quí vị còn chấp trước kiên cố như vậy. Chỉ có tôi là tốt, những người khác không bằng tôi, sai rồi. Quí vị đã đang hành tà đạo, đã là tâm luân hồi đang tạo nghiệp luân hồi, trong nghiệp luân hồi tạo nghiệp địa ngục, quí vị xem quí vị đáng thương biết bao. Người sáng suốt thấy quí vị đáng thương, trong kinh nói là “người đáng thương”. Ai là người đáng thương? Loại người vừa nói đến là đáng thương, họ ngày ngày tạo nghiệp địa ngục mà bản thân không biết, tương lai đọa địa ngục còn kêu oan uổng, nhưng càng kêu oan thì tội càng nặng. Không có ai oan uổng quí vị, bản thân quí vị oan uổng chính mình, quí vị còn trách ai!

 Chúng ta đã thấy trong “*Hoàn Nguyên Quán*”: “*từ nhất thể khởi nhị dụng*”, bất luận là dụng của y báo hay dụng của chánh báo, khi khởi dụng nhất định có ba thứ châu biến. Thứ nhất là châu biến pháp giới, thứ hai là xuất sinh vô tận, đó chính là nhất thiết pháp. Thứ ba là hàm dung không, hữu. Đây là tâm lượng của người giác ngộ thực sự. Hàm là bao hàm, bao hàm hư không. Dung là dung nạp, dung nạp vạn hữu. Chính là nhà Phật thường nói hai câu: “Tâm bao thái hư, lượng khắp sa giới”, người này đang hành đạo Bồ tát. Người này là người ở thế giới Cực lạc. Người ở Thế giới Cực Lạc, tâm lượng đều lớn lao như vậy. Bao thái hư, khắp sa giới, không có thứ gì là không bao dung. Những chuyện vụn vặt mà cũng so đo tính toán. Cổ nhân nói đó là người không ra gì. Trong nhà Phật ngày nay cũng phổ biến hạng người như thế. Những người này không phải đang hưng thạnh Phật giáo, mà là người hủy diệt Phật giáo, khiến người học Phật tất cả đều vào địa ngục a tì, không phải gọi là diệt Phật giáo sao? Quí vị tạo nghiệp nặng quá! Quí vị vừa bài xích, xây dựng môn phái, bài xích người khác, lại còn kêu gọi tín đồ của quí vị bài xích, tội này nặng hơn tội nào hết, nặng hơn cả tội ngũ nghịch thập ác. Cho nên giới Bồ tát, trong “Du Già Bồ Tát Giới” điều trọng giới thứ nhất, là khen mình chê người, đó là điều được đưa lên hàng đầu. Cho nên chúng ta nhìn thấy những người hoan hỉ phụng hành, hổ thẹn! Nghe pháp rồi, ba chữ này không có, vì sao vậy? Nghe pháp nhưng không nghe hiểu được nghĩa của pháp. Thực sự nghe hiểu, nghe rõ ràng rồi, ba chữ sau đó chắc chắn cũng có: Hoan hỉ, tiếp thọ, phụng hành, họ thật sự làm được rồi. Quí vị tra xem có bộ kinh nào Phật dạy chúng ta tự cao tự đại, khen mình chê người, có dạy quí vị như thế không? Quí vị thử tìm xem.

Trong “Giới kinh” đã liệt những suy nghĩ, hành vi này vào hàng trọng giới. Phổ biến nhất là hai điều trọng giới trong “Kinh Phạn Võng”, đây là điều phải tuân thủ, “không làm quốc tặc, không báng quốc chủ”, “không báng quốc chủ” chính là không hủy báng người, đây nói trong tình huống nào? Quốc chủ làm việc bất thiện, làm việc không hay, nếu làm không tốt cũng không được hủy báng, vì sao vậy? Mỗi người đều có nhân quả riêng. Quí vị hủy báng là quí vị tạo nghiệp ác. Họ tạo tác điều bất thiện, quí vị hà tất phải theo họ xuống địa ngục? Quí vị hủy báng họ là theo họ xuống địa ngục rồi. Cho nên nhìn thấy điều bất thiện, thực sự bất thiện thì có lễ kính những không tán thán. Bồ tát Phổ Hiền dạy chúng ta vậy. Lễ kính là điều nên làm, nhưng không tán thán. Tuyệt đối không bảo quí vị hủy báng, không bảo quí vị phê bình.

“Hành” là thật làm, nghe pháp thực sự nghe hiểu rồi, sanh tâm hoan hỉ, hoàn toàn tiếp thu, thực tiễn vào cuộc sống, thực tiễn vào việc đối nhân xử thế của bản thân, vậy là đúng rồi.

Chúng ta xem dòng tiếp theo, “người nghe pháp hoan hỉ phụng hành, là chỉ Bồ tát trong mười phương. Mười phương chư Phật khuyến dụ Bồ tát trong cõi đó tham lễ Phật A Di Đà”. Quí vị xem Chư Phật Như Lai tâm lượng như thế nào? Khuyên nhủ họ, mệnh lệnh họ. Chữ “dụ” này có nghĩa mệnh lệnh, ra lệnh cho học trò của Ngài, Bồ tát là học trò của Ngài, nhất định phải đến thế giới Cực lạc, đến tham lễ, đến tham học, đến lễ bái Phật A Di Đà, thỉnh giáo với Phật A Di Đà, nghe giáo huấn của Phật A Di Đà. Đây là lời của chư Phật Như Lai trong mười phương khuyến dụ đệ tử của các Ngài. Tuyệt đối không nói Đức Phật kia không tốt, không bằng tôi, hoặc là cũng như tôi thôi, đừng đến đó làm gì, cứ ở đây học là được rồi, không cần đến chỗ ông ấy làm gì. Phật không có cách nói như thế. Bất cứ một vị Phật, Bồ tát nào cũng sẽ khuyên học trò đi thăm viếng, nhưng thăm viếng phải có điều kiện. Điều này Tổ sư Đại đức Trung quốc gọi là đi tham học. Lúc học trò chưa thành tựu, tức là trí tuệ chưa xuất hiện, thì chưa được tham học, chỉ cho phép theo một người thầy. Lúc tôi mới học, tôi học với thầy Lí tại Đài Trung, muốn theo thầy học giáo lý. Thầy đưa ra ba điều kiện và hỏi tôi có thể chấp nhận được không? Chấp nhận được thì có thể hoan nghênh tôi, lúc đó tôi đang ở tại thư viện Từ quang. Thư viện này do thầy sáng lập, có thể ở lại thư viện tu học.

Điều kiện thứ nhất, bắt đầu từ hôm nay, những gì ông đã học trong quá khứ, thật ra trước đó thời gian tôi học không dài, chỉ học với hai thầy giáo, một là thầy Phương Đông Mỹ, một thầy nữa là đại sư Chương Gia. Những thứ hai thầy giáo của ông dạy ông tôi đều không thừa nhận, hoàn toàn vứt bỏ. Từ hôm nay trở đi sẽ theo tôi học lại từ đầu, đó là điều kiện thứ nhất.

Điều kiện thứ hai, bắt đầt từ hôm nay, tất cả chữ nghĩa ông đọc được, bất kể là kinh Phật hay là những thứ thuộc thế gian, chưa có sự đồng ý của tôi thì không được xem.

Điều kiện thứ ba, bắt đầu từ hôm nay, trừ nghe tôi giảng kinh ra, bất cứ pháp sư đại đức nào giảng kinh cũng không được nghe.

Đưa ra cho tôi ba điều kiện như vậy, tôi vừa nghe xong, nghĩ bụng thầy giáo sao mà tự đại đến vậy. Chỉ có thể nghe một mình thầy, không được nghe những người khác giảng. Tôi lặng người đi, suy nghĩ độ năm phút, tôi bèn chấp thuận.

Danh tiếng bên ngoài của thầy, mọi người đều tán thán thầy là thiện tri thức, chúng tôi không để vuột mất, cho nên chấp nhận liền. Cũng phải mười mấy năm sau, tôi đến Singapore giảng kinh gặp được pháp sư Diễn Bồi, vị này cũng coi như là thân cũ rồi, khi tôi mới học Phật ngài đang trú trì chùa Thiện đạo, ngài lớn hơn tôi mười tuổi, là một pháp sư giảng kinh. Sau này tôi cũng tiếp bước con đường giảng kinh này, nên trở thành chí đồng đạo hợp rồi. Khi đến Singapore, ngài mời tôi dùng cơm, dùng cơm xong chúng tôi trò chuyện trong một phòng khách nhỏ. Tôi nói với ngài về những chuyện này. Nghe xong, ngài cười lớn. Lúc ngài còn nhỏ làm Sa di, pháp sư Đế Nhàn cũng đã đưa ra ba điều kiện này, lúc đó tôi mới hiểu ra, những thứ này không phải là độc quyền của thầy Lí. Hóa ra là gì? Là ba điều kiện bái sư do chư tổ để lại. Vì sao hạn chế quí vị? Vì trí tuệ của quí vị chưa đủ, nghe nhiều sẽ nhiễu loạn, quí vị sẽ không thể thành tựu. Những điều này thầy không cho tôi biết, chính xác là “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”. Quí vị theo thầy chỉ có thể theo một thầy. Thầy giáo có trách nhiệm dạy dỗ quí vị thành tựu. Tức là nói quí vị ở trong pháp hội của thầy đắc trí căn bản, đắc tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sinh trí tuệ, có trí tuệ rồi, thầy giáo sẽ giải phóng cho quí vị, tất cả đều đi tham học, học ở đâu cũng được, Vì sao vậy? Vì đã có năng lực phân biệt chánh tà, phân biệt chân vọng, phân biệt đúng sai, quí vị có năng lực phân biệt rồi. Quí vị chưa có năng lực này, mà quí vị đi tham học thì hỏng rồi, quí vị sẽ bị hủy hoại. Đây là sự bảo vệ của thầy giáo đối với học trò. Cần thời hạn, thầy Lí nói xong, tôi đã đáp ứng, đã chấp nhận, thầy giáo nói cần thời hạn, cần bao lâu? Năm năm. Chúng ta mới hiểu được cổ nhân nói năm năm học giới, chính là là ba điều giới này, không phải giới nào khác. Đó chính là ba điều quy ước của thầy giáo đối với học trò. Ngày nay không còn nữa. Vì sao ngày nay không còn nữa? Thầy giáo không có trách nhiệm đối với học trò nữa. Với những đều kiện này, thầy giáo phải tuyệt đối có trách nhiệm với học trò. Tức là thầy giáo phải dẫn dắt học trò từ mê đến giác ngộ, giúp họ phá mê khai ngộ, giúp họ phá mê sinh tín. Họ khai mở trí tuệ rồi, có năng lực phân biệt đúng sai, chánh tà, thì có thể mở cửa cho học trò đi tham học, không quan tâm nữa, lúc này việc tham học đối với quí vị chỉ có lợi ích, không có tai hại.

Cho nên tôi ở Đài trung tuân thủ năm năm. Ngày tròn năm năm tôi đến gặp thầy giáo, tôi nói, thưa thầy: Năm năm qua rất có ích đối với con, con tuân thủ những lời dạy của thầy, con muốn kéo dài thêm năm năm nữa, nghe thế thầy cười lớn. Tôi tuân thủ ba điều kiện của thầy mười năm. Xã hội ngày nay, lúc nào ở đâu không ô nhiễm nghiêm trọng, cám dỗ, quí vị có đủ sức để chống lại không? Quí vị không đủ năng lực nhất định sẽ bị nó đồng hóa, quí vị liền đọa lạc. Cho nên ngày nay tu học Phật Pháp khó lắm, khó lắm! Chúng ta dùng ba điều kiện ngày xưa này, thầy Lý đối với tôi, tôi còn có thể chấp nhận, người thông thường không chấp nhận được. Lúc quí vị đưa ra những điều kiện này, họ ngoảnh đầu mà đi, người cao minh hơn ông nhiều lắm, việc gì tôi phải chịu sự trói buộc của ông. Hiện tại, những điều này, lớp trước đối với tôi còn có thể chấp nhận được, tôi mà dùng đến chiêu này thì không có ai nữa, không thể có chuyện đó. Chúng tôi cũng không dám dùng chiêu này. Tổ tổ truyền nhau, điều kiện truyền pháp cơ bản chính là ba điều này. Quí vị xem pháp sư Diễn Bồi đã không tuân thủ. Ngài rời chùa Quán Tông, chống lại thầy mình, thầy của ngài là pháp sư Đế Nhàn, là một người rất trác tuyệt! Ngài trốn đi, đi đến đâu? Đến Nam Phổ Đà, pháp sư Thái Hư mở Phật học viện ở đó, ngài đi đến đó, đi theo pháp sư Thái Hư. Pháp sư Thái Hư là người theo tân phái, trào lưu mới. Pháp sư Đế Nhàn trong lúc đó pháp sư Đế Nhàn là người vô cùng thủ cựu, đó là người bảo thủ. Vì thế pháp sư Diễn đáng tiếc một đời. Nếu như ngài tuân thủ lời dạy của hoà thượng Đế Nhàn, ngài sẽ là người kế thừa tông Thiên thai, Ngài rất thông minh, suốt đời dạy học, viết lách trước tác. Toàn tập của Ngài có hơn một trăm quyển, tri thức không phải trí tuệ.

Trí tuệ xuất phát từ hậu đức, từ thành kính cảm ơn mà ra. Không có thành kính, không có đức khiêm cung, không có hiếu kính, thì những gì quí vị học được chỉ là tri thức, nó không liên quan gì đến trí tuệ, mà còn cả ngạo mạn trong đó. Hiện nay người ta không hiểu, người có học ngày xưa đều hiểu. Quí vị giỏi đến đâu, tốt đến đâu, chỉ cần có chút ngạo mạn, là quí vị hỏng rồi, Khổng lão phu tử nói vậy. Khổng lão phu tử nêu ví dụ, giả sử có một người, đức hạnh, tài hoa của ông ta giống như Chu Công, nếu có tài hoa như Chu Công, nhưng ngạo mạn lại nhỏ nhen, thì những gì ông ta có không đáng quan tâm. Thái độ của ngươi ngạo mạn, nhỏ nhen, thì những thứ khác toàn là giả dối, không có gì là thật. Câu này ở trong Luận ngữ. Cho nên đức hạnh quí vị có cao bao nhiêu, tiếng tăm có lớn bao nhiêu, chỉ cần có chút ngạo mạn là xong rồi, đừng quan tâm đến họ nữa. Họ đều là giả dối, không phải chân thật.

Quí vị cũng không cần nói thẳng với họ, nói thẳng với họ rồi kết oán thù với họ thì không đáng, mà họ cũng sẽ không tha thứ cho quí vị, cho nên đối với họ phải như thế nào? Kính nhi viễn chi. Đây là thái độ cơ bản trong việc tu học. Làm thế nào chúng ta mới có thể nghe pháp rồi hoan hỉ phụng hành? Năm chữ này rất quan trọng, nghe pháp rồi thực sự hoan hỉ phụng hành là thành công rồi, thực sự được lợi ích, như vậy mới không uổng công học pháp. Ở đây nói mười phương Bồ tát đến Thế giới Cực Lạc nghe Phật A Di Đà thuyết pháp. Nghe xong pháp hỉ sung mãn, hoàn toàn tiếp thu, y giáo phụng hành.

Tiếp theo những lời của Niệm Lão nói rất rõ ràng, giải thích rất thấu đáo: “*Chư Phật trong mười phương khuyến dụ các Bồ tát trong cõi đó tham lễ Phật A Di Đà, là chư Bồ tát, nghe theo Phật khai thị, đi đến thế giới Cực lạc*”. Nghe theo Phật Bổn sư của mình, trong thế giới chúng ta là Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật có khuyên chúng ta, có mệnh lệnh chúng ta đến tham lễ Phật A Di Đà không? Có, cuốn kinh này là một thí dụ. Nói “Kinh Vô Lượng Thọ”, nói “Kinh Quán Vô Lượng Phật”, nói “Kinh A Di Đà”, ba bộ kinh này chuyên môn khuyến dụ chúng ta tham lễ Phật A Di Đà. Những bộ kinh thông thường giảng kinh kèm theo khuyến dụ chúng ta, có khoảng hơn hai trăm loại, vì thế người xưa nói: “Nghìn kinh vạn luận, xứ xứ chỉ quy”, hướng dẫn chúng ta qui y thế giới Tây phương Cực lạc.

Thích Ca Mâu Ni Phật ở nơi thế giới chúng ta, đối đãi với chúng ta như vậy, tất cả chư Phật ở thế giới của họ đều giống Thích Ca Mâu Ni Phật vậy, hướng dẫn chúng sanh nơi thế giới đó như Bồ tát, Thanh văn, thiên nhân, đại chúng, đều khuyên họ cầu sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật. Chúng ta nghe hiểu rồi, thực sự tin tưởng, thực sự phát tâm, thực sự cầu sinh, báo đáp ân đức của Thích Ca Mâu Ni Phật. Đây gọi là tôn sư trọng đạo. Nếu không như vậy, chính là không tôn trọng thầy giáo rồi. Đó chính là bất hiếu cha mẹ, bất kính thầy tổ. Quí vị muốn đến thế giới Cực lạc, Phật cũng không đến tiếp dẫn quí vị, Vì sao vậy? Vì ở thế giới Tây phương tìm không ra kẻ nào bất hiếu cha mẹ, bất kính sư trưởng cả, một người cũng không có. Hiếu kính chúng ta phải làm được, chúng ta phải đề xướng. Ở rất nhiều nơi, vì hiện nay giảng kinh đều giảng trong phòng ghi hình, nên phòng ghi hình của chúng ta nên treo hình ảnh cha mẹ, tổ thầy, trước khi giảng kinh thì hành lễ, giảng kinh xong cũng kính lễ, niệm niệm không quên. Niệm niệm phải nghĩ đến người ở Thế giới Cực Lạc đều là đại hiếu, cũng là hiếu kính, thành tựu y báo chánh báo trang nghiêm ở Thế giới Cực Lạc. Quí vị cẩn thận đọc 48 lời nguyện xem, mỗi lời nguyện gốc của nó chính là hiếu kính. Xa rời hiếu kính thì pháp thế gian xuất thế gian đều không thể kiến lập, đều không thể thành tựu.

“Đến thế giới Cực lạc rồi, được thấy Vô lượng thọ Phật, được nghe diệu pháp. Nghe xong nếu như có thể tín nhạo thọ hành, nhất tâm chí cầu tịnh độ thì sẽ được thọ kí, đắc thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác.” Quí vị sau khi nghe rồi, thật sự tín, nhạo, thọ, hành, bốn chữ này đều đầy đủ rồi, quí vị đều có rồi, quí vị một đời cầu sanh Thế giới Cực Lạc, đến thế giới Cực lạc nhất định được Phật A Di Đà thọ ký cho quí vị. Phẩm cuối cùng thứ bốn mươi tám của “Kinh Vô Lượng Thọ” chính là phẩm Phật thọ kí cho chúng ta.

Ngày nay pháp danh dùng trong phái qui y của chúng ta đều gọi là “Diệu âm”. Vậy danh hiệu diệu âm từ đâu mà có? Chính là từ phẩm bốn mươi tám mà có, thọ kí cho chúng ta. Tất cả chúng sinh ở thế giới Ta bà vãng sanh về thế giới Cực lạc, tương lai trong mười thế giới sẽ được thành Phật giáo hoá chúng sanh, danh hiệu đều gọi là Diệu Âm Như Lai. Diệu Âm có nghĩa là gì? Nam mô A Di Đà Phật là diệu âm. Chúng ta nhờ niệm Phật mà thành Phật, tương lai giáo hóa chúng sanh cũng là dùng phương pháp niệm Phật thành Phật này. Cho nên chúng ta hiện nay dùng Diệu Âm cư sĩ, tương lai là Diệu Âm Như Lai, nhân quả tương ứng. Tên gọi này do Phật Thích Ca Mâu Ni đặt cho chúng ta.

 “Hội Sớ” viết: “Nghe pháp hoan hỉ phụng hành, nghe pháp Phật Di Đà thuyết, thọ trì, phụng hành vậy”. Cách nói này vô cùng rõ ràng, vô cùng thấu đáo, nghe lời giáo huấn của Phật, phải thực hành được nó, ý nghĩa của nó không thể không làm cho rõ ràng. Không hiểu, không hiểu thì không nên miễn cưỡng, miễn cưỡng sẽ không hiểu được. Không hiểu cho nên còn nghi ngờ. Tôi có nghi vấn này không cần phải tìm giải thích. Quí vị cứ nỗ lực chăm chỉ đê làm, để học tập, làm vài năm như vậy, phút chốc liền rõ ràng, tự nhiên liền sáng tỏ.

Người xưa nói rằng: “Đọc sách ngàn lần, tự thấy nghĩa nó”, càng đọc chỗ chưa hiểu rõ toàn hiểu được rồi, điều này là sự thực, không phải giả dối. Tôi có kinh nghiệm này, tôi đọc sách sáu mươi năm rồi, rất nhiều vấn đề hai mươi năm trước không hiểu; đến ba bốn mươi năm sau liền hiểu ra rất nhiều; đến năm, sáu mươi năm gần như không còn trở ngại gì. Việc đọc kinh lại càng không bỏ được, mỗi ngày đều đọc, quan trọng hơn cả ăn cơm, quan trọng hơ ngủ nghỉ, tại sao vậy? Đọc nhiều rồi thì tâm địa thanh tịnh, không còn nhiễm ô, ngày ngày đều ở với Phật, ngày ngày đều ở nơi thế giới Cực lạc, lâu dần lâu dần tất cả đều rõ ràng.

 Chúng ta tiếp tục xem bài kệ tụng thứ14 dưới đây.

“*Nghe pháp vui thọ trì, được đến chỗ thanh tịnh, ở nơi Vô Lượng Tôn, thọ kí thành Đẳng giác*”. Bài này là Phật Thích Ca Mâu Ni tán thán chư Bồ Tát đến thế giới Cực lạc, vãng sanh cầu pháp. Công đức tự lợi, lợi tha của họ vô cùng vô tận. Bài kệ này khen ngợi chư Bồ tát được Phật thọ kí.

“Tịnh Ảnh Sớ” viết: “vào đời tương lai được Tịnh Độ tốt đẹp”, gọi là được Tịnh độ. “được đến nơi thanh tịnh”, bản thân Bồ tát tương lai sẽ thành Phật, quốc độ họ cư trú sẽ giống thế giới Cực lạc vậy. Bởi vì họ học tập với Phật A Di Đà, mãi mãi sẽ được A Di Đà Phật gia trì. Không những hiện tại Phật sẽ gia trì quí vị, mà khi thành Phật cũng được Phật gia trì. Sau khi thành Phật giáo hóa chúng sanh vẫn được A Di Đà Phật gia trì.Từ những điểm này chúng ta có thể thể hội được 48 nguyện của A Di Đà Phật, trải qua năm kiếp tu hành công đức đó vô cùng lớn lao.Phát tâm như vậy, thệ nguyện như vậy, kiên định như vậy, đều đáng được chúng ta noi theo.

Chúng ta ngày nay gặp phải tai nạn trên trái đất, đây chỉ là những điều nhỏ nhặt, nhỏ không đáng nói, có thể làm chúng ta dao động không? Không thể. Đừng để những chuyện nhỏ nhặt này làm khiếp sợ. Vậy là quí vị không phải là đệ tử Phật Di đà. Giữ tâm kiên định, tai nạn ngay trước mắt cũng không dao động. Trong kinh Phật đã dạy rất rõ ràng, chúng ta và chúng sanh trên trái đất này có cộng nghiệp và có biệt nghiệp. Gặp những tai ương này là cộng nghiệp, cảm nhận của chúng ta về tai ương là biệt nghiệp. Cộng nghiệp giống, biệt nghiệp thì khác. Đại thiên tai, người thông thường đều nói những thiên tai này rất nghiêm trọng, nhưng trái đất sẽ không bị huỷ diệt. Con người có sinh tử, chúng ta phải thoát sanh tử, ra khỏi tam giới! Chúng ta biết rằng sinh tử là giả, không phải thật, con người thân thể này chết đi, há chẳng phải cũng giống như thay một chiếc áo mới sao? Tâm tốt thì chiếc áo kia càng thay càng đẹp; tâm không tốt thì áo càng thay càng tệ hơn. Cho nên chúng ta cần có một tấm lòng tốt. Tâm tốt nhất của chúng ta chính là tâm niệm Phật. Tâm là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tâm ta. Thiên tai đến rồi, chúng ta liền đến Thế giới Cực Lạc để làm Phật rồi, là việc tốt! Thế gian này còn có việc tốt nào tốt hơn việc này không? Tìm không thấy nữa.

 Nếu như thiên tai qua rồi mà quí vị vẫn còn trên thế gian này, vậy là quí vị liền biết Phật A Di Đà giao cho quí vị một sứ mạng, quí vị có trách nhiệm, quí vị có sứ mạng kiến tạo lại thế giới này, thu dọn tàn cục. Tai nạn qua đi qua rồi thu dọn tàn cục. Quí vị có sứ mệnh xây dựng lại thế giới này. Quí vị đến hành Bồ tát hạnh, quí vị đến để chịu khổ thay chúng sinh. Vậy thì quí vị trong tương lai, vãng sinh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, phẩm vị của quí vị sẽ càng cao. Vì sao vậy? Quí vị đã một việc tốt lớn. Vì thế quí vị liền rõ ràng, những thiên tai này đối với người tu hành mà nói là việc tốt, không phải là việc xấu. Bất luận từ phương diện nào mà suy nghĩ tất cả đều là tự lợi lợi tha. Phật quang của Phật A Di Đà đang chiếu soi quí vị, quí vị khởi tâm động niệm, ngôn hạnh cử chỉ, Phật đều rõ ràng, Phật đều thấu rõ, chư Phật Bồ tát gia trì quí vị. Mỗi ngày tụng kinh không nên quên mất, còn có đĩa quang quí vị cũng có thể nghe kinh. Tai nạn qua đi, có lẽ trên thế giới này điện không còn nữa, đĩa quang vô dụng rồi, nhưng sách thì hiệu quả, đĩa quang vô dụng, vì thế kinh sách rất quan trọng, nuôi dưỡng thói quen đọc sách, chuyên đọc “Kinh Vô Lượng Thọ”, những thứ khác đều không đọc nữa. Cho nên những vị Bồ tát này tương lai thành Phật, nhất định sẽ được tịnh độ đẹp đẽ, không khác gì thế giới Cực lạc, gọi là “đắc tịnh xứ”.

“Lại “*Hội Sớ*” nói: Thanh tịnh xứ tức là Tịnh độ, phần trên nói sẽ thành cõi nước như vậy.” “Như vậy ” tức là giống thế giới Cực lạc vậy. Học trò của Phật Di Đà tương lai kiến lập Tịnh Độ trong mười phương thế giới, chắc chắn sẽ giống thế giới của Phật A Di Đà vậy.

“*Lưỡng sớ đồng chỉ*”, hai bộ chú giải này đều nói giống nhau, đều coi việc kiến lập Phật quốc là được cõi nước thanh tịnh. Thật ra Phật quốc chính là đạo tràng chúng sanh tu học. Đây là một đạo tràng lớn. “*Nhưng từ pháp môn tâm địa mà nói, thanh tịnh xứ cũng có một cách giải thích khác*”, tức là giải thích nó thêm bước nữa. Đó là gì? “*Tức chỉ bổn tịnh diệu tâm*”, đây là giải thích thêm bước nữa. “Bổn tịnh diệu tâm” chính là câu đầu tiên khi đại sư Huệ Năng minh tâm kiến tánh nói: “Đâu ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh”. Tâm thanh tịnh sinh trí tuệ, tâm thanh tịnh hiện tịnh độ, vì thế tâm tịnh thì độ tịnh. Đây là nguyên lí cơ bản của tịnh độ. Ngược lại không phải là quí vị đã hiểu rõ rồi sao? Tâm uế thì độ uế. Ngày nay trái đất chúng ta đang bị ô nhiễm nghiêm trọng. Nguyên nhân là gì? Tâm chúng ta đang bị ô nhiễm nghiêm trọng, cho nên đại địa nơi chúng ta cư trú cũng là ô nhiễm nghiêm trọng. Nhiều năm trước, tôi đã từng nói như thế này. Toàn thế giới đang kêu gọi bảo vệ môi trường, tôi nói một câu như thế nào? Bảo vệ môi trường chẳng kết quả gì, vì sao vậy? Tâm không thanh tịnh. Cho nên thực sự bảo vệ môi trường, phải bắt tay từ việc giữ tâm trong sạch. Tâm chúng ta trong sạch thì môi trường sẽ trong sạch. Tâm không trong sạch thì bảo vệ môi trường bằng cách gì cũng không hiệu quả. Bao nhiêu năm kêu gọi bảo vệ môi trường, chính phủ trên toàn thế giới đều nỗ lực thực hiện, nhưng trái đất ô nhiễm ngày càng nghiêm trọng. Hiệu quả làm cho trái đất thực sự được tịnh hóa chưa thấy gì. Nguyên nhân là gì? Tâm, tâm quan trọng. Ngày nay mọi người đều sơ suất sự việc này. Đó là gì? Tư tưởng, quan niệm, phương hướng của chúng ta sai lầm rồi, coi trọng về vật chất, coi nhẹ tâm lý, không biết rằng tâm lý quan trọng hơn vật chất, tâm lý có thể giải quyết vấn đề. Vật lí có thể phát hiện vấn đề, nhưng không thể giải quyết vấn đề. Tâm lí có thể giải quyết vấn đề cũng có thể phát hiện vấn đề. Nếu chúng ta muốn xã hội ổn định, muốn hoá giải những tai nạn của trái đất, nếu quí vị không bắt tay từ tâm lý, thì chẳng có cách gì cả. Cho nên khoa học và triết học không thể giải quyết được vấn đề hiện nay. Các nhà vật lý học ngày nay mới phát hiện lực lượng tâm lý rất lớn. Thực sự không thể nghĩ bàn, đó chính là niệm lực. Hình như đã xuất bản một số sách như thế, chuyên nghiên cứu niệm lực. Trong niệm lực, họ đề xướng niệm lực của ý thức tập thể vô cùng lớn mạnh.

Tiến sĩ Giang Bổn ở Tokyo đã làm một thực nghiệm về nước trên hồ Tì bà. Dùng ý niệm tập thể của hơn ba trăm năm mươi người, chỉ trong một tiếng đồng hồ, nước trong hồ Tì bà ở eo biển được cải thiện trong thời gian nửa năm, rất hiệu quả.

Phần dưới tiếp tục nói, “Nhưng từ pháp môn tâm địa mà nói”. Câu này chúng ta vừa đọc qua, “thanh tịnh xứ, giải thích thêm bước nữa là chỉ cho bổn tịnh diệu tâm”. Dùng tâm này “có thể nghe pháp rồi tín thọ”, dùng tâm vốn tịnh diệu để nghe pháp, tín thọ phụng hành. “nhất niệm tương ưng, hiểu rõ nguồn tâm, bừng sáng đại giác, vốn đã thanh tịnh, khế nhập pháp thân, cũng là đắc đến thanh tịnh xứ”. Điều này cao rồi, rất cao, ai có thể làm được? có thể làm được. Chư Bồ tát trong mười phương đến thăm thế giới Cực lạc, họ có thể làm được. Bởi vì họ đã đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, lại đến gặp Phật Di đà. Nghe pháp tín thọ, một niệm này tương ưng, mà họ chứng đắc quả vị Diệu giác cứu cánh viên mãn. Đây cũng chính là lí do các vị Bồ tát phải đến thế giới Cực lạc. Rất nhiều chư Phật Như Lai khuyên các vị Bồ tát đến thế giới Cực lạc để làm gì? Đến thế giới Cực lạc thì việc chứng đắc quả vị rốt ráo viên mãn rất nhanh. Nếu không đến thế giới Cực lạc, không gặp Phật A Di Đà thì Pháp thân Bồ Tát sau khi phá được vô minh, đoạn tập khí vô minh, phải mất ba A tăng kì kiếp, cần thời gian dài như thế. Nhưng đến thế giới Cực lạc thì khoảng thời gian này rút ngắn lại rất nhiều, làm cho họ thành tựu sớm hơn.

Chư Phật Như lai rất mong tất cả chúng sinh nhanh chóng thành Phật. Nhanh chóng thành Phật chỉ có duy nhất một con đường chính là thân cận Phật A Di Đà. Quí vị liền biết thân cận Phật A Di Đà quan trọng đến mức nào. Pháp môn này là pháp môn rốt ráo viên mãn chí cao vô thượng, không lời nào tán thán nó được, đó là thật Không phải là giả. Nhưng vẫn còn nhiều người gây rắc rối, cản trở nó. Đó là ai? Cũng có một kẻ cầm đầu, là ma vương Ba tuần đang lãnh đạo, tìm đủ mọi cách để gây trở ngại. Nhưng chúng ta có tín tâm kiên định, thì ta có thể đột phá sự trở ngại của họ.

Ma vương Ba tuần từng đến tìm tôi, chỉ trích tôi, chưa được sự đồng ý của ông ta, không bàn bạc với ông ta, liền xâm nhập đạo tràng của ông ta. Tôi bảo làm gì có, tôi đâu làm chuyện đó. Sao lại không có? Tôi liền nghĩ ra, xin ông ấy thông cảm cho tôi, xin ông ấy từ bi, tôi cúng bài vị cho ông ấy. Đạo tràng của ông ấy ở đâu? Truyền hình vệ tinh là đạo tràng của ông ấy, mạng Internet là đạo tràng của ông ấy, truyền thanh là đạo tràng của ông ấy, báo giấy là đạo tràng của ông ấy, tạp chí là đạo tràng của ông ấy, tất cả những tuyên truyền bất thiện nói về sát đạo dâm vọng đều là đạo tràng của ông ấy. Ngày nay chúng ta cũng có vệ tinh, cũng dùng mạng Internet, như thế là xâm phạm đạo tràng của ông ấy, nên ông ấy đến hỏi tội. Tôi liền nói với ông ấy: Ông vốn cũng là Phật, tất cả chúng sinh vốn là Phật, Phật Thích Ca Mâu Ni không nói ngoài Ma vương Ba tuần ra. Ngài không nói như vậy. Không nói như vậy chứng tỏ ông cũng là Phật, ông vốn cũng là Phật, nên từ bị một chút, chúng sanh đáng thương lắm, khổ lắm. Ông nên cho họ một con đường sống để họ đi, ông không nên chém hết giết sạch. Người thích làm việc ác ông tiếp dẫn họ. Ma vương dẫn họ đi đâu? Đều đi đến tam đồ. Nhưng vẫn còn một số người tốt, ông cũng phải để họ thành Phật, ông đừng gây khó dễ, đừng làm phiền họ. Tôi thương lượng với ông ta như vậy. Tôi nói đây là người số ít, không phải là số nhiều. Đây là dùng bổn tịnh diệu tâm, vậy là khá lắm rồi!

 “Nghe pháp tín thọ, nhất niệm tương ứng, hiểu rõ nguồn tâm”, hiểu rõ nguồn tâm là minh tâm kiến tánh, sáng suốt đại giác, vốn thanh tịnh vậy. Tức là câu đại sư Huệ Năng từng nói “Đâu ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh”, họ đã chứng đắc rồi.

 “Đốn khế pháp thân”, giống như Phật Thích Ca Mâu Ni đêm nhìn sao mai, đại triệt đại ngộ, đều là cùng một cảnh giới. Đây là “đến nơi thanh tịnh”, được “đến nơi thanh tịnh”, ý nghĩa sâu sắc nhất của được đến nơi thanh tịnh.

“Cho đến dùng tâm thanh tịnh hướng đến Vô lượng thọ”, tâm thanh tịnh của Bồ tát là chân tâm minh tâm kiến tánh, hướng đến Vô lượng thọ.

 “Nhất niệm tịnh tín, nhất niệm tịnh tâm, tức là người trong khoảng sát na, khế nhập vào thanh tịnh xứ”. Thì ra đến ba đại a tăng kì kiếp mới có thể tiêu trừ được vô thỉ vô minh, không còn cách nào khác. Nhưng Thật báo trang nghiêm độ ở Thế Giới Tây Phương Cực Lạc Phật A Di Đà thuyết pháp có thể giúp Pháp thân Bồ Tát, đây là 41 vị Pháp thân Bồ Tát, liền bỏ tập khí vô minh, liền chứng quả vị Diệu giác. Đây là điều Thế Tôn chưa từng nói trong kinh điển khác, chỉ có trong Tịnh Độ tiết lộ những tin tức này. Chúng ta học Phật, có thể không học những pháp môn này sao? Pháp môn tuy nhiều, chúng ta đảnh lễ tán thán. Người ta hỏi tôi, vì sao Ngài không học? Tôi chưa đủ bản lĩnh để học. Nói thật lòng, tập khí phiền não chưa đoạn được, đây chính là không có bản lĩnh. Pháp môn này có thể đới nghiệp vãng sinh, sinh vào cõi Phàm thánh đồng cư, chúng ta chắc chắn được. Đời người rất ngắn, việc gì chắc chắn thì nên làm, những việc không chắc chắn nhất định không làm, thời gian không nhiều nữa. Lựa chọn pháp môn bản thân phải biết căn tánh của chính mình, con người nên có sáng suốt biết mình mới có tiền đồ. Không biết căn tánh của bản thân, cứ với cao đến thiền, giáo, mật thì lãng phí thời gian một đời, Tịnh Độ hạ hạ phẩm vãng sanh cũng không có phần, vẫn cứ làm theo lục đạo luân hồi, sai rồi, sự việc như vậy không thể làm.

 “Tiếp theo đó”, phần trước nói về Bồ tát, mười phương Bồ tát, “tiếp theo đó” chính là thân phận chúng ta. Nói đến những người bình thường hiện tại đang sống trong thế gian này, phải như thế nào? “Chí thành niệm Phật”, chân thành đến cực độ, đó là thành kính. Chúng ta nên dùng tâm thành kính, “không chút tục niệm”, “tục niệm” là gì? Nghĩa là buông bỏ tất cả những thứ linh tinh trong thế gian. Không nên dính nhiễm nữa. Chúng ta đạt được tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh của nhân gian, cũng chính là trong tâm quí vị không còn phiền não, không còn vướng bận, không còn âu lo, không còn chuyện gì đáng để quí vị lo lắng nữa, quí vị đều buông bỏ hết rồi. Đó gọi là “Tịnh niệm liên tục”, thực sự buông xuống rồi. Buông rồi thì đừng nghĩ nữa, đừng nghĩ những thứ này cho ai cho ai, vậy là sai rồi, ai lấy cũng được, ai cần thì cứ lấy, quí vị vui biết bao, tự tại biết bao. Không nên nói thứ này tôi tặng cho người này, thứ kia tôi tặng cho người kia, vậy là chưa buông xả được. Buông bỏ rồi thì tất cả chúng sanh không ai không tốt, như thế mới gọi là thực sự khai ngộ. Vì sao vậy? Quí vị đối với chúng sanh sanh tâm bình đẳng, bình đẳng giác, quyết không có phân biệt, không chấp trước. Ý niệm như thế nối tiếp nhau.

“Tịnh niệm liên tục, không để gián đoạn, thầm hợp diệu đạo, tức niệm li niệm, là có thể gọi là từ tăm tối đến chỗ thanh tịnh vậy”. Tăm tối là gì? Bản thân cũng không biết. Quí vị hướng đến con đường tâm thanh tịnh cứ mà đi, bản thân quí vị không biết. Chính vì không hay biết quí vị mới thành tựu, quí vị biết thì không thanh tịnh nữa. Vì sao vậy? Vì biết liền có phân biệt rồi, liền có chấp trước. Khi không hay biết thì không phân biệt, không chấp trước, tốt lắm! thầm hợp với diệu đạo.

 “Như những người trên”, một là nói những người cao nhất, thượng thượng trí, mặt khác nói những người thấp nhất, hạ hạ ngu. Thật sự hai hạng người này dễ độ. Hai hạng người này đều là người chân thật, đều là người biết vâng lời, đều là người thật làm. Hai hạng người này dễ độ.

“Tức sẽ được lời thọ kí từ Phật Vô lượng thọ”, chắc chắn họ sẽ được Phật thọ kí, phẩm vị vãng sinh của họ là không thể nghĩ bàn, đều là do gặp duyên khác nhau. Gặp duyên thù thắng nói không chừng họ được thượng phẩm thượng sanh.

“Tương lai đều sẽ thành Phật”, “hoặc hiển gia”, Đoạn này là nói được Phật gia trì. Hiển là gì? Rõ ràng. Bản thân quí vị cảm nhận được Phật gia trì quí vị, hay là “minh ứng”, minh gia, Phật gia trì quí vị, bản thân quí vị không cảm nhận được, nhưng thực sự đã gia trì quí vị rồi.

 “*Tức do trí tuệ, hạnh nguyện, thiện căn, phước đức con người mà khác nhau*”. Trí tuệ, hạnh nguyện, thiện căn, phước đức mỗi người đều khác nhau. Một số người được gia trì rõ ràng, một số người được ngầm giúp, đều không giống nhau, nhưng chắc chắn Phật gia trì họ, thọ ký cho họ, thọ ký thành Đẳng giác.

Chúng ta xem tiếp hai bài rưỡi nữa, “*Cõi thù thắng vô biên, bổn nguyện lực Phật kia, nghe tiếng muốn vãng sanh, tự đến không thối chuyển, Bồ Tát nuôi chí nguyện, mong nước mình không khác, muốn độ khắp tất cả, mỗi mỗi phát Bồ đề, rời bỏ kiếp luân hồi, đều được lên bờ kia*.” “Cõi thù thắng vô biên”, chỗ này Niệm Lão đã giải thích cho chúng ta: “Thù thắng vô biên là thế giới Cực lạc thù thắng vi diệu, không có biên giới, vô lượng vô số, không thế xưng kể, nên gọi cõi nước thù thắng vô biên”. Mỗi thế giới đều có biên giới, tất cả cõi nước chư Phật cũng có biên giới, nhưng thế giới Cực lạc lại không có biên giới. Thế giới Cực Lạc ở đâu? Nơi nào cũng có, lúc nào cũng có, mắt thịt chúng ta không thể thấy được. Nếu như chúng ta có pháp nhãn của Bồ tát, có Phật nhãn của Như lai thì chúng ta có thể thấy.

Trong “Tịnh Độ Thánh Hiền Lục”, “Vãng Sinh Truyện” chúng ta đã thấy, thực sự có người vãng sinh, lúc lâm chung đã nói với người nhà của họ, Phật Di Đà đến tiếp dẫn họ, tôi đến Thế giới Cực Lạc đây. Người nhà hỏi họ Thế giới Cực Lạc ở đâu? Ở nhà giữa. Họ ngủ nơi phòng ngủ, chỉ nơi nhà giữa, nhà giữa chính là Thế giới Cực Lạc, chỉ cách bức tường. Cảnh giới này không chỉ một, hai người nhìn thấy, rất nhiều! Nói rõ sự việc này là thật không phải giả. Dùng cách nói của khoa học ngày nay mà nói là gì? Đó là không gian duy thứ không đồng. Thế giới chúng ta là không gian ba chiều. Nhà khoa học nói rằng, thế giới Cực lạc là thế giới không gian đa chiều, cùng một chỗ, những không biết.

Trong kinh luận cũng thường nói người ma tạp cư, chỗ nào có người thì ở đó có ma, người ở chung với ma, nhưng người với ma không giống nhau về không gian duy thứ. Tuy cùng ở với nhau, thậm chí có thể phòng ốc còn chồng chéo lên nhau, người không nhìn thấy ma, ma không nhìn thấy người. Điều này chứng minh “phàm có hình tướng đều là hư vọng”, không phải là thật, thật chỉ có Thường tịch quang, ngay cõi Thật báo cũng không phải thật. Đạo lý này phải tỉ mỉ để thể hội. Thật sự thể hội được, quí vị chắc chắn rồi, không hoài nghi nữa, lợi ích rất lớn. Lợi ích lớn nhất là gì? Giúp quí vị buông bỏ, đối với tất cả người sự vật trước mắt quí vị không còn chấp trước nữa, với tất cả mọi người, sự vật trước mắt, buông bỏ sẽ được đại tự tại. Buông xuống thì phiền não liền nhẹ bớt, trí tuệ tăng thêm. Buông bỏ hư vọng, khế nhập chân thật, thì cảnh giới không thể nghĩ bàn sẽ có mặt. Chúng ta cũng có thể nói thế này, thế giới của chư Phật mười phương đều là hư vọng, quốc độ của Phật A Di Đà là chân thật, có thể nói như thế, Vì sao vậy? Quốc độ của Phật A Di Đà không có biên giới, quốc độ của chư Phật đều có biên giới. Trong kinh chúng ta đã thấy, có thế giới của Phật là một đại thiên thế giới, có thế giới của Phật là hai đại thiên thế giới, năm đại thiên thế giới, mười đại thiên thế giới, tất cả đều có biên giới, duy nhất quốc độ Phật A Di Đà là không có biên giới. Vì sao vậy? Đây là quốc độ tự nhiên hình thành, đều do Phật tại nhân địa phát nguyện tâm lượng lớn nhỏ khác nhau, đến khi thành Phật tự nhiên cảm ứng liền được như vậy, không phải con người tạo tác, không phải tưởng tượng ra, là do tâm nguyện trên nhân địa. Chúng ta ngày nay nơi nhân địa, chúng ta đã hiểu rõ đạo lý này, tâm nguyện chúng ta phải lớn, phải sâu, phải kiên định, khi thành Phật thế giới chúng ta mới không biên giới như Phật A Di Đà vậy. Ngày nay chúng ta vẫn còn có cái nhìn môn phái thì không xong rồi. Quí vị tương lai thành Phật quốc độ bao lớn? E chỉ bằng cái phòng này, một đạo tràng chỉ lớn chừng đó. Vì sao vậy? Vì đạo tràng khác quí vị đều đối lập với họ, cho nên quí vị thành Phật quốc độ cũng chỉ bằng đạo tràng nhỏ của quí vị mà thôi, thật đáng thương!

Nói cách khác, tâm lượng không lớn không thể thành Phật. Ít nhất tâm lượng đó cũng có thể bao dung được tam thiên đại thiên thế giới, thì quí vị mới có hi vọng. Tâm không thể bao dung đại thiên thế giới thì quí vị chưa thế ra khỏi lục đạo luân hồi, tu hành thế nào cũng vô dụng. Một ngày niệm mười vạn câu niệm Phật cũng không ra khỏi lục đạo, vì tâm lượng nhỏ quá.

“*Thù thắng vô biên”,* chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Lão, “Quốc độ Cực lạc siêu thắng vi diệu”, siêu thắng là so với chư Phật Như lai mà nói, so với quốc độ của chư Phật Như lai và Thế giới Cực Lạc, hiện rõ nó siêu việt, nó thù thắng, không có biên giới, vô biên vô số, không thể xưng kể. Ba câu này rất quan trọng. Nó thù thắng ở đâu? Vi diệu như thế nào? Chính là ba câu nói sau, không có biên giới, không có số lượng, không thể xưng kể chính là không thể nghĩ bàn. “Nên gọi là cõi nước thù thắng vô biên”. “Cõi nước đó vượt ra ngoài mười phương”, “thâu” có nghĩa là vượt qua, siêu việt mười phương tất cả chư Phật quốc độ.

 “*Chính nhờ sức bổn nguyện thù thắng của Phật A Di Đà*”, bốn mươi tám lời nguyện quả thực không thể nghĩ bàn! Chúng ta tu Tịnh độ nên học thuộc bốn mươi tám lời nguyện, mỗi lời nguyện đều tương đồng với Phật A Di Đà, đích thực là đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh với Phật A Di Đà, quí vị quyết định được vãng sinh. Vì sao chúng tôi nói những điều này một cách chắc chắn như thế, không chút lưỡng lự như thế? chính là dựa vào bốn điều kiện này: Đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh. Chúng ta có tâm tật đố, chúng ta có tâm ngạo mạn hoàn toàn khác với Ngài. Phật A Di Đà không có tâm ngạo mạn, Phật A Di Đà không có tâm tật đố, Phật A Di Đà không có cái nhìn phân biệt, Phật A Di Đà sẽ không yêu thích cái này, chán ghét cái kia, sẽ không vậy. Trong tâm quí vị ngay cả những thứ này, những thứ tạp nham còn không buông xuống được thì quí vị làm sao đến được thế giới Cực lạc? Quí vị đến Thế giới Cực Lạc sẽ mang theo vi rút đến Thế giới Cực Lạc, đến để truyền nhiễm bệnh, vậy không nguy rồi sao? Chuyện này chắc chắn không chấp nhận được. Cho nên những tâm niệm này đều gọi là vi rút. Phàm những người có mang những vi rút đó, kiểm nghiệm sẽ không đạt, đều không được nhập cảnh, Thế giới Cực Lạc đi không được.

“Nên nói bổn nguyện lực của Phật”, chúng sanh trong mười phương, nhờ nguyện thứ mười bảy: nguyện chư Phật xưng tán, được nghe danh hiệu, lại nhờ Phật kia nghe danh phát tâm, nghe danh được phước, nghe danh được nhẫn. Đây đều nhờ sự gia bị của của bốn mươi tám lời nguyện. Thành tựu của thế giới Cực lạc, điều kiện chúng ta vãng sinh, ở đây đều nêu ra hết rồi. Mười phương chúng sanh, đây là những chúng sanh phát nguyện, cầu sanh Thế giới Cực Lạc, nhờ đâu? Nhờ vào nguyện thứ mười bảy trong số bốn mươi tám lời nguyện của Phật A di đà, đó là “chư Phật xưng tán”. Không có chư Phật xưng tán thì chúng ta không có nhân duyên, tức là không có người giới thiệu, chư Phật Như lai là người giới thiệu cho chúng ta.

Ngày nay chúng ta biết được thế giới Cực lạc từ đâu đến? Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho chúng ta. Nếu như Ngài không nói rõ chúng ta làm sao biết được có Phật A Di Đà? Làm sao biết được có thế giới Cực lạc? Mười phương Chư Phật Như Lai độ hóa tất cả chúng sanh khổ nạn, điều đầu tiên đó là tuyên dương thế giới Cực lạc, để mọi người biết được Phật A Di Đà. Những lời này là của đại sư Thiện Đạo. Đại sư Thiện Đạo có hai câu danh ngôn: “chư Phật sở dĩ hưng xuất thế”, chư Phật tức là tất cả chư Phật trong mười phương ba đời, Họ thị hiện thành Phật trong mười pháp giới. Đây là câu thứ nhất. “duy thuyết Di Đà bổn nguyện hải”, quan trọng nhất đó là giới thiệu thế giới Cực lạc của Phật A Di Đà đến với tất cả mọi người. Đây là đại sự đầu tiên khi tất cả chư Phật xuất thế, những việc khác đều là thứ yếu, thứ thứ yếu, việc này là đưa lên hàng đầu. “Kinh Vô Lượng Thọ” là bộ kinh đứng đầu của Tịnh Tông, trên thực tế đây chính là bộ kinh đứng đầu trong việc chư Phật Như lai độ chúng sanh thành Phật đạo.

Sau khi viết xong cuốn này, Hoàng Niệm Lão gửi đến cho tôi xem, muốn tôi viết lời tựa cho ông, tôi đã viết câu này vào trong lời tựa, ông đọc được những câu này thì hoan hỉ lắm, điều này không phải là giả. Sau này tôi mới biết bản thân chúng tôi may mắn biết bao, từ vô lượng kiếp đến nay, trong kiếp này có nhân duyên tốt như vậy, gặp được rồi. Duyên ngộ là gặp được rồi, duyên đủ rôi, đây là lời của đại sư Thiện Đạo.

Tứ độ, tam bối, cửu phẩm, tất cả đều do gặp duyên không đồng, nhân duyên ngày nay chúng ta gặp được ít nhất cũng là thượng phẩm hạ sinh, ít nhất chúng ta cũng được thượng tam bối. Thượng phẩm thượng sinh, thượng phẩm trung sinh và thượng phẩm hạ sinh đó là thượng bối, không nên ở nơi trung bối và hạ bối, duyên này thù thắng quá.

Hạ Liên Lão, đã hội tập cuốn này cho chúng ta, ông không phải là người phàm, Hoàng Niệm Lão biết, ông không nói với tôi, ông nói thời gian chưa đến, sau này ông vãng sanh rồi, bí mật này có lẽ cũng có người biết, nhưng Hoàng Niệm Lão làm những chú giải này, đó cũng không phải là người phàm rồi, người phàm không thể làm ra được. Đây cũng là đến độ chúng sanh khổ nạn thời mạt pháp chín ngàn năm. Trong kinh nói rất rõ ràng. Tương lai Phật Pháp diệt tận, chỉ có bộ kinh này còn lưu lại thêm 100 năm. Bộ kinh này không còn nữa, thì sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật lưu thêm 100 năm nữa. Nghe được danh hiệu này không hoài nghi, chịu niệm, chịu phát tâm, thì tất cả đều được vãng sanh. Pháp môn Tịnh độ rộng lớn vô biên, không thể nghĩ bàn.

 “*Vì chư Phật, Bồ tát tán thán*”, nguyện này chính là giới thiệu, chúng ta mới biết được, được nghe danh hiệu. “*Lại nhờ Phật kia, nghe danh phát tâm*”. Đây là A Di Đà Phật có nguyện nghe tên mà phát tâm, nguyện nghe tên được phước, được nhiều nguyện gia trì như vậy. Gia trì là gì? Chúng ta mới có được tín, nguyện, trì danh; chúng ta mới có thể phát được tâm này. Những sự gia trì này phần lớn là thầm gia trì. Bản thân chúng ta bất giác đối với pháp môn này sanh tâm hoan hỉ, sanh tâm tôn trọng, không hoài nghi. Thực sự muốn đến Thế giới Cực Lạc để thân cận Phật A Di Đà. Quí vị sẽ nảy sinh ý niệm như vậy. Đây là Di Đà âm thầm gia trì cho quí vị. Những điều này đều trong bốn mươi tám lời nguyện, ta có thể tìm thấy căn cứ, đây là thật không phải giả.

“ *Được sanh Cực lạc, chứng bất thối chuyển, nên nói nghe danh hiệu muốn vãng sanh, đến được bất thối chuyển*”, đây là bài kệ thứ nhất. Đúng như lời nguyện thứ mười tám nói: “*Nghe danh hiệu tôi, chí tâm tín nhạo, nguyện vào nước tôi, mười niệm được sinh*”, đây là nội dung lời nguyện thứ mười tám, nói điều này vào lúc nào? Khi sắp mất, con người lúc lâm chung mới nghe được danh hiệu Phật. Suốt đời chưa từng tiếp xúc với Phật Pháp, lúc lâm chung mới nghe đến, có người như vậy.

Chúng tôi đã gặp một ví dụ như thế. Khoảng hơn hai mươi, hai lăm năm trước, hình như năm 1985, năm 1982, tôi lần đầu đến Mỹ, năm 1983 hội Phật giáo Hoa Phủ được thành lập, có lẽ trong vòng hai, ba năm đó, cư sĩ Châu Quảng Đại ở bang Maryland vãng sinh, ông này người Trung quốc, ông mở một tiệm bán bánh bao ở địa phương này. Là người rất hiền từ, không có tin ngưỡng tôn giáo. Lúc lâm chung, ông mắc bệnh ung thư, bác sĩ chẩn đoán cho ông, cho hay ông không qua khỏi. Bệnh viện cho người nhà đưa ông ấy về, và nói thọ mạng của ông, chỉ có thể duy trì khoảng một tháng, nên chăm sóc chu đáo cho ông ấy, muốn ăn gì cứ để ông ăn. Lúc này người nhà rất hoang mang, mới đi tìm kỳ tích. Đúng lúc hội Phật giáo chúng tôi thành lập chưa lâu, họ liền tìm đến, xem Phật, Bồ tát có linh thiêng không, có thể cứu giúp ông ấy được không, tìm đến chúng tôi nhờ giúp đỡ. Lúc đó chúng tôi có ba hội viên đến thăm gia đình ông ấy. Nhìn thấy tình hình của ông ấy, thực sự là hết hi vọng, không thể phục hồi được nữa, liền khuyên ông ấy đừng mong lành bệnh, mà cầu sanh Thế giới Cực Lạc. Đem Thế giới Cực Lạc nói tường tận cho ông ấy nghe, nghe xong ông chấp nhận, bảo người nhà ông ấy đừng tìm thầy thuốc cho mình nữa, tất cả đều niệm Phật giúp ông cầu vãng sanh. Niệm được ba ngày ba đêm. Ba ngày ba đêm đó niệm Phật không gián đoạn, ông thực sự vãng sanh được. Khi nhắm mắt, tướng tốt hiện hi hữu, người nhà đều tin Phật rồi.

Đây là gì? Là nguyện thứ mười tám. Lâm mạng chung thời gặp được thiện tri thức hướng dẫn ông ấy. Bản thân ông ấy thiện căn đã xuất hiện, ông có thể lí giải được, có thể tin tưởng, Ông liền phát nguyện thực sự cầu sanh Tịnh Độ. Những người đồng tu của hội Phật giáo Hoa Phủ, những người cùng niệm Phật và thân bằng quyến thuộc của bản thân ông ấy cùng nhau giúp ông, ông ấy đã an tường ra đi.

 Câu chuyện của ông ấy thời đó ở Mỹ các học hội Tịnh Tông đều truyền khắp, không giả dối chút nào. Vì thế, “*chí tâm tín nhạo, nguyên sanh nước tôi, mười niệm được sinh*”, Phật có lời nguyện như thế. Những người cầu vãng sinh thật sự phù hợp với bốn câu này, nghe danh, chân tâm, tin tưởng, hoan hỉ, cầu sinh Tịnh độ. Họ liền thành tựu. Mười niệm ở phần trước đã nói tường tận rồi, có mười niệm lúc bình thường. Đây là nói về mười niệm lúc lâm chung.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**HẾT TẬP 445**

# Tập 446

Chuyển ngữ: Minh Tuệ
Biên tập: Liên Hải
Thời gian: 09.06.2011
Địa điểm: Cương Sơn Tịnh Tông Học Hội – Nhật Bản

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi.

Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải” trang 561, hàng thứ hai từ dưới lên, bắt đầu xem từ câu “Bồ tát hưng chí nguyện”. Đây là bài kệ thứ hai của phần trước

 “Bồ tát hưng chí nguyện, nguyện nước mình không khác, phổ niệm độ tất cả, mỗi phát tâm Bồ đề, bỏ thân luân hồi đó, đều được đến bờ giác”, chính là là sáu câu này. Đây là chỉ chư Bồ tát đã được vãng sinh, đã vãng sinh đến thế giới tây phương Cực lạc, hoàn toàn tương đồng với những gì chúng ta tưởng tượng.

“Cảm ân sâu của Phật”, chưa đến thế giới Cực lạc, quí vị không biết ơn Phật lớn lao thế nào. Đến Thế giới Cực Lạc rồi quí vị mới biết được, thực sự biết được, vì sao vậy? Phật A Di Đà cung cấp cho quí vị thân thể tu học. Chúng ta học gì đi nữa cũng cần mượn thân giả, mượn thân giả để tu thật, không có thân thể này thì ta cách nào? Quí vị không thể tưởng tượng những ưu điểm của thân này, giống như Phật A Di Đà vậy, thân thể này chính là A Di Đà Phật tu hành có được. Nghĩa là sự thành tựu công đức đại nguyện trải qua năm kiếp tu hành, đây là thứ Phật ban cho chúng ta, không phải bản thân chúng ta tu hành mà thành, Ngài cho chúng ta thân thể, cho chúng ta môi trường tu học. Thế giới Cực Lạc y báo chánh báo trang nghiêm. Ở thế giới đó không thiếu một thứ gì.

 Tất cả những mong cầu xưng niệm mà sanh, muốn cái gì nó liền hiện ngay trước mắt, không muốn nữa, không cần nữa, không cần thì không có nữa, quí vị xem tự tại biết bao. Quí vị mới hiểu được ân đức to lớn của Phật Di đà. Giống thời ấu thơ vậy, lúc còn là trẻ con, tất cả những thứ quí vị có đều là cha mẹ cho. Lớn lên rồi thì quên mất, không hiếu thảo với cha mẹ nữa. Vì thế, trong thế gian này, bất hiếu cha mẹ là tội nặng nhất, tội nào cũng không nặng bằng tội bất hiếu. Cha mẹ chăm sóc quí vị, bao nhiêu năm nuôi quí vị lớn, lúc về già lại bỏ rơi cha mẹ, vong ân bội nghĩa, người như vậy mà còn có điều tốt sao, họ còn có thể có quả báo tốt sao?

Sinh thế giới Cực lạc mới thực sự biết cảm ân sâu của Phật. Chúng ta chưa vãng sanh, mà đọc được trong kinh điển, chúng ta có thể thể hội được, có thể tưởng tượng được ân đức đó lớn lao thế nào. Phải nhờ vào sự tu hành của bản thân, tu đến phước báo lớn như vậy trải qua vô lượng kiếp, đây không phải là giả. Đến lúc nào mới có phước báo to lớn như thế? Phải chứng được pháp thân, nghĩa là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, thì phước báo đó có mặt, đây gọi là tánh. Tuy phước báo ta có thể gần bằng họ, nhưng không hoàn bị được như họ vậy, nguyên nhân là gì? Đó là bốn mươi tám lời nguyện của Phật A Di Đà, nghĩa là Phật A Di Đà đã nghĩ thay cho chúng ta mọi điều, ngài đã nghĩ rất chu đáo, vô cùng viên mãn, vượt ra ngoài những gì bản thân quí vị đã tu được, những gì quí vị tu được chưa viên mãn bằng những gì ngài nghĩ. Có lúc chúng ta không nghĩ đến, sót mất.Ngài nghĩ đến mọi thứ.

Cảm ân như thế nào? “Nguyện thờ Phật Di Đà làm thầy”, thệ nguyện thờ Phật A Di Đà làm thầy, học tập với Phật A Di Đà, đây là cách báo ân. “Đều phát đại nguyện”, đại nguyện này chính là bốn mươi tám lời nguyện.

“Nên gọi là hưng chí nguyện”, “Bồ tát hưng chí nguyện”, giống như Phật A Di Đà vậy, Phật Di Đà phát bốn mươi tám lời nguyện. Những vị Bồ Tát này, mỗi vị Bồ Tát đều phát bốn mươi tám lời nguyện. Oai lực hoằng nguyện của Phật A Di Đà là không thể nghĩ bàn, bổn nguyện có công đức to lớn như thế, tất cả Bồ tát đều phát nguyện làm cho nguyện lực này càng tăng trưởng, tăng thượng, tức là có rất nhiều người ủng hộ, có nhiều người hưởng ứng như vậy, vậy là sản sanh lực lượng lớn biết bao!

Những thể hội trong tâm chúng ta, khắp pháp giới hư không giới không có một sức mạnh nào có thể sánh bằng họ, gọi là không thể so sánh. Năng lượng lớn lao này, ngày nay khoa học gọi là năng lượng. “Hội sớ” nói: Chí nguyện, là Di Đà Tôn nhiếp độ, nhiếp sinh”, Di Đà Tôn chính là Phật Di đà, cõi nước do ngài nhiếp thọ, chúng sinh được ngài nhiếp thọ.

Phần sau nói về “nhiếp thân”, đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc thì thân chúng ta có được gọi là pháp thân, không phải nhục thân. “Vốn là chí cực, khó nghĩ bàn, nguyện của Bồ tát giống như thế”, chánh báo của Phật A Di Đà, thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng hảo, tướng hảo đều phóng quang minh, quang minh chiếu khắp pháp giới. Thấy ánh sáng, nghe mùi thơm, thân thể toả hương thơm, tướng hảo phóng quang, hương đó xông khắp pháp giới. Có chúng sinh có nhân duyên thấy ánh sáng, nghe mùi hương, đều có thể diệt tội, đều có thể dẫn phát tánh đức, đều có thể khai trí tuệ quang minh. Cho nên bổn là chí cực khó nghĩ bàn. Chí cực là đạt đến đỉnh điểm, không thể tưởng tượng, Bồ tát thấy Phật A Di Đà, không ai là không hoan hỉ. Nghe những lời khai thị của Phật A Di Đà, không ai là không tiếp nhận, không ai là không y giáo phụng hành, tự nhiên phát khởi tâm nguyện giống Phật A Di Đà vậy. Chúng ta nếu chưa đọc đoạn kinh văn này cũng có thể tưởng tượng được. Người cùng tâm này, tâm đồng lý này. Chúng ta nhìn thấy Phật A Di Đà có thể không phát tâm sao? Phật A Di Đà là tấm gương sáng nhất cho chúng ta, Bồ tát nguyện giống như vậy.

“Nên cũng nguyện nhiếp như quốc độ Cực lạc của Phật”, bản thân tương lai thành Phật, giáo hoá chúng sinh, cũng tự nhiên sẽ giống Phật A Di Đà vậy. Tôi phải dùng nguyện lực, trí tuệ của bản thân, để cung cấp nơi tu học cho chúng sinh, tức giống như Phật A Di Đà vậy. Bởi vì quí vị chứng đắc pháp thân chính là thực sự thọ mạng vô lượng, năm kiếp tu hành đối với quí vị không thành vấn đề, vì mạng sống quí vị rất dài, năm kiếp đã là gì? Nhân gian chúng ta thấy năm kiếp là ghê gớm lắm, nhưng với họ năm kiếp là bình thường, chẳng qua cũng giống như ba năm, năm năm của chúng ta thôi, không có gì khó khăn. Tấm gương của Phật Di Đà trước đó, chúng ta cứ theo đó mà làm, rất dễ dàng thành tựu. Phàm là người từng thân cận Phật A Di Đà, thành tựu tu hành thành Phật ở Thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà. Những quốc độ chư Phật này đều giống thế giới Cực lạc.

Cho nên nói họ đều mong muốn nhiếp thọ như cõi Phật của thế giới Cực lạc để “độ được vô số chúng sinh”. Giống như Phật A Di Đà đã giúp đỡ chúng ta vậy, chúng ta thành tựu rồi đương nhiên tình nguyện giúp đỡ người khác, không hai không khác vơi Phật Di đà. Vì thế ở thế giới này, điều trước hết là nên mở rộng tấm lòng, thông đạt, hiểu rõ thật tướng các pháp, đây là việc làm lớn nhất trước mắt. Chúng ta vì sao vẫn tự tư tự lợi? Vì sao có danh văn lợi dưỡng? Vì sao có tập khí phiền não? Vì sao vẫn có tâm đố kị? Vì sao có tâm ngạo mạn? Những thứ này đều do không hiểu rõ chân tướng sự thực, cho nên mới phát sinh những bệnh này. Những thứ này đã theo chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp còn làm việc luân hồi lục đạo. Lục đạo luân hồi ai ai cũng biết, người xưa nói rất hay: “đời người những chuyện không như ý đến tám, chín phần”, mọi người đều giống nhau, tám chín phần mười còn không như ý. Nguyên nhân là gì? Oan oan tương báo. Oán hận không buông xuống được, ý niệm báo thù không chịu buông bỏ, đời đời kiếp kiếp dai dẳng như thế, sự trói buộc này rất đáng sợ. Phải hiểu rõ được chân tướng sự thực, thông đạt rõ ràng rồi, quí vị mới thực sự buông xuống. Kì thực, buông bỏ hoàn toàn không khó, thông đạt, rõ ràng rồi sẽ dễ dàng buông xuống. Nếu không thông đạt, không làm rõ ràng, không làm sáng tỏ, vậy thì rất khó! Không biết được y báo chánh báo trang nghiêm trong thập pháp giới là giả, không biết được sự thật này. Thế giới này tất cả mọi hiện tượng đều sinh diệt trong từng sát na.

Hôm nay ở đây tôi vừa nhìn thấy một cuốn phim, đây là những đạo cụ tôi sử dụng trước đây, đây là loại phim tám mi li mét. Trước đây tôi dùng những thứ này dùng rất nhiều năm. Tự tay quay phim rồi tự mình cắt nối, tôi có một bộ máy linh kiện, sau này tôi tặng cho người ta rồi. Trong đây mỗi ô là một tấm phim đèn chiếu, mỗi ô là một tấm phim đèn chiếu. Khi đặt vào máy chiếu, tốc độ của nó là một giây chạy được 24 tấm, nó đánh lừa thị giác chúng ta, cứ cho là thật, một giây mới chỉ 24 tấm. Bồ tát Di lặc nói cho chúng ta biết, cảnh giới trước mắt chúng ta đây, mỗi giây có bao nhiêu tấm? Một nghìn sáu trăm triệu tấm. Quí vị làm sao biết nó là giả? Đạo lý của nó giống như đạo lý này vậy. Tốc độ của nó rất nhanh.

Hiện nay nhà khoa học phát hiện, đã nêu ra tốc độ cực nhanh, nhưng không nói ra được con số bao nhiêu. Bồ tát Di Lặc đã đưa ra con số chính xác, một nghìn sáu trăm triệu trong một giây, đây là tốc độ lớn. Quí vị làm sao biết được nó là giả? Phim ảnh còn lưu lại đĩa gốc, chiếu xong rồi vẫn còn đĩa gốc. Chúng ta hiện nay không có đĩa gốc, đó là gì? Ý niệm. Tốc độ của ý niệm nhanh như vậy, một giây có một nghìm sáu trăm triệu, mỗi ý niệm chính là mỗi bức hình, giống như ở đây vậy, nó cũng có hình ảnh, mỗi hình ảnh. Lúc sanh khởi là đồng thời sanh khởi, không có trước sau. Giống như hình ảnh chiếu lên màn hình vậy, đồng thời xuất hiện. Đây là chân tướng sự thực, vô cùng khó được. Chân tướng sự thực này, được các nhà khoa học ngày nay phát hiện rồi, làm cho chúng ta thêm chắc chắn đối với lời Phật dạy. Những lời Phật dạy nhà khoa học ngày nay đã chứng minh được, là thật không phải giả. Vào ba nghìn năm trước, không có những thiết bị khoa học, không có những thiết bị này, Ngài làm sao mà biết được? Ngài ở trong định mà thấy được, trong thiền định, vậy thiền định là gì? Phân biệt chấp trước không còn khởi tác dụng đây gọi là thiền định. Phân biệt, chấp trước không khởi tác dụng thì không gian duy thứ không còn nữa, ngài có thể nhìn thấy quá khứ, có thể nhìn thấy vị lai, có thể nhìn thấy được hình dáng vũ trụ lúc vừa mới sanh khởi, ngài đều nhìn thấy được.

Nhìn thấy nhất niệm bất giác, A lại ya sanh khởi như thế nào. A lại ya vừa khởi lên sản sanh những biến hoá gì. Tốc độ biến hoá này cực kì nhanh, giống như Bồ tát Di lặc đã nói: “Một cái búng ngón tay có ba mươi hai ức trăm nghìn niệm”. Với tốc độ nhanh như thế, đó là gì? Ngôn ngữ ngày nay gọi là rung động, tần suất, mỗi lần rung động đều có hiện tượng vật chất phát sinh. Hiện tượng vật chất hình dáng ra sao? Chính là toàn thể hình dáng vũ trụ hiện nay. Vừa rung toàn thể vũ trụ liền hiện tiền, không có trước sau. Nếu như vừa dừng vũ trụ sẽ không còn nữa, tần suất rung động này, nơi tần suất chậm thì trở thành thể cứng, tốc độ nhanh hơn nữa liền trở thành chất lỏng, trở thành da chúng ta những kiểu như thế, đó là thứ mềm.

 Nhanh hơn nữa, nhanh nhất liền trở thành sóng điện từ, trở thành sóng quang, tất cả đều có thể quay về với rung động, vì thế các nhà khoa học ví nó như định luật dây đàn. Giống như khi gảy đàn tần suất rung động của dây đàn. Các nhà khoa học đã thấy được chân tướng sự thực, điều này hoàn toàn tương đồng với Phật nói ba tế tướng của a lại ya trong kinh. Tần suất chậm chính là hiện tượng vật chất, tần suất nhanh là hiện tượng tinh thần, thọ tưởng hành thức. Nhanh hơn nữa sẽ biến thành năng lượng, nghiệp tướng của a lại ya. Đây là điều khó hiểu nhất, nói về khởi nguyên của vũ trụ. Nguyên khởi của vạn vật và nguyên khởi của chúng ta, vì thế Phật Pháp nói y báo và chánh báo. Chư vị nên biết, nói chánh báo chính là bản thân ta, người khác là y báo của ta. Chúng ta nói người khác là môi trường nhân sự của chúng ta. Phật cũng là môi trường nhân sự của chúng ta, Bồ tát cũng là môi trường nhân sự của chúng ta, chánh báo chính là bản thân, những thứ ngoài thân toàn là y báo của chúng ta. Như nói về Phật, Phật A Di Đà, chánh báo là Phật A Di Đà, tất cả chúng ta là y báo của Phật A Di Đà, chư Phật Như lai cũng là y báo của Phật A Di Đà. Cho nên khái niệm về y báo chánh báo chúng ta nhất định phải nắm rõ, hiểu rõ về nó. Chánh báo không phải chỉ chúng sinh hữu tình, đây là động vật, vậy là sai rồi. Chỉ có bản thân là chánh báo, ngoài bản thân ra toàn là y báo. Y báo chánh báo đồng thời sanh khởi, tốc độ này nhanh quá, là có thứ tự đúng vậy.

Đầu tiên là nhất niệm bất giác, nhất niệm bất giác không có nguyên nhân, cũng không có thời gian, không có không gian, cho nên trong kinh Đại thừa Phật nói là ngay trong hiện tại. Vô thỉ vô minh bắt đầu từ đâu? Lúc nào? Ngay nơi hiện tại. Ngay lúc hiện tại này chúng ta rất khó lí giải. Bây giờ chúng ta nghe thấy cuộc đối thoại giữa đức Thế tôn với Bồ tát Di lặc, chúng ta hiểu được ngay hiện tại là lúc này tại đây. Có nghĩa là gì? Tức là một giây có một phần của một nghìn sáu trăm triệu, đó là hiện tại, lúc này tại đây này làm sao chúng ta biết được? Ai biết được? Trong kinh nói Bát địa trở lên, Bồ tát Bát địa trở lên, Bát địa, Cửu địa, Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác họ biết được. Đối với điều này họ rất rõ, rất thấu đáo. Thật sự mà nói, họ biết được, chúng ta cũng biết được. Chúng ta chỉ cần buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước liền biết được. Rắc rối lớn nhất của chúng ta hiện nay chính là ở điểm này, đây là nguồn gốc vấn đề. Lục căn ở trong cảnh giới lục trần, khởi tâm, động niệm, khởi tâm động niệm vô cùng vô cùng vi tế. Ngay máy móc tinh vi ngày nay cũng không thăm dò được, vẫn chưa thể đo lường được một giây này có một nghìn sáu trăm triệu lần sinh diệt. Tần suất này không thể thấy được. Hiện tại chỉ dùng tốc độ cực nhanh để hình dung nó.

Hiểu rõ chân tướng sự thực chịu buông xuống. Buông xuống được rồi mới được coi là thiên hạ thái bình, không còn chuyện gì nữa. Nếu quí vị không buông xuống, thì phiền não này vẫn cứ trói buộc quí vị, khiến thân tâm quí vị không bao giờ được yên ổn. Danh lợi là một dạng như thế. Thực sự rõ ràng rồi, thấu đáo rồi, hiểu được chúng ta học Phật là học gì, bản thân đã rõ ràng. Không phải cầu danh văn lợi dưỡng, không phải cầu thăng quan phát tài, cũng không phải cầu giàu sang, sống lâu, không phải. Thứ quí vị cầu là thứ vốn có trong tự tánh, quí vị làm sao phải cầu? Kiến tánh là được rồi. Trí tuệ, đức tướng trong tự tánh đều đã hiện tiền. Thật sự như câu nói: Lấy mãi không hết, dùng mãi không cạn. Phật toàn nói những lời chân thật cho với chúng ta, không có chữ nào là vọng ngữ, xưa nay chưa từng lừa gạt người.

Kinh giáo Đại thừa thường nói: Phật độ người hữu duyên, chúng ta đều có duyên với Phật. Quí vị có thể gặp được Tịnh độ, gặp được Đại thừa, gặp được bộ kinh này, chính là hữu duyên. Người hữu duyên không nhiều, người không có duyên thì rất nhiều. Học Phật nhưng không có duyên, học một đời rồi, hỏi họ Phật là gì thì họ cũng chịu, thực sự rất nhiều. Vì thế đây là điều chúng ta dễ dàng tưởng tượng được. Đến thế giới Cực lạc gặp Phật A Di Đà, chắc chắn sẽ giống Phật A Di Đà năm xưa đã phát tâm vậy. Phát tâm Bồ đề, phát bốn mươi tám lời nguyện, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật, cùng về Tịnh độ, cùng đăng bất thối.

Chứng pháp thân Phật là hạnh lợi tha của Bồ tát. Chứng pháp thân Phật, đó chính là thành Phật rồi. Giống như trong kinh nói với chúng ta: “Quí vị có duyên với chúng sinh nào thì quí vị liền đến đó xây dựng đạo tràng, ở đó giáo hoá chúng sinh”, làm cho chúng ta lập tức nghĩ đến, chúng ta có duyên với trái đất này. Trên trái đất những chúng sinh này đều có duyên với chúng ta. Chắc chắn khi chúng ta thành Phật không trở lại sao? Cho nên chèo thuyền từ trở lại. Làm sao để trái đất trở thành thế giới Cực lạc, đây chính là đại nguyện của bản thân. Đại nguyện này chỉ phát nguyện suông thì không được, còn phải cần tu hành. Phật A Di Đà tu năm kiếp mới có thể làm trái đất này trở thành thế giới Cực lạc. Chúng ta không có công phu tu hành năm kiếp là không được, ít nhất cũng phải năm kiếp, chúng ta liền có thể làm cho trái đất trở thành thế giới Cực lạc. Đây là hạnh lợi tha của Bồ tát.

 “Nên cũng nguyện nước của mình không khác”, quốc độ của bản thân, chính là đạo tràng này, giống như thế giới Cực lạc vậy. Ở nơi đó thầy giáo đã xây dựng mô phạm điển hình, chúng ta nương theo mô thức đó để học tập. Điều này vô cùng phù hợp với khái niệm logic khoa học. Bởi vì Phật A di dà kiếp lập Thế giới Cực Lạc, Ngài không phải nghĩ ngợi lung tung. Ngài không phải bản thân đang vọng tưởng. Thầy của ngài là Thế Gian Tự Tại Vương Phật, đã hiển bày ra hai trăm mười ức cõi Phật cho Ngài, tức là tất cả cõi nước chư Phật đều cho Ngài đi xem. Trong quốc độ chư Phật quốc độ nào tốt nhất định phải cần, không tốt thì không cần. Thế giới Cực lạc được hình thành như vậy.

Cho nên nó là tập hai trăm mười ức chư Phật quốc độ đẹp đẽ để thành lập. Vậy mới có thể siêu việt chư Phật quốc độ, nó đến như thế nào. Ngày nay chúng ta nếu tham học hai trăm mười ức cõi nước Phật, hai trăm mười ức không phải là con số mà là tượng trưng, tượng trưng của Mật tông. Vì bộ kinh này hiển mật viên dung, tông giáo câu thông, trong bộ kinh này bao hàm tất cả các pháp môn, biểu hiện của việc tròn đầy, viên mãn, khắp pháp giới hư không giới chư Phật cõi nước không sót một quốc độ nào, Ngài toàn thấy hết.

 Ngày nay chúng ta không cần phí sức như vậy, y theo mô thức của Phật A Di Đà mà làm là được, vậy là hoàn mỹ nhất rồi. Đây là ân đức A Di Đà Phật cho chúng ta. Ngài mất năm kiếp tu thành công, chúng ta cũng nhẫm tính, cũng cần thời gian như vậy. Thời gian này ở Thế giới Cực Lạc tu hành là được rồi. Sau khi tu thành, quí vị muốn ở phương nào kiến lập đạo độ chúng sinh, tự nhiên thành tựu, đó là sự thật.

“Tịnh Ảnh Sớ” nói: “Nguyện quốc độ của tôi giống với tên quốc độ của Phật A Di Đà không khác”. Điều này thật tuyệt! Điều này chúng ta đều chưa nghĩ đến. Bản thân thành tựu Tịnh Độ, cũng giống A Di Đà Phật vậy. Bản thân chúng ta tu thành công, cũng đồng với nói mô thức Thế giới Cực Lạc này, tôi lại thành lập thêm một cái nữa rồi. Thành Phật như thế nào? Sau khi thành Phật rồi, danh hiệu, thầy giáo là Phật A Di Đà, học sinh cũng gọi là Phật A Di Đà. Quí vị xem, quốc độ, quốc độ là thế giới Cực lạc, quốc độ của thầy giáo là thế giới Cực lạc, quốc độ của học sinh cũng gọi là thế giới Cực lạc. Tên, quốc độ không khác, giống quốc độ của thầy giáo, có lí hay không? Rất có lí.

Chúng ta trong ba thời hệ niệm Phật sự, nhìn thấy hai câu khai thị của thiền sư Trung Phong, liền nói ra sự việc này, hình như trong lần khai thị thời thứ nhất, đại sư Trung Phong nói: “Tâm ta tức là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm ta. Ở đây là tịnh độ, tịnh độ là ở đây”, hai câu sau là y báo, là quốc độ, hai câu đầu là danh. Sau khi thành Phật, đều gọi là A Di Đà Phật, đều là Phật A Di Đà. Cho nên Phật A Di Đà là tên chung của tất cả chư Phật, cùng chung tên gọi, đều gọi là A Di Đà Phật.

Nếu như từ trên ý nghĩa mà nói, thì không có vấn đề gì. Bốn chữ A Di Đà Phật nghĩa là gì? Nếu dịch ra tiếng Trung thì A là vô, di đà là lượng, Phật là giác. Vô lượng giác, có vị Phật nào không phải là Vô lượng giác? Mỗi đức Phật đều là Vô lượng giác. Vô lượng giác dùng tiếng Phạn nói chính là A Di Đà Phật, cùng danh hiệu với Di đà, cũng cùng danh hiệu là thế giới Cực lạc.

Phổ niệm là bình đẳng đại bi, nguyện phổ độ tất cả chúng sinh mỗi người đều phát khởi tâm vô thượng Bồ đề. Phát tâm này để làm gì? “Từ bỏ thân nghiệp luân hồi”, những thứ này cần phải buông bỏ, để “cùng lên bờ kia Cực lạc”. Ngày nay những người muốn vãng sinh rất đông, nhưng người thực sự đến được Thế giới Cực Lạc không nhiều. Nguyên nhân là gì? Thân nghiệp luân hồi không nỡ buông xuống. Điều đầu tiên chính là đạo tràng, xây đạo tràng càng lớn thì càng khó buông bỏ, tiếp đến là gì? Tình chấp. Tình chấp của người tại gia là vợ chồng, con cái; tình chấp của người xuất gia là đệ tử. Cứ nghĩ đến chuyện này, nhớ đến chuyện kia, có chút mảy may không buông xuống được thì không thể vãng sanh, đây là một sự thực. Lại còn ân ân oán oán không buông bỏ được, người kia đối xử với tôi rất tốt, tôi chưa trả được ơn, người kia ăn ở tệ với tôi, tôi vẫn chưa trả thù được, vẫn còn ân oán chưa buông xuống được, vậy làm sao mà vãng sanh!

Thế giới Cực lạc là quốc độ thanh tịnh, những thứ này là ô nhiễm, Phật A Di Đà và đại chúng ở thế giới Cực lạc chắc chắn sẽ không dung nạp, những thứ ô nhiễm mà quí vị mang đến thế giới đó. Quí vị phải xử lý những thứ này cho sạch sẽ, thân tâm thanh tịnh, mảy trần không nhiễm, quí vị mới có thể vãng sinh được. Sự việc này là đại sự, quan trọng hơn bất cứ thứ gì, lúc nào làm? Hiện tại nên làm rồi. Bởi vì không biết tai nạn lúc nào đến, tai nạn đột nhiên đến rồi thì phải làm sao? Ta còn nghĩ cái này cái kia, thứ này chưa buông được, thứ kia chưa buông được, thì không thể vãng sanh được. Vậy là quí vị tùy nghiệp mà lưu chuyển, lại làm việc luân hồi. Lúc nào? Hiện tại hãy buông xuống. Buông xuống là trong tâm buông xuống, sự sẽ không sao cả, sự không bị chướng ngại, quan trọng nhất là tâm của quí vị , đừng vướng mắc trong tâm, đừng có tâm niệm đó, cũng chính là nói, ý niệm tự tư tự lợi không còn nữa. Ý niệm danh văn lợi dưỡng không còn nữa, sự hưởng thụ đối với ngũ dục, lục trần, không còn nữa, sự buộc ràng trong thất tình, hỉ nộ ai lạc không còn nữa, tham sân si mạn nghi hạ nhiệt rất nhiều, quí vị sẽ có hy vọng vãng sanh, lúc nào vãng sinh đều không còn chướng ngại nữa.

Nếu vẫn những thứ linh tinh này vẫn còn, quí vị phải nghĩ nghĩ xem, việc quí vị vãng sanh không chắc chắn lắm. Đây là ngu si, đây là phiền não, tập khí. Tuy thế giới Cực lạc chủ trương đới nghiệp, đới nghiệp có nghĩa là mang nghiệp cũ, không mang hiện hành, hơi thở cuối cùng còn chưa đoạn, còn có ràng buộc, vậy không phải là hỏng rồi sao? Vì thế thực sự tin chắc, ngày thường sẽ nhẹ nhàng, đến giờ khắc cấp bách chỉ có Phật hiệu, ngoài Phật hiệu ra không có gì nữa, người như thế chắc chắn sẽ vãng sinh. Rèn luyện bằng cách nào? Tôi có một cách, dùng đã mấy năm rồi, có chút hiệu quả, chia sẻ để mọi người cùng tham khảo. Mỗi ngày khi lên giường đi ngủ liền nghĩ mình đã chết, vậy còn có gì mà buông không được? Đang luyện tập, luyện tập chết, mỗi buổi tối luyện tập một lần, đến lúc chết thật sẽ rất bình thường, ngày ngày đều như vậy, không nghĩ việc gì nữa, đừng nghĩ đến chuyện gì cả. Phương pháp này tuy rất ngốc nghếch nhưng nó lại có hiệu quả. Con người đến lúc chết, quí vị có thể mang theo được thứ gì? Những thứ trước mặt, có cũng tốt, không có cũng rất tốt, đừng để gì trong tâm hết vậy là đùng rồi, vẫn còn một thứ để trong tâm đó đều là phiền não của quí vị, chướng ngại tâm thanh tịnh của quí vị, chướng ngại công đức vãng sanh của quí vị. Lúc thường nên nhẹ nhàng, mỗi ngày đi ngủ luyện tập triệt để buông bỏ, đừng để trong lòng nữa, thực sự giống như thiền sư Trung Phong nói: Trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, Phật A Di Đà là tâm của ta, tâm ta tức là Phật A Di Đà.

“Ghét bỏ thân nghiệp luân hồi”, nên ghét bỏ thân này, đừng yêu thích nó. Ngày ngày tô điểm cho nó, ngày ngày đều chiều chuộng nó, vậy là phiền phức lớn rồi! Điều đó chứng minh điều gì, chứng tỏ quí vị không thể xả li được, không thể buông bỏ được. Đây là chướng ngại lớn nhất. Buông bỏ được mới có thể cùng lên bờ thế giới Cực lạc, không buông bỏ được là không ổn.

Chúng ta tiếp tục xem bài kệ cuối: “Phụng sự vạn ức Phật, phi hóa các quốc độ, cung kính, hoan hỉ đi, trở về nước An dưỡng”. Bài kệ này tự, tha không hai, đây là nói về mười phương chư Phật, mười phương Bồ Tát đến Thế giới Cực Lạc, gặp Phật nghe pháp thành tựu rồi.

“Lần lượt độ thoát như vậy, nên có vô lượng vô biên Bồ tát được vãng sinh”, con số này không có cách gì nói hết được.

 “An trú Cực lạc”, ở Thế giới Cực Lạc người tu hành nhiều, vì nơi đó môi trường tốt. “Lại có thể phổ cúng mười phương Như lai, nghe pháp thọ giáo”. Hai câu trước là phụng sự vạn ức Phật. Chúng ta đều biết gặp được Phật là phước lớn nhất, Phật tại thế gian xuất thế gian là bậc đại phước báo đệ nhất, bậc có trí tuệ đệ nhất. Quí vị có thể thấy được ngài, phước báo này lớn biết bao nhiêu. Nhưng quí vị đến thế giới Cực lạc, quí vị có thể mỗi đến gặp vô lượng vô biên chư Phật Như lai trong khắp pháp giới hư không giới. Quí vị có năng lực như thế. Nếu quí vị muốn đi ngày ngày đều có thể đi gặp chư Phật. Đi bằng cách nào? Hoá thân mà đi. Bản thân quí vị, vẫn ngồi bất động tại giảng đường A Di Đà Phật nghe kinh, nhưng hoá thân của quí vị đến mười phương thế giới, mỗi Đức Phật ở đó cúng Phật, cúng Phật là phước báo, là tu phước. Nghe kinh, nghe pháp là khai mở trí tuệ. Nên việc phân thân rất có tác dụng. Học pháp môn, đến thế giới Cực lạc, pháp môn gì quí vị đều học được rồi. Mỗi ngày vạn ức Phật, mỗi đức Phật nói cho quí vị một câu, quí vị đã được vạn ức pháp. “Đại Tạng Kinh” của chúng ta đây không ăn thua. Đem “Đại Tạng Kinh” đến thế giới Cực lạc, nó ít quá, làm sao có tí ti như vậy. Vì thế học rộng nghe nhiều, nhất định phải đến thế giới Cực lạc. Bây giờ đừng làm nữa, bây giờ làm làm cũng không tốt. Vừa nhỡ mất thời gian, vừa lãng phí tinh thần. Bỏ lỡ việc quí vị chuyên tâm niệm A Di Đà Phật. Chúng ta hiện nay là người thật thông minh, đều làm như nhau vậy. Phát tâm Bồ đề, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật là đủ rồi, Chúng ta đã thành công rồi. Những thứ cần tu đều đến thế giới Cực lạc, hiện tại không làm nữa. “Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu” không có gì không thành tựu. Đến thế giới Cực lạc rồi, cần thứ gì có thứ đó, không thiếu một thứ gì.

Tất cả những kinh điển do mười phương chư Phật tuyên thuyết, ta đều muốn, Ngài liền xuất hiện cho quí vị , quí vị sẽ thấy được hết. Đích thân Phật nói cho quí vị nghe, chư Phật Như lai nói cho quí vị nghe.

“Phi hóa các quốc độ”, “phi hóa là phi hành du hoá”, không cần phương tiện giao thông. Phương tiện giao thông là do con người chế tạo ra, thiên nhân không cần phương tiện giao thông. Thiên nhân có phước báo được ngũ thông, năm loại thần thông. Thứ cuối cùng trong năm loại thần thông chính là phi hành tự tại, biến hoá tự tại. Trong năm thứ thần thông: thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, thần túc. Thần túc chính là phi hành biến hoá. Nhưng thần thông của thiên nhân không lớn, có giới hạn, họ không thể ra khỏi luân hồi lục đạo. Thần thông của thiên nhân. Thần thông của A la hán, Phật Bích chi có thể vượt thoát được luân hồi lục đạo, nhưng không thể ra khỏi thập pháp giới. Những vị Bồ tát này vãng sinh đến thế giới Cực lạc hạ hạ phẩm vãng sinh. Nên nhớ năng lực thần thông của quí vị có thể tương đồng với A Duy Việt Trí Bồ Tát, vậy là không còn chướng ngại. Khắp pháp giới hư không giới, quí vị vừa động niệm liền đến được. Có năng lực thần thông lớn như thế, quí vị có muốn đi hay không? Cõi trời cõi người không tìm ra được. Hai mươi tám tầng trời nhìn thấy đều hâm mộ quí vị. Những vị Thanh văn, Bồ Tát, Phật trong thập pháp giới cũng hâm mộ quí vị. Họ không làm được, mà quí vị lại làm được. Đây là nhờ điều gì? Nhờ ân đức của Phật A Di Đà, Ngài đã gia trì quí vị. Nếu ngài không gia trì thì chúng ta không có được năng lực đó. Toàn là do sự cúng dường của Phật A Di Đà.

“Hoá là chỉ sự biến hoá thần diệu khó nghĩ bàn”. Điều này chúng ta không thể tưởng tượng được, đến được mười phương quốc độ của chư Phật để nghe kinh nghe pháp, dùng thân phận nào, đều là tuỳ tâm biến hoá, bất luận quí vị biến hoá ra sao, Bồ tát kiến tánh đều biết được, đều biết được là quí vị, do quí vị biến hoá ra. Bồ tát quyền giáo không thể biết được, không nhận ra quí vị. Nhưng Bồ tát minh tâm kiến tánh biết được, cũng tức là Bồ Tát, Phật trong thập pháp giới đều không biết được, biến huyễn khó lường.

“An dưỡng quốc” chính là thế giới Cực lạc. Hai câu ở cuối: “Cung kính, hoan hỉ đi, trở về nước An dưỡng”. Bài kệ này nói về trong thế giới Cực lạc, Bồ tát trong mười phương vãng sinh, cho đến Bồ Tát triển chuyển độ thoát, khắp cả mười phương, khắp thờ chư Phật. Cung kính, lễ kỉnh, hoan hỉ, nghe pháp”, cung kính, hoan hỉ cuối cùng đã quay về thế giới Cực lạc. Người ở thế giới Cực lạc không gian hoạt động lớn biết bao! Đáng thương cho nơi ở của chúng ta, không gian sống không thể vượt ra khỏi quả đất, ở trong quả đất này phải còn nhờ đến máy bay, ô tô, thế giới Cực lạc không như thế, không gian sống của họ là khắp pháp giới hư không giới. Quí vị muốn quay lại trái đất để thăm viếng, quí vị sẽ thấy mọi thứ rất rõ ràng, người khác không thể nhìn thấy quí vị. Những cư dân trên trái đất này đầu óc phải rõ ràng. Người nhìn thấy chúng ta quá nhiều, chúng ta lại không nhìn thấy họ. Không nên cho rằng ở này không có ai, ở đây người rất đông, rất nhiều ánh mắt, đều nhìn thấy hết. Những vị Bồ tát ở thế giới Cực lạc đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, tất cả đều có năng lực, lúc nào ở đâu nhìn trái đất này, đều nhìn thấy rõ ràng, nhìn thấy thấu đáo. Nhìn thấy rồi thế nào? Thở dài, làm sao lại ra nông nỗi này! Quí vị nói tại sao lại đến nông nỗi đó? Ngày nay chúng sinh không cần Phật pháp nữa, nên mới ra nông nỗi này. Nếu như mọi người đều cần Phật pháp, thì thế giới này sẽ vô cùng đẹp đẽ. Mọi người cần đến Phật pháp thì chư Phật, Bồ tát đều đến, họ đến giáo hoá chúng ta. Mọi người không cần nữa, các ngài sẽ không đến. Tại sao các ngài không đến? Đến chỉ làm hại quí vị, quí vị huỷ báng Phật pháp thì tội càng nặng thêm, vì thế quí vị liền nghĩ chư Phật Bồ tát đến là từ bi, không đến cũng là từ bi. Quí ngài biết lúc nào nên đến, trong lòng quí vị muốn, muốn học, muốn học tốt thì Ngài đến, không muốn học tốt thì ngài sẽ không đến. Hiện tại quí vị khởi tâm động niệm đều là tham sân si mạn, ngài không đến. Nếu như khởi tâm, động niệm đều là hiếu để, trung tín, lễ nghĩa, liêm sỉ thì các ngài đến, cảm ứng đạo giao!

Thế giới của chúng ta rắc rối, Phật, Bồ tát, thiện thần không đến, những thứ đến là ai? Yêu ma, quỉ quái đều đến, bởi vì yêu ma quỉ quái ưa thích sát đạo dâm vọng. Quí vị cũng thích những thứ này, nên tìm chúng đến, cho nên rất khó quay đầu, kết quả cuối cùng là gì? Kết quả là tai nạn, tai nạn từ trên trời hại người. Đây đều là một số chân tướng sự thực, chúng ta nên hiểu cho rõ ràng, thấu đáo. Bồ tát ở thế giới Cực lạc, tình hình tu hành ở thế giới Cực lạc, ở đây chỉ dùng vài câu đơn giản đã miêu tả được. Mỗi ngày chu du các cõi, quốc độ chư Phật, chu du xong lại trở về nhà, trở về Thế giới Cực Lạc.

 Phẩm này là phẩm Lễ Cúng Thính Pháp thứ 26, chúng ta học đến đoạn này.

 Chúng ta xem tiếp phẩm dưới đây, “ Ca thán Phật đức thứ 27”. Đoạn kinh văn này khá dài, chúng ta hãy đọc qua nó. “Phật bảo A nan, Bồ tát nước kia”, nước kia là thế giới Cực lạc, “Nhờ oai thần Phật, trong chừng bữa ăn”, đây là nói thời gian ngắn, thời gian để ăn xong một bữa ăn. “trở lại mười phương,vô biên Tịnh độ, cúng dường chư Phật”, trở lại là quay lại. Quí vị xem, thời gian bằng một bữa ăn, họ có thể đi về vô biên quốc độ trong mười phương, đến đó để cúng dường chư Phật. “Hoa hương, tràng phan, những thứ cúng dường, ứng niệm mà có, đều hiện trong tay”. Lễ vật họ cúng dường không cần phải đi mua, không cần phải lo liệu, trong lòng muốn gì, đồ cúng đều đã có trên tay, tự nhiên nằm trong tay, toàn là nhờ biến hoá ra. “Trân diệu đặc biệt, thế gian không có, để cúng chư Phật và chư Bồ tát”. Cúng dường Phật, chỗ Phật có rất nhiều Bồ tát, có lễ vật cúng Phật, những vị Bồ Tát kia cũng không thể sơ suất. Tất cả đều phải chia một ít, sự cúng dường này mới chu đáo. “Hoa do họ rải, ở nơi hư không, hợp thành một hoa, hoa đều hướng xuống, thành vòng tròn đẹp, hóa thành lọng hoa, trăm nghìn sắc sáng, sắc sắc hương thơm, mùi hương xông khắp, lọng hoa nếu nhỏ, khắp mười do tuần, chuyển tiếp như thế, cho đến che khắp tam thiên đại thiên thế giới. Tuỳ theo thứ tự, lần lượt hóa không, nếu không tiếp tục, lại rải hoa mới, hoa trước đã rải, trọn không rơi lại, ở trong hư không, cùng tấu thiên nhạc, dùng âm vi diệu, ca ngợi Phật đức.”

Vì vậy phẩm này gọi là “Phẩm thứ 27 Ca Ngợi Công Đức Của Phật”. Chúng ta xem chú giải của Niệm Lão. “Thượng phẩm”, đoạn trước chúng ta đã học qua phẩm này, “là Bồ tát trong mười phương đến thế giới Cực lạc lễ cúng nghe pháp”. Lễ Phật, cúng dường Phật, nghe Phật thuyết pháp, phần này chúng ta đã học.

“Phẩm này nói về Bồ tát ở thế giới Cực lạc đến mười phương lễ cúng chư Phật”, những giới thiệu trong phẩm này là Bồ Tát ở Thế giới Cực Lạc, tình trạng sinh hoạt của họ. Nội dung phẩm trước nói là Bồ tát ở mười phương đến viếng Phật A Di Đà. Bồ Tát trong mười phương thế giới, thế giới Cực lạc rất náo nhiệt, thế gian chúng ta nói là phồn hoa, nhưng không thể sánh với thế giới Cực lạc. Thế giới Cực lạc tuy người rất đông, rất náo nhiệt nhưng nó vẫn thanh tịnh vô vi, tuyệt vời là ở chỗ đó. Nó không tạo cho quí vị một cảm giác bực bội, không có. Quí vị ở thế giới Cực lạc luôn luôn cảm nhận được lạc thú của thanh tịnh bình đẳng giác.

Phẩm này đương nhiên chúng ta càng phải chú ý hơn, phẩm này có liên hệ rất lớn với chúng ta. Đây là điều tốt khi đến Thế giới Cực Lạc. Bồ tát ở thế giới Cực lạc đến khắp mười phương, họ có năng lực này, đến mười phương lễ Phật, cúng dường Phật. “Lập tức trở về bổn độ để nghe diệu pháp”.

Trong kinh nói: “Phục vãng thập phương vô biên tịnh sát”, vãng là đi, phục là quay lại, thời gian đi và về chỉ bằng thời gian một bữa ăn. Thời gian rất ngắn đến mười phương thế giới cúng Phật là tu phước. Kì thực cúng Phật có lý gì lại không nghe pháp? Nhưng học tập với Phật A Di Đà là chính. Thật tình mà nói, bản thân chúng ta không tách rời Phật A Di Đà. Khi đi là hóa thân đi, hóa thân về, hóa thân này đi, trở về Phật A Di Đà nhìn thấy rõ ràng, người khác chưa chắc đã biết, Phật thấy rõ ràng quí vị đến những đâu, quí vị làm những gì.

“Cuối phẩm bao gồm chư thiên phụng cúng Phật kia và thắng nhân của họ”. Đây là đoạn cuối trong phẩm này, nói đến việc chư thiên cúng Phật cho đến bàn về nhân duyên thù thắng của những Thiên nhân này. “Nước kia” chỉ thế giới Cực lạc.

“Thừa Phật oai thần”, đây là nhờ oai thần Phật A Di Đà gia trì nên họ mới có được năng lực như thế. “Như bản kinh này nói: đây đều là nhờ oai thần lực, nguyện lực của vô lượng thọ Phật”.

Tiếp theo, “Trong khoảng một bữa ăn, đi về trong mười phương vô lượng quốc độ để cúng dường chư Phật, tức là thành tựu nguyện cúng chư Phật lần thứ mười một”. Có thể thấy đây là nguyện lực Phật gia trì cho quí vị, vì sao vậy? Tại thế giới Cực lạc, được sự giúp đỡ của Phật A Di Đà, Phật A Di Đà như một bảo mẫu vậy, chăm sóc quí vị từng li từng tí, giúp quí vị nhanh chóng thành tựu phước huệ viên mãn. Cúng Phật là tu phước, nghe pháp là tu huệ, Phật A Di Đà chắc chắc sẽ không tự tư, chỉ nghe ta thôi, không nghe người khác, không có, không có ý niệm đó. Nghe Ngài là quan trọng, cũng để cho quí vị nghe nghe mười phương thế giới, tất cả chư Phật ở đó thuyết pháp, gọi là tham học. Ý nghĩa tương đồng với Thiện tài tham học năm mươi ba nơi. Thầy của Thiện tài đồng tử là Bồ tát Văn Thù Sư Lợi, Thiện Tài trong pháp hội của ngài Văn Thù Sư Lợi chứng đắc căn bản trí. Chính là chúng ta thường nói đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, ngài chứng được quả vị đó. Sau khi đã chứng được quả vị này, thầy giáo, tức Bồ tát Văn Thù Sư Lợi liền bảo ngài đi tham học. Tham học là gì? Thành tựu đức năng của ngài, thành tựu hậu đắc trí của ngài. Hậu đắc trí là không gì không biết. Quí vị không đọc, không nghe, không tiếp xúc, quí vị làm sao mà biết được? Tại Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, cùng với những vị Bồ tát cạnh Phật A Di Đà, chúng ta vãng sanh cũng là thân phận này. Đến Thế giới Cực Lạc liền đầy đủ rồi tư cách tham học, Vì sao vậy? Bản nguyện Di đà gia trì quí vị sẽ được nâng lên thành A Duy Việt Trí Bồ Tát, A Duy Việt Trí Bồ Tát liền có năng lực tham học. Đây là năm mươi ba làn tham học nơi thế giới Cực lạc, nó không những là ở năm mươi ba, năm mươi ba chỉ là tượng trưng, tượng trưng viên mãn. Thế giới Cực Lạc quí vị đi tham vấn tất cả quốc độ chư Phật trong mười phương quí vị đều đi. Năng lực của họ rất đặc thù, họ có thể phân thân để đi, đồng thời phân ra vô lượng vô biên thân, không phải chỉ từng thân, từng thân đi thăm viếng. Nếu từng thân từng thân đi tham quan thì đến năm nào. Đồng thời, cùng lúc chia ra vô lượng thân, có bao nhiêu vị Phật thì phân bấy nhiêu thân, cho nên cùng lúc đi thăm viếng, cúng Phật, nghe pháp, xong rồi liền trở về. Những chân tướng sự thực này làm chúng ta hiểu được, sau khi vãng sinh thế giới Cực lạc hoàn cảnh sống của chúng ta thế nào. Ở đây đã kể lại cho chúng ta một vài điều.

“Những thứ cúng dường, ứng niệm mà đến”, quí vị đi đến chỗ Phật muốn mang thứ gì đến cúng dường, quí vị muốn mang thứ gì, quí vị vừa nghĩ đến, phẩm vật cúng dường đã ở trong tay rồi. “Ứng niệm mà đến”, đây là nguyện thứ 37. “sự thành tựu các loại cúng dường theo ý mà có”, có nhân có quả, đây là thành tựu của nguyện lực Phật A Di Đà, không có nguyện của Phật A Di Đà thì làm sao có được sự việc đó? Vì thế bốn mươi tám nguyện công đức vô lượng vô biên, chăm sóc những người đến thế giới Cực lạc tu hành, thật là vô cùng tỉ mỉ, Phật Di Đà đều nghĩ đến mọi thứ.

 “Trân diệu đặc biệt, thế gian không có”, không phải là thư thế gian có được, họ dùng những lễ phẩm như vậy cúng dường Phật. “Cho thấy phẩm vật cúng dường, vi diệu thù thắng, thế gian không có, trong lễ vật đó, số những lễ vật cúng dường, đặc biệt lấy hoa làm ví dụ, đây chính là nêu một ví dụ, phần nhiều dùng hương hoa cúng dường, lấy hoa làm ví dụ. Kỳ thực phẩm vật cúng dường vô lượng vô biên, tuỳ tâm mong muốn, đều có thể hiện tiền. Cúng Phật, Bồ tát nhiều, Bồ Tát ở thế giới Cực lạc có bao nhiêu, quí vị đi cúng dường, họ cũng đi cúng dường, đều đi cúng dường, đều hoan hỉ cúng Phật, đều hoan hỉ nghe pháp. Những vị Bồ tát này hoá thân để đi, hoa của mỗi người cúng dường, những bông hoa này hợp chung lại biến thành một lọng hoa lớn, “biểu tượng cho công đức vô biên, đều nhập vào một câu hồng danh”, đó là sự biểu pháp. Một câu hồng danh chính là Nam mô A Di Đà Phật.

“Chúng sinh trong mười phương đều quy về biển nguyện Nhất thừa của Di Đà”, lọng hoa biểu trưng cho ý nghĩa đó.

“Tất cả những trang nghiêm của y báo chánh báo ở Cực lạc đều nằm trong nhất pháp cú”, Câu này Hoàng Niệm Lão trích dẫn nhiều nhất. Chúng ta vô cùng quen thuộc. Câu này được trích từ cuốn “Vãng Sinh Luận”. Nhất pháp cú.

“Lọng hoa, đó là chiếc lọng được kết bằng hoa”, toàn là hoa hợp thành, mỗi vị Bồ tát là một đoá hoa, diệu hoa, vô lượng Bồ tát, những hoa này hợp thành chiếc lọng hoa. “Pháp Hoa Huyền Tán” viết: “Ấn độ khô nóng, người phần nhiều phải che đội, đều dùng hoa trang sức, nên gọi là lọng hoa.” Phật đã nêu ví dụ này cũng không phải tùy tiện nói ra, luôn là những thứ người thế gian có. Tây Vực đích thực là vùng Tân Cương của Trung Quốc, sa mạc rất nhiều, khí hậu rất nóng, là một nơi rất tốt. Tôi đã đến một lần, rất thích nơi này, tôi cũng rất có nhân duyên với vùng đất này. Hiện tại nơi này rất nhiều người theo đạo Islam, mối quan hệ với tôi cũng rất tốt, rất nhiều bạn bè là người theo đạo Islam, lúc tôi đến họ đón tiếp chúng tôi. Khí hậu rất nóng, vì thế ra đường phải mang ô, để che nắng, chúng tôi gọi đấy là ô Tây. Ô, có rất nhiều thanh niên cài hoa lên ô, không chỉ làm đẹp mà còn có mùi hương.

Phật nêu thí dụ này: “Lọng hoa ở Cực lạc, vạn đức tạo nên, nên trong chiếc lọng, bao hàm vô biên đức tướng, vi diệu khó nghĩ”, khó nghĩ đến mức nào? “Như kinh đã nói: Trăm nghìn quang sắc, sắc sắc dị hương, hương thơm xông khắp”. Đây là trong kinh Phật hình dung lọng hoa chư Bồ Tát cúng Phật. Mỗi lọng hoa có đủ trăm nghìn thứ ánh sáng, trăm nghìn màu sắc, trăm nghìn mùi hương. “Do mùi hương xông khắp, mà biết quang sắc ắt sẽ chiếu khắp.” Đây là biểu pháp, biểu trưng trí tuệ của Phật. Thực tế cũng là biểu trưng cho tánh đức. Vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo trong tự tánh, đều có trong một lọng hoa, hiển lộ ra tất cả. Phật là đại diện cho tánh đức viên mãn cứu cánh của chúng ta, cho nên danh hiệu của Phật là tên gọi của tánh đức. Danh hiệu của Bồ tát là tu đức, tu nhân chứng quả. Vì thế ánh sáng chiếu khắp, hương thơm lan toả, đó là tượng trưng đức của chư Phật, Bồ tát giáo hóa chúng sanh.

“Lọng hoa lớn nhỏ, do tâm lượng người”, tâm lượng lớn thì nó lớn, tâm lượng nhỏ thì nó nhỏ, tâm lượng vốn không có lớn nhỏ. Trong “Hoàn Nguyên Quán” chúng ta đã thấy, bất luận chánh báo hay y báo đều đầy đủ ba thứ châu biến, châu biến này là hiện tượng dao động, niệm vừa khởi lên, đây là chúng ta khởi tâm, động niệm, mỗi tế bào trên cơ thể chúng ta là hiện tượng vật chất, tế bào vẫn còn lớn, tiếp tục phân tích, phân tích đến nguyên tử, điện tử, hạt, cuối cùng phân tích thành lượng tử, nó đều rung động, nó không phải đứng yên, toàn là dao động, động ở đây là chuyển động dạng sóng. Hiện tượng dao động này lập tức khắp cả pháp giới, cho nên tốc độ của nó không thể nghĩ bàn. Đây là nói về sự khác nhau giữa tâm lí và vật lí. Dao động của tâm khắp cả pháp giới, vật lí có tốc độ. Ngày nay chúng ta biết được tốc độ của vật lý nhanh nhất là tốc độ ánh sáng, một giây có thể dạt đến 300.000 km. Ánh sáng mặt trời đến trái đất phải mất hơn tám phút.

Phật dạy: Trong tự tánh của chúng ta, tức là A lại ya, dao động của tướng phần là vật chất, dao động của kiến phần là tinh thần, bất luận là tướng phần hay kiến phần, dao động của nó lập tức biến khắp pháp giới. Cho nên thân thể con người chúng ta là một cỗ máy phát và cũng là một cỗ máy thu nhận. Thực sự chúng ta, cho dù một tế bào nhỏ, hay chúng ta gọi là quang tử trong tiểu quang tử, nó có khả năng thu nhận tin tức trong khắp pháp giới hư không giới, bao gồm cả tần suất chuyển động của vật chất, nó đều thu nhận được. Chỉ vì chúng ta ngày nay quá nhiều vọng tưởng, tạp niệm, nên khả năng cảm nhận bị mất đi, tuy rằng tiếp nhận rồi, nhưng không cảm nhận được, đây gọi là quên mất tự tánh. Đồng thời cũng là phát ra, suy nghĩ của chúng ta, dao động của ý nghĩ, mỗi tế bào trên thân thể chúng ta, mỗi hiện tượng dao động của tiểu quang tử, cũng lập tức khắp cả pháp giới. Cho nên, toàn thể vũ trụ và bản thân chúng ta, đích thực là nhất thể, không có cách để phân chia. Bản thân chúng ta cho rằng không giống nhau, nhưng trên thực tế là giống, đến lúc nào mới biết được? Lúc quí vị chứng đến Bồ tát Bát địa thì hoàn toàn biết được.

Thứ nhất, tốc độ này khắp cả pháp giới, khắp cả pháp giới đồng thời cũng ảnh hưởng pháp giới. Vì thế câu thứ hai mới nói: Sinh ra vô tận. Hiểu rõ được đạo lý này, chúng ta liền biết tai nạn trên trái đất có thể hóa giải, là chuyện hoàn toàn có thể. Chúng ta dùng tâm niệm thiện, tâm niệm thiện này sẽ khắp cả pháp giới. Núi sông đất đai đều biết được, cây cỏ hoa lá cũng biết được, một tâm niệm thiện thì mọi người đều thiện, kéo theo cây cối hoa lá đều thiện, núi sông đất đai đều thiện, tất cả tai nạn đều không còn nữa. Vì thế, về phương diện Phật pháp nó rất thông. Vấn đề là quí vị có tin hay không, quí vị có thể đổi suy nghĩ bất thiện thành suy nghĩ thiện hay không, then chốt là ở đây. Người người đều thay đổi thì tai nạn không còn nữa. Kinh Phật nói như vậy.

 Bladen, một nhà khoa học người Mĩ, ông cũng nói như thế. Mọi người hỏi ông: Sang năm, năm 2012, tai nạn xảy đến phải làm sao? Họ tổ chức hội thảo về vấn đề này, thảo luận về lời tiên tri Maya về tai họa năm 2012, họ đưa ra một phương pháp để ứng phó, hi vọng người trên toàn thế giới vào lúc này, nhanh chóng bỏ ác làm lành, cải tà qui chánh, chỉnh đốn tâm niệm, thì sự việc này sẽ được hóa giải. Chúng ta có thể dùng “Hoàn Nguyên Quán” nêu ba loại châu biến để chứng minh, họ nói cùng ý nghĩa như vậy. Loại thứ hai trong ba loại châu biến, ý niệm có thế giúp môi trường vật chất sản sinh thay đổi. Sinh ra vô tận chính là sinh thay đổi. Không phải thần ở đó mà chỉ đạo, không phải, là ý niệm của chúng ta đang chỉ đạo. Thiện tương ứng với thiện, ác tương ứng với ác, thế giới tây phương Cực lạc và trái đất của chúng ta có gì khác nhau đâu?

Sau khi chúng ta hiểu rõ Đại Thừa, biết được hoàn toàn giống nhau. Thế giới Cực lạc vì sao tốt đẹp như thế? Không có gì khác ngoài việc người ta tâm tốt, ý nghĩ tốt, lời nói tốt, hành vi tốt, mọi thứ đều tốt. Thế Tôn giới thiệu Thế giới Cực Lạc cho chúng ta, trong “Kinh Di Đà” nói rất rõ ràng, nơi đó là: “Chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ”, người ở thế giới Cực lạc đều là người thượng thiện. Người ở thế giới chúng ta nếu đều tu thượng thiện, thì trái đất chúng ta không phải sẽ trở thành thế giới Cực lạc sao? “Y báo thay đổi theo chánh báo”, đây là điều trong kinh nói. Kinh Hoa nghiêm nói: “Cảnh thay đổi theo tâm”, cảnh là môi trường vật chất, thay đổi theo tâm. Tâm niệm chúng ta bất thiện, ý nghĩ hiện nay toàn là tham sân si, lại còn thêm thượng mạn, cộng thêm hoài nghi, vậy là rắc rối lớn rồi. Chúng ta thay đổi lại tham sân si mạn nghi thì mọi việc lập tức được giải quyết. Việc này không phải việc nhờ người khác được, nhờ người khó, nhờ bản thân thôi. Hiểu rõ được lý lẽ này, đời đời kiếp kiếp, chúng ta ở trong lục đạo cảm thọ được, những khổ vui này chẳng có điều gì là không tự làm tự chịu. Nếu quí vị cứ oán trời trách người, vậy là sai rồi, vậy là quí vị tạo tội nghiệp, người, trời không liên quan gì đến quí vị, tự làm tự chịu! Chỉ cần chúng ta chuyển tâm niệm lại, trong tâm niệm tốt nhất là A Di Đà Phật, vì sao vậy? A Di Đà Phật có thể giúp quí vị xuất hiện thế giới Cực lạc. Đây là thế giới tuyệt vời nhất trong các thế giới, không tìm thấy bất cứ khiếm khuyết nào. Người thực sự rõ ràng, người thực sự nghe hiểu, người thực sự tin tưởng, họ lựa chọn thế giới Cực Lạc, họ đến đó. Họ có bỏ qua thế giới này không? Không. Đến thế giới Cực lạc để thành Phật, rồi quay lại chuyển trái đất này thành thế giới Cực lạc, là như vậy đó. Hiện nay tuy chưa có ý niệm đó, đến thế giới Cực lạc liền có ý niệm này, phẩm kinh làm chứng minh, chúng ta vừa đọc qua, quí vị chắc chắn sẽ có ý định đó. Vì thế lượng lớn thì phước lớn, tâm lượng nhỏ là chúng sinh mê hoặc điên đảo. Tâm lượng khai mở họ liền thành Phật, họ không còn là người có tâm lượng nhỏ nữa. Tâm lượng khai mở rồi, khởi tâm động niệm là khắp pháp giới hư không giới, trên cúng chư Phật, dưới hoá độ chúng sinh. Ý niệm đó họ đã khởi lên như vậy. Trên thì hướng đến Phật cầu Phật đạo, học theo Phật; dưới thì giúp đỡ chúng sinh. Học bao nhiêu thì nói bấy nhiêu, học bao nhiêu thì dạy bấy nhiêu, không phải chờ đến lúc tôi tốt nghiệp mới đi dạy, không phải như thế, chờ đến lúc tốt nghiệp thì trễ rồi. Học bao nhiêu thì dạy bấy nhiêu, sẽ không nói sai, đã có Phật A Di Đà làm chỗ dựa cho quí vị , ông chủ hậu trường là Phật A Di Đà.

Bồ tát ở thế giới Cực lạc, vì quí vị là học trò của Phật A Di Đà, quí vị đến thăm viếng đều vô cùng hoan nghênh. Vì sao vậy? Học trò của Phật A Di Đà đến, được đãi ngộ đặc biệt, đây đều là gì? Thơm lây Phật A Di Đà. Nếu quí vị không phải là học trò Phật A Di Đà thì ai coi trọng quí vị! Cho nên chúng ta cũng cần làm rạng rỡ Phật Di đà, không nên làm mất Phật A Di Đà, điều này nhất định phải hiểu được. Lời dạy của Phật A Di Đà nhất định phải thực hiện được, thế nên sinh ra vô tận.

Châu biến thứ ba là bao hàm cả không và hữu, đây chính là tâm lượng. Hàm không, hàm là bao hàm, bao hàm hư không, tâm lượng của quí vị còn rộng lớn hơn hư không. Dung hữu, hữu là vạn hữu, tất cả pháp giới hư không, quí vị ôm trọn tất cả, đó là gì? Là tự tánh của quí vị, tâm lượng vốn là như thế, bây giờ nó trở thành nhỏ như thế này, là mê rồi, không biết rằng tâm lượng quí vị vốn lớn lao như thế, hiện nay trở thành tâm lượng nhỏ như vậy, ngay bản thân cũng không thể bao dung, quí vị thấy có tội nghiệp không? Bởi thế nên mở rộng tâm lượng. Tâm lượng càng lớn thì cuộc sống của quí vị càng phấn chấn, càng an lạc. Học cách bao dung người khác, không nên chờ người ta phải bao dung mình, mà chính mình nên bao dung người khác.

Tâm lượng đó từ mười do tuần dần nới rộng ra khắp cả thế giới tam thiên đại thiên, tâm lượng lớn này thật có, bởi vì nó vốn là như vậy. “Tuỳ thứ tự nó, thứ lớp hóa không”, lọng hoa này vô cùng đẹp đẽ. “Người đến sau rải hoa mới”, những vị Bồ tát cúng Phật trước đó, hoa đã hết rồi, hóa mất rồi.

“Rõ những diệu cúng, hóa hiện theo tâm”, hai câu này rất quan trọng, ý nghĩa của hai câu này vô cùng sâu rộng, nó bao hàm tất cả, không những Bồ tát ở thế giới Cực lạc mà chúng ta cũng hiện tiền, có gì không phải tuỳ tâm mà hóa hiện? Nhưng tâm chúng ta là vọng tâm không phải là chân tâm. Những gì hiện ra từ chân tâm là vô cùng trân diệu, những gì hiện ra từ vọng tâm, trong đó có nhiễm, có tịnh, có thiện, có ác, không giống nhau, đây là vọng tâm. Tâm thanh tịnh hiện tịnh độ, tịnh độ này chính là pháp giới Tứ thánh, Cõi Phương Tiện Hữu Dư của thế giới Cực Lạc. Nó hiện ra những thứ này, nếu tâm quí vị thanh tịnh, cũng vậy là tâm thanh tịnh, bình đẳng, giác. Nhưng quí vị không phải đại triệt đại ngộ, đại triệt đại ngộ là chân tâm, chưa minh tâm kiến tánh đều là vọng tâm. Vọng tâm cũng có thanh tịnh, bình đẳng, giác, gọi là tương tự thanh tịnh, bình đẳng, giác, hiện pháp giới Tứ thánh. Nếu tâm quí vị nhiễm ô, trong tâm có những thứ gì bị nhiễm ô? Quí vị bị tham sân si mạn nghi làm nhiễm ô; quí vị bị ngũ dục, lục trần làm nhiễm ô. Người Trung quốc nói là thất tình, ngũ dục, đây là nhiễm ô. Tự tư, tự lợi là nhiễm ô. Quí vị có những thứ nhiễm ô này. Nhiễm ô là không thanh tịnh. Biến hiện của nó là gì? Luân hồi lục đạo. Trong lục đạo có thiện ác. Khi tâm nhiễm ô tu thiện pháp, thì quả báo là ở trong ba thiện đạo. Tâm nhiễm ô tạo tác ác nghiệp, thì quả báo chính là địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh. Thật có vậy!

Hôm qua ở đây còn có mấy người hỏi tôi: Thật có địa ngục không? Thật có, không giả dối tí nào. Địa ngục ở đâu? Quả báo địa ngục chưa hiện tiền quí vị không nhìn thấy, khi quả báo hiện tiền, quí vị sẽ nhìn thấy, quí vị không cách nào trốn tránh được, chỉ có chấp nhận. Địa ngục khổ, thực sự khổ, đại ngục là hoá sinh, không phải con người tạo ra, không ai thiết kế cả, địa ngục có bao nhiêu? Vô lượng vô biên. Tại sao vậy? Mỗi ý nghĩ ác sẽ tạo nên một địa ngục, ý nghĩ ác biết bao nhiêu! Ý nghĩ ác tương ứng với thập ác, tương ưng với ngũ nghịch. Tội ngũ nghịch, trong kinh Phật nói: Giết cha, giết mẹ, giết A la hán, hiện tại thế gian này không có A la hán, quí vị tìm A la hán cũng tìm không ra, nhưng có tội tương đồng với tội giết A la hán, cũng nặng như vậy, thầy giáo, đó là người thầy tốt, họ giáo hoá một vùng, cả một vùng người n được lợi ích. Quí vị giết họ đi thì tội đó cũng giống tội giết A la hán, cực nặng.

Thứ tư: “Làm chảy máu thân Phật”, hiện tại Phật tại thế nữa, tội này quí vị sẽ không phạm nhưng có cội tương đồng, gọi là tội đẳng lưu, thế nào là tội đẳng lưu? Quí vị dùng tâm cực ác phá hoại tượng Phật, cũng giống giết Phật, vô ý thì không sao, không phải là tâm vô cùng ghét bỏ cũng không sao. Cực ác chính là tâm oán hận nó, muốn nghiền nát nó ra, tội đó mới nặng, tội đó đoạ vào địa ngục vô gián.

Thứ năm: “Phá tăng hoà hợp”, điều này cũng không đơn giản, bởi vì trong thế giới ngày nay không tìm đâu ra một tăng đoàn hoà hợp. Hai người, hai người xuất gia ở cùng nhau mà còn bất hoà, mỗi người có ý kiến riêng mình, không hòa được, vì thế không thể có tăng hoà hợp. Nhưng tương đồng với tội phá tăng hoà hợp đó là phá hoại hình tượng Phật giáo, điều này tương tự như pháp tăng hoà hợp. Làm cho xã hội đại chúng hiểu nhầm Phật giáo, vấn đề này thực sự nghiêm trọng. Người tại gia, xuất gia chúng ta không thật sự tu hành, làm hình ảnh xấu đi, làm xã hội mọi người coi khinh, thì tội này rất nặng.

Phật pháp ở đâu? Phật pháp trong kinh điển. Năm xưa, tiên sinh Phương Đông Mĩ nói với tôi: Nên nỗ lực học tập ở trong kinh điển. Tôi từ chỗ Ông mà biết đến Phật Pháp, trước đây tôi cho rằng tôn giáo này là mê tín, cơ bản là chưa tiếp xúc. Tôi học Triết học nơi Ông, cuối cùng có một chương, Ông giảng cho tôi về triết học Phật giáo, đã chỉnh đốn những quan niệm sai lầm của tôi về Phật giáo, nói cho tôi biết Triết học Phật giáo nằm trong kinh điển chứ không phải trong tự viện. Ông nói với tôi rất rõ ràng, ông bảo: tự viện ngày xưa, người xuất gia trong đó có đạo đức, có học vấn. Họ thực sự là những nhà đại học vấn. Ngày nay trong tự viện người xuất gia không học Phật Pháp, không học kinh điển, vậy thì chỉ có bản thân chúng ta muốn học, thì bản thân phải học hỏi trong kinh giáo. Con đường Thầy giáo chỉ cho tôi thật tốt, chỉ ra con đường này, phương hướng này, tôi đã quyết tâm làm sáu mươi năm, vô cùng cảm kích thầy. Trong thời đại ngày nay, giống như những gì thầy tôi đã nói, “học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người”. Lời thầy nói không phải nói suông, tôi đã thực hiện rồi, đời này quả thật là hưởng thụ cao nhất. Không còn phiền não, không còn lo nghĩ, không còn vướng mắc. Ngày nay mọi người than phiền áp lực quá nặng, tôi không có áp lực nào, thân thể không có áp lực, tinh thần không có áp lực, tự tại biết bao. Không nên tạo rắc rối cho bản thân, điều đầu tiên quí vị nghĩ đến đó là, Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế vì sao không kiến lập đạo tràng? Vì kiến lập đạo tràng là có áp lực, phải có gánh vác. Không có đạo tràng, làm gì có áp lực? Không cần đạo tràng là điều đúng đắn! Tôi mới thể hội được sự cao minh của Phật Thích Ca Mâu Ni. Đâu mời thì đến nơi đó, làm khách khắp nơi, không cần làm chủ. Làm chủ thì phải lo lắng. Quí vị xem quí vị là chủ ngôi nhà này, việc gì cũng phải lo lắng. Tôi làm khách, ở một vài hôm rồi đi, tôi lo lắng cái gì!

Mấy năm trước khi tôi ở Dallas, có một người bạn học hỏi tôi, hỏi tôi có muốn kiến lập đạo tràng không, tôi trả lời: Mỗi nơi mời tôi đi giảng một tháng, tôi hỏi anh ta có tin không. Trên thế giới này, ít nhất cũng có hơn ba trăm đạo tràng sẽ mời tôi giảng kinh? Anh ta trả lời có tin. Tôi bảo, mỗi nơi tôi ở một tháng, mỗi năm tôi ở mười hai nơi, mười năm một trăm hai mươi nơi, một trăm năm một nghìn hai trăm nơi, tôi tin tôi sẽ đi một nghìn hai trăm nơi để giảng kinh, vậy tôi kiến lập đạo tràng để làm gì? Tự tại! Cái gì cũng không cần nữa, quí vị được tự tại. Quí vị cần quí vị sẽ tích chứa, quí vị sẽ phiền phức, quí vị sẽ có áp lực, quí vị sẽ vất vả. Không cần thứ gì nữa, sẽ được đại tự tại. Mỗi ngày đi khắp nơi khất thực, hiện tại chúng ta cũng đang khất thực, đến đây tiếp nhận sự cúng dường là tốt rồi, là ăn mày cao cấp. Không có nhà cửa, mà vẫn có chỗ ở rất tốt, cũng không có xe cộ, nhưng ra khỏi cửa có xe để đi, không thiếu thứ gì, mà thứ gì cũng không có, quí vị mới được đại tự tại. Cho nên người thế gian thích làm chủ, làm chủ thật đáng thương.

Chúng ta học Phật Thích Ca Mâu Ni, làm khách khắp nơi, không cần làm chủ. Khi còn tại thế, đức Thế tôn đã thể hiện, chúng ta phải tỉ mỉ quan sát, phải thể hội, phải học tập, tại sao Ngài lại tự tại như vậy? Tại sao ngài lại an lạc như thế? Vì ngài buông bỏ tất cả, có cũng tốt, không có cũng rất tốt. Hôm nay có thực phẩm để dùng cũng vui, không có dùng cũng vui, không gì là không vui vẻ. Không ràng không buộc, không lo không nghĩ, đó là sự hưởng thụ tối cao của đời người. Sự hưởng thụ tối cao của đời người tuyệt đối không phải có địa vị cao, có của cải, không phải, không mảy may liên quan những thứ đó. Thực sự như trong kinh Phật nói: đối với chân tướng tất cả pháp thế gian xuất thế gian, dần dần thấu triệt hiểu rõ được sự hưởng thụ này.

Phần kế tiếp, “Ở trong không trung, cùng trỗi thiên nhạc”, biểu trưng chư Bồ tát lại dùng thiên nhạc cúng Phật. Trong thiên nhạc đó, dùng ca âm vi diệu tán thán ân đức của Phật. Kiểu cúng dường này, sở dĩ trong việc cúng dường, muốn nói lên điều gì? Biểu thị thay Phật giáo hóa. Vì Phật vốn rất khiêm tốn, nhất định không có Phật ngạo mạn. Quí vị hỏi Ngài, xin Ngài làm thầy giáo, Ngài sẽ rất lịch sự với quí vị. Cho nên Phật Pháp tuyệt đối không kêu gọi thính chúng, cũng chính là nó tuyệt đối không chiếu sinh, học sinh tự đến, họ làm sao họ biết được? Những học sinh như chúng ta tuyên truyền thay thầy giáo, giới thiệu thay thầy giáo, họ đến như vậy. Thầy giáo tuyệt đối sẽ không chiêu sinh. Chiêu sinh là có ý nghĩ ngạo mạn trong đó, tôi có thể làm thầy, các ngươi đến học với tôi, tôi dạy các ngươi, đó là tập khí ngạo mạn. Phật không làm như vậy, Phật vô cùng khiêm tốn. Tất cả những tràng phan, bảo cái này đều dùng để chiêu sinh. Những đạo tràng ngày xưa, đạo tràng Phật Giáo, quí vị đều biết đều ở trong rừng, bờ sông, nó không có vật liệu xây dựng. Cắm một cán cờ trên cây, trên cán cờ treo một lá phan, khi nhìn thấy, người ngoài nhìn thấy biết Phật Thích Ca Mâu Ni đang giảng kinh dạy học ở đó, họ liền đến. Vì thế nó là một tín hiệu, để khi nhìn thấy, quí vị tự động tìm đến, muốn đến nghe pháp, thỉnh giáo thì cứ tự động đến, không ai đi tìm quí vị. Ngày nay không dùng những thứ này nữa, ngày nay dùng những thứ gì? Dùng rất nhiều phương tiện truyền, dùng quảng cáo, dùng phát thanh, những phương tiện này dùng để chuyển tải tin tức. Những thứ này đều là việc của học trò, thầy giáo không đụng đến. Thầy giáo ở đây dạy học, một người cũng dạy, hai người cũng dạy, vài trăm người cũng dạy, vài nghìn người cũng dạy, giống nhau, bình đẳng. Không phải nhiều người thì phấn khởi, ít người thì buồn rầu, không phải, không liên quan đến họ. Phật độ người hữu duyên, người nhiều ít, có duyên, nhân duyên không giống nhau.

Vì thế, những vị này đều giúp Phật chiêu sinh, đem trí tuệ đức năng của Phật, dùng những phương pháp này để tuyên dương.

“Nói lên trong những lễ vật cúng dường của chư vị Bồ tát còn có sự tán thán”, không phải Phật muốn tán thán, Phật không khởi tâm, động niệm đối với tán thán. Tán thán Phật để những người khác biết Phật có trí tuệ, Phật có đại đức, nên học tập với Ngài, là ý nghĩa này vậy.

 “Ân đức của Phật, đó là công đức đầy đủ của Như lai”. Chúng ta là đệ tử của Phật, nên thay thầy giáo của mình tuyên dương, chúng ta có trách nhiệm đó, có nghĩa vụ đó. Thế nhưng nhất định không được đi quá, nếu đi quá sẽ làm tổn thương ân đức người thầy vậy là sai rồi. Trong việc này đều phải có trí tuệ, đều là học vấn, đều là đức hạnh.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**HẾT TẬP 446**

# Tập 447

Chuyển ngữ: Minh Tuệ
Biên tập: Bình Minh
Thời gian: 10.06.2011
Địa điểm: Cang Sơn Tịnh Tông Học Hội\_Nhật Bản

Chư vị Pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quí vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 564, hàng thứ tư từ dưới đếm lên. Bắt đầu xem từ câu “thiên nhạc chi trung”.

“Thiên nhạc chi trung, dĩ vi diệu âm ca than Phật đức, thị biểu chư Bồ tát ư lễ cúng trung kiêm tu tán thán dã”

Đây là điều thứ ba trước trong mười đại nguyện vương của Bồ tát Phổ Hiền: “Lễ kính chư Phật, xưng tán Như lai”. Xưng tán ở đây còn gọi là tán thán. “Quảng tu cúng dường”, khi đến thế giới Cực lạc, gặp được Phật A Di Đà, các Bồ tát thường tu ba cách này.

“Phật đức giả, Như lai sở cụ chi công đức”. Đây là việc ca ngợi công đức của Phật. Đức Phật khi chưa thành Phật, ngài giống chúng ta, đều là phàm phu, ngài phát nguyện tu hành, tinh tấn không biếng nhác, và đã thành tựu vô lượng công đức trong quả vị của mình. Việc này chứng minh điều đức Phật nói trong kinh: “Tất cả pháp đều do tâm sinh”, “chế tâm nhất xứ vô sự bất biện”, người xưa thường nói: “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, mới có thể thành công. Những người bình thường như chúng ta ít có tâm nhẫn nại, tu ít hôm, hoặc vài ba năm bèn mong công đức thành tựu, chẳng những không thể, mà cách dùng tâm của hàng phàm phu cũng không đúng. Quí vị nghĩ thử xem, phàm phu dùng tâm nào? Tâm vọng tưởng, tâm tự tư tự lợi, tâm gấp gáp tranh công, tất cả đều sai lầm. Người tu hành thực sự dụng tâm chân thành, không nghĩ đến quả báo sẽ ra sao, họ không suy nghĩ về vấn đề này. Đúng như câu: “chỉ lo chăm bón, không nghĩ thu hoạch”. Khi nào thành tựu, có thành tựu hay không, không quan trọng, đúng lúc nó sẽ tự thành tựu. Vả lại công đức trang nghiêm khi thành tựu, tất cả đều nằm ngoài ý muốn của bản thân, bản thân họ chưa bao giờ nghĩ đến điều đó. Nguyên nhân gì vậy? Nguyên nhân từ lòng chí thành cảm thông. Ngày nay chúng ta thiếu mất lòng chí thành, mới tu mấy bữa đã mong có ngay kết quả, đâu dễ dàng như thế! Tất cả đều do chúng ta sai lầm khi dụng tâm, còn trách Phật Bồ tát không linh. Vì thế phần lớn người tu hành đi ngược lại với đường tu chứ không phải đi trực diện. Kết quả đó là gì? Khổ báo trong tam đồ, tất cả đều đi về đó. Bồ tát chỉ có một suy nghĩ, đó là vì chúng sanh, không lúc nào nghĩ về bản thân. Còn chúng sanh như chúng ta, coi như không tệ, tất cả khởi tâm động niệm đều vì chúng sanh, nhưng trong ý niệm vì chúng sanh vẫn còn trộn lẫn lợi ích của riêng mình, như thế là sai lầm, nó sẽ phá hỏng công đức thanh tịnh, nên hiệu quả đạt được không cao. Bởi thế học Phật không thể không đọc kinh, học kinh điển cốt yếu là ở chỗ thành tâm, tâm cung kính, tâm thiết tha để thấy được việc dụng tâm của chư Phật Bồ tát, phương pháp tu tập và tâm thái của các ngài. Khi đã hiểu được thì chúng ta sẽ học tập dần dần. Nếu không hiểu rõ thì chúng ta sẽ học tập ra sao. Vì thế đọc kinh, nghe giảng, điều kiêng kị nhất là cỡi ngựa xem hoa.

 Quí vị xem học sinh ở một số trường ngày nay, khi lên lớp quan sát thái độ của họ: hời hợt! Đa phần là như thế. Không thấy học sinh nào thực sự định tâm, chăm chú vào lớp học, không thấy. Tâm họ tâm vọng động. Nghe một tiếng động nhỏ ngoài giảng đường, tất cả mọi học sinh đều quay đầu nhìn ra, tâm hồn đều bay hết đi đâu. Những học sinh như thế làm sao thành công được.

Chúng ta đọc sách cổ ngày xưa, Trịnh Huyền- một nhân vật trong Hán thư, quí vị xem truyện kí của Trịnh Huyền, đây là một nhà Nho lớn đời Hán. Thuở nhỏ cầu học, thầy của ông là Mã Dung, vừa là học giả, vừa quan lớn đời Hán, tương đương cấp bộ ngày nay, nhưng rất thích dạy học. Trịnh Huyền là học trò của ông quan này, theo ông học ba năm. Mã Dung là người thích dạy học và rất thích nghe nhạc. Âm nhạc ngày đó không giống như bây giờ có truyền hình, phát thanh, không có những phương tiện này, cũng không có đĩa nhạc, làm thế nào? Sau bục giảng của ông có bức màn, phía sau bức màn đó là một đội nhạc công, nam nữ luyện tập nhạc trong đó, ông vừa dạy học vừa thưởng thức âm nhạc. Quí vị nghĩ xem những học sinh lên lớp, có ai là người không muốn xem phía sau bức màn? Nhưng có Trịnh Huyền, đã ba năm chưa bao giờ để mắt đến đó, Mã Dung đã phát hiện ra điều này, tất cả những kiến thức ông truyền đạt Trịnh Huyền đều học hết. Ông có tính ghen ghét, biết đứa học trò này về sau sẽ hơn mình, thầy giáo vẫn có tâm đố kị với học trò, ông là người có học vấn, được xem là có đạo đức, nhưng chưa đoạn được tập khí này. Muốn đứa học trò này, sau ba năm, sau khi học xong ba năm sẽ cho về. Ngày hôm sau, họ đi đến một trạm nghỉ, đích thân thầy giáo đến cách đó mười dặm để tiễn học trò, đến trạm nghỉ cách đó mười dặm để tiễn chân, mang theo cả rượu thịt, bảo mỗi học trò mời anh này mỗi người ba ly, hơn một trăm học trò. Trịnh Huyền đã uống đến ba trăm ly rượu, câu chuyện ba trăm ly là có thật, không phải giả. Câu chuyện này xuất hiện từ Trịnh Khương Thành, lúc này Trịnh Khương Thành đã chia tay thầy giáo, thầy giáo làm cơm tiễn đưa học trò, ý của thầy giáo là gì? Chuốc cho say, không ngờ anh này là một tay ghê gớm, ba trăm ly rồi nhưng vẫn chưa thất lễ, thầy giáo phục sát đất. Vẫn chưa vừa lòng, dọc đường cho phục sẵn một tên sát thủ, muốn ám sát anh học trò này. Nhưng Trịnh Huyền là một người rất thông minh, anh ta đã tiên liệu mọi việc, đi khuất một đoạn, anh ta rẽ sang một con đường nhỏ mà đi. Đây là câu chuyện tôi nghe được từ cư sĩ Lí Bỉnh Nam. Nó nói lên một điều, lòng ghen ghét gây trở ngại rất lớn cho mọi người, ngay một người như thầy giáo kia hãy còn vướng. Lòng đố kị của con người ngày nay, quí vị có thể lí giải đó là chuyện rất bình thường, không có gì kỳ lạ. Khi đã hiểu rồi, ta nên cố gắng tránh xa, bất kể ở thời điểm nào, lúc nào cũng nên phòng ngừa, đừng để người khác sinh tâm đố kị. Khi đã sinh tâm đố kị, họ sẽ tìm cách hại quí vị, là tai hoạ tự thân quí vị chuốc lấy, đừng trách người khác, chúng ta phải nhận thức rõ điều này. Vì thế việc chúng ta khiêm tốn cung kính, ở đâu cũng khiêm nhường, đừng với lên chỗ cao quá. Đây cũng nói lên điều gì? Giáo hoá những chúng sanh trong thời hiện đại, con người ngày nay, tập khí ngạo mạn đã nặng nề ngay từ bé, không ai dạy dỗ, vì vậy tâm đố kị càng nguy hiểm, tâm tranh quyền đoạt lợi cực kì nặng nề.

Công đức của Phật, đó là công đức vốn đầy đủ của Như lai, một là tánh đức, một là tu đức. Tánh đức, trong tự tánh mỗi người đều có và bình đẳng, nhưng nếu không có tu đức thì tánh đức không thể hiển lộ. Vì thế có thể nói, tu đức là thứ quan trọng đối với thập pháp giới, phàm phu trong lục đạo. Tánh tu không hai, tu đức dẫn đường cho tánh đức. Đức đầu tiên trong tánh đức là vô ngã, phải thực sự thấu hiểu thân này không phải là ta. Cái gì là ta? Biến pháp giới hư không giới là ta. Không ai biết điều này. Ai biết được? Người đã minh tâm kiến tánh. Trong kinh điển, những người học kinh giáo, đại khai viên giải biết được, người niệm Phật, niệm đến mức độ lí nhất tâm bất loạn có thể biết. Chúng ta đã biết lí nhất tâm, đại khai viên giải, minh tâm kiến tánh đều cùng một cảnh giới, khác nhau về tên gọi nhưng tương đồng về cảnh giới. Khi đạt đến mức độ đó đều biết được, quí vị đã chứng được thật tướng các pháp, lúc đó tánh đức hiện tiền.

Hai loại ca ngợi ở đây đều có, ca ngợi tánh đức, ca ngợi tu đức, năm kiếp tu hành của Di đà.

Câu xá luận viết: “Phật đức giả, chư hữu trí giả, tu duy Như Lai tam chủng viên đức, thâm sanh ái kính”. Tất cả đều nói về tu đức. Người tu hành khen ngợi Phật đức, thường nghĩ đến ba thứ đức hạnh của Phật, đó là thứ chúng ta nên học tập, nên sinh tâm ái kính. Ba thứ đó là gì?

Thứ nhất: “Nhân viên đức”. Bồ tát tu thành Phật cần phải trải ba đại a tăng kì kiếp mới thành tựu. Phật A di đà muốn tu thành thế giới Cực lạc phải trải năm đại kiếp. Chúng ta nên biết rằng ngài bắt đầu tu với thân phận như thế nào. Trước đây chúng ta đã học, rất nhiều chư vị tổ sư đã khẳng định, Tỳ kheo Pháp Tạng phát tâm học đạo với Tự Tại Vương Như Lai. Xuất gia học đạo, đã đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Nói cách khác, ngài không phải là người bình thường, không phải là người phàm phu, ít nhất cũng là Bồ tát Sơ trụ của Viên giáo. Sau khi kiến tánh, ngài đã dùng chân tâm, không dùng vọng tâm, dùng chân tâm trong năm kiếp để làm tròn 48 lời nguyện. Chúng ta phải hiểu lí và sự ở đây. Phàm phu chúng ta cho dù tu hơn năm đại kiếp cũng không thể thành công, vì sao? Vì chúng ta dùng vọng tâm, không dùng chân tâm, nên không tương ưng. Ngài dùng chân tâm là “nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”, như thế thì làm sao giống được? Vì cậy chúng ta không thể không biết việc này. Thời gian năm kiếp là rất dài, nhưng so với ba tăng kì kiếp thì rất ngắn, không gọi là dài. Nhất định phải hiểu thân phận của ngài, ngài không phải là người phàm. Ngày nay chúng ta mong ước được như ngài, sánh bằng ngài, giống như ngài, đó là gì? Được oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, lúc đó chúng ta mới đạt được mục tiêu, nếu không được Phật gia trì mà chỉ bằng sức lực của mình, thì dù năm kiếp tu hành chắc chắn vẫn không được, vì vậy ân đức của Phật rất lớn! Đó là nhân. Thông thường, ba đại a tăng kỳ kiếp tu hành viên mãn, nhân viên mãn.

Thứ hai: “Quả viên mãn”. Quả nhất định phải phát huy tác dụng của trí tuệ bát nhã vốn có trong tự tánh, mới có thể đánh tan tất cả những tập khí phiền não, trí tuệ có thể cắt đứt.

Người đời không có trí tuệ mà chỉ có thông minh, có tri thức, có thông minh. Có tri thức mà không có trí tuệ, đa phần tri thức, thông minh là tạo nghiệp, vì sao? Vì nó hoàn toàn đi ngược với tự tánh, tánh đức tương ưng với trí tuệ. Chúng ta lấy một thí dụ đơn giản thế này, trí tuệ tương ưng với ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức. Nhưng tri thức chưa chắc đã tương ưng, trí tuệ nhất định tương ưng. Trí tuệ hoàn toàn tương ưng với Đệ Tử Qui, Cảm ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, vì sao? Vì những thứ này bắt nguồn từ trí tuệ, nên chưa chắc nó đã tương ứng với tri thức, có lúc tri thức không đồng ý với những thứ này, nên trí tuệ khác tri thức.

Ba thứ phiền não trong quả: vô thỉ vô minh phiền não, trần sa phiền não, kiến tư phiền não, tất cả đều bị đoạn tận, quả viên đức là chứng được Bồ đề vô thượng, hoặc là Diệu giác Như lai trong kinh Hoa nghiêm.

Thứ ba là nghĩ nhớ ân đức to lớn của Phật! Độ tất cả chúng sanh, ở đây ta nên thêm mấy chữ: vãng sanh tịnh độ. Ân đức này cao hơn tất cả chư Phật Như lai. Cũng như nói, Phật A Di Đà đã cấp cho chúng ta tấm bằng thành Phật, khi học đến lớp đó chắc chắn quí vị sẽ thành Phật, không sót một ai, đây chính là thế giới Cực lạc. Ưu điểm của thế giới Cực lạc là ở chỗ này, quí vị phải hiểu rõ sáng tỏ vấn đề này. Những vị cổ đức ngày xưa đã nói, khi vãng sanh thế giới tây phương cực lạc, quyết tâm đó “vạn ngưu mạc vãn”. Ngày xưa coi sức trâu là mạnh nhất, trâu dùng để kéo cày, một vạn con như thế muốn kéo lại cũng không thể kéo nổi. Cho thấy tín tâm kiên định, nguyện lực mạnh mẽ của quí vị, không một sức mạnh nào có thể cấm cản, quí vị đến thế giới Cực lạc. Nên nhận thức rõ ràng về vấn đề này. Quyết định sẽ thành công ngay trong đời này. Đời này vãng sanh, vãng sanh đến đó một đời thành Phật, gọi là Phật pháp thành tựu ngay đời này. Đây là khen ngợi công đức Phật. Nhất định phải nghĩ đến ba thứ: Nhân, quả, ân đức.

Ân đức tức là phổ độ tất cả chúng sanh, không có phân biệt chấp trước, chỉ cần quí vị tin tưởng và mong muốn đi thì ai cũng được độ. Người quyết tâm tu tịnh độ, người thật sự tu pháp môn niệm Phật, tâm lượng của họ ngang bằng Phật, phải ngang với Phật mới có thể tương ưng. Quí vị niệm Phật cho tốt, hàng ngày phát nguyện cầu sanh thế giới tây phương cực lạc, nhưng trong lòng đối xử tốt với người này, không tốt với người kia, tôi thích anh A, tôi ghét bà B, nên biết rằng người có tâm như thế không bao giờ được vãng sanh, tìm không ra loại người này ở thế giới Cực lạc, làm sao vãng sanh được? Thế nên trên đề kinh đã ghi năm chữ, rất quan trọng! Được ghi trên đề kinh, tâm của quí vị phải thanh tịnh bình đẳng giác, năm chữ: “Thanh tịnh bình đẳng giác”. Quí vị làm sao vãng sanh? Năm chữ này bảo đảm để quí vị vãng sanh, thực hiện được nó thì chắc chắn sẽ vãng sanh. Nếu còn phân biệt tức là không có bình đẳng. Vì thế nên đối xử với tất cả chúng sanh bằng tâm bình đẳng, không được phân biệt cao thấp, tôn kính như nhau, hộ niệm như nhau, quan tâm như nhau, giúp đỡ như nhau. Như thế mới giống người tu tịnh độ. Nếu làm ngược lại là không giống.

Mời xem đoạn kinh kế tiếp: “kinh tu du gian, hoàn hỳ bổn quốc, đô tức tập hội, thật bảo giảng đường, vô lượng thọ Phật, tắc vi quảng tuyên đại giáo, diễn xướng diệu pháp, mạc bất hoan hỷ, tâm giải đắc đạo.”

Nội dung đoạn kinh này mô tả, các vị Bồ tát đến thế giới mười phương cúng Phật, sau khi cúng Phật về, họ đến giảng đường nghe Phật A Di Đà giảng kinh dạy học, đại ý đoạn này là như thế.

Chúng ta đọc đoạn chú giải của Hoàng Niệm Lão: “Hữu văn”, đoạn văn bên phải. Có nội dung chúng Bồ tát du hành mười phương rồi quay về thế giới Cực lạc nghe Phật thuyết pháp. Đến thế giới trong mười phương để lễ Phật. Khi lễ Phật chắc chắn sẽ có cúng dường, nghe pháp. Cúng dường là tu phước, nghe pháp là tu tuệ, rồi lại quay về thế giới Cực lạc nghe Phật Bổn sư thuyết pháp. Phật A Di Đà là Bổn sư của chúng ta.

“Tu du gian”. Tu du là một khoảnh khắc, là chỉ thời gian rất ngắn. Đoạn này ngài đã chú giải như sau: “Tương đương với 48 giây”. Theo Chương 12 trong Câu Xá Luận nói. “Tu du” tương đương 48 giây hiện nay, thời gian không dài. Quí vị xem trong khoảng thời gian đó mà người đi lễ Phật đã trở về.

“Đường dịch” nói: Buổi sáng cúng dường chư Phật ở phương khác. Lại nói, trở về bổn quốc ngay trong buổi sáng đó chính là nghĩa của từ tu du trong kinh. Khoá học buổi sáng của Bồ tát ở thế giới Cực lạc là đi cúng Phật trong mười phương, sáng nào cũng đi. Quí vị nghĩ thử xem, duyên tu phước tu huệ của những vị này rất thù thắng, chúng ta muốn đi cũng không được, buổi sáng đến trước Phật Bồ tát lạy Phật: nam mô thập phương Phật, nam mô thập phương Pháp, chúng ta chỉ lạy được như thế, không thấy thập phương Phật. Các ngài đi thực sự, thực sự phân thân, mỗi quốc độ Phật, trước mặt mỗi đức Phật đều hiện thân cúng dường, nghe pháp, đó là nhân duyên thù thắng không gì sánh bằng, chỉ có ở thế giới Cực lạc. Khi vãng sanh đến thế giới Cực lạc, quí vị sẽ có được những thứ ấy, không đến thế giới Cực lạc thì không thể có được. Quí vị xem Phật pháp rất coi trọng nhân duyên, Phật không độ người vô duyên.

Khi còn trẻ tuổi, chúng tôi học kinh, thầy giáo thường dạy chúng tôi kết pháp duyên. Không kết duyên với Phật pháp, cho dù giảng kinh hay đến đâu thì vẫn không có người đến nghe, người ta không muốn nghe là bởi quí vị không có duyên với họ. Kết duyên thật nhiều, kết duyên thật tốt, cho dù giảng không hay nhưng người nghe rất đông, mọi người đều thích nghe người đó giảng, thật lạ! Khi chúng tôi ở Đài trung có một trường hợp như thế. Trong số hai mươi người học với thầy Lý, có cư sĩ tên Lâm Khán Trị, chị ấy là người lớn tuổi nhất lớp tôi, đã hơn 60, chị học giảng kinh, trình độ gì? Chỉ mới tốt nghiệp Tiểu học. Sáu mươi tuổi mà chỉ mới tốt nghiệp Tiểu học, lúc này cháu nội của chị đã đi mẫu giáo. Trên thực tế, chị là nguồn khích lệ cho chúng tôi, lúc bấy giờ chúng tôi chưa dám giảng kinh vì ngại khó, nhìn thấy một người đã 60, mới tốt nghiệp Tiểu học mà dám lên bục giảng kinh, nhìn thấy bộ dạng chị ấy, chúng tôi nghĩ chắc chúng tôi cũng có thể làm được. Chị ấy là tấm gương cho chúng tôi và vực chúng tôi đứng lên. Nhân duyên Phật pháp rất đặc biệt, bất luận giảng ở chỗ nào, thính chúng cũng chật ních, bọn học trò chúng tôi muốn so sánh với chị cũng không được, mọi người đều thích nghe chị giảng. Điều đó cho thấy kết pháp duyên rất quan trọng. Nếu không có thầy Lý thường nhắc nhở, thì chúng tôi đã bỏ qua chuyện này, có lẽ trong tương lai chúng tôi phải chịu thiệt rất lớn. Thầy giáo luôn nhắc nhở, và tính tự giác của chúng tôi cũng cao, nên thật làm! Mấy năm trở lại đây, tôi đi giảng kinh ở một số nơi, mọi người đã thấy được tầm quan trọng của pháp duyên, vì sao? Vì rất nhiều người kết pháp duyên. Những người khác khi tiếp nhận đồ cúng dường của tứ chúng, thường xây chùa, người ta cúng dường cho tôi, tôi kết duyên, tất cả đều đem kết duyên, vì thế duyên rất thù thắng.

Năm trước, khi đang ở Singapore, năm 1999, năm 1998, năm 1999, năm 2000, ở Singapore, lúc đó pháp sư Diễn Bối còn sống, một hôm ông mời tôi dùng cơm tại nhà hàng cơm chay Linh Chi. Trong lúc dùng cơm, ngài hỏi tôi: Này Pháp sư, ngài có biết tại sao hôm nay tôi mời thầy dùng cơm không? Tôi trả lời: Tôi chưa được rõ lắm, xin ngài chỉ giáo. Ông trả lời: Thầy có pháp duyên thù thắng với những người khác, thầy có thể dạy cho tôi không? Pháp duyên đó từ đâu mà có? Tôi thưa: Việc này là do kết duyên! Rộng kết thiện duyên. Mọi người mời tôi giảng kinh, chúng tôi chưa giảng, nhưng chúng tôi kết duyên bằng những bộ kinh, pháp bảo, mang đến một số lượng lớn. Bố thí! Bố thí tài sản, bố thí Pháp, bố thí vô uý, làm tất. Sau khi nghe, ngài thở dài: “tôi thật cô hàn!”, quí vị có hiểu chữ cô hàn không? Người Nam dương nó rất “keo kiệt”, không bao giờ biết bố thí, sách vở kia ông đem bán lấy tiền hết, mà lại bán đắt. Tôi bảo, chỗ chúng tôi toàn đem bố thí.

Lần đầu tiên đặt chân đến Nhật bản, tôi đi theo pháp sư Đạo An. Giáo hội Phật giáo Trung quốc tổ chức một phái đoàn đến thăm Nhật bản, trong thời gian hơn hai mươi ngày. Lúc bấy giờ chúng tôi hãy còn trẻ, đi theo lão Hoà thượng, lần đầu thăm Nhật bản. Lần thứ hai tôi đến, cũng là nhân duyên rất thù thắng, thăm viếng Nhật bản. Trước khi đi, tôi đã gửi ba mươi bộ Đại Tạng Kinh, nhờ những người đồng học bên này giúp chúng tôi phân phát cho những đạo tràng Tịnh tông, ba mươi bộ. Vì thế đến lúc đặt chân đến Nhật, trú trì, trưởng lão những chùa thuộc Tịnh tông Nhật bản đã tổ chức một bữa tiệc tối để đón tiếp chúng tôi. Tôi còn nhớ mang máng, hình như có bốn bàn, trong một nhà hàng, buổi tối. Sau khi dùng cơm, có một người bạn nói với tôi: Pháp sư, chuyến thăm này có thể được chép vào lịch sử Phật giáo Nhật bản. Tôi thưa, làm gì có chuyện long trọng đến thế, sao vậy? Vị kia nói: bởi bình thường các vị trưởng lão không thăm viếng qua lại, nhưng nhân chuyến viếng thăm này của ngài, tất cả đều đến đón tiếp. Lúc đó tôi mới hiểu đầu đuôi. Chúng tôi đã tặng đến ba mươi bộ Đại Tạng Kinh. Nếu không có một số lễ vật lớn như thế chưa chắc họ đã đến. Tôi nói: tôi hiểu rồi. Chuyến thăm lần đó của tôi kéo dài đến mười ngày. Ngày chia tay, chúng tôi mời họ dùng bữa, tất cả mọi người đều vui vẻ đến dự. Nhân đó tôi khuyên mọi người, tôi nói: Là người đệ tử Phật, chỉ cần tất cả những kinh do Phật nói, bất luận là của tông phái nào, tông Hiền thủ, tông Thiên thai. Ở đây tông Thiên thai và tông Tịnh độ rất thịnh hành, lại còn có Mật tông, Đông mật. Tôi nói, tất cả đều do đức Thế tôn truyền lại. Chúng ta đều là anh chị em, mọi người nên đoàn kết, hợp tác, tôn trọng lẫn nhau, ca ngợi lẫn nhau, có như thế Phật pháp mới phát triển. Nếu cứ theo cách nhìn nhỏ hẹp, không có sự trao đổi, sẽ có lỗi với Phật, Bồ tát. Huống hồ chúng ta là những người tu theo tông Tịnh độ, cùng một tông phái Tịnh độ tất cả đều là anh em ruột. Anh em ruột thì không thể có cách nhìn hẹp hòi, không trao đổi, đây là một sai lầm rất tai hại.

Tôi đưa một thí dụ, giống như cha mẹ sinh được mấy người con, mỗi người lớn lên đều ra ở riêng, mỗi người đều theo đuổi lợi ích riêng của mình, không ngó ngàng đến nhau, đây là điều làm cho cha mẹ đau khổ nhất. Tôi hỏi, chúng ta có nghĩ đến điều này chăng? Nói về phương diện thế tục, đó là tội đại bất hiếu, xét về mặt Phật pháp đó là đại bất kính, không thể tha thứ được. Nhất định phải trao đổi, quan tâm lẫn nhau, thương yêu nhau, hợp tác cùng nhau, có như thế thì Phật pháp mới phát triển được. Cần phải làm tấm gương tốt cho mọi người trong xã hội, đừng nên tạo hình ảnh xấu trong mắt mọi người. Không ngó ngàng đến nhau đó là một tiền lệ xấu. Khởi tâm động niệm, lời nói việc làm đều phải chịu nhân quả. Quí vị muốn vãng sanh thế giới Cực lạc, Phật không đến tiếp dẫn quí vị. Vì sao ngài không đến? Bản thân quí vị phải biết, tâm thái hành vi của mình, hoàn toàn trái ngược với lời dạy của đức Phật, như vậy thì làm sao Phật đến tiếp dẫn quí vị? Mỗi ngày niệm mười vạn danh hiệu Phật mà vẫn cứ tự tư tự lợi, thì không thể cảm ứng với Phật. Nếu quí vị dùng chân tâm, áp dụng lời Phật dạy vào trong cuộc sống hàng ngày, mỗi ngày chỉ niệm một tiếng hay mười tiếng thì cũng được cảm ứng. Vì vậy chúng ta thường nói, cần đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh với Phật A Di Đà, thì chắc chắn quí vị được vãng sanh. Từ đây chúng ta mới hiểu được, chướng ngại lớn nhất trong việc học Phật không phải bên ngoài, mà là tâm tự tư tự lợi của chính mình, đây là chướng ngại lớn nhất, bất luận tu học như thế nào, cũng không thể thành công. Những người tu hành bình thường, không được định, không khai ngộ. Người niệm Phật chắc chắn không thể sanh Tịnh độ. Quí vị phải hiểu được vấn đề này. Chúng ta thường vấp phải lỗi này mà không hề hay biết. Vì vậy bao nhiêu năm rồi, chúng tôi tiếp nhận từ sự cúng dường thập phương, dùng vào việc gì? Toàn là ấn tống kinh sách, phát hành trên khắp thế giới. Ngày nay, ngay cả những tôn giáo khác, chúng tôi cũng hiến tặng, họ rất vui mừng.

Mấy mươi năm gần đây, tôi đã kết duyên với rất nhiều tôn giáo và thúc đẩy đa nguyên văn hoá. Chúng tôi còn tổ chức đoàn thể, mọi người cùng nhau đi du lịch, chúng tôi ra sức ủng hộ, giúp đỡ. Kinh phi không đủ, chúng tôi bao hết, để mọi người có niềm vui cùng nhau, vui đùa cùng nhau, giao lưu trao đổi. Đây là phương pháp tối ưu để đoàn kết tôn giáo. Bình thường, những giáo sĩ truyền giáo của các tôn giáo này, những người lãnh đạo tôn giáo, không thể thường xuyên ngồi lại cùng nhau. Chỉ khi đi chơi, mười mấy ngày từ sáng đến tối bên nhau, cùng nhau sinh hoạt, thì tự nhiên có cảm tình với nhau, hiệu quả đạt được rất cao. Đoàn kết tôn giáo có thể hoá giải được rất nhiều vấn đề của xã hội. Đây là những hoạt động chúng ta nên thực hiện.

 Ở đoạn này đã làm một điển hình tốt. Học trò của Phật A Di Đà, mỗi ngày đều đi lạy Phật trong mười phương, Phật A Di Đà không ngăn cản. Ngài chưa bao giờ nói đừng đến những nơi khác, không có. Quí vị đi ngài càng hoan hỉ, kết rộng pháp duyên. Tương lai quí vị thành Phật, khu vực quí vị giáo hóa là biến pháp giới hư không giới, vì sao vậy? Vì quí vị đã kết duyên rộng rãi. Không đi đâu cả, tôi chỉ thích Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà tôi không muốn gì nữa. Sau này quí vị giáo hóa chúng sanh ở thế giới Cực lạc, những chỗ khác không có duyên với quí vị. Phật A Di Đà không ngăn cản quí vị, đó là do sự ngu si của quí vị, tự quí vị không dám ra tay. Cần thông đạt hiểu rõ cả lí lẫn sự.

Vì thế, “sáng sớm đi cúng dường thập phương chư Phật”, rồi lại, “ngay trong sáng đó quay về bổn quốc”. Quí vị xem việc đi lại rất tiện lợi, tự do. Đây chính là ý của câu “kinh tu du gian”.

Sau khi quay về, tập trung tại giảng đường được làm bằng thất bảo. Tất cả công trình ở thế giới tây phương Cực lạc, đều được làm bằng chất liệu thất bảo. Thất bảo. Thất, mang ý nghĩa tượng trưng, chứ không phải số chữ. Thất có ý nghĩa là gì? Bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc, phương trên, phương dưới, là sáu phương, thêm chính giữa, đó là bảy. Nó tượng trưng cho điều gì? Sự viên mãn, không khiếm khuyết thứ gì. Vì thế thất bảo là vô lượng trân bảo, không thiếu thứ gì, ý nghĩa như vậy. Ở thế giới Cực lạc, vô lượng trân bảo là vật liệu xây dựng. Người đời chúng ta dùng những thứ đó làm đồ trang sức, gọi là kim loại quí để mang trên người. Nếu ở thế giới Cực lạc quí vị nhặt gạch ngói, sỏi đá trên đường để trang sức, người ta không cười quí vị sao? Quí vị sẽ biết rằng, sự giàu nghèo giữa hai thế giới không giống nhau, người trong thế giới này là kẻ nghèo nàn, nên lấy những thứ đó làm châu báu. Những người ở thế giới cực lạc là giàu sang, nên lấy đó làm vật liệu xây dựng. ở đây chúng ta cầu mong vàng bạc còn không có, bên kia người ta dùng vàng bạc để đắp đường, giống như nhựa đường chúng ta ở đây. Có ai dùng nhựa đường để làm dây chuyền, vòng tay để mang trên người chưa? Chưa có, nhưng ở thế giới Cực lạc, những thứ quí vị mang trên người đều dùng để đắp đường. Có như thế chúng ta mới hiểu sự giàu sang của thế giới Cực lạc. Nhưng cũng nên nhớ, thế giới Cực lạc là quê nhà, có liên hệ rất chặt chẽ với chúng ta, không phải quê của người khác. Mỗi ngày A Di Đà Phật đều trông đợi, mong chúng ta sớm quay về.

 Giảng đường được xây dựng bằng chất liệu thất bảo. “Nghe Phật tuyên giảng diệu pháp đại giáo”. “Đại giáo”, Khởi Tín Luận nói rất hay, đó là “Pháp nhất thừa”. Thế nào là nhất thừa? Phương pháp thành Phật. Tất cả kinh do Phật nói, từ tầng thấp nhất là dạy con người bỏ ác làm lành. Bỏ ác làm lành bằng cách nào? Mãi mãi xa rời ba đường ác, đời đời kiếp kiếp được phước báo trời người, đây chính là bỏ ác làm lành. Nói phá mê khai ngộ với quí vị, đó là nâng cao. Lục đạo là mê, Thanh văn, Bồ tát là ngộ, giúp quí vị thoát khỏi luân hồi lục đạo, quí vị vãng sanh đến pháp giới Tứ thánh, đến đó sẽ làm A la hán, Phật Bích chi, Bồ tát, ba quả vị đó. Tiếp tục lên cao chính là pháp nhất thừa, không phải là Bồ tát. Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát là tam thừa. Hợp Thanh văn và Bồ tát lại thì gọi là Tiểu thừa. Đó là nhị thừa: Đại thừa và Tiểu thừa. Nhất thừa là phương pháp trực tiếp thành Phật, là pháp thù thắng không gì sánh được. Thế giới Cực lạc lúc nào cũng giảng pháp nhất thừa, giống như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa.

Khi còn tại thế, Phật Thích Ca Mâu Ni, giảng pháp nhất thừa chỉ trong ba bộ kinh, đó là nhất thừa. Thứ nhất là Hoa Nghiêm, thứ hai là Pháp Hoa, thứ ba là Phạm Võng. Ba bộ kinh này là pháp nhất thừa, những bộ khác là Đại thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa. Thế giới Cực lạc phương Tây là pháp nhất thừa, vì phàm người vãng sanh đến thế giới Cực lạc, đều được Phật A di đà gia trì, mọi người đều là Bồ tát bất thoái chuyển. Bồ tát bất thoái chuyển là Bồ tát Đại thừa, vì thế thứ họ cần đều là pháp nhất thừa, để giúp họ sớm bước lên vô thượng Bồ đề.

“Bồ tát văn hậu, giai đại hoan hỷ, tự tâm khai giải, đắc ngộ thánh đạo.” Cho nên ở thế giới Cực lạc, mỗi lần Phật A Di Đà đăng đàn thuyết pháp, có rất nhiều người được thành Phật. Khi đã thành Phật, họ liền rời cõi Thật báo, quay về Thường tịch quang. Tuy chưa chứng quả vị cứu cánh, cũng có nghĩa là vẫn chưa cắt hết tập khí vô thỉ vô minh, nên phải tiếp tục học tập. Mỗi người nghe pháp thành tựu, cấp bậc không giống nhau. Bồ tát pháp thân, từ Thập trú, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, đẳng giác, tất cả là 51 giai cấp, giống như các cấp học, có 51 cấp. Mỗi ngày đều nghe pháp để được nâng cao, cao lên đến lúc tốt nghiệp, lại quay về Thường tịch quang, quay về tự tánh. Số người tốt nghiệp mỗi ngày không đếm hết, nhưng số người nhập học mỗi ngày cũng vô số, người nhập học rất đông, người tốt nghiệp cũng vô số. Mỗi ngày thế giới Cực lạc đều mở hội tiếp nhận, tiếp nhận những người mới đến. Ngày nào cũng mở hội đưa tiễn, tiễn đưa những người đã tốt nghiệp, một khung cảnh rất náo nhiệt. Vì vậy thế giới này rất thù thắng, thù thắng thanh tịnh trang nghiêm.

“Đắc ngộ thánh đạo, đạo đoạn hoặc chứng lý chi trí huệ, nguyện phát thử trí, danh vi đắc đạo.” Đạo ở đây là trí tuệ, đức tướng vốn đầy đủ trong tự tánh, tự tánh hiện tiền, gọi là chứng đạo hoặc ngộ đạo, đều có chung một ý nghĩa.

Phần tiếp theo, Niệm lão sử dụng Khởi Tín Luận của Bành Tế Thanh. Khởi Tín Luận của Bành Tế Thanh là kinh Vô Lượng Thọ Khởi Tín Luận, chứ không phải là Đại thừa, kinh Vô Lượng Thọ Khởi Tín Luận do ông trước tác. Đây là một nhân vật rất đặc biệt, là một cư sĩ tại gia. Ông đã hiệu đính kinh Vô lượng thọ, đã được lưu hành và có rất nhiều người thích cuốn sách đó. Cuốn sách hiệu đính của ông sử dụng bản của Khương Tăng Khải, bản của Khương Tăng Khải đã được viết lại, rất dễ đọc, khi đọc lên ta nghe rất mượt mà, giống như văn chương của người Trung quốc. Dịch ý. Bản dịch của Khương Tăng Khải hơi nặng nề, nghe hơi trúc trắc khi đọc. Ông đã viết lại cuốn đó trên cơ sở bản của họ Khương, vì thế nó không được coi là hội tập mà chỉ được gọi là hiệu đính.

Bành Tế Thanh là người sống vào đời nhà Thanh năm Càn Long, đây là một con người cực kì thông minh, tuổi nhỏ nhưng đã đỗ tiến sĩ. Người xưa tuổi trưởng thành là độ tuổi hai mươi, tuổi trẻ như thế nhưng đã đỗ tiến sĩ. Ông có tầm nhận thức Phật giáo rất sâu sắc, thông tông thông giáo, hiển mật viên dung, là một vị đại tri thức. Suốt đời không ra làm quan. Phụ thân của ông là quan Thượng thư bộ binh dưới triều hoàng đế Càn long, theo cách nói ngày nay đó là bộ trưởng bộ Quốc phòng, bởi thế ông được xem là con của cán bộ cấp cao. Nhà cực giàu nên ông có thể không làm quan, cuộc sống của ông khá thoải mái. Ông thích học Phật, thích đọc sách, và đạt được những thành công nhất định. Ông là một trong những người có mặt trong tác phẩm Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, ông là người nhờ niệm Phật mà vãng sinh.

Trong cuốn Khởi Tín Luận có đoạn thế này, đây chỉ là một đoạn vấn đáp giả thiết. Hỏi: Phật Vô lượng thọ thuyết pháp, chỉ thuyết nhất thừa hay thuyết cả tam thừa? Nếu chỉ thuyết nhất thừa thì tại sao lại còn những bậc Thanh văn? Nếu thuyết cả ba thừa thì tại sao hai thừa kia không được sanh sang nước đó? Đây đều là những điều được lấy ra trong kinh điển. Tiếp theo là phần trả lời: Toàn là nhất thừa, không có tam thừa, không chỉ Phật tại giảng đường thất bảo toàn là nhất thừa, đến mỗi một cành hoa, mỗi một ánh sáng, tiếng gió tiếng mưa, tiếng nhạc cùng chỉ nói nhất thừa, hoàn toàn không có tam thừa”. Lời giải của cư sĩ thật là sắc bén, không một chút nghi ngờ, cho chúng ta biết toàn là pháp nhất thừa.

“Như kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói”- kinh Pháp hoa, “trong thế giới mười phương còn không có nhị thừa lẽ nào có ba”. Kinh Pháp Hoa là bộ đại kinh của nhất thừa. Vừa rồi chúng ta đã nói, nhất thừa đại kinh chỉ có ba bộ. Hoa nghiêm và Pháp hoa được truyền đến Trung quốc, kinh Phạm võng thì chưa. Kinh Phạm võng chỉ truyền được một phẩm, nghe đâu phần đầu của bộ kinh này rất dài, phẩm được truyền đến nay là phẩm Bồ tát giới Phạm Võng Bồ Tát Tâm Địa Giới Phẩm, phẩm này. Kinh Pháp Hoa nói rất chi tiết: “Chư Phật Như lai thuyết pháp chỉ có pháp nhất thừa, không hai cũng không ba”, câu tiếp theo: “trừ Phật vì phương tiện nói”. Như vậy quí vị có thể thấy, nhị thừa và tam thừa là do Phật phương tiện nói, hiện tại trình độ quí vị không đủ, giúp quí vi, nâng cao cho quí vị hướng đến nhất thừa.

Tiếp theo nói: “Nhất là vì căn trí chúng sanh khác nhau”. Căn tánh chúng sanh, trí tuệ của chúng sanh khác nhau. “Cách nghe cũng khác, chứng ngộ cũng khác”. Cách hiểu của mỗi người khi nghe Phật thuyết pháp không giống nhau, đây là điều rõ ràng. Chúng ta xem chú giải các kinh ở Trung quốc, cùng một bộ kinh, rất nhiều người cùng chú giải một bộ kinh, nhưng cách chú giải mỗi người một khác. Có chú giải sai không? Không, cách nói của ai cũng có lí, đấy chính là cách nhìn của mỗi người khác nhau. Giống như kinh Lăng Nghiêm kể chuyện người mù sờ voi. Cách nói của mỗi người một khác, tất cả đều đúng, không ai sai cả. Bởi thế, người biết học phải biết tổng hợp tất cả những thứ đa dạng đó, tạo cho mình một cách nhìn toàn diện. Khi giảng kinh Vô Lượng Thọ, Phật Thích Ca Mâu Ni đã giới thiệu thế giới Cực lạc cho chúng ta, việc này không phải chỉ xảy ra một lần, mà ngài đã nói rất nhiều lần, Phật rất nhiều lần giảng, mỗi lần giảng đều có những sai khác rất nhỏ, trong đó thực sự có những sai khác rất nhỏ. Lần giảng này, những lần trước đó ngài chưa đề cập, những thứ đã giảng lần trước, lần này lược bớt, không nói nữa, đó là chuyện thường xảy ra. Vì thế việc học kinh Vô Lượng Thọ sẽ có những khó khăn nhất định. Cần phải xem tất cả năm bản dịch, quí vị phải đọc tụng, đây cũng là một rắc rối. Kỹ thuật in ấn ngày xưa chưa phát triển, mãi đến thời Tống thì kĩ thuật in ấn mới được phát minh. Vì thế các bản kinh và thư tịch lúc bấy giờ đa phần đều viết tay, cho nên không thể tránh được những sự viết sai chữ, đây là điều không thể tránh được. Bởi thế có rất nhiều bản chữ không giống nhau, là do người chép sai, đôi lúc chép sai hàng, đôi lúc chép thiếu chữ, đây cũng là chuyện thường xảy ra. Cho nên bây giờ mới có chuyện khác nhau giữa các bản, vấn đề là ở chỗ đó. Chúng ta cần xem tất cả mới có thể thấy được hình ảnh tổng thể, chỉ xem một bản, hai bản, không để mắt đến những bản khác sẽ là khiếm khuyết. Vì thế sự ra đời của việc hội tập là một tất yếu.

Hội tập là gì? Những phần trùng lặp trong mỗi bộ kinh được lược bỏ bớt, tập hợp nó lại một chỗ để có một bản hoàn chỉnh. Kinh Vô Lượng Thọ đã trải qua ba lần hội tập, đây là lần thứ ba. Lần thứ ba mới được coi là bản hoàn chỉnh, vì thế đây là bản đặc biệt trân quí. Hạ Lão đã bỏ mất mười năm, công phu mười năm của ông là để cúng dường cho người đời sau, cúng dường cho tất cả chúng sanh trong chín ngàn năm mạt pháp, đây là một việc thật tuyệt vời. Chú giải của Hoàng Niệm Lão cũng là một tập đại thành, tập hợp tất cả những chú giải kinh Vô Lượng Thọ của các vị cổ kim trong ngoài, hôm nay chúng ta có một bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ, có tất cả các bản chú giải của người xưa trong đó. Từng đoạn, từng đoạn đều được chép vào đây, thật không phải chuyện dễ! Với chúng ta, ân đức hai vị này thật sâu dày, là vì điều gì? Giúp chúng ta đoạn nghi sinh tín, phá mê khai ngộ. Khi chúng ta tìm hiểu kỹ thì tâm cầu sanh tịnh độ liền được thiết lập, không còn hoài nghi nữa. Khi chúng ta đã vãng sanh thế giới Cực lạc, hai vị này chắc sẽ mãn nguyện lắm. Học kinh này, chúng ta phải y theo phương pháp trong kinh để cầu sanh thế giới Cực lạc. Khi Phật A Di Đà đến tiếp dẫn chúng ta, chắc chắn hai người này sẽ có mặt bên cạnh, vì sao? Vì có duyên! Họ chắc chắn sẽ đến tiếp dẫn, đó thực sự là vừa thấy mà như đã quen từ lâu. Bởi thế có nhiều người e ngại, sợ khi đến thế giới Cực lạc, một mình một bóng, không quen không biết ai cả, cảm giác sợ hãi. Kỳ thực họ không hiểu một điều, khi đến thế giới Cực lạc, những người thân đã vãng sanh từ trước đã có mặt ở đó rồi, quí vị sẽ gặp được họ, chắc chắn sẽ vui hơn thế giới này nhiều, rất nhiều anh em, bà con, bạn bè. Khi gặp nhau, những người đó nó: “Sao bây giờ anh mới đến!” Họ đã đi từ đời nào, bây giờ quí vị mới đến. Vì thế khi đến thế giới Cực lạc chắc chắn quí vị sẽ không còn cô đơn, vì đã có rất nhiều anh em bạn bè.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới. “Cố tiền văn ngôn, hoặc văn Phật thanh, hoặc văn pháp thanh, hoặc văn tăng thanh, hoặc văn tịch tịnh thanh, không vô ngã thanh, nãi chí cam lộ quán đảnh đẳng thanh.”

Đây là những gì đã được nói trong kinh, nghĩa là gì? Nghĩa là sự khác nhau về căn tánh, trí tuệ, nhân duyên của mỗi cá nhân, vì thế tất cả những gì quí vị nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận ở thế giới Cực lạc đều không giống nhau. “Người nghe được, hoặc chứng quả Tu đà hoàn”. Việc chứng quả cho thấy đẳng cấp đoạn phiền não của họ. Vì là đới nghiệp vãng sanh, có những người vãng sanh nhất phẩm phiền não chưa đoạn, khi đến thế giới Cực lạc, nghe Phật A Di Đà giảng kinh thuyết pháp, chắc chắn đoạn được phiền não, đây được coi là đoạn được ít phiền não nhất. Khi đoạn được 88 phẩm kiến hoặc thì được quả Tu đà hoàn, đoạn được 81 phẩm tư hoặc, đó chính là ba quả dưới đây: Tư đà hàm, A na hàm, A la hán. Nhị quả đoạn được tiền lục phẩm của tư hoặc, tam quả tiếp tục đoạn tam phẩm, cuối cùng đến tứ quả thì đoạn được tất cả. “Cho đến Bồ tát bất thoái chuyển địa”. Bất thoái chuyển địa là Bồ tát đã minh tâm kiến tánh, là Bồ tát Sơ trú trở lên của Viên giáo. “Nói đủ như trong bản dịch, đó chính là thuận theo những cõi Phật khác nên có tên tứ quả”. Đây là thuận theo danh xưng địa vị đoạn chứng của các cõi Phật khác, để mọi người hiểu tình hình học tập ở thế giới Cực lạc, việc học tập được thành công. Ý nghĩa là ở chỗ đó. Để đối chiếu với đẳng cấp Thanh văn, Bồ tát ở thế giới Ta bà của chúng ta, thế giới Cực lạc không có cách nói như thế. Vì vậy ở thế giới Cực lạc chỉ có pháp nhất thừa, cách thể nhập, lãnh thọ về pháp nhất thừa của mỗi người không giống nhau. Cần biết không giống nhau ở đây thay đổi theo từng ngày, hôm qua nghe không hiểu nhưng hôm nay lại hiểu, hôm nay nghe không hiểu nhưng qua mấy hôm lại hiểu. Nếu nói theo kinh Hoa nghiêm, 51 địa vị của Bồ tát, khi mới sanh qua đó, chúng ta thuộc quả vị thấp nhất, thậm chí chưa đạt đến quả vị thấp nhất. Tu đà hoàn là thấp nhất, Tu đà hoàn tương đương Bồ tát Sơ tín trong kinh Hoa Nghiêm, tương đồng với đoạn chứng của họ, nhưng trí tuệ lại cao hơn, cao hơn Tiểu thừa, đoạn phiền não giống nhau. Tương tự trường học, từ địa vị Sơ tín đến Diệu giác trải qua 51 địa vị, nghĩa là 51 lớp, cứ tiếp tục nâng cao, đến cuối cùng bảo đảm sẽ được tốt nghiệp. Thế giới Cực là là ngôi trường bảo đảm, bảo đảm tốt nghiệp, ở đó không có lưu ban. Nhưng việc lên cấp của mỗi người khác nhau, có người lên cấp rất nhanh, có người rất chậm, nhưng chỉ lên chậm thôi chứ không lưu ban, không bị đuổi khỏi trường. Bảo đảm tất cả mọi người sẽ thành Phật, sẽ tốt nghiệp. Tìm đâu ra một trường học như vậy? Không thể! Cả cõi hư không pháp giới chỉ có một, chỉ có một ngôi, chúng ta phải hiểu được như thế. Khi gặp được, đó quả là một vận may.

“Thật sự chắc chắn thành Phật, không nhận Niết bàn hữu dư”. Niết bàn hữu dư là Tiểu thừa. Đây chứng minh nó là pháp nhất thừa, thành Phật là pháp nhất thừa. “Vì có thể bỏ Tiểu theo Đại, đó là bổn nguyện của Phật”. Hàng Tiểu thừa, niệm Phật được sanh sang thế giới Cực lạc, họ phải bỏ Tiểu hướng Đại mới có thể vãng sanh. Nếu cứ đeo bám Tiểu thừa, không chịu bỏ Tiểu theo Đại, họ có niệm Phật cũng không thể vãng sanh. Câu này đáng lí ra không niên diễn đạt như thế, vì nếu diễn đạt như thế sẽ gây ra sự hiểu nhầm, phải nói đời này họ không thể vãng sanh. Nhưng nếu kiếp sau họ chuyển niệm, khi nào thì chuyển niệm thì khi đó sẽ vãng sanh. Chuyển cách nào? Bỏ tiểu thừa, mở rộng tâm lượng, vì tâm lượng Tiểu thừa hẹp, tâm lượng Đại thừa lớn. Hàng Tiểu thừa chỉ quan tâm đến bản thân, hàng Đại thừa quên mình. Sự khác biệt giữa Đại thừa với Tiểu thừa là như vậy. Hàng Tiểu thừa như A la hán, độ chúng sanh có thoái tâm, chúng sanh không nghe theo, chúng sanh phản nghịch, A la hán liền nổi giận: “thôi, không độ nữa”, họ liền bỏ rơi chúng sanh. Bồ tát không như thế, Bồ tát từ bi, dùng mọi phương tiện thiện xảo để khuyến dụ, vì Bồ tát có tâm nhẫn nại, Bồ tát không bao giờ bỏ rơi bất cứ ai, đây chính là Đại thừa. Vì thế Bồ tát không bao giờ thoái tâm, hàng Nhị thừa có thoái tâm, đây là gì? Bồ tát hành bất thoái, tức là không bao giờ từ bỏ tâm độ chúng sanh. Nhị thừa và Bích Chi Phật có thoái tâm, gặp những người không vâng lời, không tin theo họ liền bỏ rơi.

 “Thử thuyết thậm vi tinh yếu”. Cách nói này rất tỉ mỉ, quan trọng. Chúng ta xem đoạn cuối. “Tức thời hương phong, xuy thất bảo thọ, xuất ngũ âm thanh, vô lượng diệu hoa, tùy phong tứ tán.” Đây là cảm ứng.

Chú giải nói: “Phần văn bên phải nói lên ở nước đó loài vô tình nghe pháp, mà hành diệu cúng”. Vô tình là gì? Là những cỏ cây hoa lá, sơn hà đại địa, đều có cảm ứng! Cỏ cây hoa lá, sơn hà địa địa đều có sức sống. Hiện nay con người gọi là cơ thể, giáo lí Đại thừa công nhận. Biến pháp giới hư không giới, ngay cả hư không cũng có cơ thể, nếu không có cơ thể làm sao truyền tin tức được? Truyền được tin tức, không gặp trở ngại, chứng minh nó có cơ thể. Vì thế, biến pháp giới hư không giới với ta là một thể. Một thể với Phật A di đà, một thể với chư Phật Như lai, một thể với chư vị Bồ tát, đó là mối quan hệ rất chặt chẽ. Vì vậy Bồ tát tu hành ở bên đó, tất cả đều có những thành tựu tốt đẹp, cảm động đến cỏ cây hoa lá, sơn hà đại địa đều muốn cúng dường.

“Hương phong túy thất bảo thọ”. Cây có gió thổi, “xuất ngũ âm thanh”. Ngũ âm thanh, như nhạc giao hưởng ngày nay. “Vô lượng diệu hoa”, trước là cúng dường bằng nhạc trời, tiếp đó là hoa trời, vô lượng hoa quí, theo gió bay khắp, “tự nhiên cúng dường mãi không thôi”. Thế giới của chúng ta, thử nhìn chúng ta ngày nay, có rất nhiều những người bạn Nhật bản hỏi tôi, thiên tai nhiều như vậy làm sao để đối phó? Thế giới cực lạc là gió thơm, nhạc trời, hoa trời cúng dường. Chúng ta ngày nay sơn hà đại địa, động đất, nước biển dâng, núi lửa tuôn trào để cúng dường, đó không phải là sự cúng dường sao? Vấn đề này cần phải hiểu, đây là một vấn đề! Xem người ta đang làm gì? Đây là một câu hỏi lớn. Phật A Di Đà suốt ngày thuyết pháp, nếu thế giới chúng ta cũng suốt ngày thuyết pháp, chắc chắn cỏ cây hoa lá, sơn hà địa địa cũng sự cúng dường trang nghiêm không gì sánh được, chứ không phải là thiên tai! Chúng ta sẽ được thấy hoa trái trĩu cành trên những cây cối, nhạc trời cũng trổi giữa hư không, đấy là do tâm hành của con người chiêu cảm lấy. Lòng người thế giới Cực lạc là thanh tịnh bình đẳng giác. Thanh tịnh bình đẳng giác là chân tâm, nó không phải là vọng tâm. Chân tâm nghe pháp, quí vị thấy mỗi ngày người ta đều đến thế giới mười phương để cúng Phật tu phước, rồi quay về thế giới Cực lạc. Nói lên điều gì? Thế giới mười phương tu phước đều hồi hướng cho thế giới Cực lạc, làm cho những cư dân thế giới Cực lạc thêm phước. Nghe tất cả chư Phật thuyết pháp, để cho cư dân của thế giới cực lạc, sơn hà đại địa của thế giới Cực lạc thêm lớn trí tuệ. Người ta làm những việc như thế, khiến cho biến pháp giới hư không giới được trang nghiêm thù thắng, trang nghiêm thù thắng này đều thấy được ở thế giới Cực lạc, đó là nguyện của Phật A Di Đà, mỗi người khi được vãng sanh đều phát nguyện như thế. Ở nơi này, người lãnh đạo của chúng ta, niên hiệu ngày nay là Bình Thành, Bình Thành thiên hoàng dẫn đầu, tất cả nhân dân Nhật bản đều bỏ ác làm lành, tích luỹ công đức, vùng đất này chẳng phải là thế giới Cực lạc sao? Tất cả tai nạn đều có thể hoá giải, nên việc giáo dục rất quan trọng! Nếu thực sự đi trên con đường đó thì Phật Bồ tát sẽ đến, quốc gia sẽ được hộ trì. Giống như đế vương ngày xưa của Trung quốc, khi quốc gia gặp thiên tai, quốc vương liền tắm gội trai giới, cung thỉnh cao tăng giảng kinh thuyết pháp, mở pháp hội Nhân vương. Pháp hội Nhân vương là gì? Là tổng động viên toàn quốc, thúc đẩy giáo dục Phật giáo, quốc vương hộ trì, làm sao thiên tai không hóa giải được? Chắc chắn sẽ được. Chúng ta đã học kinh Nhân vương hộ quốc, trong kinh nói rất cụ thể, làm thế nào để đối phó khi quốc gia gặp thiên tai? Con người bây giờ nghĩ như thế nào? Mở hội Nhân vương, mời một trăm vị sư, mỗi ngày tụng một biến kinh này. Không được, tụng niệm thì có tác dụng gì? Tại sao Phật Di đà không bảo mọi người tụng kinh? Mà ngài giảng kinh chứ không phải tụng kinh.

Khi còn tại thế, Phật Thích Ca Mâu Ni cũng không dạy mọi người tụng kinh, mà ngày nào cũng giảng kinh cho mọi người nghe, không phải tụng. Tụng không có hiệu quả, vì sao? Vì khi giảng kinh sẽ làm cho mọi người hiểu được vấn đề, không những chúng sanh hữu tình hiểu được, mà cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa cũng hiểu được, như thế mọi người mới có thể hợp tác, thiên tai sẽ được hoá giải, sẽ được tiêu trừ. Cho nên sự việc này, nói đi nói lại là việc giáo dục.

Tổ tiên chúng ta rất thông minh, mấy ngàn năm trước đã kêu gọi: “kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”, muốn kiến tạo một nhà nước, lãnh đạo nhân dân, quan trọng nhất là phải làm gì? Giáo dục. Lấy việc dạy học làm đầu. Trong một gia đình, vấn đề nào quan trọng nhất đối với một gia đình? Giáo dục gia đình là quan trọng nhất. Nếu gia đình không có gia giáo, thì gia đình đó không thể có nhân tài. Khi quí vị nuôi dạy con cái đường hoàng, có thể đời đời đều có nhân tài xuất hiện, vấn đề là ở chỗ đó. Đệ tử qui là gia giáo, nếu mỗi gia đình đều chú trọng giáo dục con em mình, quí vị nghĩ xem, làm sao quốc gia không tốt lên được? Xã hội của quốc gia sẽ an bình ngay.

Truyền thống Trung quốc rất chú trọng giáo dục gia đình, lúc nào thì bắt đầu dạy dỗ trẻ nhỏ? Bắt đầu từ trong bụng, gọi là thai giáo. Khi đứa trẻ ra đời cho đến năm lên ba, trong một ngàn ngày đó gọi là giáo dục từ gốc, quan trọng nhất. Nếu được học tốt trong giai đoạn này, ngạn ngữ có câu: “ba tuổi đã thấy tám mươi”. Nếu được dạy dỗ tốt trong thời gian một ngàn ngày này, đến tám mươi tuổi cũng không thay đổi, người đó sẽ không bị đổ đốn.

Phật giáo là giáo dục, nhất định phải nhận thức rõ vấn đề này. Nếu Phật giáo làm những việc mê tín thì tôi đã vứt nó từ lâu, tôi còn làm những việc như thế này sao? Khi tiếp xúc mới hiểu được, khi thầy Phương giới thiệu, ngài nói đó là giáo dục cao cấp, sau khi đã tiếp xúc ngần ấy năm tôi mới ngộ ra, đó không chỉ là một nền giáo dục cấp cao, mà còn là nền giáo dục viên mãn cứu cánh cho thế và xuất thế gian, không có một nền giáo dục nào có thể sánh ngang với nó, nó thực sự là bao gồm tất cả. Biết được nguyên nhân của thiên tai, tại sao có thiên tai, cũng biết được làm cách nào để hóa giải thiên tai, làm sao để cho thiên tai đừng xảy ra, nó biết tất cả. Nhưng nếu quí vị không tin thì cũng đành chịu, nếu thực sự tin, nó có thể giải quyết được mà hiệu quả lại rất cao. Những nhà khoa học trên thế giới ngày nay, thành quả nghiên cứu độ ba mươi năm trở lại đây của họ rất khả quan, họ đã đưa ra được những nguyên lí trong kinh Phật nói, như vũ trụ được hình thành như thế nào, vật chất từ đâu mà có, tinh thần từ đâu mà có? Ngày nay những điều khoa học chứng minh hoàn toàn trùng khớp với những gì trong kinh đã nói. Ba ngàn năm trước Phật đã nói, làm sao Phật có thể đưa ra được những nguyên lí đó? Chính mắt Phật nhìn thấy, ngài nhìn thấy như thế nào? Trong khi thiền định. Thiền định, cảnh giới trong thiền định là cảnh giới hiện lượng, giáo lí nhà Phật có tam lượng: Hiện lượng, là những thứ tận mắt thấy, chính tai mình nghe, đó gọi là hiện lượng. Tỉ lượng là suy lí, không phải tận mắt nhìn thấy. Ví dụ như ta thấy ngoài kia có khói bốc lên, biết được bên dưới có người đang nhóm lửa, không thấy lửa được nhóm, chỉ thấy khói, nghĩ đến lửa trong đó, đó gọi là tỉ lượng. Thứ ba là phi lượng, phi lượng có nghĩa là nhìn sai, nghĩ sai. Nhìn sai nghĩ sai ngày nay rất nhiều, gần nhất là hiện lượng. Quí vị xem dự báo, cơ sở của dự báo là số học. Dự báo ngày xưa của Trung quốc không thể tách khỏi kinh Dịch, thực ra kinh Dịch cũng là một loại dự báo, người nước ngoài nghiên cứu những việc sẽ xảy ra vào năm 2012, trong kinh Dịch cũng có. Chúng ta thử xem, bộ film 2012, trong đó có đề cập đến kinh Dịch, phần sau của bộ film có bốn lĩnh vực chuyên môn nghiên cứu, thảo luận vấn đề này, đây là phần rất đáng được xem. Tất cả đó đều là nội dung film đưa ra.

Vì thế không thể không đọc kinh, không thể không giảng giải kinh điển. Đọc cho tỏ tường, đọc cho thông suốt, nhất định phải có giảng giải. Giảng giải mới mang lại hiệu quả to lớn, mới có thể giải quyết vấn đề. Không giảng giải, chỉ có thể giải quyết được vấn đề cá nhân, chứ không thể giải quyết được vấn đề của xã hội. Giảng giải thì mọi người mới hiểu rõ, mọi người mới nhận chân vấn đề, khi mọi người đã phản tỉnh thì vấn đề xã hội sẽ được giải quyết, thậm chí vấn đề thế giới cũng được giải quyết. Hiện nay đã có những phương tiện kĩ thuật như truyền hình vệ tinh, mạng internet, đĩa quang, chúng ta có thể ứng dụng. Nếu thực sự tai nạn như nội dung film 2012 xảy đến, giống như điện ảnh của Mĩ đã công chiếu, thì khoa học kĩ thuật không còn tồn tại, không có nguồn điện, gas không có, sống làm sao được? Quả đất bị ô nhiễm, nguồn nước bị ô nhiễm, lấy gì uống? Lấy gì để ăn? Sống sao được? Đấy mới là vấn đề quan trọng. Lí luận để giải quyết những vấn đề này, phương pháp để giải quyết những vấn đề này, đã có sẵn trong kinh Phật. Kinh Vô Lượng Thọ là diệu pháp trong diệu pháp, diệu pháp vô thượng, nó có thể giúp chúng ta đến thế giới Cực lạc để thành Phật. Chẳng lẽ những tai nạn nho nhỏ trên quả đất này không giải quyết được? Làm gì có chuyện đó! “Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, bây giờ khoa học đã chứng minh điều đó, “chế tâm nhất xứ vô sự bất biện” cũng được khoa học chứng minh, “tâm hiện thức biến”, “cảnh tuỳ tâm hiện”, cũng được khoa học chứng minh. “Cảnh tuỳ tâm chuyển”, đã được chứng minh qua thí nghiệm về nước của tiến sĩ Giang Bổn ở Tokyo. Cảnh giới bên ngoài có quan hệ rất mật thiết với tâm niệm chúng ta. Hoá giải tai nạn như thế nào? Thay đổi tâm niệm. Bố Lai Đăng người Mỹ đã nói: bỏ ác làm lành, cải tà qui chánh, đoan chánh tâm niệm thì vấn đề được giải quyết.

Bàn đến những vấn đề này, chúng ta nên kết hợp khoa học kĩ thuật với kinh Phật để giảng giải thì mọi người mới tin, nếu không tin thì chúng ta cũng bó tay, , nhất định phải tin thâm tín bất nghi, thì vấn đề mới có thể được giải quyết.

Y chánh trang nghiêm ở thế giới Cực lạc, những thứ cúng dường này “đều do tự nhiên”, không có con người tác động, cũng không cần thiết kế thi công, không cần. “Ứng niệm mà thành”, tự nhiên hiện tiền. Hội sớ nói: “tự nhiên cúng dường, đó là pháp hữu vi”. Pháp hữu vi là có sinh diệt, chỗ đó không phải pháp hữu vi. Phần dưới có đoạn: “ý nói không phải nhân để tạo pháp hữu vi”. Lí lẽ ở đây rất thâm thuý, đây là sự thành tựu công đức của thiện tâm, thiện ý, thiện niệm, thiện hành. Nhìn thế giới Cực lạc thì chúng ta có thể hiểu, nếu không phải thiện tâm, thiện nguyện, thiện hành, thiện đức của Phật A Di Đà, thì thế giới Cực lạc liệu có thành tựu được không? Trong mỗi niệm không một chút tư tâm, thực sự bước vào cảnh giới vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả, như trong kinh Kim cương đã nói. Phá tứ tướng, tứ kiến, chỉ dùng chân tâm để phát nguyện tu hành. Thành tựu công đức, thành tựu tự nhiên. Không ai nghĩ đến chuyện kiến tạo thế giới Cực lạc, không ai lên kế hoạch, không có kiến trúc sư thiết kế, không công nhân thi công, nó thành tựu tự nhiên, thành tựu một cách lành mạnh. Hãy liếc mắt qua thế gian chúng ta, thế gian ta đang sống cũng rất ghê gớm, nó không cần ai thiết kế, không ai nghĩ cách xây dựng nó, nó hoàn toàn có mặt bởi tâm niệm tự tư tự lợi, độ nguy hiểm của tâm niệm đó lên đến cùng cực. Khởi tâm động niệm đều lợi mình hại người, công đức đó đã tạo nên những biến động trên quả đất, tạo nên những biến loạn của cả thế giới ngày nay. Đó chính là mặt trái của nó, Phật là chính diện. Tất cả đều được thành tựu tự nhiên. Khi nghĩ đến chính diện, chúng ta nên ngoái đầu nhìn lại mặt trái, thì có thể hiểu được mọi việc. Ta xoay chuyển những tâm hành ta đã sử dụng trong mặt trái, biến nó trở thành điều đúng, lúc đó xã hội sẽ yên, những thiên tai trên quả đất sẽ không còn. Vì những thứ đó là giả không phải thật, tất cả chúng sanh, sơn hà đại địa, đều thuộc mộng huyễn bào ảnh, đều được sanh ra từ tâm niệm. Khoa học đã cho chúng ta biết, ý niệm là nền tảng của vật chất, tất cả những hiện tượng vật chất đều không thể tách rời ý niệm. Ý niệm đươc sanh ra từ tâm, mà tâm là chủ tể, chủ tể của cả vũ trụ, chẳng những chủ tể một đời người mỗi chúng ta, mà còn là chủ tể của cả vũ trụ. Nó không phải là pháp hữu vi, mà là pháp vô vi. Khởi tác dụng là pháp hữu vi, không khởi tác dụng là pháp vô vi. Giáo dục Phật giáo đã nói rất thấu triệt phương diện này, vì thế nó được tôn xưng là triết học cấp cao. Ngày nay có rất nhiều khoa triết học của các trường đại học, mở dạy môn Phật học, nhưng họ có thể đạt được một môn triết học cấp cao chăng? Theo những gì tôi thấy, họ không thể đạt được. Tại sao họ không thể đạt được? Sai phương pháp. Họ dùng phương pháp thế gian, ngày nay gọi là phương pháp khoa học, nghiên cứu môn học về tâm tánh, họ không bắt đầu đi vào từ cửa. Pháp thế gian dùng những gì? Suy luận, chỉ cần chịu khó suy nghĩ. Phật pháp không dùng suy nghĩ, nghĩ là đã sai, không thể nghĩ. Phật giáo khuyên chúng ta lìa tâm ý thức, gọi là tham cứu, chứ không phải nghiên cứu. Dùng tâm ý thức là nghiên cứu, không dùng tâm ý thức là tham cứu. Đây chính là hai con đường khác nhau giữa Phật pháp và phương pháp khoa học hiện đại, không giống nhau về phương pháp.

Lìa tâm ý thức là gì? Tâm ngày nay chúng ta gọi là rơi vào ấn tượng, là a lại da. Ý là chấp trước. Thức là phân biệt, thức là thức thứ sáu. Có thể nói khoa học dùng khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, dùng tâm như thế để nghiên cứu. Phật pháp dùng những gì? Không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, dùng trực giác, đây là điểm khác biệt! Buông bỏ khởi tâm động niệm, vì khởi tâm động niệm là vô minh, buông bỏ phân biệt, buông bỏ chấp trước, đây gọi là lìa tâm ý thức. Quí vị không thể dùng những thứ này, vì nó là hư vọng. Vọng chỉ có thể sanh ra vọng, không thể với đến chân. Chân có thể duyên đến chân và nó cũng hiểu được vọng, hiểu được cả chân lẫn vọng. Khi dùng tâm ý thức thì chỉ hiểu được vọng, không thể hiểu được chân, vì thế nó không thể giải quyết được vấn đề, nó phát hiện được vấn đề, chứ không thể giải quyết vấn đề. Lìa tâm ý thức là dùng chân tâm, nó hiểu được vấn đề, nó giải quyết được vấn đề. Trên thực tế Phật Thích Ca Mâu Ni biết, nếu mọi người trên thế gian này, đều lìa được tâm ý thức để tu tập, thì ngài cũng không đến thế gian này làm gì, vì sao? Vì mọi người đều biết cả rồi, ngài đến làm gì? Mọi người đều làm được nên không cần ngài đến, mọi người đã nhầm, không làm được, nên ngài mới có mặt. Đấy mới gọi là đại từ đại bi! Mọi người làm được thì ngài đến làm gì? Đến góp vui à. Không phải, ngài không làm những việc đó. Vì thế, về phương pháp đã sai, đây là vấn đề lớn.

Nền giáo dục ngày nay, phương pháp giáo dục cũng có sự nhầm lẫn, đã sai thì tạo thêm tội, hại người. Quí vị đã làm hại những đứa trẻ nhỏ. Phương pháp hiện nay là gì? Chúng ta dạy những đứa trẻ từ nhỏ đã suy nghĩ lung tung, tại sao? Dạy cho chúng nó một mớ kiến thức, cái gì cũng học, bắt đầu mẫu giáo đã học rất nhiều thứ, học lung tung, học hỗn tạp, trong đầu là một mớ hỗ độn, bởi thế trong đầu chỉ có tri thức, không có trí tuệ. Quí vị xem đời này của họ thống khổ biết bao. Hoàn toàn khác với người xưa. Người xưa từ bé dạy quí vị học từng điều một, không cho phép học nhiều thứ, họ để quí vị luôn luôn giữ được đầu óc tỉnh táo, không chịu những tác động xấu bên ngoài. Vì thế từ nhỏ điều đầu tiên được học là gì? Học qui củ, dần thành thói quen, từ bé đã được học cách thức làm người. “Thói quen nhỏ thành tính khí lớn, tập quán thành tự nhiên”, rất có lí, không phải không có lí. Quí vị cứ để tâm suy nghĩ, nó có ưu điểm, rất nhiều ưu điểm, trí tuệ của trẻ nhỏ chưa được khai mở, chưa có năng lực phân biệt, phải dạy nó giữ qui cách, bắt nó học thuộc lòng. Học thuộc lòng có ý nghĩa như thế nào? Hoàn thành giới định tuệ cùng một lúc. Bọn nhỏ không hiểu được cách huấn luyện này, trên thực tế, chúng đã biết tiếp nhận cách huấn luyện giới định tuệ rồi. Qui củ là giới, một môn là định, bọn chúng không có tạp niệm, không có vọng tưởng, đó được gọi là trí tuệ, căn bản trí. Độ tuổi lên ba, bốn, trí tuệ dần dần khai mở, quí vị thấy nó đã bắt đầu thành tựu giới, định, tuệ. Giai đoạn này tuệ của nó đã mở, ta phải làm gì với nó? Giảng giải cho nó, nghiên cứu thảo luận với nó, tất cả những cuốn sách đã học thuộc lòng từ bé, mỗi thư, mỗi thứ đều mang ra thảo luận, trí tuệ dần được mở ra. Chúng ta nên biết, nền giáo dục ngày xưa đã hấp thụ văn hoá nhà Phật, văn hoá Phật giáo đã làm phong phú thêm văn hoá truyền thống xưa. Với một đứa bé chưa đến mười hai tuổi ta nên chú trọng bồi dưỡng những gì? Căn bản trí. Sau mười hai tuổi ta bồi dưỡng hậu đắc trí, căn bản trí là “bát nhã vô tri”, hậu đắc trí là “vô sở bất tri”. Ngày xưa đời đời xuất hiện thánh hiền, đều được dạy dỗ mà nên, những đứa trẻ này đều có tư cách của bậc Thánh hiền, nhưng do ta dạy không tốt, dạy sai, làm cho chúng nó trở nên hồ đồ. Đây thuộc trách nhiệm của ai? Chúng ta xem ai gánh trách nhiệm này? Trách nhiệm của nhân quả. Chúng ta học Phật là học những gì? Học cách nhìn bằng con mắt trí tuệ, ngũ nhãn của Phật: nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn, mới nhìn sự việc của thế xuất thế gian một cách thấu đáo rõ ràng, sau đó mới có tự thọ dụng, mới có tha thọ dụng, tự lợi lợi tha.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**Hết tập 447**

# Tập 448

Chuyển ngữ: Minh Tuệ
Biên tập: Nguyên Tâm
Thời gian: 11.06.2011
Địa điểm: Cang Sơn Tịnh Tông Học Hội\_Nhật Bản

Chư vị Pháp sư, quí vị đồng học, mời ngồi.

Xin xem nguyên văn trong kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 566, hàng thứ tư từ dưới lên.

 “Tất cả Chư Thiên đều mang trăm nghìn hoa, hương, vạn thứ kĩ nhạc đến cúng dường đức Phật ấy và các Bồ Tát, Thanh Văn, mọi người đều vui mừng hớn hở, tất cả là do bổn nguyện của Phật Vô Lượng Thọ gia trì và những Như Lai đã từng được cúng dường. Thiện căn tăng trưởng, không bao giờ khuyết giảm là do giỏi tu tập, giỏi nhiếp hoá, giỏi thành tựu”, đây là đoạn cuối của phẩm này.

Ở đoạn này, Niệm Lão đã cho chúng ta biết, nội dung của đoạn này là: “Nói lên việc cúng dường của chư Thiên”. Công đức thành tựu của Phật A Di Đà là vô lượng vô biên, thù thắng không gì sánh bằng, tự nhiên cảm đến tất cả chư Thiên. Phạm vi của nó rất rộng, đây chính là chúng trời trong tất cả quốc độ của tất cả chư Phật trong cõi hư không khắp pháp giới. Chúng ta nói là trời cõi Dục, trời cõi Sắc.

 Trừ trời cõi Vô Sắc mà, cõi trời Vô Sắc họ không tu hành, họ cũng không tu cúng dường. Tuy họ đạt đến vị trí cao nhất, nhưng hoàn toàn vì tự lợi, không có ý nghĩ lợi tha. Bởi thế cõi trời này, họ thuộc cõi trời Trường Thọ, một trong tám nạn theo giáo lí Đại Thừa, tại sao? Họ không tu phước, không tu tuệ, họ chỉ dừng lại ở đó trong khoảng thời gian rất dài. Dừng lại đó là một dạng vô minh, tuy họ không tạo tác gì nhưng họ đang kẹt vào vô minh.

Niết bàn thực thụ là thanh tịnh vô vi, nhưng họ cảm giác đó là một thứ quá nhạy cảm, cũng chính là nói họ có tri giác, họ không phải vô tri. Mà trời Tứ không khác với thiền định, họ thuộc thiền định thậm thâm, trong đó chỉ có định, không có tuệ, chỉ có tịch tịnh, không có linh tri, khác nhau là ở chỗ đó.

Thiền định cao nhất trong Phật Pháp là đại bát Niết Bàn, không có loại thiền định nào cao hơn nữa. Nhưng tác dụng của thiền định này là khi chúng sinh có lòng muốn là họ xuất hiện, họ có thể hiện thân. Trời tứ không không có phản ứng, thiền định trong Phật Giáo có cảm ứng, vì thế mới nói chúng sinh có cảm, tự nhiên họ có ứng. Có thể nói họ đang sống, họ không phải chết, nói theo cách ngày nay là họ có cơ thể, hay có sinh mạng, không phải họ không có sinh mạng.

Phật pháp cho rằng, tất cả chúng sinh trong cõi hư không khắp pháp giới, gồm cả trời Tứ Không, đều có sinh mạng. Chỉ vì người ở cõi trời Tứ không không muốn có phản ứng, Quý vị mong muốn họ, họ không đáp ứng, mặc kệ, đó là tình trạng của người ở cõi Tứ không. Bởi thế, chư thiên cúng dường, chỉ trời cõi Dục và trời cõi sắc đi cúng dường mà thôi, tất nhiên cúng dường cũng phải có duyên, không đến được thế giới Cực Lạc nếu không có duyên. Đến được thế giới Cực Lạc là nhân duyên rất thù thắng!

“Đều mang trăm nghìn hoa, hương, vạn thứ kĩ nhạc”, đây là những phẩm vật họ mang đi cúng dường, họ dùng những phẩm vật gì? Cúng Phật bằng hoa hương. Hoa hương là những thứ mang ý nghĩa tượng trưng, hoa tượng trưng cho nhân, cây cối thường nở hoa rồi mới kết trái. Hoa tượng trưng cho hành môn của Bồ Tát, đó là sáu ba la mật mà ta hường nghe nói, đây chính là hoa. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật là quả. Hoa thơm thì nhất định quả ngọt. Chúng ta đưa nó về cảnh giới ta có mặt, tâm trong cảnh giới ta đang sống là tâm tốt, việc làm tốt, đó chíng là hoa. Nên quả báo ta có được nhất định sẽ tốt, quả báo tự thân đó là vui vẻ, khoẻ mạnh. Quả báo tập thể là cả gia đình, thậm chí cả khu vực ta đang sống, đây là quả báo tập thể, cộng nghiệp.

Nơi ta sống không có tai nạn, đó là nơi rất an ổn, người dân sống với nhau rất hoà thuận, không có những biến dộng lớn về hiện tượng tự nhiên. Tất cả đều được hưởng một cuộc sống hạnh phúc viên mãn. Biểu tượng của hoa, hương là những thứ như thế.

Khi ngửi mùi hương ta nghĩ ngay đến giới, định, tuệ, chân hương giới định, đó là cách dùng hương hoa để tượng trưng. Hoa tượng trưng cho sáu ba la mật, hương tượng trưng cho giới định tuệ. Ngày nay nói giới, định, tuệ thường kèm theo hai chữ thì ý nghĩa mới đầy đủ.

 Thứ để giới định tuệ đối trị là năm thứ độc tham, sân, si, mạn, nghi. Trong kinh Phật thường khích lệ chúng ta: Siêng tu giới định tuệ, dứt trừ tham sân si. Vì tai nạn của bản thân ta là sinh lão bệnh tử, tai nạn của y báo là tất cả những tai nạn nơi môi trường ta đang sinh sống, đó là y báo, tất cả là do tâm, hành động bất thiện gây ra. Tâm hành bất thiện của chúng ta sẽ gây ra những thứ bất thiện, có cảm có ứng. Chúng ta có những hành động, suy nghĩ thiện thì kết quả ta nhận được là những điều thiện.

 Thế giới Cực Lạc là một trường hợp rất rõ ràng để đối chiếu. Phật A Di Đà ở tại nhân địa tu đại hạnh, ngài tu hành một thời gian rất dài, trãi qua năm kiếp để thực hiện bốn mươi tám lời nguyện. Đấy là công đức của tâm hành, nên y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc thành tựu một cách tự nhiên, nó tự nhiên thành tựu. Không cần ai tư duy, không cần ai vạch kế hoạch, không có kiến trúc sư thiết kế, không có công nhân thi công, nó thành tựu một cách tự nhiên. Tất cả mọi thứ ở thế giới Cực Lạc đều thành tựu một cách tự nhiên, bạn muốn thứ gì nó liền có ngay trước mặt.

Đúng như những gì Phật thường nói: Giữ tâm một chỗ thì có thể đạt đến tột cùng, đạt đến cứu cánh viên mãn, có như thế thì mới có những hiện tượng như vậy. Tâm tưởng của chúng ta ngày nay thường gọi là tâm tưởng sự thành, nhưng nghĩ thế nào nó cũng không thể thành tựu, nguyên nhân? Không đầu tư công sức, tại sao Phật A Di Đà vừa nghĩ là đã có ngay? Không những Phật vừa nghĩ là có mà khi đến thế giới Cực Lạc, chúng ta vừa nghĩ Phật cũng giúp chúng ta thành tựu, đây là công đức chân thật. Nên nhớ, bốn mươi tám lời nguyện và năm kiếp tu hành, thiết tha thực hiện!

Nếu ở đây chúng ta cố gắng thực hiện, tuy không được trang nghiêm thù thắng như thế giới Cực Lạc, nhưng chúng ta cũng có cảm ứng tự nhiên. Nếu không nỗ lực thực hiện, không trải một thời gian dài là không được. Nếu chúng ta không gặp Phật Pháp thì chúng ta vẫn chưa có mặt tại thế gian này, mà đến chỗ nào? Chắc chắn không thoát khỏi đoạ lạc trong tam đồ.

Ưu điểm của việc gặp được Phật Pháp là vẫn nghe lời, vẫn còn chân thật, vẫn nghe lời. Thầy dạy, ta thực tâm y giáo phụng hành, theo đuổi một mục tiêu, đi theo một phương hướng. Ngay từ đầu thầy giáo đã khuyên chúng ta, nguyên tắc chung là phải nhìn thật sâu, buông bỏ, nhìn sâu là thấu rõ. Khi thấu rõ rồi bạn mới có thể buông bỏ, buông bỏ giúp bạn càng thấy rõ, đó là nguyên tắc chung, cương lĩnh tổng quát. Phải buông bỏ tất cả, mọi thứ phải được nhìn một cách tường tận. Không những phải hiểu rõ pháp thế gian mà Phật Pháp cũng phải hiểu rõ, tại sao? Phật pháp cũng không phải là chân.

Trong kinh Kim Cang, Phật đã cho hay: “Pháp còn phải xả hà huống không phải pháp”, pháp ở đây là Phật Pháp, Phật Pháp cũng cần bỏ huống gì thế gian này? Thế gian được gọi là không phải pháp, sao có thể không xả được? Phải xả tất cả, thì tâm lực, nguyện lực mới phát huy tác dụng. Tác dụng sẽ thành tựu một cách tự nhiên.

Tu hành được mấy năm nay, hơi giống một chút. Từ thập niên 80, chúng tôi đã rời khỏi Đài Loan đến hoằng pháp ở Mĩ, Canada. Bắt đầu từ lúc đó tôi không xử dụng tiền bạc nữa, vậy những đồ cần dùng trong cuộc sống thì sao? Những người Phật Tử đã chuẩn bị hết, tôi khỏi dùng tiền. Mọi thứ đều có mọi người chuẩn bị nên tiền không còn là mối bận tâm của tôi, những thứ không dùng đến tôi đều buông bỏ vì nếu không bỏ thì tôi cũng không dùng đến.

Ai có nhu cầu cứ lấy dùng, bản thân tôi chưa bao giờ đi may áo, do người ta mang đến cúng dường. Bây giờ có thể mở tiệm kinh doanh y phục được, vì nhiều quá, ai mang vừa họ có thể mang đi. Tất cả y phục, ăn uống, phương tiện đi lại, đều như thế cả. Muốn có sách để tham khảo, chỉ cần hỏi là có người mang đến, tôi nghĩ có người dù muốn cũng không ai mang đến cho họ, vì sao? Tôi đã thực hiện sáu mươi năm nay, đây là công đức tôi tích luỹ sáu mươi năm nay.

 Phật A Di Đà tuyệt vời hơn tôi, ngài có đến năm kiếp, năm kiếp tu hành mới thành tựu được y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc. Chúng ta mới có chút thời gian ngắn ngủi năm, sáu mươi năm nay, nhìn lại những gì đã có, tôi không chút nghi ngờ những người muốn đến thế giới Cực Lạc. Nếu tu năm kiếp tôi có giống Phật A Di Đà chăng? Nhưng trong năm kiếp đó không thể để gián đoạn, nếu cứ để gián đoạn thì rắc rối sẽ rất lớn. Thời gian năm kiếp đó, nếu cứ luân hồi trong thế giới này thì không thể thực hiện nổi. Nếu luân hồi, rơi xuống thế giới loài quỉ, địa ngục thì bạn còn tu được gì? Suốt ngày phải đền tội, như thế là đã gián đoạn. Vì thế thời gian gián đoạn khi tu tập ở thế giới này rất dài, cực kì dài!

Được làm thân người phải nắm lấy cơ hội, quý vị xem thời gian ngắn mấy mươi năm, nếu không tích cực tu tập thì cũng không có kết quả. Phải nắm rõ những vấn đề này thì chúng ta mới trân quí môi trường tu học, thời gian tu học, không dám lãng phí một khoảng thời gian nào. Phải tuỳ duyên với tất cả nhu cầu cuộc sống, có cũng tốt, không cũng không sao, có thể sống tốt, đó không phải là thứ gì ghê gớm. Vấn đề quan trọng là nắm bắt thời gian vàng ngọc để cố gắng học tập, đây là vấn đề quan trọng nhất.

Nháy mắt là không còn thân người, không biết phải đi vào đường nào? Chỉ cần nhớ nghĩ câu danh hiệu Phật, niệm cho được trong tâm chỉ có câu A Di Đà Phật. Ngoài Phật A Di Đà, không có tạp niệm nào xen vào, đây chính là điều kiện tất yếu để bạn vãng sinh, lúc đó bạn mới có thể sang đó được. Nếu không đạt đến cảnh giới đó thì không dám chắc trong tầm tay, phải đạt đến cảnh giới này mới nắm chắc được.

Vì thế nghĩ đến Thiên nhân, họ đến thế giới Cực Lạc để cúng dường Phật A Di Đà, cúng dường những vị Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc Phương Tây. Đây là phước báo rất lớn, không phải phước báo thông thường, phải đầy đủ điều kiện này.

“Tê, có nghĩa đưa đến”, nghĩa là đem những lễ vật đến cúng dường Phật, cúng dường các vị Bồ Tát. “Dùng của cải để cung cấp cho mọi người”, còn có nghĩa như vậy nữa. Khi đi du lịch, ta phải mang theo tiền bạc, áo xống, ngày nay gọi là hành lí, như thế gọi là “mang”. Đó là những thứ ta mang theo để sử dụng, nó gồm hai nghĩa.

“Vạn thứ kĩ nhạc”, kĩ nhạc là gì? Ngày nay gọi là biểu diễn trên sân khấu. Chư Phật Bồ Tát mà còn thích xem ca nhạc ư?

Quý vị đọc Kinh Địa Tạng, trong đó có đoạn: “Cúng dường Bồ Tát Địa Tạng bằng kĩ nhạc”, sở dĩ trong kinh có câu đó, là bởi, ngày xưa những chùa viện ở Trung Quốc đại lục đều có sân khấu, sân khấu đặt ở đâu? Đặt đối diện với Đại Hùng bảo điện, bên dưới Đại Hùng bảo điện là một khoảng trống, cái sân, giống kiểu nhà tứ hợp viện, đối diện là một sân khấu. Mỗi lần chùa có lễ lạc, đều mời một ban nhạc đến biểu diễn, Phật với các đệ tử cùng thưởng thức, cùng chung vui.

Những tiết mục biểu diễn ở đây, nói thật với các vị, đều mang tính giáo dục. Ngày xưa không có nhiều trường học như bây giờ, làm sao để dạy dỗ được tất cả mọi người? Đều phải nhờ vào những nơi như thế này để truyền đạt kiến thức. Người dân rất thích xem, không biết chữ nên khi xem những tiết mục có nội dung trung hiếu tiết nghĩa, thiện có thiện báo, ác có ác báo, họ diễn những trò như thế. Dân chúng hiểu được thế nào là luân lí, đạo đức và họ tin vào nhân quả, báo ứng, những thứ đó từ đâu mà có? Từ những sân khấu nhà chùa.

Những tiết mục biểu diễn văn nghệ của Trung Quốc cổ xưa đều mang tính giáo dục. Không giống như bây giờ, nội dung các tiết mục ngày nay đều là bạo lực, yêu đương, giết người, tà dâm, nói dối, toàn diễn những thứ đó, gieo vào đầu óc mọi người những nhân tố không lành mạnh này.

Vì thế, ngày xưa đây là một phương pháp giáo dục tối ưu, ai ai cũng hứng thú, thích hợp cho cả già lẫn trẻ, người lớn tuối thích, trẻ nhỏ cũng mê. Những tiết mục biểu diễn mỗi năm đều giống nhau nhưng mọi người xem mãi không chán. Cách biểu diễn sát với đời thường, diễn khá đạt, trải từng đợt huân tập như thế, một người từ ấu thơ đến trưởng thành, đều xem một vở diễn. Chúng tôi nghĩ họ xem đi xem lại phải hơn mười lần, những thứ đó in sâu vào đầu óc họ, nên trong những suy nghĩ, việc làm hàng ngày, họ nghĩ ngay đến nội dung những tiết mục đã được diễn trên sân khấu. Họ biết chọn những thứ nào nên làm, những thứ nào nên tránh, đấy chính là giáo dục. Vì thế văn nghệ trở về nền giáo dục.

Từ xưa đến nay, nền giáo dục Trung Quốc, có thể nói đến những năm cuối triều Thanh. Tuy không quá coi trọng nhưng vẫn chú ý mấy chữ “không suy nghĩ sai lệch” làm nguyên tắc chỉ đạo cao nhất. Nó khiến người nghe được, thấy được, tiếp xúc được, nhưng không để họ có suy nghĩ sai lệch. Vì thế chắc chắn nội dung của nó tương ứng với đạo đức, luân lí, tứ duy, bát đức và những thứ đó được đưa lên biểu diễn trên sân khấu. Những gì bậc Thánh Hiền ngày xưa đã làm, nay đưa lên sân khấu biểu diễn để mọi người xem, nó sẽ gây xúc động mạnh mẽ! Bởi thế sân khấu trong sân chính là ngôi trường, những diễn viên là nhà giáo dục, họ có nghĩa vụ giáo dục.

Không giống ngày nay, ngày nay cũng dạy, cũng giáo dục nhưng làm cho con người hư hỏng. Ngày xưa là đào tạo con người thành người tốt. Bây giờ cũng là giáo dục nhưng là giáo dục trái nghĩa, mặt xấu của giáo dục, nên hệ quả của nó là một xã hội loạn lạc, quả đất xảy ra những thiên tai liên miên, đó là gì? Những cảm ứng của hiện tượng tự nhiên, chúng ta không thể không biết điều này.

Nội dung trong kinh không đến nổi khó hiểu. Những thiên nhân mang nhiều lễ vật như thế đi “cúng dường Phật này”, cúng dường Phật này bỉ là Phật A Di Đà, và chúng Bồ Tát, Thanh Văn, là đại chúng ở thế giới Cực Lạc Phương Tây.

Cõi Thật Báo là Bồ Tát pháp thân. Cõi Phương Tiện là Thanh Văn, Thanh Văn và Phật Bích Chi là cõi Phương Tiện. Thiên nhân là cõi Phàm Thánh đồng cư. Nhưng đại chúng ở cõi Phương Tiện và Đồng Cư đều nhận được sức gia trì của Phật A Di Đà. Tất cả trí tuệ, thần thông, đạo lực của họ đều ngang với Bồ Tát bất thối chuyển, nghĩa là ngang với cõi Thật Báo. Vì thế tiếp nhận cúng dường một cách “nhộn nhịp, phấn khởi, vui vẻ”. Giống như đi dự hội ở chùa, rất vui vẻ.

Đoạn này viết: “Chư thiên nghe pháp cúng dường”, đoạn tiếp theo là tổng kết công đức, tại sao họ có năng lực để đi cúng dường như vậy?

 Phần tiếp sau là câu trả lời, thứ nhất, “Những người này đều nhờ oai lực gia trì của bổn nguyện Phật A Di Đà”. Nhờ sức gia trì của 48 lời nguyện, bởi thế họ đến thế giới Cực Lạc để cúng dường Phật, Bồ Tát một cách rất dễ dàng. Sở dĩ họ được Phật lực gia trì, là bởi bản thân họ đã từng “Cúng dường Như Lai, nên có thiện căn liên tục”. Nói cách khác, những thiên nhân này là những người đã học Phật, đều là những người đã qui y Tam Bảo và rất siêng năng tu tập nên họ mới có công đức và được Phật A Di Đà gia trì.

Đoạn sau, nội dung này đã được Hoàng Niệm Lão nói đến trong chú giải của mình. Chúng ta xem hàng thứ nhất, trang 567, “Chư thiên có thể đầy đủ nhân duyên phước đức cúng Phật thù thắng như vậy”, những phước đức nhân duyên đó từ đâu mà có? Không có phước đức, không có nhân duyên, quý vị không thể đi cúng Phật. Nhất định phải có phước đức mà lại có nhân duyên nên họ mới có thể đến thế giới Cực Lạc để cúng Phật.

Phần tiếp theo, “Đại loại có một một số nhân duyên”, đoạn này Niệm Lão đã đưa ra ba loại: “Thứ nhất, Sự gia trì của bản nguyện Phật Di Đà, nói chung là nhờ sự gia bị của oai đức bản nguyện Phật Di Đà, nên chư Thiên mới có thể đến được thế giới Cực Lạc đại tu cúng dường”. Quí vị phải hiểu được rằng, cúng dường là tu phước, không cúng dường thì lấy đâu ra phước? Vì thế chúng ta phải hiểu được tâm hạnh cúng dường, tâm cúng dường, hành vi cúng dường của những người học tập ở đây. Cúng dường cũng phải có duyên phận, bạn cúng cho người thực tâm tu hành mới có phước báo, cúng cho người không có tâm tu hành thì phước báo của bạn cũng không có. Phước báo không có cũng không ăn thua, tuy họ là những người không thực tâm tu hành nên kiếp sau họ sẽ làm thân trâu thân ngựa để trả nợ, thế nào họ cũng trả lại cho bạn, đừng sợ lỗ vốn.

Nhà Phật có câu: “Hạt thóc của thí chủ lớn như núi Tu di, đời này không chứng đạo, mang lông đội sừng mà trả”, họ sẽ trả. Đừng sợ thua thiệt khi cúng dường, gặp người thật tâm tu hành, phước báo lớn thì phước cúng dường của bạn càng lớn, việc cúng dường chắc chắn là một hành động đúng đắn.

Bồ Tát Phổ Hiền đã dạy chúng ta cách cúng dường rộng khắp, cúng dường Phật, Bồ Tát là thể hiện kính trọng trong phước điền. Cúng dường cha mẹ là ân điền. Cúng dường tất cả chúng sinh là bi điền, là sự nuôi lớn tâm đại từ bi. Bởi thế người gieo trồng ba thứ phước điền này đều có phước, ý muốn nói họ có đức hạnh, có nhân duyên.

Phần tiếp theo, Trong nguyện thứ 25: “Thiên nhân lễ kính nói”, Lời nguyện thứ 25 trong số 48 lời nguyện có liên quan đến chỗ này. “Chư thiên và người đời, không ai là không kính trọng” vì thế Phật mới phát lời nguyện này. Những vị trời có duyên cúng dường Phật A Di Đà, người đời cũng có nhân duyên cúng dường Phật A Di Đà. Phật Di Đà có lời nguyện này, nhưng phần lớn sự cúng dường của người thế gian đều ở trong chùa viện, cúng dường trước thánh tượng Phật Di Đà.

Những người tu hạnh cúng dường cần phải hiểu được hình ảnh tượng trưng này. Nếu không hiểu được hình ảnh mang tính tượng trưng thì những gì bạn gặt hái được chỉ là si phước, không có trí tuệ. Vì thế cần hiểu được ý nghĩa của sự tượng trưng, điều đơn giản nhất cũng là điều quan trọng nhất.

Ví dụ, cúng dường một chén nước, chén nước tượng trưng cho thứ gì? Đâu phải để Phật uống, nước tượng trưng cho tâm thanh tịnh, tâm chúng ta thanh tịnh, bình đẳng như nước, đó là nội dung đề kinh: “Thanh tịnh, bình đẳng, giác”. Cốc nước đó là tính thanh tịnh, bình đẳng, giác của chúng ta. Chúng ta dùng tính thanh tịnh, bình đẳng, giác của ta để cúng dường Phật A Di Đà, như vậy mới đúng, vì thế không thể không tìm hiểu ý nghĩ tính tượng trưng.

Khi không hiểu ý nghĩa của tính tượng trưng rồi cho rằng ngày nào tôi cũng cúng một cốc nước là bày tỏ lòng kính trọng đối với Phật. Các vị xem này, ngày nào tôi cũng mang một cốc nước dâng lên, nó không có nghĩa như tất cả những thứ bạn nói, bạn đã hiểu nhầm ý nghĩa của hành động này. Bởi thế đừng bao giờ cúng trà, tại sao? Trà là loại nước có màu, có màu là đã có sự ô nhiễm, chỉ nên cúng nước trong, đừng cúng trà. Tốt nhất là dùng cốc pha lê, có người dùng cốc thuỷ tinh cũng được, thật trong để nhìn thấy cả trong lẫn ngoài. Đây là minh chứng rõ ràng nhất của tính tượng trưng, đó là ý nghĩa của nước, một trong những ý nghĩa quan trọng nhất của nước.

Ngoài ra đừng nên cúng dường những thứ khác, bởi đó là sự cúng dường quan trọng nhất rồi. Chúng ta cúng dường hương, hương tượng trưng cho gì? Tượng trưng cho giới định tuệ, thấy hương đang cháy, nghe hương thơm của nó, ta ngĩ ngay đến việc tu giới, tu định, tu tuệ. Nó mang ý nghĩa khiến bạn thức tỉnh, chứ không phải do Phật muốn ngửi thứ hương đó, không phải, đó chỉ là sự tượng trưng. Cúng hoa, nhất định phải là hoa tươi, phải là hoa nở tròn, nó tượng trưng gì? Đại diện sáu ba la mật, nhân tốt, nhân tốt thì quả mới tốt, vì thế ta có thể cúng hoa, cúng trái. Cúng trái tượng trưng cho chứng quả Bồ Đề và cũng tượng trưng cho Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, tất cả đều thuộc về quả, quả đức tu hành của nhà Phật.

Tu những gì để được chứng quả? Tu lục ba la mật, tu mười nguyện Phổ Hiền. Phật A Di Đà tu 48 lời nguyện, tu 48 lời nguyện mới được quả báo giống như Phật A Di Đà. Phổ thông nhất là bốn hoằng thệ nguyện: Chúng sinh không số lượng, thệ nguyện đều độ khắp, phiền não không cùng tận, thệ nguyện đều dứt sạch, pháp môn không số lượng, thệ nguyện đều tu học, Phật đạo không gì hơn, thệ nguyện được viên thành, nó có ý nghĩa như thế.

Đèn, nến nói lên trí tuệ, ánh sáng chiếu khắp. Thêm một nghĩa nữa đó là thiêu đốt chính mình để chiếu soi người khác, đây là gì? Đấy chính là ba thứ bố thí, khi đốt lên một ngọn đèn thì ý nghĩa ba thứ bố thí đều có mặt: Bố thí tài sản, bố thí pháp, bố thí vô úy. Ánh sáng là bố thí pháp Phật. Thiêu đốt chính mình để đem lại ánh sáng cho người, đó là bố thí lòng can đảm, tất cả ba thứ bố cùng lúc có mặt. Nếu không hiểu rõ, không thấu triệt thì gọi là uổng công cúng dường, hoàn toàn sai lầm.

“Khi chư thiên nghe tên”, nghe danh hiệu Phật của Phật A Di Đà, nghe lời kinh, nghe được những lời đọc tụng, giảng giải, sau khi nghe xong họ liền tin, yêu thích. “Nhạo” là yêu thích, “Nghe danh, tin nhận, yêu thích những người tu theo pháp Đại Thừa”. Những người tu học Đại Thừa, “còn phải kính lễ”, chư thiên đều kính lễ những người tu theo pháp Đại Thừa, “không lẽ không lễ kính giáo chủ thế giới Cực Lạc sao”? Tất nhiên phải kinh lễ Phật A Di Đà, đây là điều chắc chắn. Đây là sự gia trì của nguyện lực Phật A Di Đà.

Thứ hai, Những người này, là chỉ chư thiên “đã từng cúng dường Như Lai”. Có thể nói họ đến cửa Phật để tu hạnh cúng dường, đều là những người đã từng học Phật, là những người đệ tử của Phật. “Vì trồng thiện căn liên tục không bị gián đoạn”, đời đời kiếp kiếp có nhân duyên tiếp xúc với Phật Giáo, nên việc học tập của họ luôn luôn được nâng lên trong đời đời kiếp kiếp.

Việc học Phật ngày nay của chúng ta cũng như vậy. Chắc chắn không phải đến bây giờ ta mới gặp được Phật Pháp, mới y giáo phụng hành, không phải, đời đời kiếp trong quá khứ quý vị đã từng học thế nên đời này được gặp. Chúng ta chắc chắn sẽ rất vui khi gặp và tiếp tục học thêm nữa.

Chúng ta nên biết, cái gọi là người thượng thượng căn không phải là trời sinh, thượng thượng căn là nhờ vô lượng kiếp mới tu thành. Chúng ta chỉ nhìn những thành công của ngày hôm nay mà không quan tâm đến những gì người ta đã tạo ngày trước. Chẳng khác gì chúng ta tham dự lễ tốt nghiệp, thấy những sinh viên tốt nghiệp đội mũ cử nhân. Qúy vị thấy, trong một giờ đồng hồ họ đang là những ông tiến sĩ mà không biết trước đây họ đã trải qua viện nghiên cứu, trường đại học, trường tiểu học, trường mẫu giáo. Trải mấy mươi năm họ mới có ngày hôm nay, không phải ngày một ngày hai, chúng ta phải hiểu được điều đó.

 Không nên quá trọng vọng những người thượng thượng căn, tại sao? Chúng ta cũng giống như họ, chẳng qua họ là người đã tốt nghiệp, ta chưa tốt nghiệp, chúng ta cần phải trải qua một thời gian nữa, vấn đề là ở chỗ đó. Nhưng khi gặp Phật A Di Đà thì quý vị đã được đi trước một đoạn, đây là một sự kiện may mắn không gì sánh được. Bản thân chúng nên biết nắm lấy thời cơ đó, nếu để tuột khỏi tầm tay thì quả là đáng tiếc, quý vị phải trải một thời gian dài để tu hành trở lại chứ không phải thành tựu nhanh chóng như hôm nay.

“Tượng trưng chư thiên có thể đến thế giới Cực Lạc để cúng dường là do trong quá khứ đã sớm trồng thiện duyên, đã từng cúng dường các đức Như Lai và giỏi vun bồi những căn lành đó. Giữ tâm thiện kiên cố, sâu sắc không gì lay chuyển được, nên gọi là thiện căn. Liên tục, không bao giờ suy giảm nên đến nay lại được thắng duyên như vậy”. Hôm nay được nhân duyên tốt như vậy, quý vị mới có nhân duyên để đi cúng dường, đến thế giới Cực Lạc để cúng dường Phật A Di Đà, nhân duyên đó quả thực rất thù thắng.

Chúng ta nên biết rằng, những thành tựu trong việc tu hành của chúng ta, đó là một tấm gương tốt nhất, là những hình ảnh điển hình nhất. Chúng ta nên giữ thiện tâm thật kiên cố, đừng để ngoại cảnh chi phối, ngoại cảnh là cảnh giới của ma. Ma ở đây không phải mặt xanh nanh vàng, ma có mặt xanh nanh vàng, khi xáp mặt bạn sẽ giật thót, co giò chạy. Ma ở đây rất giỏi hoá trang, khiến khi nhìn thấy bạn sẽ thích ngay, gặp nó, bạn sẽ quyến luyến mãi không thôi, như thế mới lợi hại.

Những con ma tiếng tốt, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, khi tiếp xúc với nó bao nhiêu người tu hành đã phải thân bại danh liệt. Ngày xưa rất nhiều người tu hành, suốt đời ở thâm sơn cùng cốc, không xuất hiện, không tiếp xúc với môi trường bên ngoài. Nguyên nhân gì? Sợ mình không thể chịu được những thứ mê hoặc rồi thối tâm ngay trong đời này. Đây là cách làm rất thiết thực, đúng đắn, họ hiểu được việc phải bảo toàn chính mình.

Ngày nay những duyên như thế này rất ít, nếu bạn ở trong núi sâu\_Phương tiện giao thông và khoa học kĩ thuật ngày nay rất phát triển, cho dù ngôi chùa có ở thâm sơn cùng cốc cũng có truyền hình, điện thoại, internet, như thế là hỏng. Thực sự tu hành, đừng cần những thứ như thế, cứ sống một đời thanh bạch. Cuộc sống đảo lộn thế nào ta không cần biết, vì tâm ta đang an tĩnh, không chịu tác động bên ngoài, như thế mới được. Người nào thắc mắc, mỗi ngày tôi đều thấy thiên hạ thái bình, đâu có gì đâu, tốt đẹp cả mà!

Nếu bạn tiếp xúc với những sợi dây liên lạc này thì bạn sẽ rắc rối to, lúc đó mới thấy đời loạn, không va chạm với gì cả thì thiên hạ thái bình. Qúy vị xem những người cùng ở với mình trên quả đất này, sống chung với nhau mà thiên hạ của chúng tôi thái bình, an ninh, còn xã hội các quý vị đầy dẫy tai nạn, loạn lạc, bên chỗ tôi không có, chưa bao giờ nghe đến, không nghe không phải là vô sự đó sao? Đây là cách biết tự bảo vệ mình

Chúng ta thường nói xã hội ngày nay, những người theo dầu tư vào lĩnh vực này rất đông như: film ảnh, truyền hình, truyền thanh, báo, tạp chí, đầu tư vào lĩnh vực này rất đông. Họ có quyền xuất bản, có quyền biểu diễn, nhưng chúng ta có quyền không xem. Quý vị không thể kéo chúng tôi đi, chúng tôi có quyền không tham dự, không xem, không nghe quý vị. Tôi có quyền ngày nào cũng ở nhà đọc kinh Phật, cùng làm bạn với cổ nhân, đây là cách biết bảo vệ bản thân.

Kiên quyết bỏ, đây là trợ duyên rất quan trọng, tại sao? Buông bỏ được lòng tham muốn, không còn lòng ham muốn thì đã giảm đi 80% phiền não. Nên biết 80% phiền não xuất phát từ lòng tham, nếu cắt được lòng tham thì giảm được 80%. Thế nào là bỏ? Chỉ cần bỏ lòng tham là được, bỏ tham sân si, đây gọi là bố thí. Bố thí nhiều mà tham sân si vẫn còn thì cũng như không bố thí, đó chỉ là cách kết một chút duyên với thế gian, tu một chút phước báo của thế gian chứ không có công đức gì, bỏ được tham sân si mới có công đức thực sự.

Chúng ta phải hiểu, cần săn sóc kĩ lưỡng thiện tâm, cần phải vun bồi gốc thiện thật tốt. Thiện căn của thế gian là không tham, không sân, không si, còn thêm không ngạo mạn, không nghi ngờ, như thế là thiện căn thế gian của bạn đã viên mãn. Cần liên tục, không để khiếm khuyết, đây chính là cách thiết lập nhân duyên thù thắng với chư Phật, Bồ Tát.

Thứ ba: “Vì giỏi tu tập, giỏi thu phục, giỏi thành tựu”, ba câu này rất quan trọng. Tất cả đều nhắm đến thiện căn, cần tu thiện căn. Tu là học, tập là áp dụng vào đời sống, cần sử dụng nó. Áp dụng vào cuộc sống hàng ngày, vào công việc, vào việc đối xử với mọi người, ứng xử với mọi vật, đấy là tu tập.

“Thu nhiếp cho đến thành tựu”, nhiếp là nhiếp thọ, thân cận những người có đức hạnh, thân cận những người có trí tuệ. Học theo họ, đây là nhiếp thủ, một mạch cho đến khi thành công, thành tựu những gì? Thành tựu viên mãn chính là thành Phật, chưa thành Phật thì thành tựu đó chưa viên mãn.

A La Hán mới thành tựu chút ít, mới tốt nghiệp tiểu học. Phật Bích Chi mới tốt nghiệp trung học. Bồ Tát mới tốt nghiệp đại học nhưng vẫn chưa được coi là thành tựu. Tiến sĩ mới được coi là thành tựu, tốt nghiệp đại học vẫn chưa được coi là thành tựu. Bồ Tát thập địa, Bồ Tát thập địa là tốt nghiệp đại học. Tiến sĩ được gọi là Diệu Giác Như Lai, thành Phật. Đẳng Giác còn là Bồ Tát, nghiên cứu sinh trong lớp tiến sĩ của viện nghiên cứu, chưa tốt nghiệp, mục tiêu là nhắm đến thành tựu viên mãn.

“Nên nay mới được mang nhiều lễ vật đến thế giới Cực Lạc cúng dường Phật A Di Đà”. “Tới lui nhộn nhịp, phấn khới vui vẻ”. Hai câu này mô tả rất nhiều thiên nhân đến thế giới Cực Lạc để cúng dường, rất nhiều người đều đến đây để cúng dường! Nói lên nhân duyên trí tuệ, phước đức thù thắng không gì sánh được của Phật A Di Đà, nên chật kín người đến thăm ngài.

“Càng khiến thiện căn thêm lớn”. Được thấy Phật A Di Đà, thăm thế giới Cực Lạc, chắc chắn thiện căn của bạn sẽ được lớn thêm.

Chúng ta xem phẩm tiếp theo, phẩm thứ 28: “Ánh sáng thần của các vị Bồ tát”, đoạn này đặc biệt giới thiệu hai vị Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc: Quan Thế Âm và Đại Thế Chí. Phẩm này nói rõ ánh sáng thần thông của Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc.

“Trong số thánh chúng, đặc biệt Bồ Tát Quan Thế Âm và Bồ Tát Đại Thế Chí được tôn lên thứ nhất, ánh sáng oai thần, có công đức lợi sinh, vượt qua những vị thánh khác”.

Vì sao họ vượt trội hơn những vị thánh khác? Hai vị Bồ Tát đều là những vị cổ Phật tái sanh, họ đã thành Phật từ rất sớm, họ có nhân duyên rất đặc biệt với Phật A Di Đà. Khi Phật A Di Đà thành Phật, hai vị này giúp đỡ Phật A Di Đà giáo hoá chúng sinh, họ trở thành những trợ thủ của Phật A Di Đà.

Quý vị xem tất cả những thứ này đều để dạy cho chúng ta. Khi gặp một việc tốt người khác đang làm, người đó không bằng ta, trí tuệ không bằng ta, đức hạnh cũng không bằng ta, bây giờ họ đang thực hiện một việc tốt, họ đang lãnh đạo, tôi ở dưới trướng của họ để giúp đỡ họ. Quan Âm, Thế Chí là những người như thế. Không một chút tự cao, khiêm tốn cung kính. Khiến mọi người nhìn thấy, những vị cổ Phật đều đến giúp vị thầy giáo này, để những người mới học được nhìn thấy, đây là những vị thầy giáo thật tuyệt vời.

Qúy vị thấy những vị đại đức này đều đến giúp đỡ, đều khen ngợi họ, nghe lời họ, tất cả đều để thúc đẩy lòng tin của những người mới nhập môn. Giúp họ trồng thiện căn, nuôi lớn thiện căn, công đức đó không thể kể hết. Quyết không có cái nhìn hẹp hòi, quyết không có tâm ngạo mạn.

Đây là điều chúng ta cần phải học tập, phải cúi mình xuống, giúp đỡ người khác. Không nhận thành tựu về mình, thành tựu là do công đức của Bồ Tát độ chúng sinh. Miễn sao lợi ích cho tất cả mọi người, loại địa vị nào, thân phận nào cũng không cần. Họ đang thiếu loại người đó, ta đưa vai gánh vác, làm sao để sân khấu diễn được tốt, để buổi diễn được thành công rực rỡ, khiến mọi người được vui vẻ, như thế là thành công rồi.

Vì thế, chỉ chư Phật Bồ Tát mới đứng ra đảm đương những công việc như thế này, quyết không lùi bước, không bao giờ, vì sao? Họ đã phá được tứ tướng, phá được tứ kiến rồi. Trong mắt của họ, trong tâm của họ tất cả pháp đều hoàn toàn bình đẳng, không có cao thấp, bởi thế họ làm được còn người phàm thì không.

Chúng ta xem nguyên văn trong kinh, “Phật dạy A Nan: Chư Bồ Tát trong nước của đức Phật ấy đều nhìn thấy rõ, nghe rõ những chuyện quá khứ, hiện tại, vị lai trong tám phương, thượng hạ. Biết được tâm ý thiện ác của tất cả chư thiên, nhân dân, các loại côn trùng, sâu kiến. Miệng cứ muốn nói, biết trước lúc nào sẽ độ thoát đắc đạo để vãng sinh”. Sau khi đọc đoạn văn trong kinh này, da gà quí vị có nổi lên không? Thực sự nó khiến người đọc nổi da gà, Phật không nói lời giả dối.

“Nước Phật kia” là thế giới Cực Lạc, những Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc nhiều vô lượng vô biên, không thể kể hết, không cách nào tính toán được. Thế giới của chúng ta đây, hiện tại chưa đến bảy mươi ức người, chưa bằng một thôn trang ở thế giới Cực Lạc, đủ biết cư dân thế giới Cực Lạc nhiều đến thế nào!

Cư dân ở đó rất lợi hại “thấy được tất cả”, thấy được tất cả đó là thiên nhãn, họ nhìn thấy rất rõ ràng cả cõi hư không khắp pháp giới. Động thị có nghĩa thấy rất chi tiết, rõ ràng, nhất cử nhất động của quý vị họ đều thấy hết, không đáng sợ sao?

“Triệt thính”, động thị, triệt thính, đó là thiên nhĩ, thiên nhãn của họ. Đây gọi là tam minh: thiên nhãn minh, thiên nhĩ minh, thứ ba là túc mạng minh, tất cả đời kiếp của quý vị họ đều nhìn thấy hết, giấu được ai? Quý vị học Phật là học thật hay học giả, các ngài biết hết, không thể giấu được.

“Tám phương, thượng hạ” là mười phương, ở đây chỉ không gian. “Khứ lai, hiện tại”, chỉ thời gian: Quá khứ, hiện tại, vị lai. “Khứ” là quá khứ, “lai” là vị lai. Hiện tại ở dây chỉ thời gian. “Tám phương, thượng hạ”, là mười phương, chỉ không gian. Họ nghe được, thấy được cả thời gian và không gian. Việc khởi tâm, động niệm của chúng ta, thậm chí chúng ta còn không biết, bởi vì niệm đó rất nhỏ, bản thân chúng ta còn chưa biết, nhưng các ngài đã hiểu.

Vì thế, thực sự niệm Phật, một chút ác niệm cũng không được tồn tại, quý vị có dám làm việc ác không? Qúy vị cho rằng mọi người không biết, quỉ thần có thể không biết, nhưng Phật Bồ Tát chắc chắn sẽ hiểu tất cả. Kì thực, trong một số trường hợp quỉ thần có thể biết, quý vị làm sao giữ niệm ác được? Làm sao có thể làm những việc ác được? Làm sao có thể tự tư, tự lợi được?

Con người có lòng tự tư tự lợi là sai lầm tuyệt đối, vì sao? Ngay cả nhân quả họ cũng không hiểu, nếu hiểu được nhân quả thì họ đã buông bỏ tâm tự tư, tự lợi rồi. Những thứ ta mong muốn đều là vật ngoài thân, tài sắc danh thực thùy đều là những thứ ngoài than. Những thứ này số phận có, qúy vị muốn bỏ cũng không bỏ được, nó có thời tiết nhân duyên, khi thời tiết nhân duyên đủ chín thì tất cả công danh, phú quí sẽ đến. Chưa đủ nhân duyên, thời gian thì nó chưa đến, chứ không phải không có, những thứ đến đó khônhg phải là của trên trời rơi xuống, mà số mình đã có. Nếu quý vị thực sự tu thiện tích đức, những thứ đã định sẵn trong số sẽ tăng thêm.

Số phận từ đâu mà có? Do đời trước đã tu tập. Nếu trong đời trước không tu tập thì số của quý vị làm sao có được? Tất nhiên không phải quý vị có năng lực gì. Cho dù nằm trong tầm tay thì cũng không nên nhận những thứ của cải này, quyết không thể được. Dùng những thủ đoạn đê hèn, dùng thủ đoạn lừa dối để lấy cho được là làm tổn đức của ta, vả lại của cải của ta cũng bị sứt mẻ.

Ví dụ, quý vị vốn có trong tay một nghìn ức, nhưng vì dùng những thủ đoạn bẩn thỉu nên khi đến đấy bạn nó chỉ còn lại một nửa. Năm trăm ức thôi, lúc đó mới cảm thấy ngớ người. Bản lĩnh của ta như thế, nhưng kì thực đã mất đi một nửa mà bản thân mình không hay biết, đáng thương thay, một nửa đi đời. Nếu có được bằng thủ đoạn nham hiểm, hại người thì mất mát càng lớn hơn, trong mười phần bạn chỉ được một hai phần còn tám chín phần đã vào tay người khác. Bởi thế phải nên hiểu vấn đề này, nếu hiểu rõ được vấn đề thì trong tâm họ không bao giờ có suy nghĩ đó nữa.

Của cải đến một cách rất tự nhiên, khi đến thì thế nào? Khi có được, họ cùng hưởng với mọi người. Những chúng sinh khổ nạn toàn tâm toàn lực giúp đỡ, đó là một việc rất tuyệt vời, của cải của ta ngày càng thêm nhiều, ai chứng minh cho chúng ta?

Phật A Di Đà là một bằng chứng cụ thể, Ngài không một chút tư tâm. Bởi thế quốc độ của Ngài càng ngày càng được mở rộng, càng ngày càng lớn, vật phẩm cúng dường ngày càng nhiều thêm, không hạn chế.

Tương lai mỗi học sinh cùng học tập với Phật Di Đà sẽ thành Phật và thế giới của họ cũng không khác gì thế giới Cực Lạc, đây là cách bành trướng thế giới Cực Lạc, lúc đó thế giới Cực Lạc sẽ không còn biên giới. Mỗi học sinh của các Bồ Tát khi thành tựu ở thế giới Cực Lạc, quốc độ được kiến lập của họ sau khi thành Phật là một bộ phận của thế giới Cực Lạc. Phần được chia tách đó hoàn toàn giống phần chính, không khác nhau điểm nào cả, đấy là nguyện vọng của Phật A Di Đà.

Chắc chắn Phật A Di Đà không bảo quốc độ chính của Ngài lớn còn quốc độ của các con phải nhỏ hơn một tí, không có chuyện đó, tất cả đều giống nhau. Con người đó thực sự tuyệt vời, không một chút phân biệt, chúng ta không thể không biết điều này.

Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Lão: “Nhìn thấu, thiên nhãn thông vậy, nghe suốt, thiên nhĩ thông vậy, tâm ý thiện ác, miệng muốn nói gì, đều có thể biết hết”. Tâm niệm quý vị thiện hay ác, những lời nói ra, họ đều biết hết. Cư dân ở thế giới Cực Lạc nghe hết, thấy hết, đó là nhờ có tha tâm thông vậy.

Biết được việc quá khứ là nhờ túc mạng thông, biết được việc hiện tại và việc chưa đến là thiên nhãn thông, loại thần thông này có thể suốt thấu không bị chướng ngại tất cả những việc sinh ở đây, mất ở kia trong lục đạo”, thấu triệt, không gì ngăn trở được, tất cả mọi việc là do tiền định, tiền định làm sao? Nhân đã tạo từ trước, sau đó có quả báo, đó là tiền định. Nhưng loại định này quý vị phải hiểu, nó không phải cố định, nó sẽ thay đổi, thay đổi ra sao? Ý niệm của quý vị thay đổi theo từng ngày, vốn nó là niệm ác, bây giờ nghe pháp nó biến thành niệm thiện, quả lập tức thay đổi theo.

Thế giới ta đang sống vốn rất tốt đẹp, nhất là khu vực phương đông. Từ hàng nghìn năm trước tổ tiên đã dạy dỗ chúng ta rất tốt! Chúng ta phải ghi nhớ điều này, phải cảm ơn ân đức tổ tiên, phải tri ân, báo ân. Tâm của tổ tiên chúng ta thanh tịnh, tâm bình đẳng, tổ tiên đã dạy chúng ta ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức. Nói cách khác, tổ tiên chúng ta chắc chắn làm được mà lại thực hiện một cách rốt ráo, viên mãn. Đây hoàn toàn là tánh đức, nó tương ứng với tự tánh viên mãn. Đời đời nối tiếp nhau khắp vùng phương đông, đây là sự thực, không phải giả.

Nhật bản đã có sự giao thoa với Trung Quốc, điều này được lịch sử chép lại, từ thời Xuân Thu đã có. Đó cũng là thời gian Khổng Tử còn sống, những ghi chép thời Chiến Quốc còn nhiều hơn. Rất nhiều người Nhật đến Trung Quốc học tập, văn hoá Trung Quốc nguyên bản vẫn tồn tại và nó được di chuyển đến Nhật Bản, mãi đến ngày nay vẫn y nguyên, không thay đổi.

Vì vậy khi đến Nhật, chúng ta vẫn có cảm giác rất gần gũi, rất gần gũi với những gì đã trải qua trong quá khứ. Qúy vị để ý những công trình kiến trúc, nhất là kiến trúc cổ. Dở sách cổ Trung Quốc ra, tất cả đều được lịch sử giai đoạn Tiên Tần ghi chép lại, đều thấy được ở Nhật Bản.

Chúng tôi đã đến những nơi này rất nhiều lần, mỗi lần đều có người hỏi: nghe nói Từ Phước đã dẫn một số người đến Nhật Bản, họ hỏi chúng tôi xem có thật không? Đó là thật chứ không phải giả. Chuyện này được lịch sử Trung Quốc chép lại, đây là nét văn hoá đáng trân trọng, đây là văn hoá hoà bình, nhân ái.

Bất cứ một quốc gia nào trên thế giới, không kể một chủng tộc nào, tôn giáo nào, khác nhau về văn hoá. Qúy vị hỏi xem họ có muốn nhân ái, hoà bình hay không? Không ai là không muốn, không ai là không tiếp nhận, không ai chống lại cả. Bởi thế văn hoá nhân ái, hoà bình có thể cứu xã hội, có thể cứu được thế kỉ 21, có thể cứu được quả đất. Khởi tâm động niệm của mỗi người đều giữ luân lí, giữ ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức thì hiện tượng nhiễu loạn của xã hội liền biến mất ngay.

Ngày nay, Phật đã dạy chúng ta, các nhà khoa học cũng cho chúng ta biết, chúng ta có lí do để tin tưởng. Chỉ cần chúng ta giữ vững những lời dạy về luân lí, đạo đức, nhân quả thì quả đất này sẽ sạch bóng những thiên tai, tất cả đều được hoá giải. Bởi vì nguyên nhân gây nên những thiên tai trên quả đất là do tâm hành bất thiện.

Điều đầu tiên, tồi tệ nhất trong tâm hành đó là chiến tranh, vì thế điều đầu tiên trong giới luật nhà Phật là không được sát sinh. Chỉ cần mỗi người suốt đời không sát sinh thì họ có thể tránh được bất cứ một tai nạn nào, tại sao? Chúng ta không tạo ra nhân đó nên ta không chịu quả báo đó.

Sát sinh là điều ác lớn nhất trong các điều ác. Trong đó, sát sinh, trộm cắp, tà dâm và nói dối là bốn điều cực ác. Giáo dục là dạy những gì? Là giáo dục những thứ này, phải giáo dục những điều này từ bé, để chúng nó nhớ nằm lòng, suốt đời không dám nhúng tay, không dám thực hiện bốn điều tệ hại đó. Vì muốn cuộc đời một người được an lành, vui vẻ, họ chắc chắn sẽ thực hiện những điều đó.

Nhân thiện sẽ mang đến quả thiện, ác nhân nhất định sẽ kéo theo quả ác. Dứt khoát đừng sát sinh, tai nạn xảy ra liên miên đó là do con người sát sinh quá nhiều. Giết người chắc chắn sẽ mang lại quả báo, không phải giết rồi là phủi tay, quả báo giết người là ở địa ngục. Địa ngục là chịu tội, sau khi chịu tội xong còn phải đền mạng. Qúy vị giết bao nhiêu người thì phải đền bấy nhiêu lần, đau khổ lắm, khổ không thể nói hết. Con người làm sao lại lao vào những việc ngu ngốc như thế?

Thứ hai là trộm cắp, chiếm đoạt của cải người khác, liệu có chiếm được không? Không thể, tại sao? Đời kiếp sau này phải trả nợ, nếu trả không hết thì bà con những kẻ chủ nợ không tha cho quý vị. Tại sao quý vị lại nhúng tay vào những chuyện ngu ngốc như thế? Nếu là người thực sự thông minh, thì nên giải tất cả những mối oan này, hoá giải tất cả những oán cừu đã gây tạo từ kiếp trước.

Một trong những phương pháp hoá giải hàng đầu đó là nhìn thấu, triệt để. Qúy vị không thấu suốt thì không thể thực hiện được, đó là dùng tâm chân thành để niệm Phật. Đem công đức niệm Phật của mình hồi hướng cho những oan gia trái chủ trải qua trong nhiều đời kiếp với chính bản thân mình. Nếu thực tâm tu hành, thì công đức tu hành này có thể giúp những người ấy niệm Phật vãng sinh.

Tâm nguyện của chúng ta hoàn toàn tương đồng với nguyện Phật A Di Đà, ta có thể thực hiện được, ta cầu sự gia trì của Phật A Di Đà. Phật A Di Đà sẽ giúp đỡ họ, ta sám hối với oán thân trái chủ. Ngày xưa ta không nhã nhặn, đã vô tình phạm phải những lỗi này, tôi xin lỗi anh, bây giờ tôi đã hiểu, hi vọng chúng ta sẽ cùng nhau tu hành niệm Phật cầu vãng sanh đến thế giới Cực Lạc.

Đừng nên nuôi dưỡng niệm ác, khi niệm ác vắng bóng tất nhiên bạn sẽ không còn hành động ác nữa. Có tâm niệm ác mới có hành vi ác, cần dựa trên yếu tố này để hoá giải tai nạn. Phương pháp của nhà khoa học không mang lại hiệu quả mà lại đem đến rất nhiều phiền toái.

Ở Tokyo Nhật Bản, chuyện này đã được tiến sĩ Giang Bản thực hiện một thí nghiệm về nước. Tuy không phải là có lời giải đầy đủ 100% về vấn đề này, những ít nhất nó đã có 1/10 câu trả lời. Nó đã gợi cho chúng ta nhiều ý hay, đó là ý niệm cây cỏ hoa lá có thể biết được, núi sông rừng bể có thể cảm nhận được. Tất cả những hiện tượng vật chất đều có thể biết được, huống hồ chư Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc, các Ngài làm sao không biết được!

Người Trung Quốc xưa có câu: “Trăm mắt đều thấy, trăm tay đều chỉ”, câu này có lí do của nó, chứ không phải phát biểu một cách tuỳ tiện. Qúy vị có thể không suy nghiệm được sao? Tất cả những hành vi khởi tâm, động niệm, thiên địa quỉ thần, chư Phật Bồ Tát đều thấy rất rõ ràng, tường tận chi li, quý vị trốn đâu được? Qúy vị không thể che giấu được, chỉ che giấu, lừa dối được một số người ngu si, chứ đối với người có học vấn, có sự dụng công thì làm sao qua mặt được họ.

Thấy được rõ ràng là vì họ có sự tu dưỡng, có đức hạnh, nhưng không tiện nói với quý vị, không nghe không hỏi. Nhưng tất cả những gì quý vị làm như khởi niệm ác, tạo nghiệp, thọ báo, các Ngài nhìn rõ như đang xem film. Trên màn ảnh là quý vị đang luân hồi lục đạo, đến khi giác ngộ, phản tỉnh, chịu nghe lời thì Phật Bồ Tát mới đến giúp quý vị.

Phật không độ người không có duyên, thế nào là không có duyên? Qúy vị không tin tưởng, không đủ sức để lí giải, không thể y giáo phụng hành. Tất cả đều được coi là không có duyên, các Ngài sẽ không đến, không thể giúp quý vị.

Cái gọi là “hằng thuận chúng sinh, tuỳ hỉ công đức”, quý vị muốn làm thì cứ làm theo cái đó, Phật Bồ Tát rất rõ ràng. Đến lúc rơi vào ba đường khổ, quý vị không còn muốn chịu thêm cái khổ đó nữa, đến lúc quay đầu, lúc đó Phật Bồ Tát mới đến. Đó là thời điểm nào? Cơ duyên để quý vị được độ đã chín muồi, chuyện chỉ có như thế. Cơ duyên chín muồi là gì? Có thể tin, có thể hiểu, có thể thực hiện, có thể chứng được, đó là thời điểm cơ duyên chín muồi. Vì vậy nội dung đoạn kinh này mô tả thần thông quảng đại, không thể nghĩ bàn của những vị Bồ Tát đã được vãng sanh đến thế giới Cực Lạc.

Chúng ta tiếp tục xem đoạn nguyên văn trong kinh tiếp theo: “Lại quốc độ của đức Phật ấy, thân ánh sáng của chúng Thanh Văn cao một tầm, ánh sáng các Bồ Tát chiếu đến một trăm do tuần”. Đoạn này mô tả thân ánh sáng của các vị Bồ Tát, những vị Bồ Tát này là Bồ Tát Quan Thế Âm và Bồ Tát Đại Thế Chí.

“Có hai vị Bồ Tát được tôn lên hàng đầu, ánh sáng oai thần chiếu khắp thế giới Tam Thiên Đại Thiên”, đây là Bồ Tát Quan Thế Âm và Bồ Tát Đại Thế Chí. “A Nan bạch Phật, Bồ Tát đó có danh hiệu như thế nào? Phật dạy: Một là tên Quan Thế Âm, một là tên Đại Thế Chí. Thân ánh sáng, Thánh Chúng có đỉnh đầu phát ánh sáng và thân phát ra ánh sáng”. Ánh sáng trên đỉnh đầu là ánh sáng tròn đầy trên đỉnh đầu, đây là đỉnh quang. Ánh sáng nơi thân là gì? Ánh sáng nơi thân là toàn thân toả ra ánh sáng, nên gọi là thân quang. “Tầm” là đơn vị đo độ dài, ngày xưa “tám thước là một tầm”.

Phần tiếp theo, “Đại sư Đàm Loan lại nói: Khoảng cách hai nhà trong làng”, ở đây chỉ thôn ấp thông thường. “Không phân định”, không phân định ngang dọc, dài ngắn. “Nói chung chung”, tức mọi người nói. Chúng ta dang hai tay, như thế gọi là một tầm, đây là cách nói của dân gian. Chỉ ánh sáng toả quanh thân độ một tầm, dài khoảng một người dang hai tay. Cả cơ thể có ánh sáng như vậy, người học khí công cho đó là khí, Phật Giáo gọi là ánh sáng, ở đây có ý khác. Có người nhìn thấy khí hoặc ánh sáng, giống người nước ngoài gọi là từ trường, tất cả những đó đều chỉ một thứ.

“Ánh sáng quanh thân Thanh Văn chỉ đến tám tấc”, là khoảng một tầm\_A La Hán. “Ánh sáng của Bồ Tát độ một nghìn dặm”, ánh sáng này khá rộng. Ngày nay chúng ta gọi là từ trường, cách giải thích này khá hợp lí, họ có từ trường rộng như thế. “Tất cả ánh sáng oai thần của Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc đều thù thắng”, chắc chắn đó là sự gia trì của 48 lời nguyện Phật A Di Đà. Bản thân họ thực sự tin tưởng, thực tâm phát nguyện, thực sự y giáo phụng hành. Ánh sáng quanh thân của họ nhất định vượt qua tất cả các Bồ Tát thông thường khác, vấn đề này chúng ta có thể hình dung được.

“Nhưng đặc biệt có hai vị đứng đầu”, giống như những người trợ giảng của Phật A Di Đà. Phật A Di Đà có hai vị trợ giảng. “Đứng đầu trong tất cả chúng sinh, một có danh hiệu Quan Thế Âm, vị kia có danh hiệu Đại Thế Chí, ánh sáng oai thần của hai vị này chiếu khắp ba nghìn đại thiên thế giới”.

Ba nghìn đại thiên thế giới được nói ở đây, không phải tam thiên đại thiên thế giới trong đại thiên thế giới. Vậy ta nên giải thích ra sao? Thế giới tam thiên đại thiên trong tất cả quốc độ chư Phật của cõi hư không khắp pháp giới, đây là một sự thực chứ không phải giả.

Tại sao? Phật A Di Đà độ khắp tất cả chúng sinh trong lục đạo của tất cả quốc độ chư Phật trong cõi hư không khắp pháp giới. Ngài không bỏ rơi bất cứ quốc độ Phật nào, nên đương nhiên ánh sáng của các ngài phải chiếu xa đến tất cả quốc độ chư Phật của cõi hư không khắp pháp giới. Quốc độ mỗi vị Phật là một tam thiên đại thiên thế giới, phải giải thích như thế mới hợp lí, mà lại có thật, không phải giả. Hai vị Bồ Tát này yểm trợ Phật A Di Đà dạy học, mỗi vị Bồ Tát có một nhiệm vụ khác nhau, Bồ Tát Quan Âm dạy về đức hạnh, Bồ Tát Đại Thế Chí dạy về trí tuệ.

Nhà Phật thường nói: “Hành giải tương ưng”, một là hành môn, một là giải môn. Quan Thế Âm là hành môn, Đại Thế Chí là giải môn, là trí tuệ. Phật, một Phật, hai Bồ Tát. Bất luận một tông phái, pháp môn nào trong nhà Phật, cúng dường Phật đều cúng dường theo kiểu như thế, một vị Phật, hai vị Bồ Tát thành Tam Thánh, nó có tính tượng trưng, chúng ta phải nắm vững vấn đề này.

Tượng trưng cho thứ gì? Biểu trưng chính bản thân mình, Phật có mối quan hệ rất thân thiết với chúng ta, Phật là tự thể của chúng ta: “Tất cả chúng sinh vốn là Phật”. Điều học Phật đầu tiên đó là thừa nhận vấn đề này, nếu quý vị không thừa nhận mình là Phật thì đến lúc nào mới thành Phật? Vốn quý vị là Phật, vì thế không khó để thành Phật, điều này chúng ta không thể không biết.

Bổn phận giáo dục của người phương Đông dạy học là chỉ ra mục tiêu đó cho mọi người. Ngay đầu tiên đã nói với quý vị: Chắc chắn quý vị sẽ thành Phật. Tổ tiên người Trung Quốc chúng ta cũng dạy người như thế, tổ tiên chúng ta dạy: “Tánh người vốn thiện”, câu đầu tiên trong cuốn “Tam Tự Kinh”: “Nhân chi sơ, tánh bản thiện”.

Mục tiêu của giáo dục nhắm đến đâu? Từ tập tánh bất thiện quay về gốc thiện, giáo dục được bản tánh bản thiện là thành công rồi. Bản thiện chính là Phật, giống như những gì nhà Phật đã nói: Phật là bản thiện. Bởi thế điều đầu tiên của việc dạy học là đức hạnh, tiếp đó mới là trí tuệ. Trí tuệ và đức hạnh có thể đứng trước hay sau nhau cũng được, nhìn căn tánh mỗi người khác nhau, trước hay sau không giống nhau.

Trong Tịnh Tông, hành được đưa lên đứng đầu, giải đứng sau, đó cũng là cách coi trọng hành môn. Trước hết quý vị phải là tốt hành môn rồi sau đó mới cầu trí tuệ. Hoa Nghiêm lại khác, Hoa Nghiêm coi trọng giải môn. Vì thế Bồ Tát Văn Thù được đưa lên hàng đầu, thứ hai là Phổ Hiền. Phải có trí tuệ trước đã rồi đến giải, rồi đến hành, Văn Thù đứng đầu.

Chúng ta hãy nhìn vị trí của các vị Bồ Tát thì biết ngay tông phái đó, hành môn này họ chú trọng hạnh hay giải. Thế nhưng trong hành có giải, trong giải có hành, hành không thể xa lìa giải. Tuy vậy nó cũng có sự thiên lệch.

Tịnh Tông đặc biệt nghiêng về hành môn, Bồ Tát Quan Âm được đưa lên hàng đầu. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát Phổ Hiền đại diện cho hành môn, Văn Thù đại diện cho giải môn. Tịnh Tông và Hoa Nghiêm Tông, Bồ Tát Phổ Hiền là nhất thể. Bồ Tát Phổ Hiền phát mười đại nguyện để đưa tất cả chúng sinh về thế giới Cực Lạc. Bởi thế pháp môn tu ở thế giới Cực Lạc thường là pháp môn của ngài Phổ Hiền.

Quí vị xem phẩm thứ hai của bộ kinh này có tên: “Đức tuân Phổ Hiền”, đó không phải là bằng chứng rõ ràng sao? Nội dung phẩm kinh đó có gì? Thế giới Cực Lạc, tu hành ở thế giới Cực Lạc là đức tuân Phổ Hiền. Nói cách khác, nói một cách ngắn gọn, mỗi người ở thế giới Cực Lạc đều tu thập đại nguyện vương của Phổ Hiền. Khi viên mãn thập đại nguyện vương ta sẽ chứng được quả vị Diệu giác, nghĩa là thành Phật, thành Phật thế nào?

Hoàn toàn tương đồng với Phật A Di Đà, không tìm thấy một điểm gì khác Phật A Di Đà. Nói cách khác, Phật A Di Đà như một khuôn mẫu điển hình, đến đâu cũng thấy hình tượng đúc ra từ khuôn mẫu ấy. Có thể nói tất cả đều từ Phật A Di Đà mà ra, không một đức Phật nào không phải Phật A Di Đà. Phật A Di Đà là bổn tôn của chúng ta, Phật A Di Đà là người gốc, Phật A Di Đà là tự tánh của chúng ta, chúng ta không thể không biết được chân tướng sự thực này. Bởi thế ánh sáng oai thần của ngài chiếu đến quốc độ của tất cả chư Phật trong cõi hư không khắp pháp giới, quả thực là một pháp hi hữu, không thể nghĩ bàn.

Phần tiếp theo giới thiệu Bồ Tát Quan Thế Âm còn có tên gọi khác là Bồ Tát Quán Tự Tại. “Nói một cách đơn giản là quan sát những xưng niệm danh hiệu Bồ Tát đó để đến cứu giúp, nên mới có tên Quán Thế Âm”, danh hiệu Quán Thế Âm đặt nặng việc cứu độ chúng sinh. Danh hiệu Quán Tự Tại đặt nặng việc tu hành của chính bản thân, đặt nặng vấn đề tự lợi. Quán Thế Âm chú trọng việc lợi tha, cùng một người cả mà công đức tự lợi, lợi tha đều viên mãn.

Tiếp theo: “Nhìn khắp cơ duyên của tất cả chúng sinh trong pháp giới để tự tại cứu khổ ban vui nên có tên Quán Tự Tại”, đây là đức hiệu của Bồ Tát. Giáo dục! Giáo dục được chú trọng. Từ kinh điển, chúng ta đã hiểu, nhận thức một cách sâu sắc cả thế gian và xuất thế gian, có thứ gì còn quan trọng hơn cách giáo dục này?

Không thể tìm thấy! Phật là thầy giáo của chúng ta, Bồ Tát là người phụ trách việc học tập của chúng ta. Bồ Tát học tập từ Phật, nhưng chưa tốt nghiệp, nhưng lớp họ cao hơn chúng ta, Bồ Tát Đẳng Giác là cao nhất. Hiện tại chúng ta chỉ mới năm đầu tiên của tiểu học. Họ đã năm thứ năm mươi mốt, cao hơn gấp mấy lần chúng ta. Nhưng họ đang theo dõi việc học của chúng ta, họ chưa tốt nghiệp, họ tốt nghiệp là thành Phật. Bởi thế ta phải hiểu rõ mối quan hệ giữa ta và Bồ Tát, giữa ta và A La Hán. Tất cả đều là đồng học, học trước sau nhưng đều là bạn cùng trường, nhưng lớp của họ cao hơn chúng ta.

Điều quan trọng nhất trong việc giáo dục là đức hạnh, tổ tiên người chúng ta đã nhận thức rất rõ việc này. Qúy vị xem Khổng Tử đặt đức hạnh lên hàng đầu trong việc giáo dục. Tiếp đến là cách ăn nói, phải biết cách ăn nói, người không biết ăn nói rất dễ tạo ra khẩu nghiệp, khẩu nghiệp rất phiền phức.

Cổ nhân nói rất đúng: “Bệnh vào từ miệng, hoạ ra từ miệng”, ý nói không thận trọng trong lời ăn tiếng nói rất dễ mang lại tai hoạ, gây thù kết oán với người khác. Cái gọi là: “Người nói vô tâm, nhưng người nghe để ý”, quả thật rắc rối. Họ nghe, nghĩ bậy, giải thích không đúng, cuối cùng gây thù chuốc oán.

Phật, Bồ Tát, Thánh Hiền dạy chúng ta, con người sống giữa thế gian không thể không khiêm tốn, không thể không nhường nhịn, đó là tánh đức. Việc khiêm tốn, nhường nhịn là để bảo toàn đức hạnh và cũng để cho thấy trí tuệ của quý vị. Không có trí tuệ không thể làm được, người không có đức hạnh không thể làm được.

Với người không đủ đức hạnh lại càng khiêm tốn, càng lễ phép, tại sao? Những người ít khiêm cung rất dễ gây oán thù, đừng nên gây thù kết oán với mọi người, phải thật khiêm cung, lễ phép, thế nên có câu: Thà đắc tội với người quân tử, đừng để mang tội với kẻ tiểu nhân. Kẻ tiểu nhân thường ôm lòng sân hận, họ sẽ rắp tâm báo thù quý vị về sau. Người quân tử có đức hạnh, quý vị mang tội với họ, không quan trọng, họ không để bụng, họ cũng sẽ không oán trách quý vị. Đây là kinh nghiệm của các bậc thánh hiền từ nghìn năm về trước chứ không phải là những lời vẩn vơ.

Đó là những lời giáo huấn được đúc kết từ kinh nghiệm, chúng ta không thể không học. Nhất là trong bối cảnh xã hội hiện tại, ngày nay những lời giáo huấn của các bậc Thánh Hiền Trung Quốc, hình như đã lãng quên từ vài trăm năm nay. Bắt đầu từ thái hậu Từ Hi, đời nhà Thanh đến nay, chừng hai trăm năm. Khi thái hậu Từ Hi chấp chính, họ bắt đầu coi thường các bậc Thánh Hiền, tổ tông xa xưa, Phật, Bồ Tát.

Qúy vị xem đế vương mọi thời đại đều là đệ tử của ngôi Tam Bảo, đều là những người tôn sư, hiếu kính cha mẹ, trân trọng Phật, Bồ tát. Duy chỉ có bà, bà tự xưng là Lão Phật Gia, đạp Phật Bồ Tát xuống dưới, bà là Lão Phật Gia ngồi tít trên cao. Bà áp dụng phương pháp “trên làm sao, dưới theo vậy”, khiến lòng kính ngưỡng Phật Bồ Tát, Thánh Hiền của quần thần, dân gian dần nguội lạnh và cuối cùng suy yếu. Sau khi triều Mãn Thanh mất nước, xã hội Trung Quốc liên tiếp rối loạn, đó cũng chính là nguyên nhân để Nho Giáo, Phật Giáo, Đạo Giáo suy vi, sau thế chiến thứ hai, tựa hồ Trung Quốc vắng bóng Nho, Phật, Lão, xã hội làm sao không loạn được?

Tình hình Nhật Bản cũng không ngoại lệ, ít nhất cũng suy đồi đến hai, ba trăm năm. Một số huynh đệ xuất gia bên đó đã cho tôi biết như thế. Cách đây bốn trăm năm, người xuất gia Nhật Bản hoàn toàn giống với các đại đức tổ sư ngày trước của Trung Quốc, rất siêng năng nghiên cứu giáo lí, thông suốt, thấu hiểu, y giáo phụng hành.

Nhật Bản có mười ba tông phái, Trung Quốc có mười tông phái, bên họ có mười ba tông phái, cả hai quốc gia đều đạt đến những thành công rực rỡ. Trước tác của các đại đức tổ sư vô cùng phong phú, nhất là Kinh Vô Lượng Thọ. Họ đi sâu nghiên cứu Kinh Vô Lượng Thọ còn tuyệt vời hơn cả người Trung Quốc. Có hơn hai mươi loại chú giải của các bậc cổ đức, đây là những bản chủ lưu, còn những bản đứng sau có thể lên đến mười mấy, hai mươi loại, trong lúc đó ở Trung Quốc chỉ vỏn vẹn hai loại.

Nhưng bây giờ họ cũng đã suy yếu, không có người chịu học, không người giảng giải. Người đọc tụng thì may ra vẫn còn, nhưng cũng không bao nhiêu. Số người hoài nghi Thánh Giáo lại rất phổ biến, ngày càng đông thêm. Thậm chí rất hiều người đều hỏi thực sự có thế giới Cực Lạc hay không? Qúy vị có tin hay không? Nếu có người đặt câu hỏi đó thì câu trả lời của quý vị là gì? Câu trả lời hay nhất, có trí tuệ nhất là ta vặn lại: Bạn nằm mơ lần nào chưa? Câu trả lời là có, vậy thì thế giới Cực Lạc cũng có! Tại sao?

Thế giới Cực Lạc là do tự tánh bạn biến hiện, mơ cũng do tự chính ta biến hiện. Nói cho quý vị hay, luân hồi lục đạo cũng do tự tánh biến hiện, địa ngục a tì cũng do tự tánh của biến hiện, nó không ở bên ngoài vào. Trong kinh, Phật đã dạy rất cụ thể: “Tất cả pháp đều từ tâm tưởng sinh”, nếu nghĩ có là có, nếu nghĩ không là không. Tất cả pháp đều từ tâm tưởng sinh, nghĩ cái gì thì có cái đó. Con người ngày nay nghĩ những gì? Toàn nghĩ đến của cải, sắc đẹp, danh lợi, ăn uống, hưởng thụ, nghĩ đến giết người, cướp của, tà dâm, nói dối, đó không phải là những thứ do nghĩ sao? Qúy vị sẽ có được.

Thời Thượng cổ, trước thời nhà Chu, người dân Trung Quốc rất chất phác. Họ toàn nghĩ đến chuyện luân lí, đạo đức, họ chỉ nghĩ đến những thứ đó đừng để việc ăn nói trở thành khẩu nghiệp, vì vậy xã hội lúc bấy giờ an ninh. Nhà Chu kéo dài 800 năm, nhà Thương gần 600 năm, xã hội trước các triều đại Hạ, Thương, Chu rất yên ổn, tại sao? Lòng người tốt đẹp, ít dục vọng.

Càng về sau dục vọng càng nhiều, cách đạo đức ngày càng xa, đến bây giờ ngay cả lễ cũng vắng bóng, đạo, đức, nhân, lễ, nghĩa càng thụt lùi. Cổ nhân đã nói, nếu năm thứ kể trên không còn nữa thì thế giới cũng loạn lạc, lời người xưa quả thật ứng nghiệm.

Nếu muốn cứu vãn thế giới này trở về nguyên trạng, chúng ta nên bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ chữ lễ, quốc gia xã hội kêu gọi giữ lễ nghĩa, mỗi người đều hiểu chữ lễ, mỗi người đều làm việc nghĩa thì xã hội từ từ sẽ trở nên an ninh. Bởi thế chúng ta lấy bốn chữ của nhà Nho.

Điều này, ở nước ngoài Thacher cũng đã đề cập, muốn giải quyết vấn đề xã hội thế kỉ 21, phải cần đến học thuyết Khổng Mạnh. Học thuyết Khổng Mạnh là gì? Chúng ta nói càng đơn giản càng tốt, gói gọn trong bốn chữ: “Khổng nói thành nhân, Mạnh nói giữ nghĩa”, “Đạo của Khổng Tử: Không gì ngoài trung, thứ”, chúng ta chỉ lấy bốn chữ: “Nhân, nghĩa, trung, thứ”, áp dụng bốn chữ này thì xã hội sẽ an ninh. Xã hội an ninh thì phần lớn thiên tai trên quả đất sẽ giảm đi đáng kể.

Giáo lí Đại thừa đã nói: “Chân thành, từ bi’, bởi thế lời của Thacher rất chí lí. Nó có thể giúp đỡ xã hội này hoá giải những xung đột, thúc đẩy xã hội khôi phục hoà bình, an ninh. Đó không phải là nhiệm vụ bất khả thi mà có thể làm được. Quan trọng làm sao để giáo dục không đi ngược lại nội dung tám chữ, đó là “Nhân nghĩa, trung thứ” của nhà Nho, “Từ bi, chân thành” của nhà Phật.

Thời gian không cho phép, bài học chúng ta dừng lại tại đây.

 **HẾT TẬP 448**

# Tập 449

Chuyển ngữ: Minh Tuệ
Biên tập: Nguyên Tâm
Thời gian:11.06.2011
Địa điểm: Cương Sơn Tịnh Tông Học Hội\_Nhật Bản

 Chư vị Pháp sư, quí vị Phật tử, mời ngồi.

 Xin xem câu cuối, hàng thứ năm, trang 569 trong Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh giải:

 “Tấn ngôn chi, như Pháp Tạng chi Tâm Kinh Lược Sớ viết: Ư sự lý vô ngại chi cảnh, quán đạt tự tại, cố lập thử danh\_ Quán Tự Tại. Hựu quán cơ vãng cứu, tự tại vô thất, cố dĩ danh vi\_Quán Thế Âm. Tiền thích tựu trí, hựu thích tựu bi”

 Đây là cách giải thích danh hiệu Bồ Tát trong Tâm Kinh Lược Sớ, sự là sự tướng, lí là lí thể. Cảnh giới lý sự vô ngại, quán đạt tự tại, đây chính là lí sự vô ngại, sự sự vô ngại. Đi vào cảnh giới như thế mới được gọi Bồ Tát Quán Tự tại.

 “Hựu quán cơ vãng cứu”, đây là cảm ứng đạo giao với chúng sinh, chúng sinh có cảm, Bồ Tát liền ứng, cảm ứng đạo giao là không thể nghĩ bàn. Chỉ cần đem tâm chân thành để mong cầu thì chắc chắn Bồ Tát sẽ đến, cốt yếu là phải chân tâm. Chân tâm chính là tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh là không có tạp niệm.

 Đương nhiên con người khi gặp thiên tai, chắc chắn phải có lí do, đó là sư chiêu cảm của nghiệp bất thiện. Nghiệp bất thiện có thể được tạo ra trong quá khứ, cũng có thể do tạo ra trong hiện tại, có điều, bất luận được tạo quá khứ hay hiện tại đều có thể sám hối. Nếu không sám hối mà cứ cầu Bồ Tát đến cứu mình thì Bồ Tát cũng không có cách nào để đến. Phải thực tâm sám hối, từ nay về sau không tái phạm thì lúc đó việc cầu mới linh nghiệm, chúng ta chắc chắc phải hiểu sâu sắc vấn đề này.

 Những nghiệp tạo ra trong quá khứ được sám hối rồi thì việc cảm ứng càng rõ ràng hơn, những tội nghiệp nặng nề được tạo trong hiện tại, nếu chí tâm sám hối cũng sẽ được tiêu trừ. Từ xưa đến nay những trường hợp như thế này cũng thường xảy ra, bởi lòng từ bi vô hạn của Bồ Tát.

 Ngạn ngữ Trung Quốc có câu: “Không gì quí giá bằng lãng tử hồi đầu”, cho dù tội nặng như ngũ nghịch, thập ác đi nữa thì chỉ sợ quý vị không chịu phản tỉnh, quay đầu là bờ, quay đầu là được cứu. Quan trọng là ở chỗ tâm thành mới có thể cảm ứng đạo giao với chư Phật, Bồ Tát. Đại sư Ấn Quang thường nói: “Thành kính một phần thì được một phần lợi ích, thành kính mười phần thì được mười phần lợi ích, trăm phần thành kính thì được trăm phần lợi ích, nghìn phần thành kính thì được nghìn phần lợi ích”.

 Phần trước chúng ta đã nói đến sự đối xử cực kì cung kính với ngũ tổ Hoằng Nhẫn, của đại sư Huệ Năng đời nhà Đường. Khi nghe ngài Hoằng Nhẫn giảng kinh, chúng ta dự tính khoảng hơn hai giờ đồng hồ. Ngài là người mù chữ, xưa nay chưa bao giờ nghe kinh, chưa bao giờ nghe pháp. Suốt thời gian tám tháng tại Hoàng Mai, ngài chưa từng đến giảng đường, cũng chưa từng đến thiền đường, lão hoà thượng chỉ chia cho Ngài việc chẻ củi và giã gạo ở nhà bếp, ngày nay chúng ta gọi việc này là làm công quả. Làm những công việc nặng nhọc suốt tám tháng như thế, nhưng khi nghe giảng kinh hai tiếng đồng hồ Ngài thành Phật ngay, phàm phu thành Phật, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, ngài nhờ vào những gì?

 Chúng tôi phân tích giúp quí vị nhé, ngài thành kính vạn phần nên được vạn phần lợi ích, Ngài đạt đến sự viên mãn, mấu chốt vẫn là sự thành kính. Chúng ta cầu khai ngộ, muốn nhất tâm, cầu sanh Tịnh Độ, nhưng không có tâm thành kính thì làm sao được. Chí thành cung kính là bí quyết thành công của tất cả những người tu hành từ quá khứ, hiện tại, cho đến vị lai.

 Ngày nay Phật pháp đang suy đồi, một phần lí do cũng bởi quá ít người thực sự có lòng thành kính, phần nhiều đều là phù phiếm, xốc nổi, vì thế trở ngại là điều khó tránh. Giống như chúng ta đây, chúng ta có thể nuôi dưỡng tâm thành kính không? Được, chỉ cần bạn quyết tâm. Đầu tiên là cắt hết những thứ gây trở ngại tâm thành kính, lúc đó tâm thành kính mới lộ diện được

 Những thứ gây trở ngại tâm thành kính đó là giả tạo, việc dụng tâm ngày nay của chúng ta, nói thật toàn là tâm giả dối, không chân thật, thay đổi chóng vánh, đó là thứ phổ biến nhất trong xã hội ngày nay. Bởi thế không ai tin tưởng ai, tự mình cũng không tin chính mình. Sự đổi thay quá nhanh chóng, thấy khác là muốn thay đổi, không tìm thấy một chút thành kính trong đó. Đây là một chướng ngại cực lớn trong sự nghiệp học tập của chúng ta. Vậy nên ta phải đào thải tất cả những thứ giả tạo đó, buông bỏ, đừng ngó ngàng đến nó nữa. Lòng thành là thứ vốn có trong tự tánh, đó là tánh đức nên chỉ cần buông bỏ chướng ngại là tâm thành kính có mặt ngay.

 Biểu hiện rõ nhất của lòng giả dối là tự tư tự lợi, đó là sự không có thật, rõ nhất là tự tư, tự lợi. Nhưng liệu có thể tự lợi được không? Không thể, tại sao? Những người có trí tuệ mới có thể thực sự tự lợi, người không có trí tuệ thì chỉ có tạo nghiệp, nhận quả báo không tốt. Nếu thực sự họ tự lợi được thì làm sao lại tạo nghiệp, làm sao lại cắm đầu vào địa ngục, không thể nào! Bởi thế tự bản thân họ lừa dối họ, ngu muội vô tri, những người này trong kinh gọi là kẻ đáng thương. Nếu nhân duyên thù thắng, mỗi ngày đều nghe kinh nghe pháp, huân tu trong thời gian dài, dần dần họ sẽ giác ngộ.

 Trong xã hội ngày nay, người giảng kinh rất ít, người thực tâm tu hành cũng không bao nhiêu, kinh giáo ta có được đều nhờ internet, vệ tinh, mọi nơi đều có thể học được. Tuy ngồi đây nhưng chúng ta cũng có thể cùng học tập với tất cả mọi người, ngay những người bạn học ở Mĩ, Australia, Nam Dương, Trung Quốc đại lục cũng có thể thấy, nghe được, đó là một nhân duyên thù thắng. Trước đây không có những loại phương tiện này, nên việc giảng kinh đã khó, mà được nghe kinh lại càng khó hơn. Ngày nay khoa học đã phát triển, chúng ta nên tận dụng cơ hội này.

 Chúng ta cũng nên nghĩ đến một ngày nào đó tai nạn sẽ thình lình xảy đến, tất cả nhữung thành tựu khoa học kỹ thuật sẽ không còn nữa, những cơ hội tốt này sẽ không còn, thứ có thể được tin cậy nhất đó là thư tịch. Một lượng lớn kinh điển được lưu hành đó là công đức rất lớn. CD, VCD... cũng chưa thể yên tâm, vì nếu không có nguồn điện thì nó cũng thành thứ vô dụng. Bởi thế thứ gì cũng tạm bợ, những gì không mang theo được thì nên buông bỏ.

 Cái gì mới là thật? Tánh đức là thật, tự tánh là thật, đức năng trí tuệ vốn sẵn trong tự tánh là thật. Đó là thứ không sinh không diệt, chỉ cần chúng ta đẩy lui những chướng ngại thì nó sẽ có mặt, chúng ta sẽ cảm ứng đạo giao với Bồ Tát.

 Tiếp theo: “Đại Bồ Tát này với Bồ Tát Đại Thế Chí, đứng hầu hai bên Phật Di Đà, ủng hộ việc giáo hoá của Phật, thường được gọi là Tây Phương Tam Thánh”. Những hình ảnh này mọi người đã thấy rồi, người học Tịnh Độ rất quen thuộc. “Hiển Giáo gọi vị Bồ Tát này là đệ tử Phật Di Đà, Mật Tông cho rằng đó là hoá thân Phật A Di Đà”. Mật Tông không chấp nhận Quan Âm, Thế Chí là đệ tử Phật Di Đà, mà chỉ là hoá thân của Phật, vì Quan Âm người bản địa cho rằng là Chánh Pháp Minh Như Lai, điều này được thể hiện trong kinh do đức Phật nói.

 Vậy rốt cục Bồ Tát Quan Thế Âm là ai, chúng tôi khẳng định một lần nữa với quý vị, danh hiệu Bồ Tát Quan Thế Âm là danh hiệu chung, không dành riêng để gọi một vị Bồ Tát nào. Qúy vị tu pháp môn Bồ Tát Quan Thế Âm thì quý vị đã là Bồ Tát Quan Thế Âm, Bồ Tát Quan Thế Âm có bao nhiêu đẳng cấp? Nếu nói theo Kinh Hoa Nghiêm, từ địa vị Thập Tín, bắt đầu từ Bồ Tát ở địa vị Sơ Tín đến Đẳng Giác có 51 cấp. Vậy Bồ Tát Quan Thế Âm đứng chỗ nào trong các đẳng cấp đó, đây là vấn đề cần phải biết.

 Chúng ta thường nói Bồ Tát Quan Thế Âm là Bồ Tát Đẳng Giác, nhưng trong Kinh Lăng Nghiêm chúng ta thấy rất rõ ràng Quan Thế Âm là Bồ Tát Sơ Trú. “Nhị thập ngũ viên thông”. Ngài nói khi Ngài khai ngộ, khai ngộ đồng nghĩa với đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, chứng đắc pháp thân, đây thực sự là một vị Phật, Bồ Tát Sơ Trú trong Viên Giáo.

 Nhưng chúng ta đã thấy trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài Đồng Tử đến thăm Bồ Tát Quan Thế Âm, vị Bồ Tát này đứng vị trí thứ bảy trong mười hồi hướng.

 Phẩm Phổ Môn trong Kinh Pháp Hoa, Bồ Tát Quan Thế Âm là Bồ Tát Quan Âm Đẳng Giác, quí vị thấy có sự sai biệt về đẳng cấp rất lớn.Trong Kinh Lăng Nghiêm là Thập Trú, Sơ Trú. Thập trú, Sơ trú ngang với học sinh năm đầu của trung học. Trong Kinh Hoa Nghiêm là Thập Hồi Hướng, Thập Hồi Hướng ví như đại học, mỗi giai đoạn của nó có mười vị thứ, là Bồ Tát lớp bảy. Bồ Tát Quan Thế Âm trong phẩm Phổ Môn là nghiên cứu sinh của lớp tiến sĩ, hoàn toàn khác nhau, nhưng cùng là Bồ Tát Quan Thế Âm, không phải giả

 Tại những nơi khác nhau, Bồ Tát Quan Thế Âm, dùng những thân hình khác nhau để thị hiện, vấn đề này cần nói cho rõ. Về vị thứ của việc tu học, Bồ Tát Quan Thế Âm cũng cần nói cho rõ, cả hai mặt đều có.

 Trong cách nhìn của chúng ta ngày nay, cầu Bồ Tát Quan Thế Âm, tất cả Bồ Tát Quan Thế Âm đều có cảm ứng đạo giao với chúng ta. Bồ Tát Quan Thế Âm nào có duyên với ta thì vị đó sẽ đến, đây là chân lí bất di bất dịch, tại sao? Phật Bồ Tát không độ những người vô duyên, vô duyên có nghĩa là ta không tin ngài, trong hội ngài ta không thể phát tâm Bồ Đề, vì thế chúng ta phải nắm rõ nguyên tắc này.

 Chúng ta nghe nhiều người bàn tán người nào đó là Bồ Tát nào đó tái sanh, Phật nào đó tái sanh, nhưng chúng ta phải hiểu được thực tướng các pháp, liệu có thể nói được như thế chăng? Được, bởi vì tất cả chúng sanh vốn là Phật, vậy thì có gì để thắc mắc nữa.

 Chúng ta đã tìm ra câu trả lời, mỗi chúng sanh vốn là mỗi vị Phật, Bồ Tát là người đang ở giai đoạn tu học để thành Phật. Quý vị đang ở giai đoạn nào? Bởi thế chúng ta thường nghe nói người nào đó là vị Phật gì đó tái sanh, Bồ Tát nào đó tái sanh. Những người tu Tịnh Độ Tông đều là Phật A Di Đà, tu theo Kinh Địa Tạng là Bồ Tát Địa Tạng, tu theo Phẩm Phổ Môn là Bồ Tát Quan Thế Âm, vấn đề này cần phải hiểu, không có gì kỳ lạ.

 Vì thế ta phải hiểu thật rõ chân tướng sự thực, nghe lời người ta nhưng phải theo dõi hành động của họ. Nếu lời nói của họ không đi đôi với hành động, có thể kết luận đó là Bồ Tát giả, mạo danh Bồ Tát, đó không phải thật. Một vị Bồ Tát thực thụ phải có lời nói đi đôi với việc làm.

 Ví như có người nói đại sư Ấn quang là Bồ Tát Đại Thế Chí Bồ Tát tái sanh. Chúng ta cứ bình tâm hồi tưởng lại những hành động trong suốt cuộc đời đại sư Ấn Quang, để xem có giống Bồ Tát Đại Thế Chí không? Rất giống! Bạn cứ giở kinh ra để đối chiếu với những lời ăn, tiếng nói, cử chỉ, hành động của cuộc đời đại sư Ấn Quang, giống như đúc.

 Bồ tát Đại thế chí chứng quả khi tu Niệm Phật viên thông, suốt đời đại sư Ấn Quang dạy người niệm Phật, một câu A Di Đà Phật. Ba thứ rõ ràng, đó là phương pháp của ngài, rất có ích lợi với chúng ta ngày nay. Niệm Phật rõ ràng, lời niệm danh hiệu Phật không cần quá nhanh, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, cứ niệm từ từ như thế. Thật rõ ràng mỗi chữ, niệm thật rõ ràng làm sao để tai ta có thể nghe được. Đừng nghe tiếng người khác niệm, nghe thật rõ ràng tiếng niệm Phật của ta, đây gọi là đếm số, đếm từ một đến mười, kế đó lại bắt đầu đếm lại từ một đến mười, cứ đếm như thế. Với danh hiệu Phật đó thì tiếng niệm của ta là tiếng thứ mấy, ghi nhớ thật rõ ràng, không được nhầm lẫn.

 Đây là phương pháp có thể nhiếp được tâm khi niệm, có nghĩa vọng niệm không thể xen vào được, khi vọng niệm xen vào ta sẽ quên mất số thứ tự, lúc đó ta nên bỏ luôn những số đã quên đó và bắt đầu đếm lại. Qúy vị cứ tiếp tục niệm, niệm đến khoảng bốn, năm tiếng đồng hồ thì tạp niệm sẽ không xen vào được nữa. Lúc đó quý vị cảm thấy tinh thần mình được thư thái, mấy tiếng đồng hồ vẫn không thấy mệt, rất thoải mái khi niệm, thấy tràn dầy niềm vui trong giáo pháp, phương pháp này rất thích hợp cho người hiện đại muốn học tập.

 Không cần dùng chuỗi hạt, không cần đếm số, quý vị đừng để ý có ai đó niệm hàng vạn tiếng mỗi ngày, chỉ cần nhớ từ một đến mười, một đến mười, một đến mười, cứ theo cách đó, rất nhiếp tâm.

 Rắc rối nhất của việc niệm Phật đó là tạp niệm, mà tạp niệm vẫn thường xảy ra, có chút khó khăn khi mới bắt đầu phương pháp này, đừng lo lắng, độ hai, ba tuần là khắc phục được. Qúy vị sẽ trở về trạng thái bình thường, đừng e ngại với những trở ngại ban đầu, cứ thế mà niệm, khi công đức đầy đủ thì sẽ niệm với tâm chân thành. Vì sao? Lúc đó tạp niệm đã hết, tâm liền được chân thành. Tâm không chân thành là thế nào? Nhiều vọng niệm, vọng niệm xen lẫn vào trong đó và phá hoại tâm chân thành của chúng ta. Nếu không có vọng niệm thì tâm chân thành sẽ có mặt và cảm ứng đạo giao sẽ đến.

 Vì vậy, chỗ của Bồ Tát Quan Âm là nói về thế giới Cực Lạc, Bồ Tát Quan Thế Âm bên cạnh Phật A Di Đà là chỉ người này, đó không phải là người bình thường mà ngài là người đã thành Phật từ rất sớm, có danh hiệu Chánh Pháp Minh Như Lai. Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni nói: “Bồ Tát Quan Thế Âm có sức oai thần bất khả tư nghị, đã thành Phật trong vô lượng kiếp về trước, có danh hiệu Chánh Pháp Minh Như Lai”, bởi thế thực sự ngài là một người đã thành Phật từ lâu.

 Phật A Di Đà thị hiện ở thế giới Cực Lạc, kiến lập đạo tràng để tiếp dẫn chúng sinh. Bồ Tát đã có nhân duyên sâu nặng với Phật Di Đà, nên khi khi Phật đang giáo hoá thì ngài đến đó để giúp đỡ với thân phận của một vị Bồ Tát. Đây được coi là đã giáng xuống một cấp bởi ngài đang mang dáng dấp Bồ Tát để giúp đỡ Phật A Di Đà giáo hoá chúng sinh.

 “Vì muốn dùng nguyện lực đại bi để khơi gợi cho tất cả những Bồ Tát khác đem lại an lạc cho chúng sinh nên mới hiện thân Bồ Tát”. Ngài thị hiện dưới dạng một vị Bồ Tát, đây chính là trong nhà Phật thường nói: “Chèo thuyền từ quay trở lại”, thành Phật rồi, quay trở lại địa vị Bồ Tát để giúp đỡ Phật A Di Đà.

 Một thế giới chính là một đạo tràng, chỉ có một vị chủ trì, không thể có hai. Phật là vị chủ trì đạo tràng, vì thế một đạo tràng chỉ có một vị Phật, không thể có thêm một vị nữa, những vị Phật khác đến đó, tất cả đều dưới dạng một vị Bồ Tát. Như trong một ngôi trường, chỉ có một hiệu trưởng, những giáo viên khác muốn đến đó giảng dạy thì cũng đến với tư cách một giáo sư chứ không thể làm hiệu trưởng được. Bồ Tát chính là tư cách giáo sư, tất cả các đức Phật Như Lai khi đến thế giới Cực Lạc đều đến với tư cách giáo sư.

 Những vị đến với tư cách như Quan Âm, Thế Chí rất đông, có phải là những vị ấy không có đạo tràng hay không? Họ vẫn có, ở đạo tràng của mình, họ là Phật, là hiệu trưởng. Nhưng khi đến dạy ở đây, họ đến với tư cách giáo sư, đây là một sự thực. Nếu bạn muốn đến thế giới các vị ấy, đến thăm quốc độ những vị ấy, rất dễ, mỗi ngày bạn đều có thể đi.

 Bởi thế, tu học ở thế giới Cực Lạc là một điều rất tuyệt vời, những vị giáo sư đều là Phật Như Lai hoá thân thành Bồ Tát. Nhất định phương hướng giảng dạy của họ sẽ hoàn toàn tương đồng với tôn chỉ Phật A Di Đà, đó là gì? Một câu danh hiệu Phật, bất kì một vị Phật, Bồ Tát nào khi đến thế giới Cực Lạc để giúp đỡ Phật A Di Đà dạy học, đều dùng một câu danh hiệu Phật. Chắc chắn không sử dụng những pháp môn khác, nếu sử dụng những pháp môn khác thì pháp môn Tịnh Độ sẽ bị phá vỡ.

 Như câu nói của người xưa: “Thà đánh động nước trăm con sông chứ nhất định không đánh động tâm trí người học đạo”. Bất kì pháp môn nào khác cũng đều ca ngợi pháp môn này, có nghĩa là các đức Phật ca ngợi lẫn nhau. Ngạn ngữ nhân gian có câu: “Nếu muốn Phật pháp hưng, chỉ có tăng khen tăng”, người xuất gia khen ngợi lẫn nhau thì Phật pháp mới hưng vượng. Nếu những người xuất gia cứ giữ cái nhìn hẹp hòi, mỗi người cứ tâng bốc, ca ngợi chính mình, khen mình chê người, không có sự giao tế thì Phật pháp sẽ suy tàn, huỷ diệt.

 Ngày nay không nhiều người trên thế gian hiểu được đạo lí này, bởi thế những đạo tràng thông thường liệu có ai dám thỉnh người đến giảng kinh, dạy học chăng? Không dám, bởi vì thỉnh người khác đến họ nói những bài vở của họ, tông chỉ của họ không giống những gì bạn đã đặt ra. Họ tự khen ngợi pháp môn của mình, khen ngợi phương pháp tu hành của mình, phê bình người khác, khiến học sinh Phật Học Viện xảy ra những tình trạng như thế, khiến học sinh sau khi nghe xong không biết phải học theo ai.

 Giáo thọ của Phật Học Viện nhiều như vậy, rất nhiều những buổi giảng như thế, ai cũng tự khen mình hay, đôi lúc còn phê bình người khác, khiến cho học sinh bối rối, không biết theo ai. Bản thân tôi cũng đã vấp phải trường hợp này, vì vậy sau đó tôi quyết không dạy ở Phật học viện nữa, vì không có cách nào để dạy.

 Bây giờ chúng tôi mới hiểu được nỗi khổ tâm của cư sĩ Lí Bỉnh Nam, khi ông đang ở Đài Trung. Ông xây dựng Hội Niệm Phật, hội Niệm Phật Đài Trung chính tự tay ông xây dựng, ông ở đó đến 38 năm. Ông một mực cung kíng, lễ bái, cúng dường những vị đại đức lui tới Đài Trung, đôi lúc ông còn thỉnh những vị đó đến để cúng trai tăng, song chưa bao giờ thỉnh họ diễn giảng, không thỉnh những vị ấy giảng kinh, tại sao? Những liên hữu ở hội niệm Phật chuyên tu pháp môn tông Tịnh Độ, họ lại giảng những pháp môn khác, phê bình Tịnh Độ Tông, rắc rối sẽ rất lớn.

 Có vị pháp sư kia khá nổi tiếng, có lần ông ta phê bình, làm cho một bộ phận những người đồng tu hoang mang, không biết phải theo ai. Sau khi ông ta đi khỏi đó, thầy lại phải giảng giải chi tiết lại cho tất cả mọi người, dần dà tâm mọi người ổn định trở lại. Đôi lúc phải mất mấy tháng trời, vì thế từ đây về sau ông không thỉnh nữa. Khi đến Đài Trung tôi thấy là lạ, có cảm giác tấm lòng thầy không được rộng rãi, làm sao bao dung được người khác, sau này tôi mới hiểu.

 Không phải ngày xưa, ngày xưa những đệ tử Phật thực tâm tu pháp môn Đại Thừa đều hiểu. Đến một đạo tràng nào đấy, đạo tràng đó tu pháp môn gì, ta phải khen ngợi pháp môn đó, khen ngợi pháp sư đó, đây là người hiểu biết, hiểu quy cũ.

 Năm 1977, lần đầu rời Đài Loan, tôi gặp pháp sư Thánh Hoài tại HongKong, hình như ngài vừa vãng sanh năm ngoái. Lần đó tôi được một vị cư sĩ mời đến HongKong giảng kinh Lăng Nghiêm. Rất nhiều những vị pháp sư ở HongKong đều đến nghe tôi giảng nhưng rất ít tín đồ đến. Họ không cho tín đồ đến, chỉ có một vị, đó là pháp sư Thánh Nhất. Không những ông đến mà còn kêu gọi tín đồ đến nghe, có được một vị pháp sư như thế, quả là một điều không dễ dàng!

 Chúng tôi trở thành bạn bè của nhau, ngài thỉnh tôi đến thăm đạo tràng của ngài. Vốn ngài là người tu Thiền tại chùa Bảo Lâm, núi Đại Hưng. Lần tôi đến, thiền đường của ngài có đến hơn bốn mươi người, mỗi ngày đều ngồi thiền, tu tập theo quy cũ thiền môn, rất đạt.

 Chúng tôi là người tu Tịnh Độ, niệm Phật A Di Đà, pháp sư Thánh Nhất thỉnh chúng tôi khai thị tại thiền đường. Chúng tôi cũng chỉ giảng khẩu đầu thiền, ca ngợi Thiền Tông, ca ngợi pháp sư Thánh Nhất, ca ngợi pháp môn Thiền, ca ngợi việc tu học của mọi người.

 Về Thiền Tông, tôi chỉ giảng Kinh Kim Cang, Vĩnh Gia Thiền Tông Tập, Chứng Đạo Ca. Chúng tôi giảng rất nhiều, nhưng tất cả đều liên quan đến Thiền Tông, tôi giảng Đại Châu Hoà Thượng Ngữ Lục, bởi thế chúng tôi có thể giảng được khẩu đầu thiền.

 Khi chúng tôi đi khỏi đạo tràng, có người còn theo tôi, lúc đó đoàn tu Tịnh Độ của tôi có khoảng mười mấy người. Trên đường đi, họ hỏi chúng tôi, Pháp Sư ca ngợi thiền tại sao ngài không tu thiền? Tại sao ngài lại niệm Phật? Chúng tôi trả lời: Thiền thực sự cao, chúng tôi không đủ tư cách, không thuộc căn tánh đó, thiền là để những người thuộc thượng thượng căn tu tập. Những người tu thiền đều là những người thượng thượng căn, chúng tôi làm sao không ca ngợi, không lễ bái được. Vì thế chúng tôi biết căn tánh mình không thể sánh được với người ta. Chúng tôi có thể vãng sinh khi niệm Phật, nhưng không thể khai ngộ khi tham thiền. Bởi thế chúng tôi không thể tham thiền mà chân thành niệm Phật, cầu về cảnh giới Cực Lạc, còn việc khai ngộ khi đến thế giới Cực Lạc hẵng nói.

 Bởi thế con người cần phải có cái biết về mình, quý vị không phải căn tánh đó mà cứ cắm đầu học pháp môn đó thì chỉ phí thời gian, sức lực mà thôi, không bao giờ thành công. Chúng tôi đã giải thích với họ như thế, họ đã thông cảm được.

 Cách khen ngợi lẫn nhau là qui tắc của nhà Phật. Quý vị xem, 53 lần tham bái trong Kinh Hoa Nghiêm, cách tu của 53 vị thiện tri thức đều không ai giống ai, nhưng bản thân mỗi người rất khiêm tốn khi ca ngợi người khác, đó là qui cũ. Nếu khen ngợi chính mình, phê bình người khác, như thế đã là phạm điều đầu tiên của giới Bồ Tát đó là “Khen mình chê người”, giới trọng! Điều này được liệt vào giới đầu tiên trong Du Già Bồ Tát giới bổn: “Khen mình chê người, đoạ địa ngục Vô Gián”, quý vị nói xem tại sao tội này lại nặng đến vậy? Vì họ báng Phật, báng Pháp, báng Tăng, họ huỷ báng Tam Bảo. Qúy vị phê bình tức là huỷ báng Tam Bảo, pháp môn đó là do Phật nói, Phật dạy, ta huỷ báng nó tức là đã báng Phật.

 Pháp là do Phật truyền, ta báng Pháp, rất nhiều người tu hành đều theo pháp đó để tu hành và thực sự thành công, thực sự khai ngộ, thực sự minh tâm kiến tánh. Ta huỷ báng những người đó thì chính là huỷ báng Phật, Pháp và Tăng, như vậy quý vị không vào địa ngục thì ai vào nữa!

 Vì thế môn phái không giống nhau, kinh điển khác nhau, khác nhau về pháp môn, chỉ cần đó là do Phật truyền lại thì tất cả đều phải được tôn kính, cung kính, cúng dường. Bởi vậy chúng ta phải khiêm cung, khen ngợi người khác, đó chính là giới trọng của Phật, dứt khoát phải tuân thủ. Không những không được phê bình Phật Giáo mà với các tôn giáo khác cũng nên khen ngợi, tại sao?

 Tôi có suy nghĩ thế này, lão hoà thượng Trung Thôn Khương Long người Nhật Bản, coi như ngài đã ấn chứng cho tôi, ngài đã vãng sanh mấy năm trước, thọ 103 tuổi. Mỗi lần đến Nhật tôi đều đến thăm, hầu chuyện với ngài, lần đến này, ngài đã thực sự đi xa. Tôi vẫn nhớ lần đầu tiên được diện kiến, lúc bấy giờ đã một trăm tuổi nhưng ngài rất vui vẻ. Lúc nói chuyện, ngài đã nói với tôi: Tất cả những người sáng lập tôn giáo trên thế giới đều là hoá thân của Bồ Tát Quan Thế Âm, ngài đã nói với tôi như thế.

 Đại đệ tử của ngài là Kiều Bản, hình như bây giờ Kiều Bản đang trú trì Viện Tri Ân, ngày trước là Trung Thôn, bây giờ là ông ta. Một hôm khi tiễn tôi đến cổng lớn, ông đã nói với tôi: Pháp Sư, cả đời thầy tôi chưa bao giờ nói những chuyện như thế, không hiểu sao hôm nay lại nói với pháp sư? Nghĩa là câu chuyện tất cả những người sáng lập tôn giáo trên thế giới đều là hoá thân của Bồ Tát Quan Thế Âm, ông ta rất kinh ngạc.

 Ý kiến đó hoàn tàn tương đồng với những gì chúng tôi đã nghĩ. Tất cả các tôn giáo mà chúng tôi được tiếp xúc, tất cả đều tin có thần, bởi thế chúng tôi tuỳ thuận họ để thuyết pháp. Cả vũ trụ chỉ có một vị thần, tất cả các tôn giáo đều là hoá thân của vị thần đó, họ tin tôi. “Thần”, đó là vị thần đang tôn thờ, ví dụ như Cơ Đốc Giáo cho rằng tất cả các tôn giáo đều là hoá thân của Thượng Đế, có khác nhau gì đâu. Đạo Islam nói tất cả những người khai sáng tôn giáo trên thế giới đều là hoá thân của Chân Chủ.

 Nếu đứng về phương diện Phật giáo, thì cách nói của Trung Thôn Khương Long là dễ hiểu nhất, tất cả đều là hoá thân của Bồ Tát Quan Thế Âm. Ba mươi hai ứng thân, muốn dùng thân nào để độ liền hiện thân ấy. Bởi thế khi vẽ hình ảnh ba mươi hai ứng thân Bồ tát Quan thế âm, ba mươi hai khuôn mặt trên đầu Thiên Thủ Thiên Nhãn Quan Thế Âm Bồ Tát, ta nên vẽ tất cả các tôn giáo khác nhau, khuôn mặt các tộc người khác nhau, như thế sẽ có ý nghĩa hơn. Khi nhìn vào mọi người sẽ nhận ra ngay, tất cả đều được vẽ giống nhau, bạn sẽ không nhận ra, đây chính là điểm người hoạ sĩ không nhận ra. Nếu hiểu đươc ý nghĩa, họ sẽ vẽ những khuôn mặt khác nhau, vẽ khuôn mặt Phật Thích ca, vẽ khuôn mặt Jesus, Mohammad. Khi mọi người nhìn vào, họ thấy đó là sự biểu hiện của văn hoá đa nguyên, nên vẽ như thế mới thích hợp.

 Khi ở Malaysia, chúng tôi đã bàn chuyện này với ông Ma Ha Trừu, tôi cũng đã tặng ông ấy một bức tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Quan Âm. Ông ta vui vẻ đón nhận, nó nói lên điều gì? Tất cả các tôn giáo đa nguyên đều có nguồn gốc từ một vị thần, vậy tạo sao thần lại chia ra nhiều tôn giáo, phải hoá ra nhiều thân như thế? Đó là do phương tiện giao thông xã hội ngày xưa chưa phát triển, chưa liên kết được với nhau. Muốn giáo hoá chúng sinh, các thần phải hiện thân, phải hiện thân người ở xứ đó, giống như người bản địa, giống như văn hoá bản địa mới giáo hoá được.

 Bây giờ không như thế, bây giờ là thế giới phẳng, ngày trước muốn đi từ Nam Dương đến Nhật Bản phải mất hàng tháng lênh đênh trên biển, bây giờ chỉ mất hai, ba giờ đồng hồ là đến. Bởi thế bây giờ cần hợp nhất tất cả lại, ngày trước phải phân tán, bây giờ phải hợp nhất, như vậy mới phù hợp.

 Chúng tôi không bao giờ quên được câu chuyện của Lão Hoà Thượng Trung Thôn khi lần đầu tiên chúng tôi gặp mặt. Không sai chút nào, tất cả những gì ngài nói chúng tôi đều thừa nhận, tất cả đúng như thế. Bởi thế đây chính là tâm đại bi cứu khổ cứu nạn của Bồ Tát Quan Thế Âm.

 Trong những tộc người khác nhau, những nền văn hoá khác nhau, ngài đều thị hiện dưới rất nhiều hình thức. Quý vị cứ nghe nội dung lời dạy, phương hướng, mục tiêu, tông chỉ của ngài, tất cả đều là một. Quý vị xem tất cả kinh điển của các tôn giáo, đều là đại đồng tiểu dị.

 Có một điều mà tất cả các tôn giáo đều dạy, đó là hiếu thuận cha mẹ, mỗi tôn giáo đều dạy. Nhưng tìm không ra một câu hiếu thuận cha mẹ trong các kinh điển tôn giáo, tựa hồ không thấy. Ngược lại, lòng yêu thương lại rất phổ biến, không một tôn giáo nào không dạy lòng yêu thương con người. Tất cả những thứ này chúng ta cần phải hiểu, hiếu thuận cha mẹ, thương yêu tất cả mọi người đó là giáo nghĩa chung, tôn chỉ chung, đó là từ bi trong Phật Pháp, đại từ đại bi, từ bi là thương yêu.

 Tân Cựu Ước là kinh điển chung của ba tôn giáo, người theo Do Thái Giáo học Cựu Ước, người theo Cơ Đốc học Tân Ước, người theo đạo Thiên Chúa học cả Tân Cựu Ước, ba tôn giáo này đều chung một nhà.

 Có lần tại Singapore, có năm sáu người từ Nam Phi đến thăm, người châu Âu. Họ chất vấn về cách nhìn của chúng tôi đối với vấn đề tôn giáo của người châu Âu như Do thái giáo, Thiên chúa giáo, Cơ đốc giáo? Chúng tôi trả lời họ chỉ một nhà nhưng có ba phái, tôi đã ra một thí dụ cho họ. Do Thái Giáo là một phái của Hoàng thượng, Thiên Chúa Giáo là một phái của hoàng hậu, Cơ Đốc Giáo là phái của thái tử, họ hiểu được và gật đầu. Thí dụ của ngài quá chí lí, một nhà nhưng ba phái.

 Bởi thế, ngày nay các tôn giáo cần bắt tay nhau, cần đoàn kết lại để cứu thế giới này. Không nên khen mình chê người, khen mình chê người là gây nên những sự xáo trộn, đi ngược lại lời dạy trong kinh điển, đi ngược lại chủ ý của tôn giáo, nhất định phải hợp tác, học tập lẫn nhau.

 Ví dụ, chúng tôi là người Phật Giáo, chúng tôi biết tất cả những tôn giáo khác đều là hoá thân của Bồ Tát Quan Thế Âm. Trong truyền thống Phật Giáo, Quan Âm được mô tả như thế nào. Trong Cơ Đốc giáo được mô tả như thế nào, trong Thiên Chúa Giáo được mô tả ra sao, trong đạo Islam được mô tả thế nào, họ dạy cho tín đồ ra sao? Chúng ta nên lắng nghe, nghe nhiều, quan sát nhiều thì chúng ta có thể hiểu được.

 Nếu đứng trên lập trường của đạo Islam, ta nên xem cách nhìn của Phật giáo về thánh Allah như thế nào, xem Khổng Mạnh trong truyền thống văn hoá Trung Quốc nghĩ ra sao, tất cả đều là hoá thân của thánh Allah. Ấn Độ giáo suy nghĩ như thế nào, quý vị quan sát sẽ thấy tất cả những vị sáng lập tôn giáo đều là hoá thân của thánh Allah, chỉ như thế bạn mới khỏi bài xích. Qúy vị thử nghĩ, ở mỗi tộc người khác nhau, trong những môi trường văn hoá khác nhau thánh Allah sẽ giáo hoá mọi người như thế nào. Bởi thế tất cả mọi tôn giáo có thể đoàn kết, có thể học tập lẫn nhau, tất cả tôn giáo đều là con một nhà, không có sự mâu thuẫn trong đó.

 Những gì dị biệt đó chỉ là thói quen sinh hoạt, có người thích đồ ngọt, có kẻ thích ăn cay, không giống nhau, nhưng không vấn đề gì, đó là chuyện nhỏ, giống nhau ở chỗ là đều vui vẻ khi ăn, ăn một cách thoải mái, ăn no là đã đạt mục đích.

 Bởi thế, ngày nay chúng ta nên mở rộng tâm lượng, nhà Phật gọi tâm ôm hư không bao trọn cả thế giới. Nhất định phải mở rộng tấm lòng, nhất định phải bao dung, cần phải cố gắng học hỏi. Chúng tôi đã tham cứu kinh điển của mười mấy tôn giáo, tất cả những ưu điểm của họ tôi đều ghi chép thành một cuốn sách nhỏ, lấy tên “Tôn giáo thế giới là một nhà”. Những dòng ghi của chúng tôi về kinh điển tôn giáo.

 Bởi vậy, kinh điển Phật giáo đã giới thiệu tại thế giới Cực Lạc, Bồ tát Quan âm là trợ thủ cho Phật A Di Đà. Ngài là một vị Phật đã chứng từ lâu, đây là một vị Phật đã chèo ngược thuyền từ trở lại, dùng thân hình một vị Bồ Tát để giúp đỡ Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc.

 Khi hiểu câu chuyện này, chúng ta nghĩ ngay đến tất cả các đức Phật Như Lai trong mười phương. Tại sao? Không ai trong số họ không ca ngợi Phật A Di Đà, nếu chỉ ca ngợi thôi mà không giúp đỡ thì đó là giả dối, không phải thật tâm. Nhất định họ phải giúp đỡ, giúp đỡ chính là giúp đỡ Phật A Di Đà dạy học, dưới thân phận một vị Bồ Tát. Bởi thế khi vãng sanh thế giới Cực Lạc ta không thể xa rời được thế giới Cực Lạc, không cần phải đi thăm các đức Phật Như Lai trong mười phương nữa vì tất cả các ngài đến thế giới Cực Lạc để dạy học hết rồi, ta được tiếp xúc với tất cả các ngài!

 Lại Kinh Tam Muội Quan Âm viết: “Quan Âm đã thành Phật trước ta, có tên Chánh Pháp Minh Như Lai, ta là người đệ tử khổ hạnh”, “chữ ta ở đây chính là Phật Thích Ca”. Phật Thích Ca Mâu Ni tự xưng, Bồ Tát Quan Âm đã thành thành Phật trước Ngài, khi Bồ Tát Quan Âm thành Phật ngài còn làm một đệ tử khổ hạnh. Điều này nói lên Phật Thích Ca Mâu Ni có quan hệ với Bồ Tát Quan Âm, Phật Thích Ca Mâu Ni đã từng làm đệ tử của Bồ Tát Quan Âm, ngài là người thầy của Phật Thích Ca.

 Lại Kinh Thủ Lăng Nghiêm viết: “Trong vô lượng kiếp về trước, Bồ Tát Quan Âm, trước Cổ Quan Âm Như lai”, đây chỉ thời gian rất sớm, đây không phải là Bồ Tát Quan Âm ở thế giới Cực Lạc. Bồ Tát Quan Âm ở thế giới Cực Lạc, đây là Quan Thế Âm Như Lai, đây không phải một người.

 “Thọ như huyễn văn, huân văn, tu pháp Kim Cang Tam Muội”, lúc bấy giờ Ngài tu pháp môn gì? Như huyễn văn, huân văn, tu pháp môn Kim Cang Tam Muội, tu pháp môn như vậy. “Từ văn tư tu để nhập tam ma địa, nghe lại tự tánh, đắc đạo vô thượng”, đạo vô thượng là thành Phật, đây là những lời trong Kinh Lăng Nghiêm. Từ vô lượng kiếp về trước, Bồ tát Quan Thế Âm đã thành Phật. Chương Quan Thế Âm Bồ Tát nhĩ căn viên thông của Kinh Lăng Nghiêm, nội dung chương này dành để nói về Bồ Tát Quan Thế Âm.

 Có ba bộ kinh nói về Bồ Tát Quan Âm, tất cả đều không phải đứng độc lập, tất cả đều được kèm theo cuốn kinh chính. Quí vị xem đoạn đầu Kinh Lăng Nghiêm, đây là Kinh Quan Thế Âm Bồ Tát. “Đại Thế Chí niệm Phật viên thông chương”, cũng là một bộ kinh chuyên dành giới thiệu Bồ Tát Đại Thế Chí. trong Kinh Lăng Nghiêm cũng có Bồ Tát Quan Âm, Kinh Hoa Nghiêm cũng có.

 Kinh Hoa Nghiêm là đoạn Thiện Tài Đồng Tử năm mươi ba lần đi thăm viếng, đến thăm Bồ Tát Quan Thế Âm. Những lời khai thị của Bồ Tát Quan Thế Âm trong Kinh Hoa Nghiêm đã đề cập đến việc tu hành của bản thân ngài và việc giáo hoá chúng sinh, tất cả những việc làm của ngài đều được nói đến.

 Địa Vị của Bồ tát là đệ thất hồi hướng, thập trú, thập hạnh, thập hồi hướng, đệ thất hồi hướng trong thập hồi hướng. Phổ Môn là phẩm đầu trong Kinh Pháp Hoa, chuyên giới thiệu Bồ Tát Quan Thế Âm, Bồ Tát Quan Thế Âm trong Phẩm Phổ Môn là một vị Bồ Tát Đẳng Giác. Qua ba bộ kinh này ta thấy được đẳng cấp khác biệt của Bồ Tát Quan Thế Âm.

 Trong Kinh Lăng Nghiêm nghiêng nặng về những việc tự hành trì của Bồ Tát, nói rất nhiều về việc ngài tu tập thế nào để thành công. Phẩm Phổ Môn trong Kinh Pháp Hoa hình như dành toàn bộ để nói về Bồ Tát cứu độ những chúng sinh khổ nạn như thế nào. Kinh Hoa Nghiêm nói cả hai, việc Thiện Tài Đồng Tử đi thăm viếng và việc ngài tự hành hoá tha. Trong ba bộ kinh nói về Quan Âm, Đức Thế Tôn đã đặc biệt giới thiệu cho chúng ta.

 Chúng ta tiếp tục xem phần sau đoạn cuối kinh văn, nếu trong thế gian này có những tai nạn, khi những tai nạn đó bất ngờ ập đến, bạn kí thác thân mạng mình nơi Bồ Tát, một lòng xưng niệm thì tai nạn đó sẽ được hoá giải. Đây chính là lòng từ bi vô lượng của Bồ Tát Quan Thế Âm và cũng là thành tựu viên mãn công đức bổn nguyện của ngài. Nếu ngài không trải qua nhiều kiếp tu hành thì làm sao có năng lực như thế, giống như việc kiến tạo thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà, ngài phải trải qua năm kiếp tu hành.

 Muốn cảm ứng đạo giao với Bồ Tát, chúng ta cũng phải chuẩn bị đầy đủ điều kiện. Điều kiện của chúng ta càng sâu sắc thì sức gia trì của ngài càng lớn. Nếu chúng ta không chuẩn bị một thứ điều kiện gì cả, ngài cũng gia trì, nhưng sức gia trì không được lớn lắm. Có thể khó qua khỏi tai nạn nhưng ít nhất nó cũng được giảm bớt. Nếu công đức, sức lực chúng ta đầy đủ, cộng với sự gia trì của Bồ Tát, ta có thể thoát khỏi tai nạn.

 Ta phải nắm vững vấn đề này để khỏi trách cứ Bồ Tát linh hay không linh. Tại sao ngài gia hộ cho người kia nhiều mà gia họ tôi ít vậy, Bồ Tát thiên vị, nếu bạn nghĩ như thế thì bạn đã tạo thêm tội nghiệp. Nguyên tắc cơ bản của việc gia trì là chúng ta có một phần công đức thì Phật gia trì một phần, ta có mười phần công đức thì Phật sẽ gia trì mười phần. Nếu ta không có chút công đức nào, tất cả những gì ta có đều là tội nghiệp, thì rắc rối rồi đấy. Bồ Tát muốn gia trì cũng không thể gia trì được, chứ không phải ngài không gia trì bạn.

 Phần lớn người trên thế gian đều tạo nghiệp, tuy vậy vẫn có những người chân tu, nên những người tạo nghiệp vẫn còn may mắn đó là hưởng phước của người chân tu. Nhưng họ không hiểu đó là những người thực tâm tu hành mà còn mắng họ, sỉ nhục họ, coi thường họ. Trên thực tế, công đức tu hành của họ đã làm giảm nhẹ những tai nạn trong hiện tại của mình. Đó chính là điều những người này không biết để trả ơn vì không hiểu rõ chân tướng sự thực, đấy gọi là vong ân bội nghĩa.

 Tuy vậy nhưng người tu hành không bao giờ trách cứ những người đó, tại sao? Họ rất đáng thương, không có ai dạy dỗ cho họ. Vốn họ cũng là những vị Phật, nhưng tại sao họ lại làm những việc sai trái như thế? Không ai dạy dỗ, bị tiêm nhiễm bởi những hủ tục, bị những thế lực như tập quán, hủ tục của xã hội lôi kéo, chúng ta không nên trách họ. Bản thân họ không biết, lại đang tạo nghiệp, họ thực sự là những người đáng thương, trong tương lai họ còn mang quả báo. Chưa lúc nào tâm Bồ Tát hết hi vọng hoá giải tất cả những tai nạn cho chúng sinh, chỉ cần họ phản tỉnh, họ sám hối thì việc hoá giải nằm trong tầm tay, không phải viển vông.

 Trong kinh Phật đã lấy một thí dụ, tội nghiệp được so sánh như bóng tối, căn nhà tối cả nghìn năm, chỉ cần đốt lên một ngọn đèn, ngọn đèn đó chính là sự phản tỉnh, giác ngộ, thì tội nghiệp được tiêu trừ ngay.

 Nên biết rằng, công năng của định chỉ đè ép được tội nghiệp vào một nơi, để nó không thể phát tác, chứ không phải tiêu diệt. Trí tuệ mới triệt tiêu được nó, khi trí tuệ được mở ra thì tội nghiệp liền được tiêu diệt. Bởi thế, giới định chỉ mới đè ép phiền não, giới chế phục cạn, còn định chế phục sâu hơn, nhưng tuệ có thể triệt tiêu luôn phiền não. Đây là tam học giới định tuệ, tác dụng của nó là ở chỗ đó.

 Quán Kinh nói, đây là Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật: “Trong ánh sáng tròn đầy trên đỉnh đầu của Bồ Tát có năm trăm hoá Phật như Phật Thích Ca Mâu Ni, mỗi hoá Phật có năm trăm hoá Bồ Tát, vô lượng chư thiên đứng hầu”. Đây là tướng Bồ Tát thị hiện, khi tạo hình tượng Bồ Tát Quan Âm và Bồ Tát Đại Thế Chí, mới nhìn qua giống nhau, nhưng kì thực có sự khác biệt.

 Khác biệt ở đâu? Khác ở chỗ những chiếc mũ đội. Ánh sáng tròn đầy trên đỉnh đầu, những chiếc mũ các Ngài đội. Trong những chiếc mũ ấy thì trên mũ của Bồ Tát Quan Thế Âm có tượng Phật, tượng Phật đứng, đó là tượng Phật Thích Ca Mâu Ni, tượng đứng. Trên mũ Bồ Tát Đại Thế Chí là một bình báu, quí vị xem họ được phân biệt rất rõ ràng, có sự khác biệt.

 Trên tay Bồ Tát Quan Thế Âm thường cầm cành dương, cách thức biểu trưng không giống nhau, Bồ Tát Đại Thế Chí biểu trưng trí tuệ, Bồ Tát Quan Thế Âm biểu trưng cho từ bi. Hành môn là “từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa đi vào”, bởi thế cứu độ tất cả chúng sinh khổ nạn. Dụng ý trong việc biểu trưng trí tuệ của Bồ Tát Đại Thế Chí rất sâu sắc, nếu từ bi không có trí tuệ thì từ bi đó chỉ mang đến những tác dụng không như ý muốn.

 Bạn nghe nhà Phật thường nói: “Từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa đi vào”, nhưng còn có hai câu nữa, “từ bi thường mang theo tai hoạ, phương tiện chỉ là hạ sách”, ta phải hiểu câu này như thế nào? Nếu từ bi mà không có trí tuệ, thì kết quả sẽ là tai hoạ, đó là hạ sách, ý nói Quan Âm và Thế Chí đều không thể thiếu. Quan Âm bên ngoài, Thế Chí bên trong, bên ngoài là từ bi, bên trong là trí tuệ, như thế mới có thể cứu giúp được tất cả chúng sinh.

 Phật biểu trưng cho tự tánh, đại diện lí thể. Tự tánh, lí thể không có hình tướng nên nó không có biểu hiện, tượng trưng cho bản thể. Tượng trưng của Bồ Tát là từ thể khởi dụng, từ thể khởi dụng chính là hai loại, một là trí hai là hành. Bồ Tát Đại Thế Chí biểu trưng trí, Bồ Tát Quan Thế Âm biểu trưng hành. Trí với hành là một chứ không phải hai, trí hành hợp nhất. Đây là điều được triết học đề cập đến, bởi thế trong Phật pháp đã ẩn chứa thứ triết học cao sâu.

 Hiện tướng, Quán Kinh nói đến hiện tướng. Có năm trăm hoá Phật như Phật Thích Ca Mâu Ni, mỗi một hoá Phật, mỗi một vị hoá Phật đều có năm trăm Bồ Tát, lại còn có vô lượng chư thiên theo hầu, đứng vây quanh đức Phật.

 “Lại tướng hào quang nơi giữa lông mày có đủ màu sắc bảy báu, phóng ra tám vạn bốn nghìn thứ ánh sáng, trong mỗi tia sáng có vô lượng vô số trăm nghìn hoá Phật, mỗi một hoá Phật có vô số Bồ Tát hầu hạ”, tất cả những mô tả đó đều mang tính tượng trưng.

 “Hào quang giữa lông mày”, hào quang màu trắng, ánh hào quang màu trắng, trong ánh sáng đó có đủ màu của bảy thứ báu. Số 7, ta đã biết tính tượng trưng của nó.

 “Vô lượng màu sắc kì diệu”, có nghĩa là vô lượng ánh sáng màu sắc châu báu, ở đây muốn nói lên điều gì? Biểu trưng tánh đức. Đó là điều khi kiến tánh, đại sư Huệ Năng đã nói: “Nào ngờ tự tánh, vốn nó đã đầy đủ”, mang ý nghĩa như thế. Trong tự tánh đã có đủ vô lượng vô biên trí tuệ, đức tướng, dùng bảy báu để thí dụ.

 “Phóng ra tám vạn bốn nghìn thứ ánh sáng”, ở đây hàm ý tám vạn bốn nghìn pháp môn của Phật Pháp. “Mỗi mỗi ánh sáng có vô lượng vô số trăm nghìn hoá Phật”. Mỗi pháp môn trong tám vạn bốn nghìn pháp môn, đều có thể tạo nên sự thành công cho vô lượng vô biên chúng sinh thành Phật. “Pháp môn bình đẳng, không cao không thấp”, vì sao? Tất cả đều được sinh ra từ tự tánh, tát cả đều từ miệng Phật nói ra, nên tất cả pháp môn đều bình đẳng.

 Khen mình chê người đó chính là huỷ báng Tam Bảo, chắc chắn không thể chấp nhận được. Tại sao Phật lại nói nhiều pháp môn như thế? Là bởi trong tự tánh vốn đủ, pháp vốn như thế. Nếu bạn hỏi tại sao Phật lại nói như thế, lí do căn tánh không giống nhau, nên một pháp môn không thể độ hết tất cả chúng sinh.

 Phật rất từ bi, quý vị thích pháp môn nào thì dạy pháp môn đó. Tuy pháp môn vô lượng vô biên, nhưng trên thực tế nó vẫn có những điểm chung, bí quyết chung, bởi thế nó bình đẳng. Giống nhau ở đâu? Đó là nhìn thấu, buông bỏ. Bất kì một pháp môn nào đều không thể tách rời nhìn thấu, buông bỏ. Vì thế chỉ cần nhìn thấu, buông bỏ thì quý vị có thể thành Phật, công đức đã viên mãn.

 Tất cả các pháp môn đều như thế cả, nếu chú ý quan sát, học hỏi, ta sẽ phát hiện ra ngay. Không có một pháp môn nào không dạy chúng ta nhìn thấu, buông bỏ. Bởi thế, nhìn thấu, buông bỏ đã trở thành cương lĩnh chung, nguyên tắc chung của việc tu học Phật Pháp. Nếu không quý vị bạn nhìn thấu, không dạy quý vị buông bỏ thì việc học tập sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Dùng tất cả sức lực, tiêu tốn bao nhiêu thời gian, nhưng vẫn không bước vào được cửa, không thể không biết điều này.

 Ngày nay chúng ta đã hiểu rõ, liệu đã buông bỏ chưa? Chưa, nếu đã buông bỏ thì đã chứng quả, tại sao chúng ta không chịu làm? Đây là điều đại sư Chương Gia đã nói với chúng ta, nếu chưa hiểu rõ thì việc nhìn thấu của quý vị sẽ có vấn đề, thực sự nhìn thấu, không cần ai khuyên bảo vẫn tự buông bỏ. Bởi thế ngài dạy chúng ta, biết tu học Phật Pháp rất khó nhưng khi thực hành lại rất dễ, dễ buông bỏ nhưng lại khó hiểu, nghĩa là rất khó để nhìn thấu.

 Phật Thích Ca Mâu Ni dành bốn mươi chín năm để thuyết pháp, dạy học, vì sao? Giúp quý vị nhìn thấu, hiểu rõ chân tướng sự thực, lúc đó quý vị mới thực sự buông bỏ, khi buông bỏ được rồi thì Phật không cần dạy nữa. Qúy vị vẫn tự nhiên buông bỏ, tại sao? Qúy vị muốn thành Bồ Tát, muốn thành Phật, muốn thoát khỏi luân hồi lục đạo, muốn vượt thoát thập pháp giới. Chỉ cần buông bỏ là được, không buông bỏ được thì không thể rời bỏ được.

 Bởi vậy không cần Phật dạy vẫn cứ buông bỏ nhưng cần Phật dạy để nhìn thấu, lìa khổ được vui, đó là nguyên tắc chung, cương lĩnh chung của nền giáo dục Phật giáo. Rất nhiều thứ khổ, ba thứ khổ của chúng sinh lục đạo lúc nào cũng có mặt. Cái khổ do phiền não vô minh, khổ do phiền não trần sa, cái khổ của phiền não kiến tư, tất cả những thứ đó đều là nguyên nhân để không thể thoát khỏi lục đạo.

 Cứ nhìn xã hội chúng ta ngày nay, nói thật tất cả đều không thoát khỏi ba ác đạo, tại sao? Bởi quý vị không chịu buông bỏ tham sân si. Tham lam chính là nguyên nhân tạo nghiệp đầu tiên trong cõi quỉ đói. Sân hận là nguyên nhân tạo nghiệp đầu tiên trong cõi địa ngục. Ngu si là nguyên nhân tạo nghiệp đầu tiên trong cõi súc sinh. Qúy vị không chịu buông bỏ ba thứ này, tất cả những thứ quý vị tạo đều là những nguyên nhân dẫn đến nghiệp tam đồ, những nguyên nhân này sẽ mang lại quả báo trong tam đồ. Học Phật cũng không được, niệm Phật cũng không được, muốn niệm Phật đòi hỏi bạn phải buông bỏ mới được, không thể không buông bỏ.

 Pháp Sư Quán Đỉnh Từ Vân, một vị đại đức sống vào khoảng năm Càn Long đời nhà Thanh, vị pháp sư này thông tông thông thông giáo, hiển mật viên dung, trước tác rất nhiều. “Vạn Tục Tạng” của Nhật Bản đã đưa vào hơn hai mươi loại chú giải của Ngài, có cả thảy hơn năm mươi tác phẩm được viết trong cuộc đời ngài, có thể một nửa đã được đưa vào “Vạn Tục Bản”, những tác phẩm của Ngài rất có giá trị.

 Trong tác phẩm “Đại Thế Chí Viên Thông Chương Sớ Sao”, đây là tác phẩm không dài, chỉ 244 chữ, còn ngắn hơn cả Tâm kinh, Tâm kinh có cả thảy 260 chữ, tác phẩm này chỉ vỏn vẹn 244 chữ, quí vị thấy bản sớ sao cũng được xem là một tác phẩm, nội dung rất chi tiết.

 Ngày trước chúng tôi đã giảng một lần và đã sử dụng bản sớ sao này. Mặt cuối của tác phẩm, những đoạn cuối của tác phẩm nói về niệm Phật, có độ một trăm quả báo khác nhau, có một trăm quả báo khác nhau khi niệm Phật. Thứ nhất là quả báo Địa Ngục A Tì, lúc bấy giờ khi đọc đến câu này chúng tôi không thể lí giải được, niệm Phật là một việc tốt, tại sao niệm Phật lại đi vào Địa Ngục A Tì? Chúng tôi đưa bản kinh đến tham vấn thầy Lí, vừa xem, thầy cho đây là một câu hỏi rất lớn.

 Điều này chúng tôi không phải nói cho một mình thầy, tôi giảng kinh là giảng cho tất cả mọi người, tại sao điểm cuối của niệm Phật lại là địa ngục A tì? Là bởi chưa đoạn hết tham sân si mạn nghi, nói nghe ngọt như đường, hình dáng bên ngoài thật đạo mạo nhưng trong tâm toàn là giết, cướp, tà dâm, nói dối. Niệm Phật A Di Đà kiểu như thế thì quả báo nhận lấy chắc chắn là Địa Ngục A Tì. Nghe đến đó tôi mới ngộ ra, điều thứ nhất trong một trăm điều vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, vãng sinh thượng thượng phẩm. Cuốn sách này được học hội Tịnh tông ấn tống rất nhiều, số lượng phát hành cũng không ít, chúng ta hoàn toàn có thể tìm được, đây là tác phẩm dành riêng để nói về Bồ Tát Đại Thế Chí.

 Bởi thế thực sự các pháp môn đều bình đẳng, bình đẳng ở đây bao gồm các pháp môn các tôn giáo khác, chúng ta đối xử bình đẳng với tất cả, tại sao? Tất cả chúng sinh vốn là Phật, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, đã có Phật tánh thì trong tương lai nhất định sẽ làm Phật.

 Mục tiêu cuối cùng của rất nhiều tôn giáo là thiên đường. Chúng ta nên hiểu, một số thiên đường thuộc cõi trời dục giới, một số thuộc cõi trời sắc giới. Nếu nghiêng về thiền định, tâm thanh tịnh, thì tất cả đều thuộc cõi sắc giới. Năm dục: Tài, sắc, danh, thực, thùy, người Trung Quốc thường nói thất tình ngũ dục. Không đoạn được thất tình ngũ dục, chắc chắn sẽ ở dục giới, họ không thể đến được sắc giới. Bởi thế quý vị sinh lên tầng trời nào phụ thuộc vào việc đã buông bỏ được bao nhiêu, càng buông bỏ nhiều thì càng được nâng cao lên, không lỗ vốn khi buông bỏ, thực sự lợi thế khi buông bỏ! Nếu cứ khư khư thì càng thua thiệt, chúng ta phải hiểu được tất cả những điều này.

 Khi mới bắt đầu học Phật, đại sư Chương Gia thường nhắc nhở tôi, tôi học được ba năm thì người vãng sinh. Lúc bấy giờ, mỗi tuần tôi đến thăm người một lần, mỗi lần như thế người dành một đến hai tiếng đồng hồ. Khi người không có khách, thời gian cho tôi có thể lên đến hai tiếng, còn lúc có khách thì chỉ một tiếng, đó là chuyện rất hiếm. Tất cả những nguyên tắc vàng đó tôi được hấp thụ từ người.

 Bởi vậy, nhất định phải đọc được ý nghĩa của sự tượng trưng. Trong mỗi ánh sáng có vô lượng vô số trăm nghìn hoá Phật, hoá Phật này là số chúng sinh được giáo hoá. Bởi vậy hình tượng Bồ Tát Quan Âm mà chúng ta thấy là hoá thân chứ không phải ứng thân, vậy có ứng thân hay không? Có, nhưng bởi chúng ta giáp mặt nhưng không biết, không biết đó là ứng thân của Ngài. Ta có thể biết hoá thân là bởi ngài đột nhiên xuất hiện, nhưng ta không biết từ đâu tới và không biết đi về đâu, thực sự gặp mặt, trực tiếp nói chuyện với Ngài.

 Khi tôi đang cầu học ở Đài Trung, trước đó tôi đã có một người thầy, vừa là hiệu trưởng khi tôi đang đi học tại Quí Châu, đó là tiên sinh Chu Bang Đạo. Sau này khi đến Đài Loan chúng tôi gặp lại thầy. Với bọn học sinh chúng tôi, thầy như một bậc phụ huynh với con em, rất mực yêu thương, rất mực quan tâm. Thời kì chiến tranh chúng tôi trở thành những học sinh lưu vong, bù lại chúng tôi được hai thầy săn sóc không thiếu một thứ gì. Chúng tôi cảm kích lắm, không ai trong chúng tôi không quí trọng các thầy, đôi lúc quí trọng các thầy còn hơn cha mẹ, các vị thực sự là những người tốt.

 Phu nhân của thầy, ở lại Nam Kinh sau khi kháng chiến thành công, chúng tôi có dịp ghé qua căn nhà ở Nam kinh. Đây thực sự là một quần thể nhà cửa trù mật, sau cánh cổng là một khoảng sân với rất nhiều cây cổ thụ, tiến sâu vào một đoạn là cổng thứ hai, cổng thứ hai là sân vườn, đến cánh cổng thứ ba mới đến nhà chính. Bà nói với thầy Lí, là bởi họ cùng học Phật với thầy Lí, ngày trước họ là thầy giáo của chúng tôi nhưng khi học Phật bà trở thành bạn học Phật với chúng tôi.

 Bà kể một câu chuyện trong đó bà thắc mắc chưa có lời giải. Bà nói, một hôm khi thầy giáo đi vắng, một mình bà với một hai người ở. Có một vị pháp sư ở núi Cửu Hoa đến nhà bà hoá duyên. Tự nhiên lại có người xuất gia xuất hiện, bà bèn hỏi nguồn gốc vị pháp sư, ngài cho biết mình đến từ núi Cửu Hoa. Hỏi tiếp ngài đến có việc gì? Hoá duyên. Bà hỏi tiếp ngài cần những gì? Ngài bảo cần năm cân dầu thơm. Lúc bấy giờ thầy giáo và vợ thầy vẫn chưa học Phật nên không đưa, không được đáp ứng, vị sư bèn ra đi.

 Sư đi chưa được bao lâu tự nhiên sực nhớ, nhà mình rộng rãi, hai ba lớp cổng, nhưng không cánh nào mở cả làm sao vị sư ấy vào được? Khi sư đi, cửa vẫn không mở, ông ấy làm sao ra được? Mà chuyện thật chứ có phải ngủ mơ đâu, họ còn nói chuyện với sư rất lâu kia mà, câu chuyện cứ quay đi quẩn lại, không có câu trả lời. Cuối cùng bà nói với thầy giáo, thầy nói với bà, đấy chính là hoá thân của Bồ Tát Địa Tạng, bà đã có duyên với Bồ Tát. Nghe thế, bà vô cùng ân hận, năm cân dầu thơm có đáng vào đâu, sao mình không phát tâm cúng dường.

 Từ đấy về sau bà đều tụng Kinh Địa Tạng mỗi ngày, mỗi ngày bà đều tu pháp môn Địa Tạng. Bà rất có công phu, đến độ nước đại bi bà trì chú có thể trị bệnh, cứu được rất nhiều người. Khi vãng sinh, người ta đã thu được hơn ba trăm viên xá lợi sau khi hoả thiêu, đó là điều rất khó đạt đối với một cư sĩ.

 Đấy là câu chuyện có thật về hoá thân. Lúc bây giờ vẫn chưa ai để ý, cửa không mở làm sao vào được? Khi ra về, đột nhiên không thấy đâu, đi rồi, đến vườn đã không thấy bóng dáng, cửa ngoài cùng cũng đóng nhưng không thấy người. Phật độ người hữu duyên, nhân duyên ngày ấy, mãi đến mấy năm sau, khi gặp được thầy Lí mới thành tựu, nhân duyên đó mới thành tựu, cuối cùng cả nhà trở thành những tín đồ Phật giáo thuần thành.

 Phần sau, tiếp tục giới thiệu Bồ Tát Đại Thế Chí, “Bồ Tát Đại Thế Chí, Đại Trí Đại Thế Bồ Tát”, thế ở đây là sức mạnh, đại trí đại lực. “Có thể đến bất cứ chỗ nào”, vì đại trí đại lực nên ngài có thể đi khắp mọi nơi, cõi hư không khắp pháp giới, không nơi nào ngài không đến, vì vậy mới có tên Đại Thế Chí, danh hiệu có từ đó.

 Theo Kinh Lăng Nghiêm, “Đại sĩ dùng tâm niệm Phật để đi vào vô sinh nhẫn, không mượn phương tiện, tâm tự nhiên khai. Nay nhiếp người niệm Phật nơi cõi này quay về Tịnh Độ, cùng Bồ Tát Quan Âm hầu Phật A Di Đà”. “Đứng hai bên” ở đây có nghĩa yểm trợ Phật A Di Đà giáo hoá chúng sinh.

 Chương Đại Thế Chí Viên Thông trong Kinh Lăng Nghiêm chuyên giới thiệu Bồ Tát Đại Thế Chí, Đại Thế Chí là vị Bồ Tát tu pháp môn niệm Phật. “Dùng tâm niệm Phật để vào cõi vô sinh nhẫn”, ngài thành Phật như thế nào? Thành Phật bằng cách niệm Phật, chỉ với phương pháp đơn giản như thế, niệm đến độ lí nhất tâm bất loạn. Lí nhất tâm bất loạn cùng đẳng cấp, cùng cảnh giới với minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ của Thiền Tông. Thiền Tông dùng phương pháp tham thiền để đạt đến, Bồ Tát Đại Thế Chí sử dụng phương pháp niệm Phật A Di Đà để đạt đến. Cùng một nguyên lí, nhưng bên dùng phương pháp niệm Phật. Đầu tiên là buông bỏ phiền não kiến tư để được sự nhất tâm bất loạn, sau đó buông bỏ phân biệt, khởi tâm, động niệm để đạt đến lí nhất tâm bất loạn, nghĩa là thành Phật.

 Niệm Phật mà không thể buông bỏ phiền não kiến tư thì không thể thoát khỏi luân hồi lục đạo, kết quả niệm Phật sẽ là gì? Chỉ là phước báo cõi trời và cõi người, những người giàu có giữa thế gian này, tất cả đều do hưởng phước báo niệm Phật từ kiếp trước. Không phải nhà Phật, chắc chắn không thể đạt được quả báo lớn như thế. Không phải nhà Phật thì muốn tu được phước báo như vua chúa, ít nhất phải làm việc thiện trong mười đời. Nhưng theo nhà Phật, họ có thể thành tựu một lần.

 Dùng tâm chân thành để tu thiện, vẫn chưa đoạn được phiền não kiến tư. Đoạn được phiền não kiến tư thì những kết quả anh ta tu tập được sẽ biến thành công đức, nghĩa là không phải phước đức. Công đức có thể giúp bạn vượt khỏi sanh tử trong tam giới, nhưng phước đức thì không thể, những gì phước đức mang lại đó là phước báo của loài người và cõi trời.

 Nhưng chúng ta cứ thử nghĩ, mấy người đại phước đức mà không tạo nghiệp? Có quyền, có thế, làm vua, làm chúa, thích giết ai là giết, người khác sẽ bị khép tội chết khi giết người nhưng họ giết thì không sao. Giết người không phạm tội nhưng nhân quả vẫn phải trả, phải đền mạng, phải chịu quả báo, giết nhiều người quá thì phải đoạ địa ngục. Sau khi chịu hết khổ báo ở địa ngục còn phải đền mạng, không thể trốn thoát được, mọi người phải hiểu rõ chân tướng sự thực này. Đừng sát sinh, ngay cả ăn thịt cũng không nên, ăn thịt cũng bị quả báo. Kinh Phật đã dạy, các vị đại đức ngày xưa thường khuyên: ăn họ nửa cân, kiếp sau phải trả tám lạng, đừng đắc ý. Sao phải tạo tội đó để tự chuốc lấy rắc rối cho mình, vì thế giáo dục nhân quả là thứ quan trọng nhất trong mọi thứ.

 Niệm Phật là pháp môn đơn giản nhất, “dùng tâm niệm Phật để được vào cảnh giới vô sinh nhẫn” đó chính là thành đạo. “Không mượn phương tiện, tự đắc tâm khai”, phương tiện ở đây là những pháp môn khác, Ngài không dùng pháp môn nào trong tám vạn bốn nghìn pháp môn, chỉ theo đuổi một câu danh hiệu Phật đơn giản mà được thành tựu. Vì vậy ngài có nhân duyên rất sâu nặng với Phật A Di Đà, Phật A Di Đà cũng dùng một câu danh hiệu Phật.

 Phương pháp của Phật A Di Đà cũng không phải tự ngài sáng tạo ra mà từ những vị cổ Phật đã có, trước Phật A Di Đà đã có. Cái gọi là “thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”, quyết không thể thay đổi, khi niệm Phật đã thành tựu rồi thì tâm khai ý giải, đại triệt đại ngộ.

 “Ngày nay ở thế giới này” đó chính là thế giới Ta bà, là thế giới của chúng ta đây, “nhiếp thọ những người niệm Phật”, chuyên nhiếp thọ những người niệm Phật “quay về Tịnh Độ”. Bồ Tát Đại Thế Chí tiếp dẫn chúng sinh cùng về Cực Lạc. Mỗi người niệm Phật, thực sự muốn niệm Phật cầu về Tịnh Độ, chắc chắn sẽ được Đại Thế Chí gia trì, đấy là điều khẳng định. Cùng tu một pháp môn với ngài, ngài với Bồ Tát Quan Thế Âm đều là những trợ thủ của Phật A Di Đà, đó là những người trợ giáo cho Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc.

 Quán Kinh nói: “Dùng ánh sáng trí tuệ chiếu soi tất cả, khiến lìa ba đường, được sức vô thượng, nên có danh hiệu là Bồ Tát Đại Thế Chí”. Đây là Bồ Tát giáo hoá người khác, Bồ Tát biểu trưng cho trí tuệ, Bồ Tát Quan Âm biểu trưng cho từ bi. Đại Thế Chí biểu trưng trí tuệ, trí tuệ soi chiếu tất cả, giúp tất cả chúng sinh phá mê khai ngộ, cần có trí tuệ để phá mê khai ngộ.

 Khi mê được phá thì tam đồ, lục đạo sẽ biến mất. Lục đạo, tam đồ từ đâu mà có? Do phiền não kiến tư, chúng ta cứ làm theo lời Kinh Vô Lượng Thọ, lời Phật A Di Đà, tự nhiên sẽ thành tựu. Phật A Di Đà là nguyện lực, nhờ công đức tu hành năm kiếp nên thành tựu. Chúng ta là phiền não kiến tư, phiền não vô minh, phiền não trần sa nếu trải qua vô lượng kiếp tu hành cũng thành tựu, thành tựu những gì? Thành tựu luân hồi lục đạo, thành tựu khổ báo trong tam đồ, một đạo lí thật sự, không viển vông, tất cả đều thực hiện. Nhưng chúng ta đã sai phương hướng, người đi đường chính còn chúng ta đi đường tà, bởi thế tất cả pháp thế gian hay xuất thế, không một pháp nào không thành tựu một cách tự nhiên.

 Trong kinh Phật có một từ gọi là: “Pháp vốn như thế”, tất cả pháp nó tự nhiên như thế. Bởi vậy chúng ta phải hiểu rằng tôn giáo là dạy học, nếu xa rời việc giáo dục thì tôn giáo trở thành mê tín, mê tín thì không phải tôn giáo. Cần làm rõ cách định nghĩa hai chữ tôn giáo, chúng ta có niềm tin tôn giáo, đầu tiên phải hiểu được hai chữ tôn giáo. Tin Phật, chúng ta phải hiểu được Phật giáo là gì.

 Tôn, trong từ vựng Trung Quốc, quý vị thử tra tự điển, nó mang rất nhiều nghĩa, rất nhiều ý. Trong đó có ba ý chính, thứ nhất là chủ yếu, thứ hai là trọng yếu, thứ ba là tôn sùng, có ba ý chính như thế. Giáo là giáo dục, dạy học, giáo hoá. Kết hợp hai chữ tôn giáo nó có nghĩa giáo dục chủ yếu, đặt nặng việc dạy học, tôn sùng việc giáo hoá, dạy như thế nào? Lên lớp, dạy học, không chỉ lên lớp, dạy học mà người thầy còn làm gương, thực hành.

 Thành công của Phật Bồ Tát khi dạy học, quan trọng là ở chỗ tự mình làm gương, khuyên bảo. Đầu tiên là làm gương sau đó mới khuyên bảo, vì thế mới tạo niềm tin cho mọi người. Nói cách khác, thực hành tất cả những lời Phật dạy trong kinh, không thực hành được thì khoan nói đến chuyện gì, phải thực hành rồi sau hẵng nói.

 Khi còn tại thế, Phật Thích Ca Mâu Ni đã làm gương cho chúng ta. Trí tuệ, đức năng, tướng hảo của Ngài, tất cả đều được áp dụng vào đời sống hàng ngày, công việc là dạy học, việc dạy học chưa bao giờ bị gián đoạn. Thời đại đức Phật chưa có sách vở, giống như Khổng Tử, suốt đời dạy học Khổng Tử chưa bao giờ dùng sách giáo khoa. Cũng chưa có bất kì một tài liệu nào, ngay đề cương diễn giảng cũng không có. Có thể nói ra được rất nhiều lời như vậy, lại có hệ thống có tổ chức, mạch lạc, tất cả những thứ đó có thể tự đặt ra ư? Ai có khả năng làm việc đó? Nhất là ngày nay chúng ta nói đến khoa phán, nhưng những phương pháp này không có trong thế gian, chỉ có Phật pháp mới có.

 Khi được sắp xếp bằng khoa phán, chúng ta mới hiểu được văn chương là hàng đầu, văn chương chiếm đầu bảng đã làm được những gì? Không tăng không giảm, thêm một câu là bạn đã làm cho nó thừa thải, không cần thiết, nếu bạn bỏ đi mấy dòng nó sẽ rời rạc. Tất cả đều ăn khớp với nhau, đây là kết cấu của chương pháp. Từ góc độ kết cấu chương pháp ta có thể thấy được sự hoàn chỉnh, chặt chẽ của hệ thống tư tưởng. Hoàn chỉnh như vậy, chặt chẽ như vậy, đây không phải là việc làm của những người bình thường. Nếu đã được xem khoa phán quý vị không thể không phục, ai có khả năng thực hiện được những việc đó?

 Khoa phán Bộ Kinh Hoa Nghiêm trở thành một bộ sách lớn. Khi được giải thích trình bày, minh hoạ bằng hình ảnh, ta mới thấy được sự chặt chẽ trong kết cấu chương pháp, mới cảm nhận hết trí tuệ của Phật. Những người đệ tử của ngài đã hoàn chỉnh tất cả những lời Phật đã dạy sau khi ngài đã nhập diệt.

 Lúc bấy giờ không được sách vở ghi chép, rất nhiều trong số những đệ tử của ngài là người đã chứng quả, không phải là những người bình thường. Như ngài A nan, đều là những đại Bồ tát, cổ Phật tái lai. Nên mới có thể chỉnh lí được như thế, đưa những lời dạy của Phật trở lại nguyên bản, không thay đổi khi được phiên dịch sang tiếng Trung Quốc.

 Nên người Trung Quốc là những người có phước báo, người Trung Quốc đừng nên tự coi thường chính mình. Trung Quốc là dân tộc có truyền thống trung hiếu, mấy nghìn năm nay dân tộc Trung Quốc được bảo vệ bởi đạo đức luân lí. Nói cách khác, là dân tộc khởi xướng luân lí đạo đức.

 “Dùng đức dày để đối xử với mọi việc”, tuy ngày nay đã có những rạn nứt, những rạn nứt này do đâu mà ra? Nếu những lời dạy của cổ thánh tiên hiền tiếp tục được lưu truyền thì làm sao có những rạn nứt, không thể có chuyện đó!

 Người Trung Quốc có câu, hình như câu này nhắm đến những người ngày nay: “Không nghe lời người lớn, mất mát ngay trước mắt”, câu nói đó rất đúng với con người ngày nay. Không nghe lời dạy bảo của những bậc trưởng thượng, không tin bản thân mình, thất bại ngay trước mắt.

 Ví như người thầy thuốc, mấy năm trước, khi tôi còn thanh niên, thầy Phương đã nói với tôi, ngành y Trung Quốc có lịch sử năm nghìn năm. Trong lúc đó tây y chỉ mới ba trăm năm, thầy hỏi tôi, con nghĩ con tin tưởng ba trăm hay năm nghìn năm? Năm nghìn năm chưa bao giờ để xảy ra một chuyện gì, bây giờ choáng ngợp trước những gì chỉ mới ba trăm năm. Những gì người Trung Quốc chúng ta đạt được quá cũ kĩ, quá già nua, bỏ qua những gì mình có, dùng những thành tựu của người khác. Một khi đã chạy theo người khác thì sai lầm bắt đầu có mặt.

 Con người thời nay không hiểu rõ thuốc Bắc. Thầy tôi, lão cư sĩ Lí Bỉnh Nam, là một người rất yêu thích dùng thuốc Bắc, ngài là y sĩ thuốc Bắc. Tiệm ngài không có biển hiệu, ngài là người dạy học, ngài nói với tôi: Tôi chưa bao giờ phạm sai lầm trong suốt đời bốc thuốc cứu người. Đây là điều ngài dám bảo đảm, chưa bao giờ chẩn đoán sai, chưa bao giờ bốc thuốc sai.

 Ngày đó tôi định học với ngài, ngài bảo: Tuổi con không còn phù hợp nữa, nếu con độ hai mươi, muốn đến học, ta sẽ nhận ngay. Khi tôi định học tôi đã 31, ngài khuyên tôi nên cố gắng học Phật, nên chuyên tâm vào việc học Phật. Ngài cho tôi hay, thuốc Bắc, tác dụng của nó là gì?

 Tác dụng đầu tiên đó là trường sinh bất lão, đây chính là y học Trung Quốc phát biểu. Mục tiêu đầu tiên đó là mạng sống con người, con người là một cỗ máy, nếu bạn biết cách bảo dưỡng, biết cách chăm sóc, cỗ máy này có thể sử dụng đến hai trăm năm. Con người sống đến hai trăm tuổi mới thực sự gọi là sống thọ, nếu không đạt đến tuổi đó là do bạn không biết cách chăm sóc, bạn đang phá hỏng cơ thể mình. Vì thế y học Trung Quốc là hi vọng chúng ta sống đúng với tuổi thọ, đấy là điều kiện đầu tiên chứ không phải trị bệnh, mà là sức khoẻ sống lâu, nó nói đến vấn đề này.

 Tác dụng thứ hai đó là làm sao để tránh tật bệnh, tức là phòng bệnh, tức nói đến vấn đề này. Bệnh từ đâu mà có, nguyên nhân do dâu, ta phải cắt ngay tất cả những nguyên nhân để có một cuộc sống không tật bệnh. Không chịu nỗi khổ bệnh tật, đấy là mục tiêu thứ hai của y học Trung quốc.

 Thứ ba mới là trị bệnh, điều đầu tiên trong việc trị bệnh là không cần hỏi, xem sắc khí của bạn, nghe tiếng nói, nhìn động tác của bạn, có thể biết bạn không ổn chỗ nào, không cần hỏi, đấy gọi là “vọng”. Chỉ cần nhìn là có thể biết, chúng ta cũng có thể hiểu được vấn đề này, khoa học đã bàn rất rõ vấn đề này.

 Khí sắc khí khác nhau rất rõ rệt khi tâm địa một người đang mạnh khỏe so với một người ốm đau. Giọng nói khác, hành động khác, y sĩ có thể nhìn thấy được, đó là những thầy thuốc cao minh. Loại thứ hai, không đạt đến trình độ đó, cần phải hỏi, gọi là “vọng văn”. Cần phải hỏi thăm, bạn thấy đau nhức chỗ nào, hỏi han. Loại thứ ba, không phát hiện ra bệnh sau khi hỏi, phải bắt mạch, bởi thế bắt mạch thuộc hạng thứ ba.

 Quý vị xem mục đích của y học Trung Quốc, thứ nhất là bàn đến sống thọ, nói đúng là dưỡng sinh, sống khoẻ sống lâu. Mục đích thứ hai là phòng ngừa tật bệnh, thứ ba mới trị bệnh, vì vậy trị bệnh được xếp thứ ba. Thứ ba mới là bắt mạch, được gọi là y sĩ “tam đẳng tam”, bắt mạch là y sĩ tam đẳng tam, rất có lí, thực sự mang tính bác học!

 Khi một bác sĩ y học Trung Quốc bắt đầu hành nghề, ít nhất phải kế thừa ba đời. Từ một, hai tuổi đã phải ở bên những người đi trước để học cách trị bệnh, xem cách thức họ làm. Đó là giai đoạn bắt đầu học, truyền từ đời này đến đời khác. Đời này không có lòng tin, y học là một đại học vấn.

 Chúng tôi đã học một số phương pháp dưỡng sinh với thầy giáo, phương pháp này áp dụng nguyên lí trong kinh Phật. Quan trọng nhất là tâm địa thanh thanh tịnh, quyết ngăn không để phiền não quấy rối. Những nhân tố dẫn đến phiền não, đầu tiên phải kể đến truyền hình, máy vi tính, báo chí, tạp chí, đâu đâu cũng thấy những lời dối trá. Chúng ta cố gắng không nghe, không xem.

 Bởi thế năm mươi năm nay tôi không xem truyền hình, truyền hình, cũng như một số sách báo, tôi quyết không để mắt đến. Không những không xem mà một số sách vở được bán ở các quầy hàng, tôi cũng không mua. Tại sao không đọc? Cứ đọc một vài trang đầu về bản quyền, “bản quyền đã đăng kí, không được sao chép dưới mọi hình thức”, đại loại như vậy là tôi không xem, rất nhiều người thắc mắc với tôi về việc này? Tôi cho rằng vì tâm lượng họ nhỏ nhoi quá, nghiêng về tâm tự tư, tự lợi, những người như thế làm sao viết ra được thứ gì ra hồn? Xem họ chỉ tổ lãng phí thời gian nên tôi không xem. Sách của cổ nhân Trung Quốc: “Hoan nghênh ấn tống, công đức vô lượng”, tôi rất thích xem những cuốn như thế, nếu họ giữ bản quyền, tôi nhất định không xem.

 Cứ làm bạn với cổ nhân, làm bạn với Phật, Bồ Tát, tâm các bạn sẽ thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, ăn chay, sống giản dị thì bệnh tật sẽ tránh xa, đây cũng là bí quyết giúp trẻ mãi. Trong đó nền tảng chủ yếu là y học Trung Quốc đã khuyên bảo chúng ta, chỉ cần chúng ta cố gắng học một chút nhưng kết quả mang lại rất lớn.

 Thời gian không cho phép, bài học chúng ta kết thúc ở đây.

**Hết tập 449**

# Tập 450

Chuyển ngữ: Minh Tuệ
Biên tập: Nguyên Tâm
Thời gian:12.06.2011
Địa điểm:Tịnh Tông Học Hội Cương Sơn\_Nhật Bản

 Chư vị Pháp sư, quí vị đồng học, mời ngồi. Xin xem trang 570, hàng thứ bảy, câu cuối cùng, Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải.

 Kinh Bi hoa viết: “Do con nguyện lấy thế giới Đại thiên nên danh hiệu của con là Đại thế chí”, đây là nội dung một đoạn nguyên văn kinh Bi Hoa. “Do con”, con ở đây chỉ Bồ tát Đại Thế Chí, ngài nguyện lấy thế giới Đại thiên, ý nghĩa chữ “lấy” là yểm trợ, giúp đỡ tất cả chúng sinh trong thế giới Đại thiên. Bởi thế Phật mới đặt cho Bồ tát pháp danh là Đại thế chí.

 “Lại Kinh Tư Ích nói: Nơi ta nhấn ngón chân”\_Ta ở đây là Đại thế chí tự xưng, “chấn động thế giới tam thiên đại thiên và cung điện của ma nên có tên là Đại thế chí”. “Nơi Bồ tát nhấn ngón chân”, ý nghĩa này chính là nói: Nơi ngài ở, đạo tràng giáo hoá chúng sinh, dạy học sẽ phát ra thứ năng lượng có oai đức rất lớn. Ngày nay người ta gọi là từ trường, từ trường này có thể làm rung chuyển thế giới tam thiên đại thiên, có thể chấn động cung điện của ma, bởi thế Bồ Tát mới có danh hiệu Đại Thế Chí.

 “Quán Kinh lại nói: Vị Bồ tát này”, chính là Bồ Tát Đại Thế Chí, “khi hành đạo”, hành ở đây là hành đạo, hành đạo có nghĩa dạy học. Ngài ở đây, giảng kinh thuyết pháp cho những chúng sinh nơi đó, bất kể thời gian ngắn hay dài, việc giáo hoá này bao gồm: Thời gian ngắn, ước độ hai, ba hôm, thời gian dài, có thể lên đến rất nhiều năm, không cố định, đây gọi là thời gian hành đạo. Khi hành đạo, hành đạo đồng nghĩa với dạy học, giảng đạo, giáo hoá chúng sinh.

 “Tất cả mười phương thế giới đều chấn động”, ở đây chúng ta phải để ý đến hai chữ “tất cả”. Bồ tát giáo hoá chúng sinh là cảm, chúng sinh phản ứng khi nghe, một số chúng sinh khai ngộ, đại triệt đại ngộ, một số khác giác ngộ ít hơn, số khác được định, được tam muội, số khác thấy rõ những việc làm sai trái của mình nên đã cải tà qui chánh, bỏ ác làm lành, tất cả đều là phản ứng, đấy gọi là chấn động. Nếu không bị lay chuyển bởi tiếng pháp làm sao họ có thể cải hối và làm mới chính mình? Làm sao có thể bỏ ác làm lành? Tất cả đều do tiếng pháp làm thay đổi.

 “Khi vùng đất đó chấn động, có năm trăm ức hoa báu”, vùng đất ở đó rung động. Những lời Như lai nói ra, những lời Bồ tát nói có nghĩa là những lời Như lai nói. Pháp thân đại sĩ đều phát xuất từ tự tánh, nên cây cỏ hoa lá, núi sông rừng bể đều rung động. Chân tướng sự thực vấn đề này ngày nay chúng ta có thể hiểu được, không có gì phải hồ nghi cả, giới khoa học đã chứng minh điều này cho Phật. Đó là hiện tượng, hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần là hai mặt của một vấn đề, không thể chia tách, đó chính là điều Bồ Tát Di Lặc đã nói: “Mỗi niệm biến thành vật chất, vật chất sẽ mang thức trong mình”, câu nói trên là bằng chứng rõ ràng nhất.

 Hiện tượng vật chất từ đâu mà có? Hình chính là hiện tượng vật chất, hình sắc đó là hiện tượng vật chất. Hiện tượng vật chất bắt nguồn từ ý niệm, “mỗi niệm thành hình, mỗi đơn vị vật chất đều có thức trong nó”, mỗi hiện tượng vật chất đều có hiện tượng tinh thần. Thức ở đây là sắc thọ tưởng hành thức, khi kết hợp lại với nhau sẽ thành ngũ uẩn, sắc thọ tưởng hành thức. Từ đâu mà có sắc thọ tưởng hành thức? Từ ý niệm, vấn đề này rất quan trọng, đây là thật tướng của các pháp. Nếu thực sự ngộ nhập thì vấn đề sẽ được giải quyết, nếu chưa ngộ nhập thì vấn đề của vẫn chưa thể giải quyết được.

 Chưa giải quyết được vấn đề gì? Chúng ta thấy mình vẫn còn tạp niệm, trong ý niệm đó có tự tư, trong ý niệm đó có phân biệt, chấp trước, phiền não, tập khí, muốn đoạn cũng không đoạn được. Điều này theo cách nói của Phật giáo gọi là ngu si, ngu si là vô minh phiền não, vô minh là gì? Không hiểu rõ chân tướng, không nhận ra chân tướng, gọi là vô minh. Nếu nhận rõ chân tướng, thấy rõ chân tướng thì vấn đề đã được giải quyết, không những không còn khổ lạc mà nhiễm tịnh cũng không còn, khổ lạc, nhiễm tịnh đều do một niệm giác sai lầm tạo nên, giác sai đó là tà tư. Thấy rõ ràng gọi là chánh kiến, chánh tri chánh kiến, khác nhau của tà chánh là ở chỗ đó.

 Ngày nay chúng ta đang hành tà đạo hay đang hành chánh đạo? Nói thật, rất nhiều người đang hành tà đạo, không được bao nhiêu người đang hành chánh đạo. Lấy một thí dụ đơn giản, tự tư tự lợi là hành tà đạo, không tự tư tự lợi, đại công vô tư mới là chánh đạo, quý vị thử tìm xem có ai không tự tư tự lợi? Không cần nói pháp thế gian, cứ tìm trong những người tu hành Phật pháp, có ai không tự tư tự lợi chăng? Có ai không phân biệt chấp trước chăng? Vẫn còn tự tự tự lợi, vẫn còn bóng dáng của sự phân biệt chấp trước, người đó đang hành tà đạo, không phải đệ tử Phật.

 Một người đệ tử Phật đúng nghĩa, phải bắt đầu từ đâu? Phải tính từ chỗ nào? Tiểu thừa Tu đà hoàn Trong đại thừa Kinh Hoa Nghiêm nói: địa vị Sơ tín trong Thập tín, như vậy mới đúng nghĩa đệ tử Phật, là nười hành chánh đạo, họ không hành tà đạo, tại sao? Họ đã phá tứ tướng như kinh Kim cương nói: tướng vô ngã, tướng vô nhân, tướng vô chúng sinh, tướng vô thọ giả, đấy mới là lớp một tiểu học\_Sơ quả Tu đà hoàn của Tiểu thừa, chúng ta đã đạt đến đó chưa? Chưa, bản thân chúng ta hiểu rõ hơn ai hết.

 Ngày nay chúng ta rất may mắn, học tập suốt mấy mươi năm nay, đã thu hoạch được những gì? Được giải ngộ, những điều này chúng ta đều hiểu hết, rỏ ràng tất cả. Đã điều chỉnh lại cách nhìn của mình nhưng vẫn chưa buông bỏ, nghĩa là chúng ta vẫn chưa chứng ngộ, có giải ngộ nhưng chưa chứng ngộ. Nếu có chứng ngộ thì ta sẽ tự tại, thực sự thoát khổ được vui.

 Ngày nay xã hội đang thời kì loạn lạc, khổ hay không? Không có gì khổ cả, bạn đã thực sự chứng ngộ, làm gì có chuyện khổ nữa, khổ đã trở thành gì? Khổ đã trở thành tăng thượng duyên thù thắng không gì sánh được của chúng ta. Trong hoàn cảnh thuận tiện, trong thuận duyên, ta vẫn không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đó là gì? Như thế gọi là chánh thọ. Nếu lục căn nằm trong lục trần thì vẫn cứ khởi tâm, động niệm, vẫn còn phân biệt, chấp trước, như thế gọi là tà thọ, không phải chánh thọ.

 Trong tà thọ chứa đựng những gì? Khổ lạc ưu hỉ xả, năm loại thọ này không bình thường, đó là gì? Cái thọ của phàm phu lục đạo, Bồ tát Sơ quả của Tiểu thừa và Sơ tín vị của Đại thừa không còn, đấy là nói về cảnh giới lục căn tiếp xúc với lục trần, khổ lạc ưu hỉ xả đã không còn, các ngài đã được chánh thọ. Chánh thọ tương ưng với tự tánh, tương ưng với tâm thanh tịnh.

 Nói cách khác, như tiêu đề kinh “thanh tịnh, bình đẳng, giác” đã có mặt, làm sao họ không tự tại được! Làm sao họ không vui vẻ được! Nhưng niềm vui của họ khác với niềm vui của thế gian. Khi gặp thuận duyên người thế gian cảm thấy vui sướng, trong đó đã bao gồm tình cảm, có khổ vui, có hỉ xả. Nhưng niềm vui của Phật Bồ tát không có khổ lạc ưu hỉ xả.

 Khi gặp ác duyên, nghịch cảnh là quý vị đang đối đầu với oán thân trái chủ, những người đang báng bổ, huỷ nhục, hãm hại quý vị, họ dùng những thủ đoạn như thế để phá hoại. Nếu rơi vào hoàn cảnh đó nên ứng xử thế nào? Hoan hỷ, Họ đến thử chúng ta, ta rơi vào hoàn cảnh ấy mà vẫn không khởi tâm, không động niệm, không phân biết, không chấp trước. Công phu như thế mới thành tựu, không trãi qua thử thách thì làm sao thể nghiệm được, làm sao biết được công phu của mình sâu đến đâu?

 Bởi thế những người luôn tìm phiền phức, người huỷ báng, người huỷ nhục ta, người hãm hại ta đều là những người thiện tri thức, họ đã nâng cao cảnh giới ta lên. Qua những thử thách đó, ta đã hiểu được mình đạt cảnh giới nào. Bởi thế, cho dù gặp bất cứ hoàn cảnh nào cũng đều là môi trường tốt. Trong môi trường như thế bạn mới hiểu được, ai cũng là người tốt, mọi việc đều là việc tốt. Họ muốn dìm tôi xuống, cảm ơn họ, tôi đến thế giới Cực lạc đây, họ đã đưa tôi đến thế giới Cực lạc, chúng ta có thể không cảm ơn ư? Sao lại oán hận được? Bởi nhận thức rõ ràng, đây được gọi là nhận thức đầy đủ vấn đề.

 Nếu cảnh giới trước mắt chúng ta, nếu thực sự nó như thế, ta sẽ chứng nhập ngay, đó không phải là giải ngộ. Giải ngộ là hiểu rõ sự thực, nhưng khi cảnh giới hiện ra trước mắt, tâm ta vẫn không thể tự tại được, đó được coi là chưa chứng ngộ. Công phu có tiến bộ, ý niệm phục thù, oán hận như trước đây bây giờ đã không còn. Tâm yên bình, lắng đọng, nhưng đó không phải là sự yên ắng tự nhiên, đó là chưa chứng đắc. Khi thực sự chứg đắc, phải rất tự nhiên, hoan hỷ, cảnh giới nào hiện ra trước mắt cũng hoan hỉ.

 Ngày nay chúng ta tự hỏi lòng mình tại sao chúng ta vẫn không thể chứng đắc? Nghe kinh bao nhiêu năm, tụng kinh bao nhiêu năm, ta đã hiểu được vấn đề, tại sao? Vấn đề là gì? Chúng ta chưa buông bỏ, vẫn cho rằng tất cả mọi thứ thuộc về ta, có cái ngã là đã đối lập với những thứ bên ngoài. Đối lập là vấn đề rất nghiêm trọng, chắc chắn, điều đầu tiên muốn vào nhà Phật là vô ngã, phải vô ngã, làm sao để vô ngã? Cơ thể của chúng ta, Kinh Kim Cang nói rằng: Ngay cả thế giới đại thiên cũng là tướng hợp nhất, thế nào là nhất? Đó là tên gọi đơn vị vật chất nhỏ nhất.

 Bồ tát Di lặc đã cho chúng ta biết: Niệm niệm thành hình, hình đó chính là đơn vị vật chất nhỏ nhất, tất cả mọi hiện tượng vật chất trong vũ trụ đều do đơn vị nhỏ này cấu thành. Thân thể chúng ta không như thế, nhưng đơn vị nhỏ nhất cấu thành thân thể chúng ta lại hoàn toàn tương đồng.

 Cơ thể chúng ta, thân thể này khác nới cỏ cây hoa lá, song đơn vị vật chất cấu tạo nên cỏ cây hoa lá giống với đơn vị vật chất cấu tạo nên thân thể chúng ta, đó là tướng hợp nhất. Thậm chí núi sông rừng bể, vô số tinh cầu, tất cả đều là tướng hợp nhất. Thân thể của Phật cũng là tướng nhất hợp, tất cả đều do hạt cơ bản tạo thành, làm sao không bình đẳng được? Không có gì khác biệt cả, không có trường hợp ngoại lệ.

 Kinh Kim Cang đã nói rất cụ thể về tướng nhất hợp, tất cả đều do một đơn vị tạo thành, chúng ta không thể không biết vấn đề này. Có bao nhiều đầu sách trong một thư viện, độ vài tỉ cuốn, nhưng tất cả đều do đơn vị trang cấu tạo nên. Cuốn nào cũng như thế, nếu không có từng trang thì không có cuốn sách, vấn đề ở chỗ đó.

 Bởi vậy, nếu quý vị chắc chắn nhận thức về tướng nhất hợp, có nghĩa là cơ thể chúng với tất cả những hiện tượng vật chất trong vũ trụ đều hoà trộn làm một, tinh thần chúng ta cùng hoà hợp với tinh thần cõi hư không khắp pháp giới. Có như thế thì tâm mới an, sẽ không còn chấp trước nữa, không còn phân biệt nữa, không còn khởi tâm, động niệm, chúng ta được đại tự tại. Chúng ta sẽ sống hoà thuận với vạn vật trong trời đất, chúng không hoà thuận với ta nhưng ta hoà thuận với chúng, tại sao? Chúng ta biết.

 Qúy vị đối lập với tôi, nhưng tôi không đối lập với quý, tại sao? Tôi đã nhận thức được chân tướng sự thực, còn quý vị thì chưa, tôi đang đứng trên vị trí giác ngộ, quý vị đang ở chỗ mê lầm, tôi thấu suốt mọi lẽ, quý vị đang mờ mịt mông lung.

 Giác là chánh pháp, mê là tà pháp, giáo lí Đại Thừa đã định nghĩa giác, mê là ở chỗ đó. Người giác ngộ chắc chắn sẽ đại từ đại bi, Đại Thế Chí biểu trưng cho trí tuệ, đại diện cho giác ngộ. Bồ tát Quan Thế Âm biểu trưng cho hành vi, hành vi giác ngộ là đại từ đại bi, yêu thương vạn sự vạn vật trong thế gian, đó là tình yêu chân thực, không phải tình cảm luyến ái, tình yêu của trí tuệ chân thực.

 Tình yêu ở đây, đó là ba loại chân thực như nội dung kinh này đã nói, đấy là lợi ích chân thực. Lợi ích chân thực đó là lòng yêu thương vô tận, bình đẳng. Bởi thế Ngài mới có thể làm được điều như chúng ta nói, đó là hi sinh phụng hiến, nhưng nơi ngài làm gì có ý niệm hi sinh phụng hiến? Nhưng ngài đã thực hiện được tất cả, không cần ý niệm, tất cả đều thấu suốt! Bạn có hiểu tại sao không? Vì đó là nhất thể, vũ trụ với chúng ta là nhất thể, tịnh độ uế độ là nhất thể, thiện duyên ác duyên là nhất thể, những thứ này khiến cho ta rõ ràng mọi vấn đề. Khi đã rõ ràng, không hề hay biết, cứ tự nhiên tác động lên đời sống hàng ngày. Bởi thế khi đã đi vào cảnh giới này, ngộ nhập cảnh giới chính là chứng quả, cũng là tự nhiên, không phải cố ý để thực hiện, cố ý là sai. Khi cố ý là tâm bạn đã không còn thanh tịnh nữa, bởi thế phải thật tự nhiên.

 Đoạn tiếp theo nói về tự nhiên, nói đến tám loại tự nhiên, có một danh từ giáo lí Đại Thừa thường nói: “pháp vốn như thế”, “vốn” là gì? Đó là tự nhiên, vốn pháp là như thế. Bởi thế, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh là quay về với tự nhiên, không còn tạo ra bất cứ một thứ gì. Nghĩa là không có một việc gì được hình thành thông qua tư duy, không có tư duy, không có tư duy chính là tự nhiên, không còn tự nhiên nếu đã thông qua tâm, ý, thức.

 Tôi khẳng định với quí vị, khi đã thông qua tâm, ý, thức đều là tạo nghiệp. Nghiệp được chia ra tịnh nghiệp, nhiễm nghiệp, thiện nghiệp, ác nghiệp, vô kí nghiệp. Qua tâm, ý, thức đều là tạo nghiệp, quả báo của nghiệp này không giống với y chánh trang nghiêm của thập pháp giới. Không qua tâm, ý, thức, y chánh trang nghiêm của thập pháp giới sẽ không có. Nếu y chánh trang nghiêm của thập pháp giới vẫn còn, thân thể này vẫn tồn tại, cảnh giới đó là gì? Phật pháp gọi đó là hữu dư y niết bàn. Họ thực sự chứng nhập cảnh giới như chư Phật và Bồ tát Pháp thân, nhưng thân thể họ vẫn còn, thân thể gọi là hữu dư, hữu dư y niết bàn.

 Thân thể này có khởi tâm, động niệm khi lục căn tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài không? Không khởi tâm không động niệm. Bởi thế thân thể này được coi như lên thuyền từ trở lại để cứu độ chúng sinh. Bản thân họ không vấn đề gì, mọi chuyện của họ đã xong hết, thân thể đó hoàn toàn để cứu giúp chúng sinh. Thân thể này lưu lại ở thế gian là phước của chúng sanh, không liên quan gì đến bản thân họ, bản thân họ thế nào?

 Như những gì Hoàn Nguyên Quán nói về tứ đức, bản thân họ chịu khổ thay cho chúng sinh, lưu lại thế gian là chịu khổ thay chúng sinh, làm tấm gương cho chúng sinh, tất cả mọi ngôn ngữ, hành động đều giúp chúng sinh giác ngộ, ý nghĩa của nó là như thế.

 Quan niệm của người giác ngộ hoàn toàn không giống người thế gian, mỗi ý nghĩ, tâm niệm của người chưa giác ngộ, người còn mê lầm, là tranh đoạt danh văn lợi dưỡng. Chúng ta ngày nay gọi là tranh danh trục lợi, ngày nay lợi được đưa lên hành đầu, sau đó mới đến danh, danh đứng thứ hai, lợi thứ nhất.

 Người giác ngộ không như thế, thứ người giác ngộ muốn giành lấy, họ không tranh giành với mọi người, họ tranh giành với bản thân mình, họ không ngừng nâng cao cảnh giới của mình. Chứng được địa vị Bồ Tát Sơ Tín, vừa mới phá được tứ tướng, cảnh giới đó chưa cao, nhưng nền tảng đã rất vững chắc. Nếu gặp được nhân duyên thù thắng, bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ là một pháp duyên cực kì thù thắng. Gặp được nhân duyên này, chúng ta không cần phải trải qua Nhị Tín, Tam Tín, Tứ Tín, Ngũ Tín, không cần. Mà rất có thể vượt lên địa vị Thập Tín với tốc độ rất nhanh, nghĩa là đến Sơ Trú, đã đại triệt đại ngộ. Đi từng bước sẽ rất chậm, mất nhiều thời gian, từ Sơ tín vị đến Sơ trú, không phải không thực hiện được. Nếu xét về lí, đó là điều hoàn toàn có thể, về sự thì sao?

 Như những gì đại sư Thiện Đạo đã nói, “tất cả đều ở chổ gặp duyên không giống nhau”. Hôm nay duyên đã đến, duyên đã đến với ta, có bốn thứ duyên, đây gọi là tăng thượng duyên, chúng ta đã gặp. Còn ba loại khác còn để xem, ba loại sau đều phụ thuộc bản thân chúng ta, đó là thân nhân duyên, có chuyện gì với nó không, có đấy, tại sao? Quý vị vốn là Phật, bởi thế thân nhân duyên là bình đẳng, ba thứ còn lại không bình đẳng, đó là sở duyên duyên, sở duyên duyên là chí hướng của ta.

 Phương hướng và mục tiêu suốt đời mình, phải chăng là muốn đạt đến được là đi theo con đường Phật Pháp mà kiếp sống này ta quyết theo hay không, đến Bồ Tát đạo ta cũng không theo. Làm sao để đi trên đường của Phật? Ta quyết định vãng sanh thế giới Cực lạc, ta nhất định thân cận Phật Di Đà, quyết định thành Phật ngay trong kiếp sống này, phải thật chắc chắn, kiên định với tâm nguyện này, không được dao động.

 Trong giáo lí Đại Thừa được xem là Nhất Thừa căn tánh, căn tánh đó nói lên một điều, không có gì có thể sánh được với căn tánh Nhất Thừa, quý vị sẽ thành Phật ngay trong kiếp này, tại sao? Bất kì một hoàn cảnh nào cũng giúp ích cho quý vị, thuận cảnh, đó là thứ đang ca ngợi, giúp đỡ, cúng dường quý vị, đó là tăng thượng duyên, nó đang giúp đỡ quý vị, giúp thế nào? Quý vị không khởi tâm động niệm trong cảnh giới đó, nó thực sự đang giúp ích cho quý vị.

 Nghịch cảnh cũng giúp đỡ như vậy, không khác gì thuận cảnh, công đức hoàn toàn giống nhau, bình đẳng. Họ làm nhục, hãm hại, thậm chí còn lấy đi mạng sống, quý vị vẫn không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, quý vị đã thành Phật.

 Khi họ cướp đi sinh mạng, đấy chính là lúc ta vãng sinh thế giới Cực Lạc, giúp ta vãng sinh trước thời hạn. Vốn cần thêm mấy năm, mấy mươi năm nữa mới vãng sinh, bây giờ họ làm cho ta vãng sinh ngay tức khắc.

 Bởi thế thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện nhân hay ác nhân đều bình đẳng, tất cả đều là Bồ Tát. Đối với ta đều là những tấm lòng thiện, tất cả giúp chúng ta tăng trưởng. Thiện duyên, thiện tăng thượng duyên, thuận tăng thượng duyên. Ác nhân, nghịch tăng thượng duyên, tất cả đều nâng ta lên. Vì vậy, ngay trong thời điểm này, không kể bạn đang đối mặt với thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên, ta đều mang một tâm niệm cảm ơn, cảm ơn, báo ơn.

 Thuận cảnh, thuận duyên, họ sẽ vãng sinh đến cõi lành. Nghịch cảnh, ác duyên, sẽ sinh vào cõi ác. Nếu cõi lành, ta sẽ hồi hướng cho họ thêm phước. Nếu ác đạo, họ đọa vào ác đạo, chúng ta cũng hồi hướng chọ họ giảm bớt những thống khổ, đó chính là báo ân, tri ân báo ân. Cứ để đến lúc giác ngộ họ sẽ hiểu ra, bây giờ họ chưa thức tỉnh, họ chưa giác ngộ, họ đang mê lầm. Vì vậy họ mới tự tư, tự lợi, làm rất nhiều việc sai lầm nhưng không biết mình đang sai, nhất là trong hoàn cảnh hiện tại.

 Trong thời đại này ta phải ghi nhớ lời dạy trong kinh của đức Thế tôn: “Người đi trước không làm gương, không chú trọng đạo đức”, người đi trước là ai? Cha mẹ của họ, ông bà của họ, cụ kị của họ, thậm chí những đời xa xưa hơn, nền giáo dục đạo đức luân lí đã bị đánh mất cả trăm năm nay. Hơn một trăm năm, năm đời, đời này qua đời khác đều không biết, đều không có người dẫn đường. Nên ta không thể trách cứ những việc làm sai trái ngày nay của họ.

 Nhờ sự tôi luyện của Phật pháp, chúng ta mới có duyên thân cận lời giáo huấn của Thánh Hiền, mới được tỉnh ngộ. Nếu không được tôi luyện bởi giáo huấn của Thánh Hiền thì chúng ta chẳng khác gì họ, thậm chí còn tệ hơn cả họ. Phải nghĩ được như thế, chúng ta mới sinh khởi lòng yêu thương, tâm đồng cảm được, tự nhiên ta sẽ tha thứ cho họ.

 Nếu bạn lưu tâm đến nhân quả thì lòng thương yêu liền có mặt, tương lai họ đi về đâu? Đi vào tam đồ. Vốn là Phật, sao bây giờ lại đi vào chốn này? Đó là do một ý niệm sai lầm. Nếu chúng ta vẫn tồn tại ý niệm sai lầm, thì khi gặp những bất lợi người khác mang đến cho ta, ta vẫn tức giận, mang chút ý niệm trả thù. Như thế là ta đã sai lầm quá lớn, kiến thức cũng giống như những người bình thường khác. Giống như kiến thức của những người bình thường khác thì ta không thể vãng sinh, vẫn cứ tiếp tục quay cuồng trong lục đạo. Ta làm gì trong vòng luân hồi đó? Oan oan tương báo không bao giờ dứt, bạn thực hiện những việc như thế.

 Lòng từ bi của Phật Bồ Tát ứng hoá trong mỗi cõi lục đạo, hiện vô lượng vô biên thân trong mỗi cõi, chỉ cần chúng sinh an tĩnh trở lại, các ngài sẽ giáo hoá họ ngay. Chỉ sợ tâm sân hận quá nặng, tâm tham lam quá nặng thì không cách gì cứu được. Ngay Phật Bồ Tát cũng không giúp được gì, vì họ không chịu nghe, không tiếp nhận, quá mê mờ, họ đắm chìm trong thất tình ngũ dục. Lúc đó Bồ Tát không đến, ngài chỉ quan sát từ xa, đến lúc nào họ ân hận, nhận ra lỗi lầm, rằng trong vô lượng kiếp đã luân hồi trong sinh tử, coi đó là một cuộc chơi, bây giờ không dám trở lại nữa, nhất niệm như thế là giác ngộ.

 Khi bạn tỉnh ngộ, Phật Bồ Tát đến cứu bạn ngay. Không thể nói đó là vận may, bạn đã gặp được nhiều vị thiện tri thức, tôi không được may mắn giống như quý vị. Kì thực không phải như thế, mà do nhân duyên của mỗi người, đó là do tâm bạn không chân thật. Tất cả pháp do tâm tưởng sanh, là do cảm ứng. Nếu ta y giáo phụng hành, thì Phật Bồ Tát sẽ đến ngay, các ngài sẽ hiện thân thiện tri thức đến giúp đỡ chúng ta. Họ sẽ là những thầy giáo, những người cùng học, những bạn thân của ta... để giúp và khích lệ chúng ta.

 Nếu tâm địa không ngay thẳng cũng có người đến giúp, nhưng yêu ma quỉ quái đến, nó đến giúp điều gì? Giúp ta tăng trưởng tham, sân, si, mạn. Lúc đó chúng ta hứng thú lắm, đắc ý lắm, vì nó đang giúp ta phát tài, giúp ta tranh quyền đoạt lợi, kết quả cuối cùng là ở trong cõi quỉ đói, địa ngục, súc sinh. Hiện tại có vẻ rất ổn nhưng tương lai lại có vấn đề.

 Ngược lại, khi được bạn bè tốt thực sự giúp đỡ bạn, tuy trước mắt có vẻ khó khăn, tại sao? Họ trở ngại tiếng thơm, lợi dưỡng, quyết không cho ta dính đến những thứ đó. Họ giúp ta đi sâu nghiên cứu kinh điển, giúp ta trì giới tu định, giúp ta khai mở trí tuệ. Kết quả sau cùng, ít nhất cũng được sinh thiên, khi được sinh thiên, thù thắng nhất là vãng sinh Tịnh Độ. Vãng sinh Tịnh Độ đồng nghĩa với việc thành Phật ngay trong đời này, tất cả đều trong một ý niệm.

 Đại Thế Chí, Quan Thế Âm vì chúng ta mà thị hiện, chúng ta có thể không cảm ơn ư? Trí tuệ, chân tín, viên giải của Đại Thế Chí, thông đạt một cách viên dung, viên mãn thật tướng các pháp, thực sự làm sáng tỏ.

 Lòng từ bi của Bồ Tát Quan Âm, bạn suốt ngày trách mắng Bồ Tát, bạn xem tượng ngài như thứ gạch vụn mà Bồ Tát vẫn cứu bạn, vẫn giúp đỡ. Tuyệt nhiên không phải vì bạn đã ăn ở không tốt mà trách mắng bạn: Tôi sẽ phái ma quỉ đến bắt bạn, không bao giờ như thế cả. Nếu như thế thì đó không phải là Bồ Tát Quan Âm, đó là hành động của yêu ma quỉ quái, chứ không phải là việc làm của Bồ Tát Quan Âm. Bởi vậy chúng ta phải nhận thức rõ ràng, vì sao Phật Bồ Tát lại từ bi đến như thế, các ngài biết chúng ta với các ngài là nhất thể, mối quan hệ này mật thiết biết bao nhiêu!

 Nếu ví thân thể này là toàn thể vũ trụ, vạn sự vạn vật chính là cơ quan khác nhau của thân thể. Bên ngoài là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, bên trong là lục phủ ngũ tạng, nó bất đồng, không giống nhau. Song bạn phải hiểu rằng, tất cả đều được tạo nên bởi một loại vật chất, đó là ngũ uẩn. Ngũ uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức, là vật chất, vật chất cơ bản, nó bao gồm năm thứ hiện tượng. Ngày nay nhà khoa học gọi những thứ này là trung vi tử, hoặc tiểu quang tử, lượng tử. Kinh Phật gọi nó là thứ nhỏ nhất trong thứ nhỏ nhất (Cực vi chi vi), tướng nhất hợp đã cấu tạo nên thân thể này, cả vũ trụ cũng là tướng nhất hợp.

 Bồ Tát Quan Thế Âm đầy đủ trí tuệ, soi thấy ngũ uẩn là không, ngũ uẩn có nhưng là huyễn không phải thật, thể của nó là gì? Thể của nó là tự tánh, tự tánh không phải vật chất, nhưng có thể hiện vật chất, tự tánh không phải tinh thần nhưng có thể hiện tinh thần. Bởi thế, tất cả những hiện tượng này, không kể là hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần, hay hiện tượng tự nhiên, tất cả đều thuộc đương thể tức không, liễu bất khả đắc.

 Đương thể tức không, liễu bất khả đắc, nên Phật Bồ Tát còn phải hiện thân để dạy học. Còn phải thị hiện, tuỳ duyên diệu dụng, oai nghi hữu tắc, nhu hoà chất trực, chịu khổ thay chúng sinh. Đấy gọi là đại từ đại bi, gọi là Quan Thế Âm, Quan Thế Âm từ đâu mà có? Tự tánh biến hiện ra. Tất cả những trí tuệ, thần thông, cứu khổ, cứu nạn của ngài đều là tánh đức của tự tánh, chứ không phải gì khác. Quan Âm với ta là nhất thể, Di Đà với ta là nhất thể, tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới với chúng ta đều là nhất thể. Chúng ta phải hiểu được nhất thể, ví dụ như một tế bào, mỗi hạt, mỗi tiểu quang tử trên cơ thể chúng ta.

 Tôi nói đến một câu ví dụ của người xưa, câu nói từ đáy lòng, chính xác 100%, không chút giả dối. Người xưa gọi là gì? Bảo bối trong lòng, ruột gan chính mình, lục phủ ngũ tạng của mình, làm sao tôi không yêu quí nó được? Làm sao tôi không nâng niu nó được?

 Tất cả mọi hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên trong cõi hư không khắp pháp giới, tất cả đều là bảo bối của ta cả. Nếu ta hiểu được vấn đề này, nhận thức được chân tướng sự thực, thì phải thừa nhận mình dung hợp với tất cả thành nhất thể. Chúc mừng, quý vị đã thành Phật, thành Phật chính là như vậy.

 Thực sự cả vũ trụ cùng hợp thành nhất thể với ta, đấy gọi là thành Phật, đấy gọi là Bồ Tát Pháp Thân. Hoà trộn thành nhất thể nhưng chưa đạt đến cứu cánh viên mãn, đó là Bồ Tát Pháp Thân. Đạt đến cứu cánh viên mãn gọi là thành Phật, chuyện thành Phật, thành Bồ tát là như thế. Bạn thấy không một vị Phật Bồ Tát nào là không thương mến chúng sinh, chưa một vị Phật nào chán ghét chúng sinh, chắc chắn không có.

 Thực sự hành Bồ Tát đạo, thì cho dù quý vị đối xử ác ý, họ vẫn giữ thiện ý với quý vị. Nếu họ dùng ác tâm báo thù thì đã không còn là Bồ Tát, họ chỉ là phàm phu như bạn mà thôi. Nếu thực sự là người học Phật, chắc chắn họ sẽ đối xử với bạn bằng thiện ý, tại sao? Tri ân nên họ sẽ báo ân, bạn đã mang những ân đức gì đến cho họ? Làm hại họ, ân đức gì? Đó là giết hại họ, ân đức gì? Giết hại, như thế là quý vị đã đưa họ sang thế giới Cực Lạc. Ân đức là như thế đấy, họ phải trả ơn vì họ đã hết sinh tử. Sinh tử là thân thịt này, là hiện tượng vật chất, nhưng tinh thần thì mãi mãi trường tồn.

 Khi minh tâm kiến tánh, đại sư Huệ Năng từng nói: “nào ngờ tự tánh, vốn không sinh diệt”, đây mới là chân ngã, phàm hay thánh đều không hai không khác. Chư Phật Bồ tát không sinh không diệt, tất cả phàm phu cũng không sinh không diệt, vì sao? Tất cả đều được bắt nguồn từ tự tánh. Đến đất đai núi sông, cỏ cây hoa lá cũng không sinh không diệt, sinh diệt chỉ là thứ bên ngoài, hình thức bên ngoài, hiện tượng tinh thần bên trong vẫn không sinh diệt.

 Trong Kinh Phật, hiện tượng tinh thần như động vật gọi là Phật tánh, trong thực vật, khoáng vật gọi là Pháp tánh. Phật tánh và Pháp tánh là một tánh, không hai không khác, đều là một Tánh, tánh không sinh không diệt, năng sinh năng hiện. Phải hiểu rõ những điểm này trong Phật Pháp, mới nhận thức được những ý tứ của cổ nhân muốn truyền đạt: Nhân tánh vốn thiện. Những bài học vỡ lòng ngày xưa, trẻ nhỏ lên năm, sáu tuổi đã bắt đầu học những câu mở đầu trong Tam Tự Kinh: “Nhân chi sơ, tính bản thiện”. Chúng ta đã nắm rõ những đạo lí này, mục tiêu của giáo dục là gì? Quay trở lại gốc thiện, đấy là mục đích của giáo dục.

 Tất cả bất thiện của chúng ta hôm nay không phải bản thiện, bản thiện vĩnh viễn là thiện, trước đến nay chưa bao giờ thay đổi. Ý niệm hiện nay sai lầm, hành vi lệch lạc, đấy gọi là tập tánh, ngày nay chúng ta gọi là thói quen. Chúng ta đã trở nên tồi tệ do hoàn cảnh bên ngoài tác động, sở dĩ như thế là do tập tánh bất thiện.

 Mục đích giáo dục là tác động bạn từ tập tánh quay trở lại với bản tánh, đây gọi là giáo dục, là nền giáo dục của thánh hiền. Đấy là cách giáo dục của Phật, Bồ Tát, chứ không phải là nền giáo dục hiện đại, nền giáo dục hiện đại đã bỏ quên tất cả những vấn đề này, ngày nay giáo dục dạy những gì? Dạy mọi người làm thế nào để kiếm tiền, làm thế nào để tranh quyền đoạt lợi, làm sao lợi mình hại người, dạy mọi người những thứ đó. Ai cũng học cách lợi mình hại người, họ có thê không xung đột ư? Họ có thể không chiến tranh chăng? Bởi thế đã tạo nên sự động loạn cho toàn xã hội, tạo nên những thiên tai liên miên trên quả đất, tất cả những thứ tiêu cực này khơi nguồn từ đó.

 Nếu chúng ta lập tức giác ngộ, lập tức hồi đầu thì chúng ta có thể bỏ ác làm lành, như những gì ông Bố Lai Đăng người Mỹ nói: Bỏ ác làm lành, cải tà qui chánh, tâm niệm ngay thẳng thì tai nạn nào cũng có thể hoá giải được. Tuy không phải Phật Tử, chưa bao giờ tiếp xúc với Phật Giáo, là người nghiên cứu khoa học, nhưng tất cả những gì ông phát biểu hoàn toàn phù hợp với giáo lí Phật Giáo.

 Không phải không có phương pháp giải quyết mọi vấn đề của xã hội, những tai nạn trên quả đất không phải là vấn đề nghiêm trọng, tất cả đều có thể giải quyết. Cách giải quyết tối ưu đó là tâm niệm, đó cũng là nội dung đức Phật đã nói: “Tất cả pháp đều sinh ra từ tâm tưởng”, ta nghĩ như thế nào thì nó sẽ trở thành thế ấy. Nghĩ lành thì nó là Tịnh Độ, nghĩ sai lệch thì nó trở thành uế độ, nghĩ thiện thì đó là cõi trời, nghĩ ác thì tất cả sẽ trở thành địa ngục, ngạ quỉ, tất cả đều từ tâm tưởng mà có, những sản phẩm này không có trong tự tánh. Trong tự tánh cũng không có thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc là sản phẩm của tâm tưởng, là từ 48 lời nguyện Phật A Di Đà biến hiện ra. Cách giải thích của chúng ta quá rõ ràng.

 48 lời nguyện là duyên, nhân là gì? Nhân chính là đức tướng trí tuệ có sẵn trong tự tánh, đấy là nhân. Gặp được duyên tốt như thế, nhân gặp duyên thì quả báo sẽ đến ngay, quả báo là y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, hiển hiện một cách tự nhiên. Không cần thiết kế, không cần lên kế hoạch, không cần xây dựng, nó hình thành một cách tự nhiên. Thế giới Cực Lạc là như thế, tất cả quốc độ của chư Phật trong các cõi hư không khắp pháp giới cũng không khác, người tu Tịnh Độ không thể không biết vấn đề này.

 Chúng ta đã thấy Phật A Di Đà, chúng ta lễ bái trước tôn tượng của ngài, những thứ đó nói lên điều gì? Đại diện cho đức tướng trí tuệ bát nhã vốn sẵn có trong tự tánh, nó đại biểu cho 48 lời nguyện, năm kiếp tu hành. Khi thấy tôn tượng, ta nghĩ ngay đến những điều này, là nguyện hạnh của ngài thành tựu nên thế giới Cực Lạc. Ta phải học tập theo, bắt chước, nhìn hai vị trợ thủ bên ngài, trí tuệ của Bồ Tát Đại Thế Chí, từ bi của Bồ Tát Quan Thế Âm, chúng ta phải lập tức học theo ngay, ứng dụng nó vào cuộc sống hàng ngày, nhất là trong cách đối nhân xử thế.

 Xã hội ngày nay, câu nói của cổ nhân gây ấn tượng sâu sắc trong chúng ta: “Trong đời chuyện không như ý đến tám chín phần”, xã hội hiện tại thật sự là như thế. Mọi người không tin tưởng nhau, nhòm ngó nhau, ai ai cũng đề phòng lẫn nhau, ta phải ứng xử thế nào trong bối cảnh như thế? Dứt bỏ tất cả những hồ nghi, đề phòng đó đi, còn họ lừa dối ta? Họ lừa ta cũng tin, tuyệt đối không hồ nghi họ. Ta nói ta bị họ lừa dối tiền của, tiền bạc của ta bị họ cuỗm hết, cứ vui vẻ, cuối cùng cũng chúng ta sử dụng mà thôi, người dùng hay ta dùng cũng giống nhau cả sao? Ta cứ vui vẻ, hoan hỉ, đừng bao giờ oán hận, tại sao? Vốn chúng ta là nhất thể, tay này của ta và tay kia của ta dùng khác nhau ư? Khác nhau ở đâu nào, ta dùng bằng tay, họ cũng lấy tay để dùng, không giống nhau đó ư? Nếu đạt đến mức độ đó thì tâm trí của bạn đã rộng mở, bạn cảm nhận được cuộc sống này mới an vui làm sao, đấy chính là hạnh phúc mĩ mãn.

 Có lần ông Phương Đông Mỹ nói với tôi, hưởng thụ cao nhất của đời người. Hưởng thụ cao nhất của người học Phật, hưởng thụ cao nhất đấy là không hồ nghi, không nhòm ngó, không thu mình lại. Người xưa có câu: “Đừng ôm lòng hại người, nhưng không thể không đề phòng người”, đề phòng người khác rất mệt, khó khăn lắm, thế thì cần gì! Có gì hay đâu mà đề phòng?

 Nếu nhỡ bị sát hại, chẳng qua tiễn tôi sớm vãng sanh, vui vẻ thôi, vậy thì bạn còn gì để đề phòng. Đây là tuyến phòng ngự cuối cùng bị đánh bật, như thế mới tự tại, mới tương ứng với thật tướng các pháp. Kiểu giáo dục này chỉ có đức Phật, ngoài ra không thể tìm được một nhà giáo dục thứ hai tương tự trên thế giới, có nền giáo nào dạy chúng ta chịu thiệt thòi đâu, chỉ Phật mới bảo ta chịu thua thiệt, lại còn dạy chúng ta thua thiệt sẽ như thế nào? Thua thiệt là phước, bạn nên hiểu vấn đề này.

 Chúng ta lấy của cải làm thí dụ, chúng ta là người sung túc, bị người khác lừa mất. Nếu người khác, họ sẽ tìm cách đòi lại, nhất định phải lấy lại bằng được, tìm mọi cách để lấy lại, phải phục thù họ. Người học Phật không như thế, chỉ cười xoà hoan hỷ. Nếu số ta có sẽ tự có, vứt cũng không mất. Còn như số ta không có, chắc chắn không đạt được, nhưng vào tay rồi cũng mất.

 Người ta lấy của cải của mình, mình cứ dặn lòng, đấy là do số mạng ta không có mà nó thuộc người khác, tại sao? Lấy được có nghĩa là họ đủ tư cách để dùng, nếu không thuộc về họ, sau khi lấy được, họ sẽ gặp tai nạn. Đấy là nguyên lí ngàn đời, hoặc khi chiếm đoạt được số tiền của mình, sau khi quay về họ đổ bệnh, tất cả chỗ tiền đó đều đưa cho bác sĩ, đấy là do số mạng anh ta không được hưởng, không có phước!

 Bởi thế của cải bất nghĩa là mối hoạ, mối hoạ ngay trước mắt đó là đau ốm, quả báo sau này sẽ là trả nợ trong ba đường ác, phải trả nợ, phải đền mạng, sai lầm lớn quá. Lấy mạng người tất nhiên ta phải đền mạng, lấy tiền người ta chắc chắn phải trả nợ cho người ta, quanh quẩn mãi trong thế gian không thôi, cứ lặp đi lặp lại mãi, sai lầm quá lớn.

 Sau khi học Phật rồi mới tỉnh ngộ, không dám phạm nữa. Quý vị tước đoạt, lừa dối, tất cả đều tặng cho quý vị. Khi số mạng mình có, chắc chắn không đói, không lạnh được. Tất cả những biện pháp này, tôi được đại sư Chương Gia dạy khi mới học Phật, đã y giáo phụng hành và thấy có tác dụng trong sáu mươi năm nay. Rõ ràng nhất là chuyện của cải, mọi người muốn, cho họ tất, tôi đi nơi khác. Một số pháp sư nhỏ tuổi không phục, đến tìm tôi, tôi đã phân tích cho họ, nói rõ cho họ, nếu số mạng có, ta nên xả bớt, bố thí, chia xẻ của cải.

 Trong kinh Phật đã dạy chúng ta, nhân của tiền tài là do biết bố thí, càng bố thí ta càng giàu có. Thực thế, mỗi lần buông bỏ tất cả, chưa được một năm, tất cả đều quay trở lại, thậm chí còn nhiều hơn ngày trước, lãi hơn, lúc đó mọi người mới tin.

 Chúng tôi đã bố thí, bố thí rất nhiều, đã ba lần, lần sau tốt hơn lần trước. Đấy chính là do số mạng quý vị có, bỏ cũng không hết, bỏ không hết cũng cần bỏ, nếu không bỏ là tạo nghiệp, xả bỏ là chính xác nhất. Ai muốn cứ đưa hết cho họ, không đắn đo là tôi phải đưa người này hay đưa người khác, như thế là sai. Như thế là quý vị đã khởi tâm, động niệm, phân biệt, chấp trước, cứ để mọi thứ tự nhiên. Nếu y theo lời dạy của Phật Bồ Tát để làm thì sẽ chẳng bao giờ thua thiệt.

 Chúng ta nên thực hiện ba thứ bố thí trong đời, bố thí tài sản sẽ có tài sản. Bố thí Phật Pháp, đem tiền bạc để in kinh là bố thí pháp, giảng pháp mỗi ngày là bố thí pháp, bố thí pháp sẽ được trí tuệ thông minh. Nếu không thực hành bố thí pháp thì quý vị không bao giờ nắm được những nội dung cốt yếu trong kinh điển. Nói chỉ để nghe mà thôi, chứ không thể áp dụng nó vào cuộc sống hàng ngày, quý vị chẳng nhận được những ích lợi thật sự. Đây là lí do đa phần người học Phật thối tâm, họ không nhập vào cảnh giới làm sao họ không thối tâm. Không phải có nhiều điều hay mới được coi là lợi ích thật sự.

 Loại bố thí thứ ba là thí vô uý, sẽ được sức khoẻ sống lâu, bố thí vô uý nghĩa là thấy người khác đang đau khổ, gặp tai nạn, chúng ta dốc toàn tâm lực giúp đỡ họ, yểm trợ họ hoá giải, đạt đến hiệu quả, đừng để lại dấu tích, như thế mới đúng, tại sao? Giúp đỡ người khác là bổn phận, là nghĩa vụ, không kèm theo quyền lợi, như thế mới được tự tại, như vậy mới nâng cao được cảnh giới, điều này sẽ mang lại rất nhiều niềm vui!

 Tất cả danh lợi trên cuộc đời là giả tạm, tất cả những ánh hào quang đó cũng là giả tạm, không có gì chắc thật cả. Không mang theo được thứ gì sau khi nhắm mắt, nhưng mức độ được nâng lên đó sẽ giúp ích bạn rất nhiều, mức độ phẩm vị sẽ được tăng lên khi vãng sinh thế giới Cực Lạc.

 Phải dứt trừ được tham sân si với các pháp thế gian thì phẩm vị của ta mới được tăng lên. Nếu dính mắc một chút, quý vị phải kéo theo hệ luỵ, sẽ chịu khổ. Đây là những gì đại sư Thiện Đạo đã nhắc nhắc nhở: “Tứ độ, tam bối, cửu phẩm, tất cả đều do gặp duyên không giống nhau”, nhất là giai đoạn cuối của “tam bối vãng sanh”.

 Pháp sư Từ Chu đã nói rất cụ thể về “nhất tâm tam bối”, trong đó nói rất rỏ ràng, rất minh bạch. Nói cách khác, theo ý của đại sư Thiện Đạo, mỗi người chúng ta, nếu gặp nhân duyên thù thắng thì ngay trong đời này, khi vãng sanh thế giới Cực Lạc sẽ được thượng phẩm thượng sanh. Thượng phẩm thượng sanh là hạng người nào? Bồ Tát thập địa, từ địa vị phàm phu lập tức đến Thập địa, giống như nói trong nháy mắt nâng lên vị thứ năm mươi. 51 vị thứ của Bồ Tát, quý vị đến được vị thứ năm mươi, đó là điều quả thật không thể nghĩ bàn, đại sư Thiện Đạo rất có lí.

 Chư vị đại đức tổ sư ngày xưa thấy được, bởi thế họ chủ trương vãng sanh thượng thượng phẩm là Bồ Tát từ Tứ Địa trở lên mới thực hiện được, đó là theo cách nhìn một số người thông thường. Đại sư Thiện Đạo đã nói với chúng ta, niệm cuối cùng của một người niệm Phật, bạn xem họ dùng tâm nào. Nếu họ dùng chân tâm, chân tâm trong nhất niệm là lí niệm, công đức của lí niệm thật đáng nễ. Vì lí niệm tương ứng với tự tánh viên mãn, nghĩa là đạt đến thành tựu cao như thế.

 Chúng ta cứ bình tĩnh để suy nghĩ những lời đại sư Huệ Năng nói trong Lục Tổ Đàn Kinh, khi đang ở trong phòng phương trượng của ngũ tổ Hoằng Nhẫn, nghe hoà thượng giảng Kinh Kim Cang, tâm của ngài lúc đó là gì? Lý nhất tâm, chân tâm, không phải vọng tâm, ngài không dùng a lại da. Bởi ngài đã thực sự không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Nên khi đọc Kinh Kim Cang, ta biết hoà thượng đã giảng đoạn nào cho ngài? Một phần tư, không nhiều lắm, một phần bốn, đến chỗ: “ưng vô sở trụ nhi sinh kì tâm”, lúc đó ngài hoát nhiên đại ngộ, dựa vào cái gì? Dựa vào lí nhất tâm bất loạn

 Nếu lúc gần mất, dùng lí nhất tâm bất loạn để niệm một danh hiệu Phật, người đó chắc chắn sẽ thượng phẩm thượng sinh. Dùng tâm không giống nhau, đấy không phải Đức Phật thường nói: “tất cả pháp đều từ tâm tưởng sanh” ư? Khác nhau cách dụng tâm. Lí nhất tâm có ba phẩm thượng, trung, hạ. Sự nhất tâm cũng có ba phẩm thượng, trung và hạ, đều là nhất tâm, nhưng phẩm vị không giống nhau, quả báo cũng khác nhau.

 Tóm lại, trong cách hiểu của chúng ta, khi dùng lí nhất tâm sẽ bị hạn chế thấp nhất, vị thứ thấp nhất là Bồ Tát Bát Địa. Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, trong năm vị thứ đó, bốn Bồ Tát có vị thứ cao nhất, sau cùng đó là Phật. thông đạt thấu triệt đối với thực tướng tất cả pháp, không còn chút chướng ngại nào.

 Bởi thế, ta nên tu tập như thế nào trong sinh hoạt hàng ngày? Tu những gì? Các bậc cổ đức cho chúng ta biết: “không sợ niệm khởi mà chỉ sợ giác chậm”, đấy là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất. “Niệm khởi” là gì? Niệm khởi là phàm phu, quý vị đã khởi tâm động niệm, hoặc có ưa thích, hoặc giận dữ, trong lòng có những gì? Thất tình ngũ dục, tập khí phiền não. Những thứ đó vừa nổi lên ta cảnh giác ngay những sai lầm, đấy gọi là “không sợ niệm khởi”. Vì bạn đã giác ngộ rồi, sau khi giác ngộ, lập tức cải sửa nó, như thế gọi là tu hành.

 Người niệm Phật điều chỉnh như thế nào? Đổi nó thành câu A Di Đà Phật, như thế gọi là biết niệm Phật. Người không biết niệm Phật, suốt ngày cứ A Di Đà Phật, A Di Đà Phật nhưng vẫn suy nghĩ lung tung, không có chút lợi ích nào. Người biết niệm Phật, trong mỗi niệm, họ chế phục được một thứ phiền não, san bằng tất cả những tập khí phiền não. Cảnh giới của họ được nâng cao lên rất nhiều, như thế mới gọi là biết niệm. Đặc biệt tu tập trong công việc và với mọi người là nhanh nhất, là nơi rèn luyện nhanh nhất.

 Con người như thế nào? Có người thích, trong ý thích đó có tham luyến, chiếm đoạt, ta nên gọt dũa nó đi, đây không phải là những yếu tố tốt. Có kẻ không ưa, không ưa, ghét bỏ, đó cũng là một sai lầm, ta cũng phải gọt dũa, mài bằng, tâm bình đẳng liền có mặt.

 Bởi thế nội dung năm chữ trên đề kinh rất hay, ta tu những gì? Chính là tu thanh tịnh bình đẳng giác, dùng phương pháp nào? Tịnh Tông là một câu A Di Đà Phật, một câu A Di Đà Phật. Trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta tu thanh tịnh bình đẳng giác. Trong công việc sanh ra thanh tịnh bình đẳng giác. Trong đối xử với mọi người, ứng xử với sự vật sanh thanh tịnh bình đẳng giác. Đối xử với ai cũng hoà nhã, dễ chịu, như Phật Bồ Tát vậy, Phật Bồ Tát có xem ai là kẻ thù không? Không, ai cũng như bản thân mình, đó mới là Phật, tại sao? Bản thân ta với cõi hư không khắp pháp giới là nhất thể.

 Hoàn Nguyên Quán nói: Một tự tánh thanh tịnh viên minh thể, vũ trụ cũng phát hiện từ đây, vạn vật cũng từ đấy mà ra, ta cũng từ đấy mà ra, nhất thể! Nhất thể chỉ có tương thân tương ái, làm gì có oán đối trong nhất thể. Đối với những gì mình yêu thích, phải chăng tâm mình rất yêu thích, hay là ghét bỏ, căm hận nó. Liệu có chuyện đó không, tất nhiên là không, với tất cả chúng sinh trong thiện đạo hay ác đạo, với chư thiên, quỉ đói, địa ngục, súc sinh, tất cả đều giống như đối xử giống như rột gan bảo bối của mình vậy. Chấp nhận việc đối xử không tốt của người khác nhưng không cho phép mình đối xử không tốt với người khác.

 Tại sao? Vì họ đang mê, ta đang ngộ, nếu mê vậy ta giống như họ ư. Hiện tại ta đang ngộ, nên ta không giống họ, ta phải giống Phật Bồ Tát mới được, không thể ngang bằng với người phàm. Mỗi ngày chúng ta đều tụng kinh, niệm Phật, mỗi ngày đều lễ bái Phật A Di Đà, Bồ Tát Quan Âm, Bồ Tát Đại Thế Chí, bạn có bao giờ nghĩ đến những thứ này chưa? Nếu chưa nghĩ thì việc ta tụng kinh lễ bái hằng ngày coi như uổng phí. Ta không biết Phật A Di Đà, Bồ Tát Quan Âm, Bồ Tát Đại Thế chí dạy ta những gì, như thế là mê tín, xã hội cho những người học Phật như chúng ta là mê tín, chúng ta có thừa nhận điều đó chăng? Không thể không thừa nhận, thực sự chúng ta đang mê tín, nếu bạn chia xẻ những vấn đề đó với họ, họ sẽ hiểu ra ngay, đó mới là không mê tín, việc này rất hữu ích.

 Thầy Phương Đông Mỹ nói rất đúng, học Phật là phương thức hưởng thụ cao nhất của cuộc đời, hưởng thụ cao nhất ở điểm nào? Quý vị đã cảm nhận được chăng? Nếu thực sự đã cảm nhận được thì quý vị phải cảm ơn thầy giáo, biết ơn, báo ơn. Biết ơn mới có thể trả ân, nếu không biết ơn thì tâm báo ân không thể phát sinh được.

 Chúng ta cứ ngẫm nghĩ, ngày xưa nếu thầy giáo không dạy mình như vậy, sao chúng ta đi được trên con đường này, con đường chúng ta đã trải qua 60 năm. Trong hoàn cảnh hiện tại, trong cục diện của thế giới ngày nay mà chúng ta vẫn cảm nhận được niềm vui, mỗi ngày vẫn hoan hỉ, đó là một chuyện rất khó!

 Chúng tôi đã gặp rất nhiều người đảm nhận những chức vụ lớn như tổng thống, thủ tướng. Tôi quen biết cũng khá nhiều, đã gặp những triệu phú nắm trong tay vô vàn tiền của, nhưng tôi không thấy ai có được niềm vui lớn lao như chúng ta. Bởi thế những lúc hội ngộ, họ thường thắc mắc, sao lúc nào con cũng thấy thầy vui vẻ? Họ đã hỏi tôi như thế, hỏi thăm tại sao tôi ít bệnh tật như thế? Sao lúc nào cũng thấy vui? Tôi nói học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người. Họ không biết Phật là ai.

 Câu nói của thầy Phương Đông Mỹ đã bao quát tất cả những ưu điểm của việc học Phật, học Phật là hưởng thụ cao nhất của cuộc đời, học Phật là niềm vui lớn nhất trong cuộc đời. Học Phật ta được trí tuệ chân thực, mang lại lợi ích đích thực. Đây là những gì Kinh Vô Lượng Thọ đã nói, thực sự chứ không phải viển vông, nên phải nỗ lực học tấp mới được. Nếu không nỗ lực học tập thì không thể cảm nhận được, thực sự học tập mới cảm nhận hết.

 Chúng ta xem hàng thứ hai từ dưới lên, trang 570, chúng ta xem họ viết những gì, “Dĩ chí đắc như thị đại bi tự tại chi vị” (Vì được địa vị tự tại, đại bi như vậy), như thế nên gọi là Bồ Tát Đại Thế Chí. Tất cả những gì chúng ta nói đều không ra ngoài hai chữ “như thị”, đại từ đại bi, tự tại vô ngại, “vì thế nên có tên đó”, nghĩa là, vì thế nên xưng ngài là Đại Thế Chí.

 “Lại Quán kinh nói trên đỉnh đầu Bồ Tát có một bình quí đựng các thứ ánh sáng, hiện ra các Phật sự. Những thân tướng khác, như Quan Thế Âm... cũng không khác”. Hình dáng hai vị Bồ tát hoàn toàn giống nhau, chỉ khác nhau ở dấu hiệu trên hai chiếc mũ.

 Trên đỉnh đầu Bồ Tát Quan Âm có một vị Phật, trên chiếc mũ có tượng Phật A Di Đà, đó là hình tượng chúng ta thường nặn, tượng Phật A Di Đà được dán vào, tượng đứng. Trên đỉnh đầu Bồ Tát Đại Thế Chí là một chiếc bình quí, trong chiếc bình đó đựng những gì? Trí tuệ, tượng trưng cho trí tuệ, trí tuệ là ánh sáng, chiếu ra những việc Phật.

 Quí vị cần phải biết, việc Phật ở đây là giáo dục, Phật Bồ Tát không làm những việc gì khác, suốt đời Phật Thích Ca Mâu Ni, dạy học 49 năm chưa lúc nào ngưng nghỉ. Bởi thế sự nghiệp của chư Phật là giáo hoá chúng sinh, không kể người nhiều hay ít, mỗi ngày đều dạy, bản thân còn làm tấm gương cho mọi người, không làm gương sẽ không ai tin.

 Trước đây, Hàn quán trưởng qua đời, một số người muốn lấy tài sản, chúng tôi liền đưa hết cho họ. Tài sản của chúng tôi ở nước ngoài, có người muốn sở hữu, chúng tôi đã đưa hết cho họ. Tài sản của chúng tôi ở Singapore, cũng đưa cho những người ở đó. Chúng tôi chưa trở thành công dân Singapore, chỉ khi là công dân Singapore mới được mua đất được. Không phải công dân thì chỉ mua được nhà chung cư, chỉ được như thế, không thể có đất.

 Học hội Tịnh Tông ở Singapore là do chúng tôi bỏ tiền mua, giá trị lúc bấy giờ lên đến gần 1000 vạn USD. Chúng tôi cũng đưa luôn quyền sở hữu tài sản cho hững người bạn đồng tu ở học hội Tịnh Tông Singapore, họ là những người bản xứ. Đã bầu ra một hội có tính chất quản lí ũy viên, do họ đứng ra tiếp quản, chủ quyền thuộc về những người này. Khi ra đi, chúng tôi đã tặng tất cả lại cho họ, chúng tôi rất vui vẻ, đến đâu cũng bố thí, đến đâu cũng xả bỏ, rất thoải mái.

 Đến Australia, bấy giờ là học viện Tịnh Tông, lớn gấp mấy đạo tràng ở Singapore. Diện tích đạo tràng ở Singapore chỉ 6000 mét vuông, sáu nghìn mét Anh. Tôi không biết chính xác diện tích đạo tràng ở Australia là bao nhiêu, nhưng theo dự đoán của tôi, độ khoảng hai ba nghìn mẫu Anh, một mẫu Anh là 4 vạn mét, chúng tôi dùng chừng đó diện tích đất để làm gì? Canh tác, nghe đâu lương thực sẽ trở thành một vấn nạn, một số thực phẩm không được an toàn, không vệ sinh, bây giờ phải làm sao? Tự mình canh tác.

 Bản thân chúng tôi không giỏi trồng trọt, nhưng cũng đã có cách. Chúng tôi nhờ nông dân đến cày cấy, trồng tỉa, chúng tôi trả công họ mỗi ngày, họ làm mỗi ngày mấy tiếng đồng hồ, chúng tôi sẽ trả công, bởi thế họ rất vui.

 Mùa thu hoạch đầu tiên, đó là mùa Xuân năm nay. Lúc đó tôi đang ở Australia, thóc chúng tôi gặt hái được, mùa đầu tiên là thóc, thu được 1 vạn 3000 kg, năm nay là năm đầu. Năm nay chúng tôi trồng tiểu mạch, lúa nước, khoai tây, khoai lang, lạc, tất cả những thứ này có thể cung cấp đầy đủ lượng thực phẩm, bởi thế chúng tôi tự tay canh tác.

 Qui mô vườn rau của chúng tôi khá lớn, đã trồng tỉa hơn mười hai năm, mỗi lần có pháp hội, có thể cung cấp cho một ngìn người ăn. Có tất cả hơn ba mươi giống rau củ quả khác nhau, những năm được mùa, chúng tôi có thể tự cung tự cấp. Hi vọng những năm tới, sẽ nhờ được nông dân trồng tỉa thay, chúng tôi sẽ học cách làm của họ, sau đó chúng tôi sẽ tự canh tác.

 Đây là phương thức, như chủ trương của đại sư Bách Trượng: “Một ngày không làm, một ngày không ăn”, chúng tôi tự làm tự ăn. Bởi vì việc làm không trở ngại việc niệm Phật, vừa làm việc vừa niệm Phật, nông trường như một đạo tràng lớn, bạn thấy ý nghĩa chăng. Những nông sản thu hoạch được đều nhờ sức gia trì của Phật A Di Đà, rất tuyệt!

 Những nông dân làm bên cạnh rất hâm mộ khi thấy chúng tôi sản xuất, không biết vì sao cây cối chúng tôi mọc được tươi tốt thế? Đó là do chúng tôi được danh hiệu Phật gia trì, chúng tôi không dùng thuốc bảo vệ thực vật, không dùng chất kích thích, quý vị rất yên tâm khi sử dụng.

 Bởi thế ánh sáng trí tuệ chiếu soi tất cả những việc Phật, tất cả những việc làm ngày nay của chúng ta đều là Phật sự, không gì là không phải việc Phật. Hi vọng cách làm này của chúng ta sẽ thành công để có thể giúp đỡ những nông dân bản xứ, khuyến cáo họ đừng dùng thuốc bảo vệ thực vật, đừng dùng chất kích thích, cứ trồng tỉa theo phương pháp tự nhiên.

 Mấy năm gần đây, người dân bản xứ đã ảnh hưởng cách trồng tỉa chúng tôi, họ đã đến tham quan và rất hâm mộ. Sao các thầy lại làm hay thế, không chất kích thích, không thuốc bảo vệ thực vật. Chúng tôi đặt máy niệm Phật, niệm Phật A Di Đà 24/24 giờ trong vườn rau. Khi họ đến tham quan, đây là thứ âm nhạc du dương nhất, tất cả cây cối đều muốn nghe, bởi thế chúng tôi đã tặng máy niệm Phật, họ có thể đặt máy niệm Phật trong vườn nhà mình.

 Chủng loại của Phật sự có nghìn sai muôn biệt, không phải cứ ngồi niệm Phật trong đạo tràng mới gọi là Phật sự, giảng kinh trong giảng đường mới gọi là Phật sự, không phải. Tất cả những hoạt động trong cuộc sống đều là Phật sự, giúp ta giác ngộ, giúp chúng sinh giác ngộ.

 Chúng ta tiếp tục xem đoạn cuối: “Thử nhị Bồ Tát, ư Ta Bà giới, tu Bồ Tát hạnh, vãng sanh bỉ quốc, thường tại A Di Đà Phật tả hữu. Dục chí thập phương, vô lượng Phật sở, tùy tâm tắc đáo, hiện cư thử giới, tác đại lợi lạc. Thế gian thiện nam tử thiện nữ nhơn, nhược hữu cấp nạn khủng bố, đãn tự quy mạng, Quán Thế Âm Bồ Tát, vô bất đắc giải thoát giả”. (Hai vị Bồ tát này tu hạnh Bồ Tát nơi cõi Ta Bà, khi vãng sinh qua nước đó, thường đứng hai bên Phật A Di Đà. Muốn đến nước Phật trong mười phương, muốn đi là đến. Hiện nay đang ở thế giới này để làm những điều lợi lạc lớn, những thiện nam tử hay thiện nữ nhân, nếu có những chuyện sợ hãi, tai nạn nguy cấp, chỉ cần qui mạng Bồ Tát Quan Thế Âm thì ai ai cũng được giải thoát).

 Đây là đoạn kinh rất quan trọng với thời đại ngày nay. Niệm lão đã chú giải như sau: “Hai vị Bồ tát này đều ở thế giới Ta bà”, nghĩa là thế giới ta đang sống đây, đây là thế giới Phật Thích Ca Mâu Ni giáo hoá, phạm vi khá rộng, thế giới Ta Bà rộng bao nhiêu? Một thế giới Tam thiên đại thiên.

 Niệm Lão cho chúng ta biết, trong kinh Phật nói một đơn vị thế giới, là một hệ ngân hà như cách nói của chúng ta ngày nay. Một hệ ngân hà là một đơn vị thế giới, một nghìn đơn vị thế giới là một tiểu thiên thế giới, một nghìn tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới, một nghìn trung thiên thế giới là một đại thiên thế giới, là thế giới Ta bà. Hệ ngân hà bằng 1000 nhân 1000 lại nhân 1000, thế giới Ta Bà có bao nhiêu hệ ngân hà? Mười ức hệ ngân hà, đó là khu vực giáo hóa của Phật Thích Ca Mâu Ni, đấy là khu vực dạy học của ngài hiện nay. Quả đất chúng ta là một trong những mười ức hệ ngân hà đó, chẳng khác gì một đảo nhỏ, là một đảo cực kì nhỏ.

 Phạm vi Phật giáo hoá lớn như thế đấy, quốc độ chư Phật cũng thế, mỗi quốc độ Phật, ít nhất có đến mười ức hệ ngân hà. Có nhữung quốc độ còn lớn hơn thế, đấy là những điều kinh điển đã mô tả. Một số khu vực giáo hóa của các đức Phật có đến hai đại thiên thế giới, ba đại thiên thế giới, năm đại thiên thế giới, thậm chí mười mấy đại thiên thế giới. Nguyện mỗi đức Phật nơi thế giới đó không giống nhau.

 Quốc độ Phật A Di Đà rất rộng lớn, có thể nói như cõi hư không khắp pháp giới, chỗ nào cũng là quốc độ, chúng ta không thể nhìn thấy hết, không thể thấy hết là gì? Tầng không gian không giống nhau. Ví dụ trong nhiều Tôn giáo thường nói đến mối quan hệ giữa người và ma, người ở chung với ma, cùng ở với nhau. Nhưng người không thấy ma, quỉ cũng không thấy người, đôi lúc còn ở chung phòng, tầng không gian không giống nhau.

 Cực Lạc là thế giới có tầng không gian cao nhất, họ có thể thấy chúng ta nhưng chúng ta không thấy họ, vấn đề này chúng ta đã từng đề cập. Thiên nhãn, thiên nhĩ của Bồ tát ở thế giới Cực lạc có thể nhìn thấu triệt chúng sinh trong các quốc độ hư không khắp pháp giới. Họ thấy rõ hết nghe thấy hết, hiểu những khởi tâm, động niệm của mọi người.

 Hai vị Bồ Tát này đều ở thế giới Ta Bà, giúp Phật Thích Ca Mâu Ni hành đạo Bồ Tát. Hành có nghĩa thúc đẩy, thúc đẩy hành động. Đạo Bồ Tát là Thập thiện, lục hoà, lục ba la mật, thập nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền. Hai vị Bồ Tát này giúp đỡ Phật Thích Ca Mâu Ni, thúc đẩy việc giáo hoá chúng sinh trong thế giới này được vãng sanh thế giới Cực Lạc. Hai vị Bồ tát này đều là người của thế giới Cực Lạc, họ giúp đỡ Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc.

 Phần trước chúng ta đã học, hai vị đều là những người đã thành Phật từ kiếp rất lâu xa, họ là những người có nhân duyên đặc biệt với thế giới Cực Lạc và thế giới Ta Bà. Bởi thế, khi Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật, Phật A Di Đà thành Phật, họ bèn chèo thuyền từ quay trở lại, giúp đỡ Phật Di Đà dưới thân phận một Bồ Tát. Giúp đỡ Phật Thích Ca Mâu Ni, đốc thúc việc giáo dục của đạo Phật, thúc đẩy nền giáo dục Đại Thừa

 “Làm tấm gương cho nhân dân trong mười phương”, làm gương mẫu, làm tấm gương tốt, biểu diễn ra, để tất cả mọi người trong thế gian học tập Bồ Tát, học tính từ bi nơi Bồ Tát, học trí tuệ nơi Bồ Tát.

 Nhân duyên chúng ta ngày nay rất thù thắng, gặp được một cuốn sách hay như thế này, đây được coi là một dịp may. Vì đây là tập đại thành của năm loại nguyên bản dịch, có thể nói bản chú giải này là tập đại thành được các đại đức tổ sư xưa nay chú giải. Khi chú giải kinh này, Hoàng Niệm Tổ đều nghĩ đến, thật khó được, chúng ta đều không nghĩ đến. Tất cả đều là tăng thượng duyên, tăng thượng duyên gì? Tăng thượng duyên trong cuộc đại cách mạng văn hoá, rất khó được! Tôi tin, nếu không có cuộc đại cách mạng văn hoá, Niệm Lão chắc sẽ không nghĩ đến việc này.

 Nhất định là trước đây, khi nghe Hạ Liên Cư giảng kinh, ông viết rất nhiều bút kí, nếu sắp xếp tất cả những thứ đó, có thể sẽ được một bản chú giải khác chứ không phải bản chú giải như hiện tại. Tất cả những tư liệu đó của ông đều biến mất trong cuộc đại cách mạng văn hoá, bị đốt sạch.

 Bộ chú giải này được thực hiện dưới mệnh lệnh của thầy giáo, nếu không thực hiện, làm sao nhìn được mặt thầy. Nhưng thực hiện, sẽ thực hiện ra sao, bởi thế ông nghĩ ra cách này, thật tuyệt vời! Toàn là kinh điển được các đại đức tổ sư xưa nay nói ra, nếu có ai chất vấn, không phải như thế, đây là những lời của Bành Tế Thanh , kia là lời của đại sư nào đó nói, không phải tôi nói, thật cao minh! Ông hội tập chú giải tập đại thành của những lời chú giải xưa nay, mỗi câu chữ trong đó đều có người chịu trách nhiệm, thật là trí tuệ. Đây chính là trí tuệ của Bồ Tát Đại Thế Chí, từ bi của Bồ Tát Quan Thế Âm, đây là điều chưa ai nghĩ đến!

 Ngày nay chúng ta đọc những trang sách này là đọc những lời của rất nhiều các bậc cổ kim trong ngoài. Những người ngoại quốc này có rất nhiều người Nhật Bản, những đại đức cao tăng Nhật Bản, Hàn Quốc đã chú giải kinh Vô Lượng Thọ. Nên chúng ta đã được tiếp xúc với tất cả những lời chú giải của các đại đức tổ sư xưa nay, cứ như chúng ta đang ngồi nghe những vị ấy nói pháp, câu kinh này tôi có ý kiến như thế này, ý kiến tôi thế kia, chúng ta được nghe tất cả.

 Về vấn đề này, thực sự chúng ta phải kính phục cư sĩ Hoàng Niệm Lão, ông đã dùng thủ pháp đó để chú giải bộ kinh này, như những gì thầy giáo của ông đã làm, thầy giáo làm bản hội tập, ông cũng làm chú giải bant hội tập. Bởi thế, khi đọc cuốn này là chúng ta đã đọc năm loại nguyên bản dịch, đọc bản chú giải này là chúng ta đã đọc những lời chú giải về kinh Vô Lượng Thọ của các đại đức tổ sư trong và ngoài nước xưa nay. Chúng ta được tiếp xúc với tất cả, nghe được tất cả, đây là một bộ sách không thể nghĩ bàn.

 Bởi thế, “Bồ Tát làm gương cho tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới”, làm gương thế nào? Cầu sanh Tịnh độ. Quí vị xem, nguyện khắp chúng sinh, cầu sanh Tịnh Độ, tại sao? Khi sanh về Tịnh Độ, vấn đề gì cũng được giải quyết, bảo đảm bạn sẽ thành Phật ngay trong kiếp này.

 “Hiện ở thế giới này”, hai vị Bồ tát này, hiện nay đang ở thế giới Ta Bà. “Thế giới ở đây là thế giới Ta Bà, là bởi có nhân duyên sâu sắc với các chúng sinh ở quốc độ này”. Những chúng sinh ở thế giới chúng ta đang sống ở đây rất yêu quí Bồ Tát Quan Âm, Thế Chí, nhất là Bồ Tát Quan Âm. Những người biết được tên tuổi, ngài phải xếp hàng đầu, nhà nào ở Trung Quốc cũng Phật A Di Đà, cũng Bồ Tát Quan Thế Âm. Không ai trong xã hội Trung Quốc không biết Di Đà, Quan Âm. Những người tu Tịnh Tông còn biết thêm Đại Thế Chí, không phải người tu Tịnh tông không biết có Bồ tát Đại Thế Chí, nhưng biết có Bồ Tát Quan Thế Âm.

 Bởi thế, ở thế gian này, làm những việc lợi lạc lớn, lợi lạc lớn được đề cập sau đây: “Nhiếp thọ tất cả những chúng sinh niệm Phật, khiến họ xa rời tam đồ, được sức vô thượng, cùng sinh Cực Lạc”. Lợi lạc lớn là như thế, đối tượng đặc biệt đó là những chúng sinh niệm Phật. Chuyên tu, chuyên hoằng Tịnh Độ, chắc chắn sẽ được Phật Di Đà gia trì, Quan Âm, Thế Chí gia trì. Chỉ cần bạn thực sự phát tâm thì khó khăn nào cũng sẽ vượt qua, nhất là lòng từ bi của Bồ Tát Quan Thế Âm.

 Đoạn cuối: “Nếu có tai nạn sợ hãi”, chỉ cần: “Qui mạng Bồ Tát Quan Thế Âm” thì không ai không thoát khỏi tai nạn. Ở đây chỉ lấy một thí dụ trong ba mươi hai ứng thân của “phẩm Phổ Môn”. Trong lịch sử, những trường hợp gặp phải tai nạn, cầu Bồ Tát Quan Thế Âm, tất cả đều được cảm ứng, những trường hợp này đều được ghi chép rất cụ thể.

 Ngày nay, tai nạn luôn rình rập nơi quả đất chúng ta đang sống, rất nhiều người đến hỏi, nếu tai nạn xảy đến, chúng tôi sẽ ứng phó như thế nào? Căn bản của khái niệm này đó là, khi tai nạn xảy đến, chúng ta nên giữ tâm lí ổn định để ứng phó, đừng kinh sợ, đừng nên hoảng loạn. Vì khi hoảng loạn, run sợ, tuy tai nạn chưa đến mà bạn đã chịu nạn trước rồi. Như chứng ung thư, người thực chết vì căn bệnh này chưa bao nhiêu, đa phần là chết do lo sợ chứng bệnh này, tôi đã chứng kiến độ không dưới 90% là do khiếp sợ, tai nạn chưa đến mà bạn đã chết vì sợ hãi, bạn có oan uổng không!

 Ứng phó thế nào khi nó đến? Ở đây không phải đã dạy chúng ta rồi ư? Phật Thích Ca Mâu Ni bảo ta nên niệm Bồ Tát Quan Thế Âm, Bồ Tát Quan Thế Âm sẽ đến cứu ta ngay, là thật. Nếu niệm một cách chân thành thì chắc chắn sẽ cảm ứng. Tại sao Bồ Tát Quan Thế Âm có thể hoá giải được tai nạn, quý vị có nghĩ ra vấn đề này chăng? Bồ Tát Quan Thế Âm dùng cách nào để hoá giải tai nạn? Dựa vào đức từ bi do ngài tu từ vô lượng kiếp đến nay, sức mạnh đó rất vĩ đại! Đức từ bi do Bồ Tát Quan Thế Âm tu tập được, chắc chắn vượt qua cả bốn mươi tám lời nguyện trong năm kiếp tu hành của Phật A Di Đà. Bốn mươi tám lời nguyện có thể thành tựu qua năm kiếp tu hành, chẳng lẽ từ bi của Bồ Tát Quan Thế Âm không thể cứu giúp được tai nạn, làm gì có chuyện đó!

 Khi cầu Bồ Tát Quan Thế Âm, chúng ta nên khơi gợi lòng từ bi của mình để nó giống với tâm, tương đồng với nguyện của Bồ Tát Quan Thế Âm, có như thế thì hiệu quả mới đến một cách nhanh chóng. Khi cầu sanh thế giới Cực Lạc, chúng ta cũng thực hiện y như vậy. Ta phải có tâm tương đồng, nguyện tương đồng, đức tương đồng, hạnh tương đồng với Phật A Di Đà, vậy thì không đi không được. Vì sao? Chúng ta chỉ tương ưng với thế giới Cực Lạc, không tương ưng với các thế giới khác. Bởi thế khi hiểu được điều này, thì chúng ta nhận thức được vấn đề đó không phải là viển vông, lúc đó chúng ta mới thực sự có lòng tin. Nếu không có lòng tin, hồ nghi, thì Phật Bồ Tát cũng chịu.

 Nghi ngờ là gì? Nghi ngờ sẽ phá nát hết lòng tin, lòng tin kiên cố, khi lòng tin kiên cố thì ta mới có sức khoẻ, môi trường xung quanh chúng ta mới không xáo trộn, không xảy ra những tai nạn, tại sao? Quả đất đã vững chắc, trái đất vững chắc thì sẽ không có lũ lụt, hạn hán xảy ra, quả đất kiên cố thì không thể xảy ra động đất. Nhưng sẽ rất rắc rối nếu hồ nghi, không tin tức là hồ nghi. Khi hồ nghi thì hệ thống miễn dịch trong cơ thể chúng ta yếu đi, khi bị nhiễm bệnh thì cơ thể không có khả năng kháng cự, bạn sẽ đổ bệnh, đó là do bạn thiếu đức tin. Khi đức tin đã không có thì núi sông rừng bể sẽ nhũn ra, không còn kiên cố nữa, núi sụp, đất lún, những cảnh tượng như thế sẽ xảy ra, những hiện tượng như thế ngày nay rất nhiều.

 Những điều Phật dạy cho chúng ta không phải mê tín, tai nạn về nước từ đâu mà có? Do tham lam, tâm tham lam sẽ dẫn đến những tai nạn về nước. Tâm sân hận sẽ kéo theo những tai nạn về lửa, hạn hán thuộc về lửa, hiện tượng trái đất nóng lên cũng thuộc về lửa, nguyên nhân do đâu? Do sân hận, sự giận dữ của con người trong thế gian rất ghê gớm, nó sẽ cảm nhận tất cả những tai nạn này.

 Ngu si sẽ kéo theo những tai nạn về gió bão, kiêu mạn sẽ dẫn đến động đất. Chúng ta không muốn động đất, nên thế nào? Học tính khiêm cung, học cách cung kính, không nên ngạo mạn, những rắc rối kia sẽ được dập tắt ngay. Ngạo mạn là không chịu thua, khi chúng ta nên đối nhân xử thế với lòng bình đẳng thì chuyện động đất sẽ không bao giờ xảy ra, tất cả đều do hoài nghi.

 Chúng ta nên xây dựng đức tin, tin tưởng chính mình, tin tưởng tổ tiên, tin tưởng văn hoá truyền thống, tin tưởng kinh Phật, y giáo phụng hành, thì tai nạn sẽ không xảy ra. khi bạn không tin thì không còn cách giải quyết.

 Bởi thế có người hỏi tôi, tôi cũng đã nghĩ đến những chuyện này, tại sao lại xảy ra nhiều rắc rối như thế? Là bởi con người ngày nay đã coi nhẹ tâm lí, giới khoa học nghiêng về nghiên cứu vật lí. Vật lí có thể phát hiện vấn đề nhưng không thể giải quyết vấn đề, tâm lí vừa phát hiện lại vừa giải quyết vấn đề, mà lại phát hiện rất sâu sắc.

 Cũng may khoảng ba mươi năm trở lại đây, một số nhà khoa học lượng tử đã nghiên cứu tâm lí từ vật lí. Đây là một việc làm khá khó khăn nhưng lại mang đến những cống hiến rất to lớn. Chúng ta đã đọc những nghiên cứu của các nhà khoa học này, báo cáo khoa học của tiến sĩ Phổ Lãng Khắc, người Đức. Ông ta nói, tôi dành cả cuộc đời để nghiên cứu nguyên tử, nghiên cứu lượng tử, theo những gì ông đã tìm thấy, ông nói: Trên thế giới căn bản không tồn tại thứ gì gọi là hiện tượng vật chất. Vậy hiện tượng vật chất từ đâu mà có? Hiện tượng vật chất do hiện tượng tinh thần biến hiện ra, tinh thần là ý niệm, đó là nền tảng của hiện tượng vật chất.

 Những lời phát biểu của ông hoàn toàn tương đồng với những lời Phật đã dạy. Phật dạy, căn nguyên của vũ trụ, bắt đầu là một niệm bất giác, một niệm bất giác là hiện tượng chuyển động sóng, ngày nay khoa học gọi là năng lượng, năng lượng từ đâu mà có? Năng lượng có nguồn gốc từ bất giác, nghĩa là từ chuyển động dạng sóng, từ năng lượng sẽ sinh ra hiện tượng tinh thần. Sắc thọ tưởng hành thức, từ hiện tượng tinh thần biến thành hiện tượng vật chất, vì thế hiện tượng vật chất là do tinh thần biến hiện ra.

 Nghiệp tướng, chuyển tướng, cảnh giới tướng của A lại da. Nghiệp tướng là năng lượng, chuyển tướng là hiện tượng tinh thần, cảnh giới tướng là hiện tượng vật chất. Bởi thế nền tảng của vật chất là tinh thần, nền tảng của tinh thần là hiện tượng chuyển động dạng sóng, năng lượng, vậy năng lượng từ đâu mà ra? Năng lượng do tự tánh biến hiện, đây là những đóng góp rất lớn với chúng ta, nó khiến chúng ta không còn một chút hoài nghi về Phật pháp.

 Với đà phát triển của khoa học, tôi tin độ sau hai, ba mươi năm nữa, Phật giáo không còn là một tôn giáo nữa, Phật giáo lúc đó sẽ là gì? Một môn khoa học cao cấp, môn triết học cao cấp. Những vấn đề khoa học, triết học ngày nay không thể giải quyết được thì tất cả đã được đề cập trong kinh Phật. Không có biện pháp giải quyết những tai nạn trên quả đất thì trong kinh Phật đã nói, nếu bạn không tin thì không có cách nào, bạn phải tin tưởng thì vấn đề mới được giải quyết.

 Chúng ta tin tưởng, chúng ta sẽ dốc toàn tâm lực, chỉ giúp được chút ít, tại sao? Phần lớn mọi người không tin, ý niệm của một tập thể là rất mạnh, cá nhân chúng ta không thể cưỡng lại được, đây gọi là cộng nghiệp. Nếu tất cả mọi người đều tin Phật pháp, mọi người đều chuyển niệm thì vấn đề được giải quyết một cách dễ dàng

 Chúng ta có bao nhiêu dân số? Nhà khoa học đã cho chúng ta một con số, khiến chúng ta phấn chấn, vui vẻ. Số dự tính của họ, họ nói tổng nhân khẩu trên thế giới là 1% căn bậc hai, dùng cách này để tính. Tổng nhân khẩu trên toàn thế giới hiện tại độ khoảng sáu mươi lăm ức. Nếu 1% căn bậc hai tổng số nhân khẩu, chúng ta sẽ được con số độ hơn tám nghìn, chưa đến một vạn. Có tám nghìn người trên thế giới này thực sự giác ngộ, thực sự phản tỉnh, không hồ nghi. Như những gì Bố Lai Đăng người Mỹ nói: Bỏ ác làm lành, cải tà qui chánh, tâm niệm ngay thẳng thì những tai nạn trên quả đất này có thể được hoá giải.

 Ông ta cho rằng, những dự báo Maya về tai nạn tháng 12 sang năm có thể được hoá giải. Tìm đâu ra tám nghìn người? Những người có tín ngưỡng tôn giáo sẽ tin. Bởi thế việc đầu tiên chúng ta nghĩ đến là những đồng học trong học hội Tịnh tông, chúng ta phải phát tâm, mỗi ngày phải nghe kinh, không nghe kinh ta sẽ không hiểu được đạo lí, sẽ có những thắc mắc trong niềm tin của mình, đấy là một trở ngại rất lớn. Nghe kinh sẽ giúp bạn đoạn nghi sinh tín, “đức tin là mẹ của các thứ công đức”. Thành tựu hay không đều do tín tâm, có niềm tin ta sẽ thành công, mất niềm tin đồng nghĩa với thất bại. Tín tâm từ đâu mà có? Hiểu rõ được chân tướng sự thực thì tín tâm sẽ có mặt.

 Năm ngoái tôi đến thăm Vatican, chúng tôi có thời gian hai ngày để giao lưu với Hồng y đoàn. Tôi hi vọng Vatican sẽ khuyến cáo toàn thể giáo đồ của họ trên toàn thế giới nhất tâm, nhất ý cầu nguyện cho những tai nạn có thể xảy ra vào năm sau. Tín đồ của họ trên toàn thế giới của họ vượt qua con số mười ức, không khó để tìm tám nghìn người trong số mười ức, cứ để họ tự tìm.

 Những đồng học Tịnh tông chúng ta cũng nỗ lực, tuy nhân số chúng ta không đông, nhưng con số tám nghìn cũng không khó tìm, không thành vấn đề, phải thực sự phát tâm, quên mình vì người. Những lời phát biểu của các nhà khoa học, cách nói của họ khá giống với lời Phật dạy, rất giống, có thể tin được. Người học Phật nên bắt đầu học từ chính mình, không cầu cạnh người khác, cầu cạnh người khác là bạn đã nhầm, bất cứ thứ gì cũng bắt đầu từ bản thân mình.

 Đệ Tử Quy, bắt đầu thực hành từ chính mình, Thập Thiện Nghiệp cũng bắt đầu từ chính mình, Cảm Ứng Thiên cũng bắt đầu từ chính mình. Tam qui, ngũ giới, lục hoà, lục ba la mật, mười nguyện vương của bồ tát Phổ hiền đều bắt đầu từ chính mình. Ta nên khích lệ chính bản thân mình cố gắng áp dụng, người khác làm hay không không quan trọng, với người khác ta chỉ một mực cung kính, ta khiêm tốn cung kính người khác. Sau một thời gian nó sẽ thấm dần, bạn sẽ cảm hoá được người khác.

 Nếu khuyên người khác, nếu mình làm được mà khuyên người khác thì có thể chấp nhận. Còn khuyên người khác mà tự mình không thực hiện nổi thì người ta sẽ coi thường, phản đối, không tiếp nhận những lời khuyên của chúng ta, như thế ta đã thất bại hoàn toàn. Bởi thế ta nên sử dụng sức mình, sử dụng đạo đức chân chính trong tự tánh, dùng lực lượng đó để cảm hoá chúng sinh thì mới đạt được hiệu quả.

 Ngày trước ở Thang Trì chúng tôi đã tổ chức một lớp học thực nghiệm, tôi đã nói với một số thầy giáo về vấn đề này. Tôi lấy một thí dụ, từ xưa đến nay trên toàn thế giới, Đức Thế Tôn và Khổng tử là những người thành công nhất trong sự nghiệp dạy học, thành công nhất trong sự nghiệp dạy học, nhờ đâu mà các ngài thành công? Các ngài thực hiện tất cả những gì các ngài đã nói, các ngài không nói những điều mình không thực hiện được. Điều này khiến mọi người khâm phục và họ theo ngài để học tập, đây là vấn đề chúng ta không thể không tìm hiểu. Bản thân chúng ta không làm được, lại đi cầu cạnh người khác, đó là một sai lầm chết người.

 Thời gian không cho phép, bài học chúng ta dừng lại tại đây.